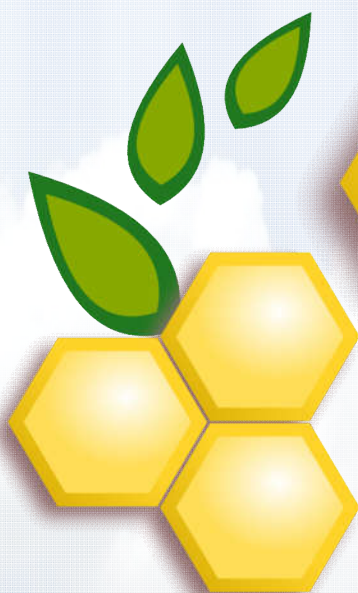




Sổ tay

Học văn – Văn học

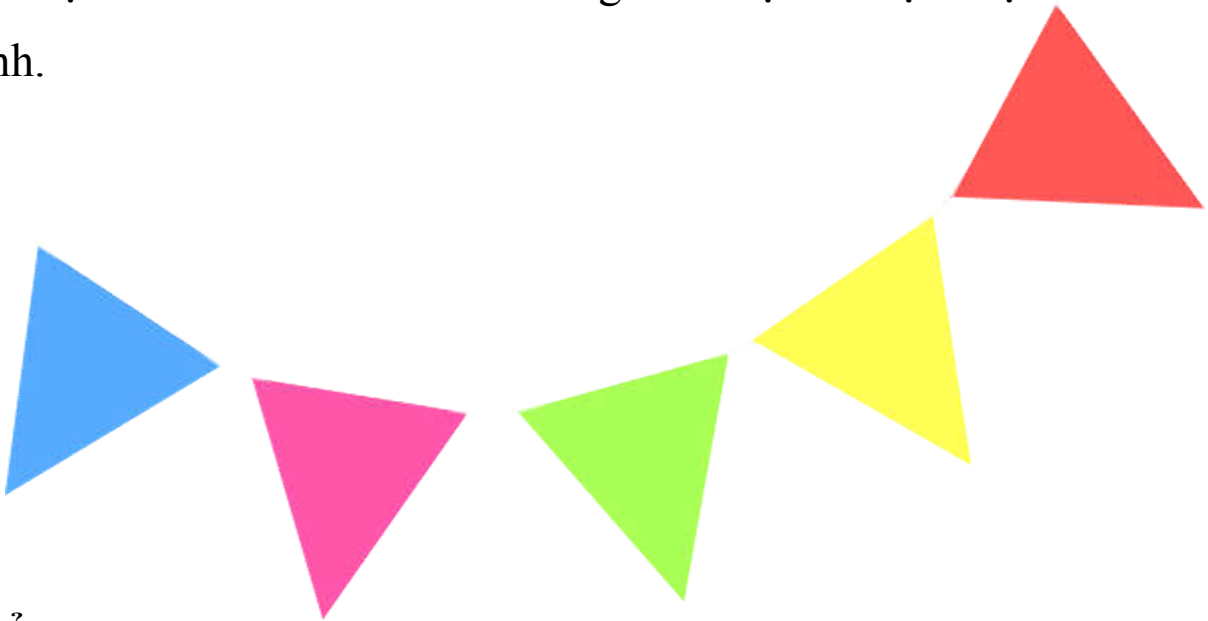




Sổ tay Học văn - văn học là tài liệu đặc biệt sinh động, hấp dẫn thu hút người học đồng thời rất đầy đủ chi tiết và dễ học.

Đây là kết quả của nhiều năm các admin sưu tầm và chia sẻ trên fanpage đồng thời được chỉnh sửa bổ sung nhiều nội dung mới nhất phục vụ năm học 2016 - 2017 và kỳ thi THPT Quốc gia 2017.

Page hy vọng sự đồng hành của page cùng những tài liệu hữu ích sẽ giúp các bạn có điểm số cao nhất trong năm học và đạt được ước mơ của mình.



Sản phẩm được thực hiện bởi:

Admin Trịnh Quỳnh

Địa chỉ fb cá nhân: <https://www.facebook.com/trinhquynhltv>

Admin Phùng Thị Tường Vy

Địa chỉ fb cá nhân: <https://www.facebook.com/Vyxurii1611>



PHẦN I:

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN





Học văn – văn học

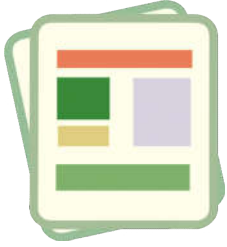
Làm thế nào để đạt được điểm tối đa phần đọc hiểu?

Điều này sẽ cực kỳ dễ dàng nếu có sự trợ giúp đặc lực của sơ đồ tư duy

Dưới đây là bảo bối giúp bạn bẻ khóa mọi câu hỏi đọc hiểu.

Bước 1: Xác định nội dung văn bản và lựa chọn hình ảnh trung tâm phù hợp

Ví dụ:



= Đọc hiểu văn bản

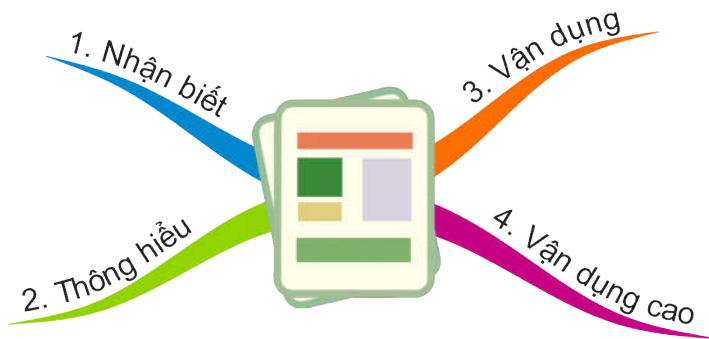


= Làm văn

Với hình ảnh trung tâm bạn ngay lập tức nắm được chủ đề hay nội dung của văn bản cần đọc hiểu. Trí não của bạn sẽ tưởng tượng và tập trung tư duy về vấn đề đó. Bạn sẽ có nhiều ý tưởng về vấn đề người hỏi đang đặt ra cho bạn. Rõ ràng hình ảnh giúp bạn tư duy nhanh hơn, hiệu quả hơn và sáng tạo hơn.

Bước 2: Xác định các cấp độ của câu hỏi.

Ví dụ:



Thông thường một đề đọc hiểu gồm có 4 câu hỏi ở 4 cấp độ khác nhau. Khi phân chia các cấp độ của câu hỏi, nếu là giáo viên có thể biết câu hỏi mình đặt ra đã đúng chuẩn chưa, còn nếu là học sinh có thể biết được cách trả lời tùy mức độ yêu cầu.

Nhận biết là câu hỏi cấp độ 1: chỉ cần học sinh đọc kỹ văn bản để nhận ra phong cách, phương thức biểu đạt hay nội dung chính của văn bản... câu hỏi cấp độ này chỉ cần trả lời thật ngắn gọn, đủ ý.

Thông hiểu là câu hỏi đòi hỏi bắt đầu tư duy và suy nghĩ để tìm câu trả lời, đôi khi câu trả lời ở ngay trong văn bản. Dạng câu hỏi thông hiểu thường là vì sao, ý nghĩa của, liệt kê các hình ảnh... học sinh không cần suy nghĩ quá sâu xa, không cần suy nghĩ ngoài văn bản.

Vận dụng là câu hỏi cấp độ 3 thường yêu cầu học sinh nhận định đánh giá vấn đề hoặc phân tích một phần văn bản. Câu hỏi này đòi hỏi học sinh có thái độ, quan điểm riêng của bản thân. Câu hỏi chưa đòi hỏi khả năng hành văn nhưng ý phải rõ ràng, mạch lạc.

Vận dụng cao là câu hỏi cấp độ 4 thường yêu cầu học sinh từ vấn đề đặt ra trong văn bản vận dụng vào giải quyết một tình huống thực tế. Bạn phải vận dụng kiến thức xã



Học văn – văn học

hội cộng với khả năng hành văn để viết đoạn ngắn sao cho thật xúc tích, các ý không trùng lặp.

Như vậy xác định được mục đích của câu hỏi ngay từ đầu sẽ giúp bạn trả lời đúng trọng tâm đúng yêu cầu của câu hỏi. Người xưa có câu, biết địch biết ta trăm trận trăm thắng.

Bước 3: Hình thành ý trả lời.

Đây là bước quan trọng nhất giúp bạn ăn điểm hoàn toàn. Thông thường, bạn hay bị sót ý khi trả lời các câu hỏi đọc hiểu, nhưng với sơ đồ tư duy các ý sẽ được phân chia và không bao giờ lặp nhau.

Để đi đến đáp án cuối cùng, bạn phải trải qua nhiều bước. Điều này tương ứng với các cấp độ của sơ đồ tư duy.

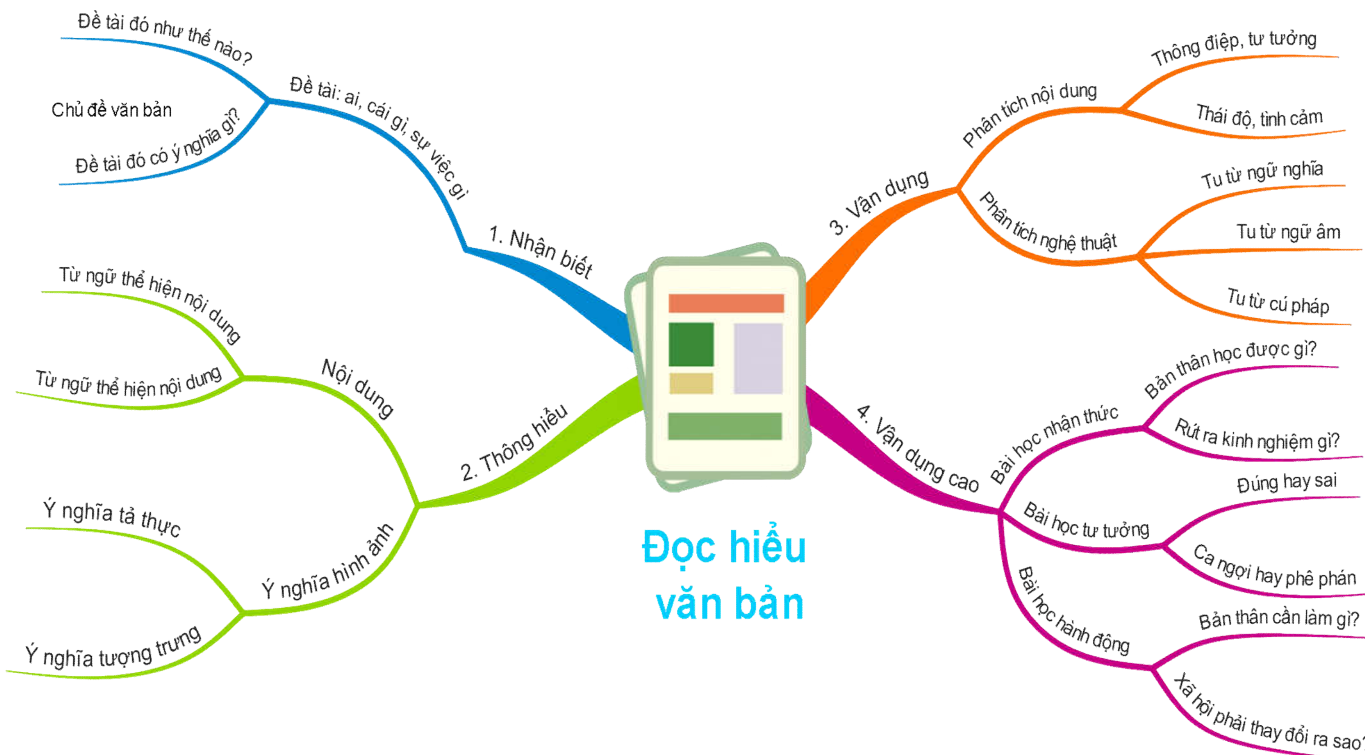
Ví dụ: để xác định được nội dung chính của văn bản (chủ đề của văn bản), trước tiên bạn phải xác định được đề tài của văn bản.

Xác định đề tài bạn trả lời cho câu hỏi: ai, cái gì, sự việc gì... (đề tài người lính, đề tài người nông dân, đề tài tình mẫu tử, đề tài về lòng yêu nước....)

Chủ đề là sự cụ thể hóa, là sự triển khai chi tiết đề tài ở trên. Để xác định chủ đề bạn trả lời cho câu hỏi: chủ đề trên ra sao, như thế nào, có ý nghĩa gì...

Hay khi chỉ ra ý nghĩa một hình ảnh nào đó, bạn phải phân ra nghĩa đen và nghĩa bóng từ đó thấy được thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm

Khi rút ra cảm nhận, suy nghĩ thực tế, bạn cần phân biệt rõ bài học về nhận thức, tư tưởng, hành động





Ý nghĩa của việc đọc hiểu văn bản bằng sơ đồ tư duy

- Nhận thức vấn đề bằng cả ngôn từ lẫn hình ảnh
- Tạo trường liên tưởng trong thực tế và phát huy các ý tưởng sáng tạo
- Xác định được mục tiêu câu hỏi, định hướng cách trả lời
- Sơ đồ nhiều cấp bậc, tiếp cận vấn đề từ dễ đến khó
- Hệ thống ý rõ ràng, đầy đủ dễ dàng thêm và bổ sung các ý.
- Phát triển tư duy mạch lạc, không lặp ý.
- Từ sơ đồ dễ dàng diễn đạt ý theo cách hành văn của bản thân.

Lưu ý khi làm đọc hiểu văn bản bằng sơ đồ tư duy.

- Thích hợp cho việc học tập tại nhà hoặc trên lớp
- Dễ dàng phác họa ý trên giấy nháp khi trong phòng thi
- Cần tạo thói quen tư duy giúp làm bài tốt khi đi thi
- Hiệu quả khi làm việc nhóm, các thành viên cùng nhận xét bổ sung
- Giữa 4 cấp độ tư duy có thể không có ranh giới rõ ràng, đôi khi để làm tốt vận dụng vẫn cần đến tư duy nhận biết, thông hiểu.



A/ ĐỊNH HƯỚNG CHUNG:



I/ Phạm vi và yêu cầu của phần đọc – hiểu trong kì thi THPTQG

1/ Phạm vi:

- Văn bản văn học (Văn bản nghệ thuật):
 - + Văn bản trong chương trình (Nghiêng nhiều về các văn bản đọc thêm)
 - + Văn bản ngoài chương trình (Các văn bản cùng loại với các văn bản được học trong chương trình).
- Văn bản nhật dụng (Loại văn bản có nội dung gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống trước mắt của con người và cộng đồng trong xã hội hiện đại như: Vấn đề chủ quyền biển đảo, thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền trẻ em, ma túy, ... Văn bản nhật dụng có thể dùng tất cả các thể loại cũng như các kiểu văn bản song có thể nghiêng nhiều về loại văn bản nghị luận và văn bản báo chí).
- Xoay quanh các vấn đề liên quan tới:
 - + Tác giả
 - + Nội dung và nghệ thuật của văn bản hoặc trong SGK hoặc ngoài SGK.
 - 50% lấy trong SGK (và 50% ngoài SGK).
- Dài vừa phải. Số lượng câu phức và câu đơn hợp lý. Không có nhiều từ địa phương, cân đối giữa nghĩa đen và nghĩa bóng.

2/ Yêu cầu cơ bản của phần đọc – hiểu

- Nhận biết về kiểu (loại), phương thức biểu đạt, cách sử dụng từ ngữ, câu văn, hình ảnh, các biện pháp tu từ,...
- Hiểu đặc điểm thể loại, phương thức biểu đạt, ý nghĩa của việc sử dụng từ ngữ, câu văn, hình ảnh, biện pháp tu từ.
- Hiểu nghĩa của một số từ trong văn bản
- Khái quát được nội dung cơ bản của văn bản, đoạn văn.
- Bày tỏ suy nghĩ bằng một đoạn văn ngắn.

II/ Những kiến thức cần có để thực hiện việc đọc – hiểu văn bản

1/ Kiến thức về từ:

- Nắm vững các loại từ cơ bản: Danh từ, động từ, tính từ, trợ từ, hư từ, thán từ, từ láy, từ ghép, từ thuần Việt, từ Hán Việt...
- Hiểu được các loại nghĩa của từ: Nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa gốc, nghĩa chuyển, nghĩa biểu niệm, nghĩa biểu thái...

2/ Kiến thức về câu:

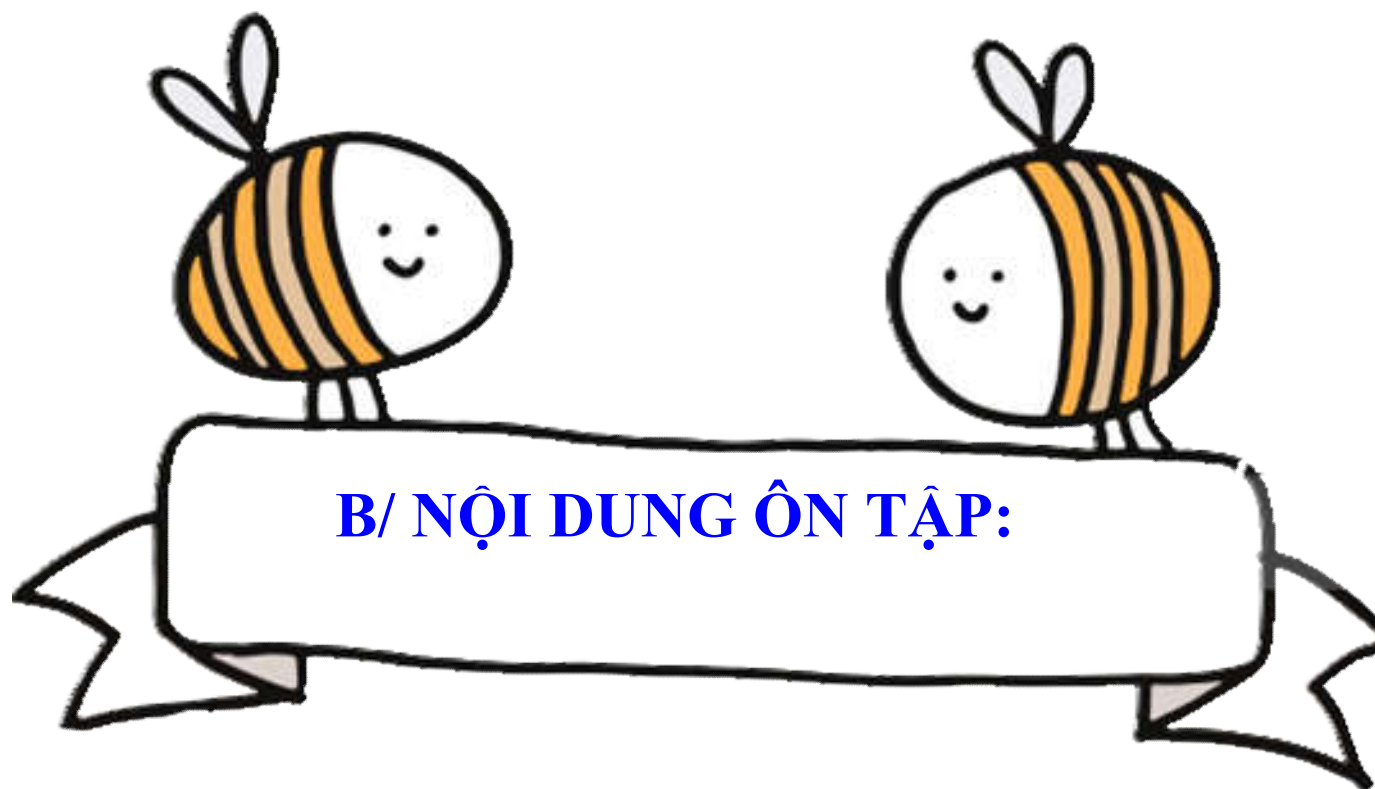
- Các loại câu phân loại theo cấu tạo ngữ pháp
- Các loại câu phân loại theo mục đích nói (trực tiếp, gián tiếp).
- Câu tỉnh lược, câu đặc biệt, câu khẳng định, câu phủ định,...

3/ Kiến thức về các biện pháp tu từ:

- Tu từ về ngữ âm: điệp âm, điệp vần, điệp thanh, tạo âm hưởng và nhịp điệu cho câu,...
- Tu từ về từ: So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, tương phản, chơi chữ, nói giảm, nói tránh, thậm xưng,...
- Tu từ về câu: Lặp cú pháp, liệt kê, chêm xen, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, đối, im lặng,...

4/ Kiến thức về văn bản:

- Các loại văn bản.
- Các phương thức biểu đạt .



B/ NỘI DUNG ÔN TẬP:



Phần 1: Lý thuyết:

I. Khái niệm và mục đích *đọc hiểu văn bản*:

a/ Khái niệm:

- Đọc là một hoạt động của con người, dùng mắt để nhận biết các kí hiệu và chữ viết, dùng trí óc để tư duy và lưu giữ những nội dung mà mình đã đọc và sử dụng bộ máy phát âm phát ra âm thanh nhằm truyền đạt đến người nghe.

- Hiểu là phát hiện và nắm vững mối liên hệ của sự vật, hiện tượng, đối tượng nào đó và ý nghĩa của mối quan hệ đó. Hiểu còn là sự bao quát hết nội dung và có thể vận dụng vào đời sống. Hiểu là phải trả lời được các câu hỏi Cái gì? Như thế nào? Làm thế nào?

➔ **Đọc hiểu là đọc kết hợp với sự hình thành năng lực giải thích, phân tích, khái quát, biện luận đúng- sai về logic, nghĩa là kết hợp với năng lực, tư duy và biểu đạt.**

b/ Mục đích:

Trong tác phẩm văn chương, đọc hiểu là phải thấy được:

- + Nội dung của văn bản.
- + Mối quan hệ ý nghĩa của văn bản do tác giả tổ chức và xây dựng.
- + Ý đồ, mục đích?
- + Thấy được tư tưởng của tác giả gửi gắm trong tác phẩm.
- + Giá trị đặc sắc của các yếu tố nghệ thuật.
- + Ý nghĩa của từ ngữ được dùng trong cấu trúc văn bản.
- + Thể loại của văn bản? Hình tượng nghệ thuật?

II, Phong cách chức năng ngôn ngữ:

Yêu cầu: - Nắm được có bao nhiêu loại?

- Khái niệm.
- Đặc trưng.
- Cách nhận biết.

1. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:

- **Khái niệm:** Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt là phong cách được dùng trong giao tiếp sinh hoạt hằng ngày, thuộc hoàn cảnh giao tiếp không mang tính nghi thức, dùng để thông tin, trao đổi ý nghĩ, tình cảm... đáp ứng những nhu cầu trong cuộc sống.

- Đặc trưng:

- + Giao tiếp mang tư cách cá nhân.
- + Nhằm trao đổi tư tưởng, tình cảm của mình với người thân, bạn bè, hàng xóm, đồng nghiệp.

- Nhận biết:

- + Gồm các dạng: Chuyện trò, nhật kí, thư từ.
- + Ngôn ngữ: Khẩu ngữ, bình dị, suồng sã, địa phương.

2. Phong cách ngôn ngữ khoa học:

- **Khái niệm:** Là phong cách được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học.

- + Là phong cách ngôn ngữ đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu.



- Đặc trưng

- + Chỉ tồn tại chủ yếu ở môi trường của những người làm khoa học.
- + Gồm các dạng: khoa học chuyên sâu; Khoa học giáo khoa; Khoa học phổ cập.
- + Có 3 đặc trưng cơ bản: (Thể hiện ở các phương tiện ngôn ngữ như từ ngữ, câu, đoạn văn, văn bản).
- a/ Tính khái quát, trừu tượng.
- b/ Tính lí trí, lô gíc.
- c/ Tính khách quan, phi cá thể.

3 . Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật:

- Khái niệm:

- + Là loại phong cách ngôn ngữ được dùng trong các văn bản thuộc lĩnh vực văn chương (Văn xuôi nghệ thuật, thơ, kịch).

- Đặc trưng:

- + Tính thẩm mĩ.
- + Tính đa nghĩa.
- + Thể hiện dấu ấn riêng của tác giả.

4 . Phong cách ngôn ngữ chính luận:

- **Khái niệm:** Là phong cách ngôn ngữ được dùng trong những văn bản trực tiếp bày tỏ tư tưởng, lập trường, thái độ với những vấn đề thiết thực, nóng bỏng của đời sống, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị, xã hội.

- **Mục đích:** Tuyên truyền, cổ động, giáo dục, thuyết phục người đọc, người nghe để có nhận thức và hành động đúng.

- Đặc trưng:

- + Tính công khai về quan điểm chính trị: Rõ ràng, không mơ hồ, úp mở.
- Tránh sử dụng từ ngữ mơ hồ chung chung, câu nhiều ý.
- + Tính chặt chẽ trong biểu đạt và suy luận: Luận điểm, luận cứ, ý lớn, ý nhỏ, câu đoạn phải rõ ràng, rành mạch.
- + Tính truyền cảm, thuyết phục: Ngôn từ lôi cuốn để thuyết phục; giọng điệu hùng hồn, tha thiết, thể hiện nhiệt tình và sáng tạo của người viết.

(Lấy dẫn chứng trong “Về luân lý xã hội ở nước ta” và “Xin lập khoa luật”)

5 . Phong cách ngôn ngữ hành chính:

- **Khái niệm:** Là phong cách được dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính.
- Là giao tiếp giữa nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác.

- Đặc trưng: Phong cách ngôn ngữ hành chính có 2 chức năng:

- + Chức năng thông báo: thể hiện rõ ở giấy tờ hành chính thông thường.
VD: Văn bằng, chứng chỉ các loại, giấy khai sinh, hóa đơn, hợp đồng, ...
- + Chức năng sai khiến: bộc lộ rõ trong các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản của cấp trên gửi cho cấp dưới, của nhà nước đối với nhân dân, của tập thể với các cá nhân.

6 . Phong cách ngôn ngữ báo chí (thông tấn):

- **Khái niệm:** Ngôn ngữ báo chí là ngôn ngữ dùng để thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.



Học văn – văn học

+ Là phong cách được dùng trong lĩnh vực thông tin của xã hội về tất cả những vấn đề thời sự: (thông tấn có nghĩa là thu thập và biên tập tin tức để cung cấp cho các nơi).

Một số thể loại văn bản báo chí:

+ **Bản tin:** Cung cấp tin tức cho người đọc theo 1 khuôn mẫu: Nguồn tin- Thời gian- Địa điểm- Sự kiện- Diễn biến-Kết quả.

+ **Phóng sự:** Cung cấp tin tức nhưng mở rộng phần tường thuật chi tiết sự kiện, miêu tả bằng hình ảnh, giúp người đọc có 1 cái nhìn đầy đủ, sinh động, hấp dẫn.

+ **Tiểu phẩm:** Giọng văn thân mật, dân dã, thường mang sắc thái mỉa mai, châm biếm nhưng hàm chứa 1 chính kiến về thời cuộc.

II, Phương thức biểu đạt:

Yêu cầu: - Nắm được có bao nhiêu phương thức biểu đạt (6).

- Nắm được: + Khái niệm.

+ Đặc trưng của từng phương thức biểu đạt.

Tự sự (kể chuyện, tường thuật):

- **Khái niệm:** Tự sự là kể lại, thuật lại sự việc, là phương thức trình bày 1 chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng kết thúc thể hiện 1 ý nghĩa.

- **Đặc trưng:**

+ Có cốt truyện.

+ Có nhân vật tự sự, sự việc.

+ Rõ tư tưởng, chủ đề.

+ Có ngôi kể thích hợp.

2. Miêu tả.

- Miêu tả là làm cho người đọc, người nghe, người xem có thể thấy sự vật, hiện tượng, con người (Đặc biệt là thế giới nội tâm) như đang hiện ra trước mắt qua ngôn ngữ miêu tả.

* **Biểu cảm:** Là bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình về thế giới xung quanh.

* **Nghị luận:** Là phương thức chủ yếu được dùng để bàn bạc phải, trái, đúng sai nhằm bộc lộ rõ chủ kiến, thái độ của người nói, người viết.

* **Thuyết minh:** Được sử dụng khi cần cung cấp, giới thiệu, giảng giải những tri thức về 1 sự vật, hiện tượng nào đó cho người đọc, người nghe.

- **Đặc trưng:**

a. Các luận điểm đưa đúng đắn, rõ ràng, phù hợp với đề tài bàn luận.

b. Lý lẽ và dẫn chứng thuyết phục, chính xác, làm sáng tỏ luận điểm.

c. Các phương pháp thuyết minh:

+ Phương pháp nêu định nghĩa, giải thích.

+ Phương pháp liệt kê.

+ Phương pháp nêu ví dụ, dùng con số.

+ Phương pháp so sánh.

+ Phương pháp phân loại, phân tích.

3. Hành chính – công vụ: Văn bản thuộc phong cách hành chính công vụ là văn bản điều hành xã hội, có chức năng xã hội. Xã hội được điều hành bằng luật pháp, văn bản hành chính.



Học văn – văn học

- Văn bản này qui định, ràng buộc mối quan hệ giữa các tổ chức nhà nước với nhau, giữa các cá nhân với nhau trong khuôn khổ hiến pháp và các bộ luật văn bản pháp lý dưới luật từ trung ương tới địa phương.

III Phương thức trần thuật:

- Trần thuật từ ngôi thứ nhất do nhân vật tự kể chuyện (Lời trực tiếp)
- Trần thuật từ ngôi thứ 3 của người kể chuyện tự giấu mình.
- Trần thuật từ ngôi thứ 3 của người kể chuyện tự giấu mình, nhưng điểm nhìn và lời kể lại theo giọng điệu của nhân vật trong tác phẩm (Lời nửa trực tiếp)

IV. Phép liên kết : Thế - Lập – Nối- Liên tưởng – Tương phản – Tỉnh lược...

V. Nhận diện những biện pháp nghệ thuật trong văn bản và tác dụng của những biện pháp nghệ thuật đó với việc thể hiện nội dung văn bản.

Giáo viên cần giúp HS ôn lại kiến thức về các biện pháp tu từ từ vựng và các biện pháp nghệ thuật khác:

- So sánh; Ẩn dụ; Nhân hóa; Hoán dụ; Nói quá- phóng đại- thậm xưng; Nói giảm-nói tránh; Điệp từ- điệp ngữ; Tương phản- đối lập; Phép liệt kê; Phép điệp cấu trúc; Câu hỏi tu từ; Cách sử dụng từ láy...

- Có kĩ năng nhận diện các biện pháp tu từ được sử dụng trong 1 văn bản thơ hoặc văn xuôi và phân tích tốt giá trị của việc sử dụng phép tu từ ấy trong văn bản.

VI. Các thể thơ:

Đặc trưng của các thể loại thơ: Lục bát; Song thất lục bát; Thất ngôn; Thơ tự do; Thơ ngũ ngôn, Thơ 8 chữ...





Phần 2: Luyện tập thực hành

***Ngữ liệu** được dùng có thể là một bài thơ, một trích đoạn bài báo hoặc một lời nói, lời nhận xét của tác giả nào đó về một sự việc, sự kiện.

***Cách thức ra đề:**

- Sẽ có tình viết sai chính tả, sai cấu trúc ngữ pháp và yêu cầu học sinh sửa lại cho đúng.

- Xác định hình thức ngôn ngữ biểu đạt, phương thức liên kết trong ngữ liệu.
- Ý nghĩa của một chữ, một hình ảnh nào đó trong ngữ liệu đưa ra?
- Nêu ý nghĩa nhan đề? (Hoặc hãy đặt tên cho đoạn trích).
- Nhận xét mối quan hệ giữa các câu? Từ mối quan hệ ấy chỉ ra nội dung của đoạn?
- Từ một hoặc hai câu nào đó trong ngữ liệu, yêu cầu viết 200 từ xung quanh nội dung ấy?
- Nêu nội dung của văn bản? Nội dung ấy chia thành mấy ý?
- Nếu là thơ:
 - + Xác định thể thơ, cách gieo vần?
 - + Biện pháp nghệ thuật được sử dụng? Giá trị biểu đạt của biện pháp nghệ thuật ấy?
 - + Cảm nhận về nhân vật trữ tình?
 - + Hiểu như thế nào về một câu thơ trong văn bản?
- Nếu là văn xuôi:

+ Đưa ra nhiều nhan đề khác nhau, yêu cầu học sinh chọn một nhan đề và nêu ý nghĩa?

+ Chỉ ra các phép liên kết? Biện pháp nghệ thuật để biểu đạt nội dung?

***Một số ví dụ**

1. Trong bài phát biểu của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng trước phiên thảo luận cấp cao của Đại Hội đồng LHQ khóa 68 có đoạn:

“Thưa quý vị! Đã phải trải qua những cuộc chiến tranh ngoại xâm tàn bạo và đói nghèo cùng cực nên khát vọng hòa bình và thịnh vượng của Việt Nam chúng tôi càng cháy bỏng. Chúng tôi luôn nỗ lực tham gia kiến tạo hòa bình, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ hành tinh của chúng ta. Việt Nam đã sẵn sàng tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của LHQ. Chúng tôi sẵn lòng đóng góp nguồn lực, dù còn nhỏ bé, như sự tri ân đối với bạn bè quốc tế đã giúp chúng tôi giành và giữ độc lập, thống nhất đất nước, thoát khỏi đói nghèo. Việt Nam đã và sẽ mãi mãi là một đối tác tin cậy, một thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế...”

a/ Xác định phong cách ngôn ngữ chức năng của đoạn văn?

b/ Phương thức liên kết?

c/ Hãy đặt tiêu đề cho đoạn văn?

2. Trong đoạn văn:

“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.

(Hồ Chí Minh – “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta”)

a/ Nội dung của đoạn văn?



Học văn – văn học

b/ Phương thức trình bày? Phong cách ngôn ngữ chức năng được sử dụng trong đoạn?

c/ Thái độ, quan điểm chính trị của Bác?

3. Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

“Chứng kiến sự ra đi của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, chứng kiến những dòng chảy yêu thương của dân tộc giành cho Đại tướng, rất nhiều người bày tỏ sự xúc động sâu sắc. Thượng tá Dương Việt Dũng chia sẻ: “Sự ra đi của Đại tướng là một mất mát lớn lao đối với gia đình và nhân dân cả nước. Nhưng qua đây, tôi cũng thấy mừng là những người đến viếng Đại tướng không chỉ có những cựu chiến binh mà rất đông thế hệ trẻ, có không ít những em còn rất nhỏ cũng được gia đình đưa đi viếng... Có nhiều cụ già yếu cũng đến, cả những người đi xe lăn cũng đã đến trong sự thành kính. Chưa khi nào tôi thấy người ta thân ái với nhau như vậy.”.

(Theo Dân trí)

a/ Văn bản trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào?

b/ Nội dung của văn bản trên? Hãy đặt tên cho văn bản?

c/ Viết bài nghị luận xã hội về bản tin trên (không quá 600 từ).

Phần 3: Một số đề mẫu và hướng dẫn cách giải:

Đề 1: Đọc đoạn văn và trả lời cho câu hỏi ở dưới:

“Tnú không cứu sống được vợ, được con. Tối đó, Mai chết. Còn đứa con thì đã chết rồi. Thằng linh to béo đánh một cây sắt vào ngang bụng nó, lúc mẹ nó ngã xuống, không kịp che cho nó. Nhớ không, Tnú, mày cũng không cứu sống được vợ mày. Còn mày thì bị chúng nó bắt, mày chỉ có hai bàn tay trắng, chúng nó trói mày lại. Còn tau thì lúc đó tau đứng sau gốc cây vả. Tau thấy chúng nó trói mày bằng dây rừng. Tau không nhảy ra cứu mày. Tau cũng chỉ có hai bàn tay không. Tau không ra, tau quay đi vào rừng, tau đi tìm bọn thanh niên. Bọn thanh niên thì cũng đã đi vào rừng, chúng nó đi tìm giáo mác. Nghe rõ chưa, các con, rõ chưa? Nhớ lấy, ghi lấy. Sau này tau chết rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu: Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!...”.

1/ Đoạn văn trích trong tác phẩm nào? Của ai?

(Trích trong *“Rừng xà nu”* – Nguyễn Trung Thành).

2/ Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn văn?

(Phong cách ngôn ngữ của đoạn văn là phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (khẩu ngữ)).

3/ Câu nói “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!” có ý nghĩa gì?

(Câu nói của cụ Mết – già làng – là câu nói được đúc rút từ cuộc đời bi tráng của Tnú và từ thực tế đấu tranh của đồng bào Xô Man nói riêng và dân tộc Tây Nguyên nói chung: giặc đã dùng vũ khí để đàn áp nhân dân ta thì ta phải dùng vũ khí để đáp trả lại chúng.

- Thực tế, khi chưa cầm vũ khí đánh giặc, dân làng Xô Man chịu nhiều mất mát: anh Xút bị giặc treo cổ, bà Nhan bị chặt đầu, mẹ con Mai bị giết bằng trận mưa roi sắt, Tnú bị đốt cụt mười đầu ngón tay... Vì vậy con đường cầm vũ khí đánh trả kẻ thù là tất yếu.).

Đề 2: Cho đoạn thơ:

“Chỉ có thuyền mới hiểu

Biển mệnh mông nhường nào

Chỉ có biển mới biết



Thuyền đi đâu, về đâu

Những ngày không gặp nhau
Biển bạc đầu thương nhớ
Những ngày không gặp nhau
Lòng thuyền đau – rạn vỡ”.

(Xuân Quỳnh – “Thuyền và biển”)

1/ Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào? Thể thơ đó có tác dụng ra sao trong việc diễn đạt nội dung đoạn thơ?

(- Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ ngũ ngôn.

- Tác dụng: diễn đạt rất nhịp nhàng âm điệu của song biển cũng như sóng long của người đang yêu.)

2/ Nội dung của hai đoạn thơ trên là gì?

(Tình yêu giữa thuyền và biển cùng những cung bậc trong tình yêu).

3/ Nêu biện pháp nghệ thuật được tác giả sử dụng? Tác dụng?

(- Biện pháp nghệ thuật được nhà thơ sử dụng nhiều nhất là ẩn dụ: Thuyền – Biển tượng trưng cho tình yêu của chàng trai và cô gái. Tình yêu ấy nhiều cung bậc, khi thương nhớ mênh mông, cồn cào da diết, băng khuâng...

- Biện pháp nghệ thuật nữa được sử dụng là nhân hóa. Biện pháp này gắn cho những vật vô tri những trạng thái cảm xúc giúp người đọc hình dung rõ hơn tâm trạng của đôi lứa khi yêu.).

Đề 3: Đọc kĩ bài thơ sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:

Trăng nở nụ cười

Đâu Thị Nở, đâu Chí Phèo
Đâu làng Vũ Đại đói nghèo Nam Cao
Vẫn vườn chuối gió lao xao
Sông Châu vẫn chảy nô nao mạn thuyền
Áng ngấn
Gã khùng điên
Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người
Vườn sông trăng nở nụ cười
Phút giây tan chảy vàng mười trong nhau
Giữa đời vàng lẫn với thau
Lòng tin còn chút về sau để dành
Tình yêu nên vị cháo hành
Đời chung bát vỡ thom lành lứa đôi.

(Lê Đình Cánh)

1/ Xác định thể thơ? Cách gieo vần?

(Thể thơ lục bát; vần chân và vần lưng).

2/ Bài thơ giúp em liên tưởng đến tác phẩm nào đã học trong chương trình phổ thông?

(Đoạn thơ giúp liên tưởng tới truyện ngắn “Chí Phèo” của Nam Cao).



Học văn – văn học

3/ Câu thơ: “*Khi tình yêu đến bỗng nhiên thành người*” có ý nghĩa gì? Liên hệ với nhân vật chính trong tác phẩm mà em vừa liên hệ ở câu 2.

(*Câu thơ cho thấy tình yêu có sức mạnh cảm hóa con người và làm cho con người trở nên thực sự trở nên người hơn. Trong tương quan với “Chí Phèo” của Nam Cao, câu thơ của Lê Đình Cánh cho thấy sức mạnh tình yêu với biểu tượng bát cháo hành mà Thị Nở dành cho Chí đã khiến phần Người ngủ quên trong hủ bao lâu nay thức sự thức tỉnh. Chí không còn là một con quỷ dữ mà đã khao khát quay về làm người lương thiện nhờ cảm nhận được hương vị của tình yêu.*)

4/ Vị cháo hành được nhắc đến trong hai câu thơ cuối là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong một tác phẩm của Nam Cao. Hãy nêu ý nghĩa của hai câu thơ này với chi tiết nghệ thuật ấy?

(*“Bát cháo hành” là chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm “Chí Phèo” của nhà văn Nam Cao với các lớp nghĩa:*

- Nghĩa cụ thể: Một cách chữa cảm, giải độc trong dân gian.

- Nghĩa liên tưởng: Biểu hiện của sự yêu thương, chăm sóc ân cần; Biểu hiện của tình người; Một ẩn dụ về tình yêu thương đưa Chí Phèo từ quỷ dữ trở về với xã hội lương thiện, chứng minh cho chân lí: “Chỉ có tình thương mới có thể cứu rỗi cho những linh hồn khổ hạnh.”).

Đề 4: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

- *Mình về mình có nhớ ta*

Mười lăm năm ấy thiết tha mặn nồng

Mình về mình có nhớ không

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn

- Tiếng ai tha thiết bên cồn

Bâng khuâng trong dạ, bồn chồn bước đi

Ao chàm đưa buổi phân li

Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...

(Trích “*Việt Bắc*” – Tố Hữu)

1. Văn bản trên được tổ chức theo hình thức nào?

2. Văn bản nói về nội dung gì?

3. Nội dung đó được thể hiện thông qua việc sử dụng từ ngữ, kiểu câu như thế nào?

4. Văn bản đã sử dụng thành công các biện pháp tu từ cơ bản nào? Nêu tác dụng cụ thể của các phép tu từ trên

5. Hãy đặt tiêu đề cho văn bản trên.

Gợi ý:

- Văn bản trên được tổ chức theo hình thức đối đáp giữa người đi và kẻ ở.

- Nội dung nói về sự bần khổ, lưu luyến, bịn rịn của con người trong buổi chia tay.

- Sự bần khổ, lưu luyến, bịn rịn ấy được thể hiện rất rõ thông qua việc sử dụng các từ láy bộc lộ tâm trạng con người như: *bâng khuâng*, *bồn chồn* và việc sử dụng các câu hỏi tu từ với từ (*Mình về mình có nhớ ta, mình về mình có nhớ không*). Hỏi nhưng không chỉ để hỏi mà còn là để gợi nhắc những kỉ niệm gắn bó.

- Văn bản đã sử dụng thành công phép tu từ hoán dụ và im lặng

+ Hoán dụ: *Ao chàm* được dùng để chỉ người đưa tiễn. Qua hình ảnh này ta hiểu được tính chất của cuộc chia tay. Đó là cuộc chia tay lớn, cuộc chia tay lịch sử. Trong cuộc



Học văn – văn học

chia tay này, không phải chỉ có một người, hai người đưa tiễn mà là cả Việt Bắc bao gồm nhân dân sáu tỉnh Cao – Bắc – Lạng; Hà – Tuyên – Thái và cả thiên nhiên, núi rừng Việt Bắc tiễn đưa người đi, cán bộ kháng chiến.

+ Phép tu từ im lặng (dấu chấm lửng) ở cuối câu có (Khoảng lặng cảm xúc) tác dụng diễn tả phút ngừng lặng, trùng xuống của một cuộc chia tay đầy xúc động, băng khuâng, tay trong tay mà không nói lên lời. Khoảng lặng cảm xúc gọi cảm hứng, gọi cảm xúc đánh thức tâm hồn con người.

- Tên văn bản: Cuộc chia tay lịch sử, cảnh chia tay.

Đề 5: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

(Trích “Tây Tiến” – Quang Dũng)

1. Văn bản trên được viết theo thể thơ gì?
2. Nêu nội dung cơ bản của văn bản
3. Văn bản có sử dụng rất nhiều từ Hán Việt, anh/ chị hãy liệt kê những từ ngữ đó và nêu tác dụng của chúng.
4. Chỉ ra phép tu từ nói giảm được sử dụng trong văn bản và nêu tác dụng của phép tu từ đó.

Gợi ý:

- Văn bản trên được viết theo thể thơ thất ngôn.
 - Văn bản tập trung khắc họa chân dung người chiến binh Tây Tiến (ngoại hình, tâm hồn, lí tưởng, sự hi sinh)
 - Những từ Hán Việt được sử dụng là: đoàn binh, biên giới, chiến trường, biên cương, viễn xứ, áo bào, độc hành. Việc sử dụng những từ Hán Việt ở đây đã tạo ra sắc thái trang trọng, mang ý nghĩa khái quát, làm tôn thêm vẻ đẹp của người lính Tây Tiến, góp phần tạo ra vẻ đẹp hào hùng cho hình tượng.
 - Phép tu từ nói giảm được thể hiện trong câu thơ: “Áo bào thay chiếu anh về đất”. Cụm từ “về đất” được thay thế cho sự chết chóc, hi sinh. Phép tu từ này có tác dụng làm giảm sắc thái bi thương cho cái chết của người lính Tây Tiến. Người lính Tây Tiến ngã xuống thật thanh thản, nhẹ nhàng. Đó là cuộc trở về với đất mẹ và đất mẹ đã dang rộng vòng tay đón những đứa con yêu vào lòng.

Đề 6: Đọc và trả lời các câu sau

Đất Nước (Nguyễn Đình Thi)



Học văn – văn học

Mùa thu nay khác rồi
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi
Gió thổi rừng tre phấp phới
Trời thu thay áo mới
Trong biếc nói cười thiết tha
Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa
Nước chúng ta, nước những người chưa bao giờ khuất
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất
Những buổi ngày xưa vọng nói về

1. Nêu nội dung đoạn thơ? Đoạn thơ được viết theo thể thơ gì?
2. Trong ba dòng thơ “*Gió thổi rừng tre phấp phới/ Trời thu thay áo mới/ Trong biếc nói cười thiết tha*”, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.
3. Đoạn thơ từ câu “*Trời xanh đây là của chúng ta*” đến câu “*Những buổi ngày xưa vọng nói về*” có sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ. Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ đó.
4. Cả đoạn thơ cho ở đề bài tập trung miêu tả hình ảnh gì? Hình ảnh đó hiện ra như thế nào?
5. Hãy ghi lại cảm xúc của nhà thơ mà em cảm nhận được qua đoạn thơ trên.
6. Chữ “*khuất*” trong câu thơ “*Nước chúng ta, nước những người chưa bao giờ khuất*” có ý nghĩa gì?

Gợi ý:

1. Thể hiện niềm vui sướng hân hoan khi mùa thu cách mạng tháng 8/1945 thành công Việt Bắc cái nôi của CM Việt nam được giải phóng. Thể thơ tự do
2. Biện pháp tu từ nhân hóa. Tác dụng: miêu tả sinh động, chân thực hình ảnh đất trời vào thu: sắc trời mùa thu trong xanh, gió thu lay động cành lá khiến lá cây xào xạc như tiếng reo vui, tiếng nói cười. Đó là một hình ảnh đất nước mới mẻ, tinh khôi, rộn rã sau ngày giải phóng.
3. Tác dụng của phép tu từ điệp ngữ: cụm từ “*của chúng ta*”, “*chúng ta*” được nhắc lại nhiều lần trong đoạn thơ nhằm khẳng định, nhấn mạnh quyền làm chủ đất nước của dân tộc ta.
4. Cả đoạn thơ tập trung miêu tả hình ảnh đất nước. Qua đoạn thơ, hình ảnh đất nước hiện ra sinh động, chân thực, gần gũi. Đó là một đất nước tươi đẹp, rộng lớn, màu mỡ, phì nhiêu, tràn đầy sức sống.
5. Cảm xúc của nhà thơ: yêu mến, tự hào về đất nước.
6. -Chữ “*khuất*” trong câu thơ “*Nước chúng ta, nước những người chưa bao giờ khuất*” trước hết được hiểu với ý nghĩa là mất đi, là khuất lấp. Với ý nghĩa như vậy, câu



Học văn – văn học

thơ ngợi ca những người đã ngã xuống dâng hiến cuộc đời cho đất nước sẽ ngàn năm vẫn sống mãi với quê hương. Chữ “*khuất*” còn được hiểu là bất khuất, kiên cường. Với ý nghĩa này, câu thơ thể hiện thái độ tự hào về dân tộc. Dân tộc Việt Nam bất khuất, kiên cường, chưa bao giờ khuất phục trước kẻ thù.

Đề 7: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, lừa lọc, tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quản ngục coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ.

(Trích “*Chữ người tử tù*” – Nguyễn Tuân)

1. Văn bản trên nói về điều gì?
2. Văn đã sử dụng thành công biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của phép tu từ đó?

Gợi ý:

- Văn bản trên nói về vẻ đẹp phẩm chất, tính cách và tâm hồn của nhân vật quản ngục
- Văn bản đã sử dụng thành công thủ pháp tu từ so sánh: tính cách dịu dàng, lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quản ngục được ví như một âm thanh trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn, xô bồ. Hình ảnh so sánh này có ý nghĩa gợi dậy ở người đọc sự hình dung khái quát nhất về hoàn cảnh và phẩm chất của nhân vật quản ngục. Đây là hình ảnh súc tích, tạo ra sự đối lập sắc nét giữa trong và đục, thuần khiết và ô trọc, cao quý và thấp hèn, giữa cá thể nhỏ bé, mong manh với thế giới hỗn tạp, xô bồ. Nó là một hình ảnh so sánh hoa mỹ, đắt giá, gây ấn tượng mạnh, thể hiện sự khái quát nghệ thuật sắc sảo, tinh tế, có ý nghĩa làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn nhân vật.

Đề 8: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ: “chắc nó trù mình ra!”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ờ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại để ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nổi này? A ha! Phải đấy, hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào để ra thân hắn, để ra cái thằng Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa chết mẹ nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có trời mà biết! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...

(Trích “*Chí Phèo*” – Nam Cao).

1. Văn bản trên nói về điều gì?
2. Tác giả đã sử dụng những kiểu câu nào?
3. Trong văn bản trên, Chí Phèo đã chửi những ai? Tiếng chửi của Chí có ý nghĩa gì?
4. Đặt tiêu đề cho văn bản trên.

Gợi ý:

- Văn bản trên nói về tiếng chửi của Chí Phèo, một thằng say rượu.
- Tác giả đã sử dụng rất nhiều kiểu câu khác nhau: Câu trần thuật (câu kể, câu miêu tả), câu hỏi (câu nghi vấn), câu cảm thán.



Học văn – văn học

- Chí Phèo chửi trời, chửi đời, chửi cả làng Vũ Đại, chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn, chửi đứa chết mẹ nào đã đẻ ra thân hắn. Tiếng chửi của Chí Phèo đã tạo ra một màn ra mắt độc đáo cho nhân vật, gọi sự chú ý đặc biệt của người đọc về nhân vật. Tiếng chửi ấy vừa gọi ra một con người tha hóa đến độ lại vừa hé lộ bi kịch lớn nhất trong cuộc đời nhân vật này. Chí dường như đã bị đẩy ra khỏi xã hội loài người. Không ai thèm quan tâm, không ai thèm ra điều. Chí khao khát được giao hòa với đồng loại, dù là bằng cách tồi tệ nhất là mong được ai đó chửi vào mặt mình, nhưng cũng không được.

Đề 9: Đọc bài ca dao sau và thực hiện yêu cầu nêu ở dưới

*Thương thay thân phận con tầm
Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ.
Thương thay con kiến li ti
Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi.
Thương thay hạc lánh đường mây
Chim bay mồi cánh biết ngày nào thôi.
Thương thay con quốc giữa trời
Dầu kêu ra máu có người nào nghe.*

1. Bài ca dao có những hình ảnh gì? Được khắc họa như thế nào? Có những đặc điểm gì chung.

2. Tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Nêu ý tác dụng của việc sử dụng phép tu từ đó.

3. Chủ đề của bài ca dao là gì?

4. Anh, chị hãy đặt nhan đề cho bài ca dao trên.

Gợi ý:

- Bài ca dao có hình ảnh sau: con tầm, con kiến, chim hạc, con quốc. Những hình ảnh này được khắc họa qua hành động hàng ngày của chúng (tầm – nhả tơ; kiến – tha mồi, chim hạc – bay, quốc kêu...). Những hình ảnh con vật này đều có chung những đặc điểm là nhỏ bé, yếu ớt nhưng siêng năng, chăm chỉ và cần mẫn.

- Tác giả dân gian đã sử dụng thành công phép điệp ngữ và ẩn dụ. Việc lặp đi lặp lại cấu trúc than thân “thương thay” đi liền với những hình ảnh và hoạt động hàng ngày của các hình tượng (tầm, kiến, hạc, quốc), và phép tu từ ẩn dụ: dùng hình ảnh những con vật nhỏ bé, yếu ớt nhưng chăm chỉ, siêng năng để nói về những người dân lao động thấp cổ, bé họng, đã giúp người bình dân xưa nhân mạnh vào nỗi bất hạnh, phải chịu nhiều áp bức, bất công, bị bóc lột một cách tàn nhẫn của người lao động nghèo trong xã hội cũ.

- Chủ đề của bài ca dao: Nỗi thống khổ, thân phận của người nông dân trong xã hội cũ.

- Nhan đề: ca dao than thân, khúc hát than thân.

Đề 10: Đọc đoạn thơ và thực hiện những yêu cầu sau:

*“...Chỉ có thuyền mới hiểu
Biển mênh mông nhường nào
Chỉ có biển mới biết
Thuyền đi đâu, về đâu
Những ngày không gặp nhau*



Học văn – văn học

*Biển bạc đầu thương nhớ
 Những ngày không gặp nhau
 Lòng thuyền đau - rạn vỡ
 Nếu từ giã thuyền rồi
 Biển chỉ còn sóng gió
 Nếu phải cách xa anh
 Em chỉ còn bão tố!”...*

1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ gì?
2. Em hãy nêu chủ đề - ý nghĩa của đoạn thơ?
3. Trong đoạn thơ hình ảnh **thuyền** và **biển** được sử dụng là nghệ thuật gì ? Có ý nghĩa như thế nào?
4. Hãy đặt tên cho nhan đề của đoạn thơ.
5. Hình ảnh **biển bạc đầu** trong câu thơ “**Biển bạc đầu thương nhớ**” có ý nghĩa gì?
6. Biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong đoạn thơ trên là biện pháp nào? Tác dụng của biện pháp đó?

Gợi ý:

1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ gì? *Thể thơ 5 chữ.*
2. Em hãy nêu chủ đề - ý nghĩa của đoạn thơ?
Đoạn thơ với hình tượng thuyền và biển gợi lên một tình yêu tràn trề, mê mông với nỗi nhớ da diết nhưng cũng đầy lo âu, khắc khoải của cái tôi thi sĩ đầy cảm xúc.
3. Trong đoạn thơ hình ảnh **thuyền** và **biển** được sử dụng là nghệ thuật gì ? Có ý nghĩa như thế nào?
*Bằng nghệ thuật ẩn dụ mượn hình tượng **thuyền** và **biển** thể hiện tình cảm của đôi lứa yêu nhau- thuyền (người con trai) biển (người con gái) -> Nổi bật một tình yêu ngọt ngào, da diết, mãnh liệt nhưng sâu sắc và đầy nữ tính.*
4. Hãy đặt tên cho nhan đề của đoạn thơ.
Thuyền và biển/ nỗi nhớ / ...
5. Hình ảnh **biển bạc đầu** trong câu thơ “**Biển bạc đầu thương nhớ**” có ý nghĩa gì?
*Cách nói hình tượng, Tg đã diễn tả nỗi nhớ thiết tha, nỗi nhớ được dựng lên bởi một thời gian bất thường và cụ thể hóa được nỗi nhớ thương: *biển bạc đầu vì thương nhớ, biển thương nhớ cho đến nỗi bạc cả đầu, biển đã bạc đầu mà vẫn còn thương còn nhớ như thuở đôi mươi.**
6. Biện pháp tu từ cú pháp được sử dụng trong đoạn thơ trên là biện pháp nào? Tác dụng của biện pháp đó ?

Biện pháp lập cú pháp “*Những ngày không gặp nhau/ Biển chỉ còn sóng gió - Em chỉ còn bão tố!*”... -> *Khẳng định sự thủy chung trong nỗi nhớ qua thời gian.*

Đề 11: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới.

ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG

Có con ếch sống lâu ngày trong một cái giếng nọ. Xung quanh chỉ có vài con nhái, cua, ốc bé nhỏ. Hàng ngày, nó cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng, khiến các con vật kia rất hoảng sợ. Ếch cứ tưởng bầu trời bé bằng cái vung và nó thì oai như một



Học văn – văn học

vị chúa tể. Một năm nọ, trời mưa to làm nước dâng lên, tràn bờ, đưa ếch ra ngoài. Quen thói cũ... nó nhâng nháo đưa mắt lên nhìn bầu trời chả thèm để ý đến xung quanh nên đã bị một con trâu đi qua giẫm bẹp.

1. Văn bản trên thuộc loại truyện gì?
2. Khi sống dưới giếng ếch như thế nào? Khi lên bờ ếch như thế nào?
3. Ếch là hình ảnh ẩn dụ tượng trưng cho ai? Bầu trời và giếng tượng trưng cho điều gì?
4. Câu chuyện trên để lại cho anh, chị bài học gì?

Gợi ý:

- Văn bản trên thuộc loại truyện ngụ ngôn.
- Khi sống dưới giếng ếch thấy trời chỉ là cái vung con mình là chúa tể. Khi lên bờ ếch nhâng nháo nhìn trời và bị trâu dẫm bẹp
- Ếch tượng trưng cho con người. Giếng, bầu trời tượng trưng cho môi trường sống và sự hiểu biết của con người.
- Câu chuyện trên để lại cho ta bài học về tính tự cao, tự đại và giá trị của sự hiểu biết. Tự cao tự đại có thể làm hại bản thân. Sự hiểu biết của con người là hữu hạn, vì vậy điều quan trọng nhất trong cuộc sống là phải luôn làm một học trò. Biết thường xuyên học hỏi và khiêm nhường.

Đề 12: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi ở dưới:

Chị Phan Ngọc Thanh (người Việt) cùng chồng là Juae Geun (54 tuổi) đã làm nhân viên lau chùi trong khu chung cư được 5 năm. Họ có 2 con: con trai lớn 6 tuổi, bé gái 5 tuổi. Ước mơ đổi đời đã đưa họ lên chuyến phà tới Jeju. Phà SeWol gặp nạn và gia đình chị chỉ có một chiếc áo phao duy nhất. Trong khoảnh khắc đối mặt giữa sự sống và cái chết họ quyết định mặc chiếc áo phao duy nhất cho cô con gái nhỏ và đẩy bé ra khỏi phà. Bé được cứu sống nhưng hiện nay những nhân viên cứu hộ vẫn chưa tìm thấy người thân của bé.

(Web. Pháp luật đời sống. Ngày 16/4/2014)

1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào?
2. Nội dung của văn bản?
3. Suy nghĩ về hình ảnh cái phao trong văn bản ?

Gợi ý:

1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí.
2. Văn bản trên nói về
 - Hoàn cảnh gia đình chị Thanh.
 - Lý do gia đình chị lên chuyến phà.
 - Việc chìm phà Sewol (H. Quốc)
 - Chiếc áo phao duy nhất cứu sống em bé của gia đình.
3. Có thể có nhiều suy nghĩ khác nhau:
 - Áo phao trao sự sống.
 - Áo phao biểu tượng của tình yêu gia đình.



Học văn – văn học

- Trước sự sống còn, tình yêu thương đã bùng sáng.

Đề 13: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi nêu ở dưới:

" Chưa bao giờ cô Tư thấy rõ cái đau khổ ngậm ngùi của tiếng đàn đáy buổi này. Tiếng đàn hậm hực, chùng như không thoát hết được vào không gian. Nó nghẹn ngào, liềm kiết (kết tụ lại) cái u uất vào tận bên trong lòng người thẩm âm. Nó là một cái tâm sự không tiết ra được. Nó là nỗi ủ kín bực dọc bùng bít. Nó giống như cái trạng huống thở than của một cảnh ngộ tri âm...Nó là niềm vang dội quặn quai của những tiếng chung tình. Nó là cái dư ba của bể chiều đứt chân sóng. Nó là cơn gió chẳng lọt kẽ màn thừa. Nó là sự tái phát chứng tật phong thấp vào cỡ cuối thu dầm dề mưa ẩm và nhức nhối xương tủy. Nó là cái lả lay nhào lìa của lá bở cành....Nó là cái oan uổng nghìn đời của cuộc sống thanh âm. Nó là sự khốn nạn khốn đốn của chỉ tơ con phím"

(Trích từ *Chùa đàn* - Nguyễn Tuân)

1. Hãy nêu chủ đề của đoạn trích? Thử đặt nhan đề đoạn trích?
2. Trong đoạn văn có rất nhiều câu bắt đầu bằng từ "Nó" được lặp lại nhiều lần. Biện pháp tu từ được sử dụng là gì? Tác dụng của biện pháp tu từ ấy?
3. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu văn: "*Tiếng đàn hậm hực, chùng như không thoát hết được vào không gian*" ? Tác dụng của biện pháp tu từ ấy?
4. Từ "Nó" được sử dụng trong các câu ở đoạn văn trích trên là ám chỉ ai, cái gì? Biện pháp tu từ gì được nhà văn sử dụng trong việc nhắc lại từ "Nó"?
5. Trong đoạn văn, Nguyễn Tuân sử dụng rất nhiều tính từ chỉ tính chất. Anh/ chị hãy thống kê 5 từ láy chỉ tính chất.

Gợi ý:

1. - Chủ đề: Những sắc thái ngậm ngùi nỗi đau của tiếng đàn.
- Nhan đề: Cung bậc tiếng đàn .
2. - Biện pháp tu từ: Lặp cấu trúc (Điệp cấu trúc)
- Phép liên kết thế: Đại từ "nó" ở câu 3 thế "tiếng đàn" ở 2 câu trước đó.
3. - Biện pháp tu từ: cách nhân hóa
- Tác dụng: nhằm thể hiện âm thanh tiếng đàn như tiếng lòng của một cá thể có tâm trạng, nỗi niềm đau khổ...
4. - Từ "Nó" ám chỉ tiếng đàn
- Biện pháp tu từ: điệp từ
5. Chọn đúng 5 từ láy chỉ tính chất, trạng thái (mỗi từ chỉ được = 0,1đ; 3 - 4 từ: 0,25đ).
Chỉ cho điểm 0,5 khi đảm bảo chọn đủ 5 từ.

Đề 14: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi nêu ở dưới.

Tại Thế vận hội đặc biệt dành cho những người tàn tật có chín vận động viên đều bị tổn thương về mặt thể chất và tinh thần, cùng tập trung về vạch xuất phát để dự cuộc thi 100m. Khi súng hiệu nổ, tất cả đều lao về vạch với quyết tâm giành chiến thắng. Trừ một cậu bé. Cậu cứ vấp ngã liên tục trên đường đua. Và cậu bật khóc. Tám người kia nghe tiếng khóc, giảm tốc độ, ngoái lại nhìn. Rồi họ quay trở lại. Tất cả, không trừ một ai! Một cô gái bị chứng dow diu dằng cúi xuống hôn cậu bé:

- Như thế này em sẽ thấy tốt hơn.



Học văn – văn học

Rồi tất cả chín người họ khoác tay nhau sánh vai về đích. Tất cả khán giả trong sân vận động đều đứng dậy vỗ tay hoan hô không dứt.

Câu chuyện này đã lan truyền qua mỗi kì Thế vận hội về sau”.

1. Khi cậu bé ngã, bật khóc có mấy vận động viên quay trở lại?
2. Từ câu chuyện trên hãy viết 3 bình luận về chiến thắng.

Đề 15:

Vị vua và những bông hoa

Một ông vua nọ rất có tài chăm sóc những cây hoa và ông đang muốn tìm một người kế vị mình. Ông quyết định để những bông hoa quyết định, vì thế ông đưa cho tất cả mọi người mỗi người một hạt giống. Người nào trồng được những bông hoa đẹp nhất từ hạt giống này sẽ được lên ngôi.

Một cô gái tên là Serena cũng muốn tham gia vào cuộc cạnh tranh để trồng được bông hoa đẹp nhất. Cô gieo hạt giống trong một cái chậu rất đẹp, chăm sóc nó rất kỹ càng, nhưng đợi mãi mà chẳng thấy hạt giống nảy mầm.

Năm sau, cô thấy mọi người tụ tập tại cung điện với những chậu hoa rất đẹp. Serena rất thất vọng, nhưng vẫn tới cuộc tụ họp với chậu hoa trống rỗng. Nhà vua kiểm tra tất cả chậu hoa, rồi dừng lại ở chậu hoa của Serena. Ngài hỏi “tại sao chậu hoa của cô không có gì?” “Thưa điện hạ, tôi đã làm mọi thứ để nó lớn lên nhưng tôi đã thất bại” – cô gái trả lời.

“Không, cô không thất bại. Những hạt giống mà ta đưa cho mọi người đều đã được nường chín, vì thế chúng không thể nảy mầm. Ta không biết tất cả những bông hoa đẹp này ở đâu ra. Cô đã rất trung thực, vì thế cô xứng đáng có được vương miện. Cô sẽ là nữ hoàng của vương quốc này”. (Dẫn theo Quà tặng cuộc sống)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên? (0,25 điểm)

Câu 2. Nêu nội dung chính của văn bản trên. (0,5 điểm)

Câu 3. Hãy giải thích vì sao cô Serena lại được nhà vua phong làm nữ hoàng ? (0,25 điểm)

Câu 4. Anh/chị hãy rút ra bài học cho bản thân khi đọc xong câu chuyện trên. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,5 điểm)

Đề 16:

Thuyền và biển

Em sẽ kể anh nghe

Chuyện con thuyền và biển:

"Từ ngày nào chẳng biết

Thuyền nghe lời biển khơi

Cánh hải âu, sóng biển

Đưa thuyền đi muôn nơi



Học văn – văn học

Lòng thuyền nhiều khát vọng
Và tình biển bao la
Thuyền đi hoài không mỏi
Biển vẫn xa... còn xa

Những đêm trăng hiền từ
Biển như cô gái nhỏ

Thì thầm gửi tâm tư
Quanh mạn thuyền sóng vỗ

Cũng có khi vô cớ
Biển ồ ạt xô thuyền
(Vì tình yêu muôn thuở
Có bao giờ đứng yên?)

Chỉ có thuyền mới hiểu
Biển mệnh mong nhường nào
Chỉ có biển mới biết
Thuyền đi đâu, về đâu

Những ngày không gặp nhau
Biển bạc đầu thương nhớ
Những ngày không gặp nhau
Lòng thuyền đau - rạn vỡ

Nếu từ giã thuyền rồi
Biển chỉ còn sóng gió "

Nếu phải cách xa anh
Em chỉ còn bão tố.



Học văn – văn học

Dẫn theo Thơ Xuân Quỳnh, NXB Giáo Dục, 2014)

Câu 5. Bài thơ trên viết về đề tài gì? Viết theo thể thơ nào? (0,25 điểm)

Câu 6. Hãy nêu nội dung chính của bài thơ trên. (0,5 điểm)

Câu 7. Trong bài thơ trên, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào qua hai hình ảnh thuyền, biển? (0,25 điểm)

Câu 8. Hãy nhận xét quan niệm tình yêu của Xuân Quỳnh trong bài thơ trên. Trả lời trong khoảng 5-7 dòng. (0,5 điểm)

Gợi ý:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính là phương thức tự sự/tự sự. (0,25 điểm)

Câu 2. Nội dung: kể về việc một vị vua muốn lựa chọn người kế vị bằng cách thử lòng trung thực của mọi người từ những hạt giống hoa đã được nung chín và chỉ có duy nhất cô gái tên Serena là người chiến thắng nhờ lòng trung thực của mình; thông qua câu chuyện Vị vua và những bông hoa để khẳng định tính trung thực sẽ đem lại cho chúng ta những món quà bất ngờ (0,5 điểm)

Câu 3. Cô Serena lại được nhà vua phong làm nữ hoàng vì Cô đã rất trung thực khi trồng đúng hạt giống hoa mà nhà vua ban/ Cô không tìm mọi cách để có chậu hoa đẹp như người khác mà chỉ chăm sóc hạt giống nhà vua đã ban.... (0,25 điểm)

Câu 4. Bài học của bản thân: Con người cần phải sống trung thực, có lòng tin vào sự trung thực của bản thân/ có lòng trung thực con người sẽ gặt hái được nhiều thành công trong cuộc sống... Câu trả lời có sức thuyết phục. (0,5 điểm)

Câu 5. Bài thơ viết về đề tài tình yêu, thể thơ tự do 5 chữ. (0,25 điểm)

Câu 6. Nội dung chính của bài thơ:

Từ câu chuyện mang tính ẩn dụ về “thuyền và biển”, nhà thơ đã diễn tả tình yêu của “anh” và “em” với những cung bậc: thấu hiểu, đồng cảm, nhớ nhung và khát khao gặp gỡ, qua đó thể hiện quan niệm về tình yêu của mình. (0,5 điểm)

Câu 7. Trong bài thơ, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ qua hai hình ảnh như thuyền, biển. Thuyền chỉ người con trai, biển chỉ người con gái (Biển như cô gái nhỏ) (0,25 điểm)

Câu 8.

- Nêu quan niệm tình yêu của Xuân Quỳnh: Tình yêu luôn là sự đồng cảm, thấu hiểu của hai người ở mức độ sâu sắc; luôn hướng về nhau với nỗi nhớ nhung da diết. Nhận xét về quan niệm đó: đúng hay sai, đẹp hay không đẹp, phù hợp hay không phù hợp với tình yêu đôi lứa.... (Câu trả lời phải hợp lí, có tính thuyết phục cao). (0,5 điểm)

Đề 17:

“Liên quan đến vụ tổ chức khủng bố IS đánh bom và xả súng đâm máu ở Paris hôm 13-11-2015 vừa qua, khiến 129 người thiệt mạng và cả thế giới bàng hoàng, tại buổi tưởng niệm các nạn nhân, một video của hãng truyền thông Le Petit Journal đã ghi lại cuộc đối thoại xúc động giữa một ông bố người Pháp gốc Việt và cậu con trai nhỏ về những kẻ khủng bố và thảm kịch vừa xảy ra. Chỉ sau thời gian ngắn, video này đã lan truyền chóng



Học văn – văn học

mặt trên các trang mạng xã hội và ngay lập tức nhận được hơn 11 triệu lượt chia sẻ trên Facebook.

Khi được hỏi về chuyện xảy ra ở Paris, cậu bé hồn nhiên cho biết, đó là do những người độc ác gây ra. Cậu bé còn nói cần phải chuyển nhà vì người độc ác có súng, có thể bắn chết người. Người bố ở bên cạnh dịu dàng trấn an con trai đừng nên lo lắng, sau đó còn dạy cậu bé: “Họ có súng còn chúng ta có hoa. Những bông hoa có thể chiến đấu chống lại những họng súng”.

(Nguồn Internet)

1. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản? (0.25 điểm)
2. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì? (0.25 điểm)
3. Theo em, hình ảnh súng và hoa ở đây mang ý nghĩa gì? (0.5 điểm)
4. Viết một đoạn văn từ 5 - 7 dòng trình bày suy nghĩ của em về lời nói dịu dàng trấn an con trai của người bố: Họ có súng còn chúng ta có hoa. Những bông hoa có thể chiến đấu chống lại những họng súng (0.5 điểm)

Đề 18:

Anh ra khơi

Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng

Phút chia tay, anh dạo trên bến cảng

Biển một bên và em một bên

Biển ồn ào, em lại dịu êm

Em vừa nói câu chi rồi mỉm cười lặng lẽ

Anh như con tàu lặng sóng từ hai phía

Biển một bên và em một bên

Ngày mai, ngày mai khi thành phố lên đèn

Tàu anh buông neo dưới chùm sao xa lắc

Thăm thẳm nước trời nhưng anh không cô độc

Biển một bên và em một bên ...

(Thơ tình người lính biển - Trần Đăng Khoa)

- 5) Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? (0.25 điểm)
- 6) Xác định các biện pháp tu từ được sử dụng trong văn bản? (0.25 điểm)
- 7) Hiệu quả biểu đạt của câu thơ: Biển một bên và em một bên. (0.5 điểm)
- 8) Đoạn thơ cho em cảm nhận gì về hình tượng người lính biển? (Trình bày khoảng 5 - 7 dòng) (0.5 điểm)

Gợi ý:

- 1 Phong cách ngôn ngữ báo chí 0.25
- 2 Phương thức biểu đạt chính là tự sự 0.25
- 3 - Hình ảnh súng là biểu tượng của tội ác, chiến tranh, xung đột, lòng hận thù ... (0.25



Học văn – văn học

điểm)

- Hình ảnh hoa là biểu tượng của tình yêu, hòa bình, lòng yêu thương giữa con người với con người ... (0.25 điểm) 0.50

4 - Người bố nhắc nhở người con không nên lùi bước, sợ hãi trước cái xấu, cái ác (0.25 điểm)

- Hãy sống yêu thương, đoàn kết lại để đẩy lùi bóng tối của tội ác, lòng hận thù ... (0.25 điểm) 0.50

5 Đoạn thơ được viết theo thể thơ tự do 0.25

6 Các biện pháp tu từ được sử dụng: điệp cấu trúc: Biển một bên và em một bên, so sánh: Anh như con tàu lừng sóng từ hai phía, nhân hóa: Mây treo ngang trời những cánh buồm trắng, biển ồn ào 0.25

7 Câu thơ gợi nhắc về hành trang của người lính đảo. Họ lên đường làm nhiệm vụ với niềm tin yêu dành cho biển đảo quê hương và tình cảm tha thiết hướng về người mà mình yêu thương 0.50

8 - Đó là những con người dũng cảm, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn để bảo vệ biển đảo quê hương (0.25 điểm)

- Cần trân trọng, biết ơn những người lính đảo đang ngày đêm bảo vệ vững chắc cho chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc (0.25 điểm) 0.50

Đề 19:

Tiếng mẹ gọi trong hoàng hôn khói sấm

Cánh đồng xa cò trắng rủ nhau về

Có con ghé trên lưng bùn ướt đầm

Nghe xạc xào gió thổi giữa cau tre.

...

Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói

Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ

Ôi tiếng Việt như đất cày, như lúa

Óng tre ngà và mềm mại như tơ.

...

Ôi tiếng Việt suốt đời tôi mắc nợ

Quên nổi mình quên áo mặc cơm ăn

Trời xanh quá môi tôi hồi hộp quá

Tiếng Việt ơi tiếng Việt ân tình.

(Tiếng Việt, Lưu Quang Vũ - Thơ tình, NXB Văn học 2002)

1. Các phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên là gì ?

2. Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ:
Ôi tiếng Việt như đất cày, như lúa

Óng tre ngà và mềm mại như tơ.

3. Nêu ngắn gọn nội dung của đoạn thơ.

4. Viết một đoạn văn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ của anh (chị) sau khi đọc câu thơ:
Tiếng Việt ơi tiếng Việt ân tình.



Học văn – văn học

Đề 20:

(1) Có thể sẽ có nhiều, rất nhiều người không tin. Làm sao để tin được bởi vì chữ “nghề” được hiểu là công việc để kiếm sống, tức là có thu nhập để chăm lo cho cuộc sống bản thân, gia đình. Nên nói làm từ thiện là “đi cho” chứ ai lại “cá kiếm” bao giờ.

(2) Chuyện tưởng nghe chừng vô lý, là khó xảy ra, nhưng nó lại là sự thật, thậm chí xuất hiện nhan nhản cứ như “nấm mọc sau mưa” trên... mạng xã hội Facebook. Mạng thì tưởng là ảo, nhưng chuyện là thật và tiền là thật của trò kiếm sống bằng nghề “làm từ thiện” online.

... (3) Ăn chặn tiền từ thiện của các nhà hảo tâm dành cho những số phận, những mảnh đời kém may mắn là một trong những điều độc ác. Thế nên ai đang nghĩ, đang suy tính hay đang lọc lừa bằng cách “lấy từ thiện làm nghề mưu sinh”, ắt hẳn chưa bao giờ có được một giấc ngủ trọn vẹn. Họ mới chính là những người đáng thương hơn cả những người có số phận không may, kém may mắn, phải không các bạn?

(Theo Blog - Dantri.com.vn, 18/12/2015)

5. Văn bản trên thuộc kiểu phong cách ngôn ngữ nào?

6. Chỉ ra giọng điệu và thái độ của tác giả trong đoạn (1).

7. Thao tác lập luận trong đoạn (3) là gì?

8. Phân tích cấu tạo ngữ pháp và xác định kiểu câu của câu văn sau: Ăn chặn tiền từ thiện của các nhà hảo tâm dành cho những số phận, những mảnh đời kém may mắn là một trong những điều độc ác.

Gợi ý:

1 Những phương thức biểu đạt của đoạn thơ: Biểu cảm, tự sự, miêu tả 0,25

2 - Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: So sánh

- Nêu tác dụng: Biện pháp so sánh được sử dụng khiến hai câu thơ trở nên mềm mại, cuốn hút. So sánh tiếng Việt với đất cày, lúa, tre ngà, thơ tác giả gợi ra vẻ bình dị, nên thơ, gần gũi, gắn bó của tiếng Việt với cuộc sống của người nông dân, đồng thời khơi dậy trong lòng người đọc tình yêu, ý thức trách nhiệm gìn giữ vẻ đẹp văn hóa quý báu của dân tộc.

3 Nội dung chính của đoạn thơ là: Ca ngợi vẻ đẹp, thể hiện sự gắn bó, yêu quý, thấu hiểu của tác giả với tiếng Việt. 0,25

4 - Câu thơ cho thấy những ân tình của tiếng Việt, những giá trị cao cả mà tiếng Việt bồi đắp và dẫn dắt.

- Câu thơ cũng nhắc nhở về tình cảm mến yêu tha thiết, ý thức trách nhiệm của mỗi người trong việc gìn giữ, bảo vệ làm cho tiếng Việt ngày càng giàu và đẹp. 0,25

5 - Văn bản thuộc kiểu phong cách ngôn ngữ : Báo chí 0,25

6 - Giọng điệu: Mỉa mai, châm biếm .

- Thái độ: Bất bình, khinh miệt,... 0,25

7 Thao tác lập luận trong đoạn (3) : Bình luận 0,25

8 + Ăn chặn tiền từ thiện của các nhà hảo tâm dành cho những số phận, những mảnh đời kém may mắn: Chủ ngữ

+ Là một trong những điều độc ác: Vị ngữ

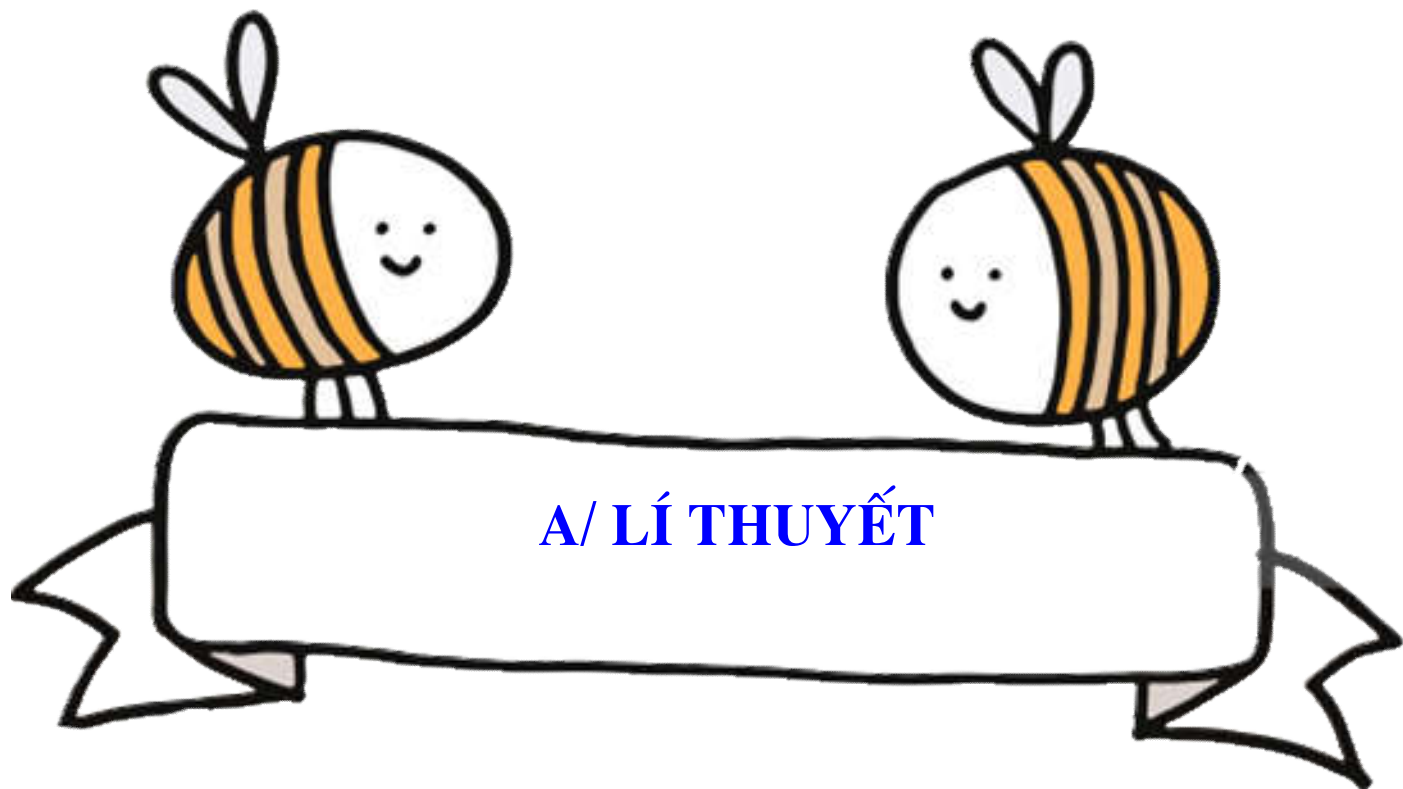
- Thuộc kiểu câu đơn 0,25



Phần II:

NGHỊ LUẬN XÃ HỘI







I. Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.

1. Đặc điểm:

- Dạng bài nghị luận xã hội này yêu cầu bình luận, bày tỏ thái độ của người viết về một vấn đề thuộc tư tưởng đạo lí như những vấn đề thuộc đạo đức, tư tưởng, tình cảm, tính cách, ý thức con người gắn liền với cuộc sống hằng ngày như tình cảm quê hương, gia đình, bạn bè, ý thức trách nhiệm, đạo đức,... Những vấn đề này có thể đặt ra trực tiếp, cũng có thể được gợi mở qua một ý kiến, một câu nói nổi tiếng, một câu tục ngữ,...

- Ví dụ:

a. Nhà văn Nga L. Tôn-xtôi nói: *“Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống”*. Anh chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về vai trò của lí tưởng trong cuộc sống con người

b. Có ý kiến cho rằng: *“Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỉ. Kẻ mạnh là kẻ biết nâng kẻ khác trên đôi vai của mình”*. Quan điểm trên gợi cho anh /chị suy nghĩ gì về điều làm nên sức mạnh chân chính của mỗi con người cũng như của mỗi quốc gia?

c. Nói về chuyện học, tục ngữ có câu: *“Học thầy không tày học bạn”*, lại có câu: *“Không thầy đố mày làm nên”*. Anh/ chị suy nghĩ gì trước những lời khuyên này?

2. Hướng dẫn dàn ý:

* Mở bài:

Giới thiệu vấn đề cần nghị luận (Yêu cầu: *Có thể giới thiệu trực tiếp hoặc gián tiếp tuy nhiên không nên quá dài dòng, lan man mà phải trúng trọng tâm và trích dẫn được ý kiến*)

* Thân bài

- **Giải thích khái niệm:**

+ Giải thích thuật ngữ:

+ Giải thích ý nghĩa của ý kiến (nếu có)

- **Biểu hiện:** Vấn đề ấy được thể hiện như thế nào trong đời sống hàng ngày.

- **Phân tích, lí giải, chứng minh vấn đề.**

(Bản chất của phần này là làm nổi bật bản chất của vấn đề. Học sinh có thể lập ý bằng cách đặt ra những câu hỏi giả định rồi lật đi lật lại vấn đề trong quá trình nghị luận hoặc phân tích những mặt đúng và bác bỏ những biểu hiện sai lệch ...bằng sự kết hợp nhiều các thao tác lập luận như phân tích, chứng minh, giải thích...)



Học văn – văn học

-Bình luận, đánh giá

- Đánh giá vấn đề ở các khía cạnh, bình diện khác nhau: ý nghĩa tư tưởng, ý nghĩa thực tế, mức độ đúng, sai, mở rộng vấn đề, áp vấn đề vào cuộc sống...

- Trình bày ý kiến cá nhân; Rút ra bài học nhận thức và hành động:

* Kết bài: Học sinh có thể có nhiều cách kết bài khác nhau, có thể nhận xét về tầm quan trọng của vấn đề trong cuộc sống

3. Yêu cầu hình thức: Diễn đạt cần chuẩn xác, mạch lạc; không mắc lỗi diễn đạt; có thể sử dụng phép tu từ và yếu tố biểu cảm nhưng phải có chừng mực.

II. Nghị luận về một hiện tượng đời sống

1. Đặc điểm:

- Dạng đề này thường nêu một hiện tượng mang tính bức thiết trong đời sống xã hội. Đó có thể là hiện tượng tích cực cũng có thể là hiện tượng tiêu cực cũng có thể trong một hiện tượng xuất hiện cả vấn đề tích cực và tiêu cực.

- Ví dụ:

- Trình bày suy nghĩ của anh/ chị về hiện tượng bạo lực học đường
- Trình bày suy nghĩ của anh/ chị về hiện tượng thừa thầy, thiếu thợ trong xã hội ta hiện nay.

- Anh/ chị suy nghĩ gì về hiện tượng chảy máu chất xám trong đất nước ta hiện nay.

2. Hướng dẫn dàn ý:

* Mở bài: Mở bài:

Giới thiệu hiện tượng cần nghị luận

* Thân bài:

- **Giải thích vấn đề, hiện tượng cần nghị luận**

- **Thực trạng vấn đề:** Phần này đòi hỏi học sinh phải hiểu biết kiến thức xã hội (học sinh phải có sự chuẩn bị từ trước bằng việc xem chương trình thời sự, cập nhật thông tin đời sống...)

- **Nguyên nhân, hậu quả (kết quả)**

+ Nguyên nhân: cần chú tới nguyên nhân chủ quan và khách quan.



Học văn – văn học

+ Hậu quả: Khi phân tích hậu quả cần chú ý tới các phương diện: Cá nhân- cộng đồng, hiện tại, tương lai....

- **Giải pháp: (nguyên nhân nào, giải pháp đó)**

- **Đánh giá, bình luận, bày tỏ thái độ của người viết đối với hiện tượng xã hội đó**

- **Bài học nhận thức và hành động**

* Kết bài: Học sinh có thể có nhiều cách kết bài khác nhau, có thể nhận xét về ý nghĩa của vấn đề trong cuộc sống xã hội.

3. Yêu cầu hình thức: Diễn đạt cần chuẩn xác, mạch lạc; không mắc lỗi diễn đạt; có thể sử dụng phép tu từ và yếu tố biểu cảm nhất là phần nêu cảm nghĩ riêng.





I. KĨ NĂNG LÀM BÀI

- Bài làm phải đầy đủ ba phần: *mở bài, thân bài, kết bài*. Phần Mở bài có thể theo hướng trực tiếp hoặc gián tiếp tuy nhiên phải trọng tâm.
- Giữa ba phần (*mở bài, thân bài, kết bài*) và *giữa các luận điểm, các đoạn, các phần trong thân bài phải có sự liên kết chặt chẽ. Để làm được như vậy cần phải:*
 - + Sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, câu văn để chuyển ý.
 - + Câu chuyển ý thường ở đầu đoạn văn, liên kết với ý ở đoạn văn trước và mở ra ý mới trong đoạn văn. Đoạn văn phải rõ ý và không nên quá dài.
- Phải đảm bảo tính cân đối giữa ba phần mở bài, thân bài, kết bài.
- Phải biết vận dụng kết hợp linh hoạt các thao tác lập luận và các phương thức biểu đạt trong một bài viết.
- Dẫn chứng phải mang tính tiêu biểu và phục vụ cho luận điểm.
- Không nên quá cứng nhắc trong việc giới hạn đề ở một dạng bài Tư tưởng đạo lí và Hiện tượng đời sống. Có thể giao thoa hợp lí giữa hai cách làm bài làm cho vấn đề thuyết phục hơn.

II. ĐỀ MỞ

1. Trong 02 kì thi gần đây (2012 – 2013; 2013- 2014) các đề Nghị luận xã hội đều ra dưới dạng đề mở. Một trong những đặc trưng của kiểu đề này là chấp nhận nhiều khả năng trong đáp án, coi trọng khả năng lập luận thuyết phục của học sinh. (Tham khảo Đề thi tuyển sinh Đại học 2012 – 2013 và 2013- 2014)

2. Đề mở giúp học sinh linh hoạt và sáng tạo hơn trong tư duy và cách làm bài khiến người học phải chuyển từ bị động sang chủ động tiếp nhận kiến thức và là một trong những công cụ hữu hiệu để kiểm tra năng lực học sinh. Tuy nhiên, “*mở*” như thế nào, “*mở*” đến đâu? Lại là những vấn đề phải lưu tâm đặc biệt.

1. Ví dụ:

- Trình bày suy nghĩ của anh chị về vấn đề im lặng và lên tiếng.
- Hãy viết về một lần thất bại của anh/ chị.
- Suy nghĩ khi nhìn những cánh rừng bị tàn phá

2. Quy trình biên soạn đề theo hướng mở.

Đề: Cảm nghĩ khi nhìn những cánh rừng bị tàn phá.

Mức độ/ Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp	Vận dụng cao
	Tình trạng ô nhiễm môi trường	Hiểu được tầm quan trọng của rừng nói riêng và môi trường	Viết một bài văn NLXH trình bày được tầm quan trọng của	



Học văn – văn học

		nói chung	môi trường và tình trạng ô nhiễm môi trường cũng như giải pháp.	
--	--	-----------	---	--



C/ BÀI TẬP MINH HỌA.



Học văn – văn học

Câu 1: Anh, chị hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ của mình về *tâm lòng nhân hậu trong cuộc sống*.

Gợi ý:

1- Giải thích:

Nhân hậu là lòng tốt của con người đối với nhau. Là biểu hiện của những đức tính tốt đẹp, thương yêu giúp đỡ nhau giữa người với người trong cuộc sống. Lòng nhân hậu là một phẩm chất cần thiết ở một con người chân chính.

2- Bàn luận, mở rộng vấn đề:

- Trong cuộc sống, cần có tấm lòng nhân hậu của con người với con người. Đó là lối sống có trước có sau, biết làm việc thiện, giàu lòng vị tha. Chính điều ấy sẽ tạo nên một cuộc sống xã hội, gia đình tràn ngập hạnh phúc, tình thương yêu, nhân ái. Mọi người sống hiền hòa, vui vẻ, bao dung, hiểu nhau.

- Người có tấm lòng nhân hậu là người sẵn lòng giúp đỡ, sẵn lòng chia sẻ với người khốn khó, tha thứ lỗi lầm của người khác, kể cả những người không thân thuộc. Người có lòng nhân hậu biết chấp nhận con người không hoàn hảo, cái riêng của người khác như chấp nhận chính bản thân mình, biết dùng tình thương yêu, chia sẻ để cảm hóa. Lòng nhân hậu khiến ta nghĩ đến điều thiện, có sự giúp đỡ, làm vơi nhẹ gánh nặng của nhiều người.

- Nếu cuộc sống thiếu tấm lòng nhân hậu thì trong xã hội sẽ chỉ còn những mưu toan, tính toán, những hằn học, bon chen và sự vô cảm thiếu tình người.

- Tuy nhiên lòng nhân hậu cũng cần đặt đúng chỗ. Có như thế mới phân biệt được thiện ác trong cuộc đời.

3- Bài học nhận thức và hành động:

- Mỗi người cần rút ra cho bản thân một bài học: cần có tấm lòng nhân hậu trong cuộc sống. Mọi người trong gia đình, xã hội cần biết quan tâm, đối xử tốt với nhau, giúp đỡ nhau trong những tình huống cuộc sống.

- Cần tìm hiểu những người xung quanh mình. Có những hành động thiết thực của mình từ chính gia đình, nhà trường, xã hội.

Câu 2: Suy nghĩ của anh (chị) về câu chuyện sau:

Diễn giả Lê-ô Bu-sca-gli-a lần nọ kể về cuộc thi mà ông làm giám khảo. Mục đích của cuộc thi là tìm ra đứa trẻ biết quan tâm đến người khác nhất. Người thắng cuộc là một em bé bốn tuổi.

Người hàng xóm của em là một ông lão vừa mất vợ. Nhìn thấy ông khóc, cậu bé lại gần rồi leo lên ngòai vào lòng ông. Cậu ngồi rất lâu và chỉ ngồi như thế. Khi mẹ em hỏi em đã trò chuyện gì với ông ấy, cậu bé trả lời: “Không có gì đâu ạ. Con chỉ để ông ấy khóc”.

(Theo *Phép màu nhiệm của đời*- NXB Trẻ, 2005).

Gợi ý:

1. Giải thích ý nghĩa câu chuyện.

- Diễn giả Lê-ô Bu-sca-gli-a kể câu chuyện về một cậu bé bốn tuổi được bình chọn là đứa trẻ quan tâm đến người khác nhất chỉ vì hành động rất đơn giản của em. Người hàng xóm của em là một ông lão vừa mất vợ. Nhìn thấy ông khóc, em lại gần rồi leo lên lòng ông. Em ngồi rất lâu như thế chỉ để ông ấy khóc.

- Hành động ngồi im thể hiện sự đồng cảm, chia sẻ của cậu bé với nỗi đau của người khác. Phù hợp với tâm lí, tính cách của một đứa trẻ 4 tuổi (chưa thể có những cử chỉ vỗ về, những lời động viên an ủi...). Hành động tuy đơn giản nhưng xuất phát từ tình cảm chân thực nên đã chiếm được cảm tình của giám khảo.

- Qua câu chuyện, diễn giả Lê-ô Bu-sca-gli-a muốn đề cao sự cảm thông chia sẻ giữa con người với nhau trong cuộc sống.

2. Bàn luận, mở rộng vấn đề.

- Cảm thông, chia sẻ là tình cảm giữa con người với nhau: yêu thương, động viên, giúp đỡ nhau vượt lên được những khó khăn trong cuộc sống.



Học văn – văn học

- Sự cảm thông, chia sẻ vô cùng cần thiết trong cuộc sống con người:

+ Trong cuộc sống đầy những khó khăn, con người luôn phải cố gắng nỗ lực song không phải bao giờ mọi việc cũng diễn ra theo ý muốn. Nhiều khi con người phải đối mặt với những thất bại, mất mát, thậm chí tuyệt vọng cùng cực. Khi đó con người cần sự giúp đỡ, động viên chia sẻ của cộng đồng. (Dẫn chứng).

+ Sự cảm thông chia sẻ giúp con người vượt nỗi đau, sự mất mát, có thêm nghị lực, sức mạnh niềm tin trong cuộc sống, làm cho mối quan hệ giữa con người và con người ngày càng tốt đẹp hơn, thân thiện gắn bó hơn.

- Có nhiều cách thể hiện sự cảm thông chia sẻ: lời nói, cử chỉ, việc làm thiết thực tùy theo hoàn cảnh, phụ thuộc tâm lí người được chia sẻ. Song điều cơ bản nhất là phải xuất phát từ tình cảm, sự rung động chân thành.

- Qua câu chuyện về sự cảm thông chia sẻ từ một đứa trẻ bốn tuổi, diễn giả muốn khẳng định: lòng vị tha, yêu thương là bản chất vốn có của con người, vì vậy cần vun xới cho đức tính đó được phát triển đến khi đứa trẻ đó trưởng thành.

- Phê phán những người có lối sống ích kỉ, ngoảnh mặt làm ngơ trước những khó khăn bất hạnh của người khác.

3. Bài học nhận thức và hành động.

Để cho cuộc sống trở nên tốt đẹp, con người phải có tình thương vị tha nhân ái, biết chia sẻ gắn kết với nhau.

Câu 3: Suy nghĩ của anh (chị) về vấn đề bạo lực học đường hiện nay?

Gợi ý:

1. Giải thích khái niệm:

- *Bạo lực học đường* là những hành vi thô bạo, tàn nhẫn, bất chấp công lý, đạo lý, xúc phạm, trấn áp người khác gây nên những tổn thương cho con người trong phạm vi trường học.

- *Bạo lực học đường* diễn ra dưới nhiều hình thức: bạo lực thể xác và bạo lực tinh thần.

2. Thực trạng:

- Bạo lực học đường hiện nay có xu hướng gia tăng nhanh chóng, phát triển phức tạp, diễn ra ở nhiều nơi, do đó đang trở thành một vấn nạn của xã hội.

- Bạo lực học đường diễn ra dưới nhiều biểu hiện phức tạp:

+ Xúc phạm, lăng mạ, sỉ nhục, chà đạp nhân phẩm, làm tổn thương về mặt tinh thần con người thông qua lời nói.

+ Đánh đập, hành hạ, làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể con người thông qua những hành vi bạo lực.

+ Một bộ phận thanh niên coi đó là thú vui...

3. Hậu quả:

- Với nạn nhân: tổn thương về thể xác, tinh thần, gây tâm lý nặng nề, ảnh hưởng đến cuộc sống, học tập.

- Làm biến thái môi trường giáo dục.

- Với xã hội: tạo tâm lý bất ổn, lo lắng, hoang mang.

- Với người gây ra hành vi bạo lực: con người phát triển không toàn diện; mầm mống của tội ác; làm hỏng tương lai của chính mình; bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét.

4. Nguyên nhân:

- Sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, thiếu kỹ năng sống, sai lệch trong quan điểm sống.

- Có những căn bệnh tâm lý.

- Do ảnh hưởng của môi trường văn hóa bạo lực từ cuộc sống và phim ảnh.

- Thiếu sự quan tâm của gia đình.

- Sự giáo dục trong nhà trường: nặng về dạy kiến thức văn hóa, chưa thật chú trọng dạy kỹ năng sống cho học sinh.



Học văn – văn học

- Xã hội chưa có sự quan tâm đúng mức, chưa có những giải pháp thiết thực, đồng bộ, triệt để.

5. Giải pháp:

- Xã hội cần có những giải pháp đồng bộ. Cần phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục học sinh.

- Tăng cường giáo dục đạo đức, dạy kỹ năng sống, vươn tới những giá trị chân, thiện, mỹ.

- Có những biện pháp quyết liệt để giáo dục, răn đe, làm gương cho người khác.

6. Liên hệ bản thân:

- Có quan điểm nhận thức hành động đúng đắn, hình thành những quan niệm sống tốt đẹp.

- Đấu tranh, tố cáo những hành vi bạo lực học đường.

Câu 4: Nhà văn Nga L. Tôn-xtôi cho rằng:

Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống.

Suy nghĩ của Anh/chị về câu nói trên.

Gợi ý:

1. Giải thích:

- *Quà tặng bất ngờ của cuộc sống*: những giá trị vật chất, tinh thần mà người khác trao cho mình; những cơ hội, may mắn bất ngờ do khách quan đem lại.

- Nội dung của câu nói: khuyên con người cần có thái độ sống chủ động, không nên trông chờ vào người khác. Cuộc sống của mỗi người do chính mỗi chúng ta tạo nên.

2. Bàn luận, mở rộng vấn đề:

- Trong cuộc đời của mỗi người đôi khi sẽ nhận được quà tặng bất ngờ từ cuộc sống. Khi đó ta sẽ có may mắn được hưởng niềm vui, hạnh phúc trong cuộc đời. Không thể phủ nhận ý nghĩa và giá trị của *quà tặng bất ngờ* mà cuộc sống đem lại cho con người, vấn đề là biết tận dụng, trân trọng quà tặng ấy như thế nào.

- Tuy nhiên, cuộc sống không phải lúc nào cũng là thảm đỏ trải đầy hoa hồng, cuộc sống là một trường tranh đấu, cuộc sống luôn tiềm ẩn những khó khăn, phức tạp. Muốn cuộc sống của chính mình tốt đẹp thì hãy tự mình làm nên cuộc sống.

- Nhiều người khi nhận được quà tặng bất ngờ: có tâm lý chờ đợi, ỷ lại, thậm chí phung phí những quà tặng ấy. Phê phán một số người thụ động, thiếu ý chí vươn lên, chỉ chờ đợi những quà tặng bất ngờ mà không tự mình làm nên cuộc sống.

3. Bài học nhận thức, hành động:

- Phải chủ động trang bị kiến thức, rèn luyện cách sống bản lĩnh, có lí tưởng, có ước mơ để làm nên những điều kỳ diệu cho cuộc sống của chính mình.

- Phải thấy rằng, *cuộc sống là nguyên liệu thô, chúng ta là những nghệ nhân. Nhào nặn nên một tác phẩm tuyệt đẹp hay một vật thể xấu xí tất cả đều nằm trong tay chúng ta.*

Câu 5: Nhà văn V. HuyGô từng nói: “*Trên đời này chỉ có một thứ mà ta phải cúi đầu thán phục đó là tài năng và chỉ có một thứ mà người ta phải quỳ gối tôn trọng đó là lòng tốt*”.

Anh/chị bình luận ý kiến trên.

Gợi ý:

1. Giải thích ý nghĩa câu nói:

- *Tài năng*: Khả năng đặc biệt, sự khéo léo hơn người, trí sáng tạo vượt bậc.

- *Lòng tốt*: Tấm lòng vị tha, khoan dung và nhân hậu:

Đây là hai phẩm chất đặc biệt quý giá ở con người, thuộc hai lĩnh vực trí tuệ và tâm hồn của con người.

- *Cúi đầu thán phục và quỳ gối tôn trọng* là cách nói hình ảnh thể hiện thái độ đánh giá cao nhất đối với những phẩm chất quý giá của con người đồng thời cũng bộc lộ một quan điểm về cách đánh giá con người: Chỉ đề cao, coi trọng tôn vinh những gì đẹp đẽ, có giá trị trong trí tuệ và phẩm cách của con người, coi đó là cái duy nhất đáng coi trọng, ngưỡng mộ.

2. Phân tích, lý giải:



Học văn – văn học

- Vì sao *phải cúi đầu thán phục đối với tài năng*: Vì *tài năng* là biểu hiện cao nhất của khả năng trí tuệ của con người, là điều kiện tốt nhất để con người khẳng định giá trị của bản thân và đóng góp cho cuộc sống chung của cả cộng đồng. Đối diện với tài năng, ta không chỉ được chiêm ngưỡng, thán phục mà còn được mở rộng tầm hiểu biết, nâng cao nhận thức để tự hoàn thiện bản thân.

- Vì sao *phải quý gối tôn trọng đối với lòng tốt*: Vì *lòng tốt* xét đến cùng là sự hy sinh, dâng hiến cho người, cho đời trên cơ sở của tinh thần nhân đạo. Để tốt với người, với đời, mỗi cá nhân cần biết vượt qua những nhu cầu cá nhân ích kỷ, biết đứng cao hơn chính bản thân mình để có thể yêu thương thật lòng, giúp đỡ chân tình, tha thứ thực sự. Những nỗ lực vì người khác xuất phát từ lòng tốt luôn đáng để tôn vinh.

3. Bàn luận, mở rộng vấn đề:

- Vị thế của chủ thể câu nói: Một nhà văn lớn (hội tụ cả hai yếu tố tài năng và tấm lòng), người hơn ai hết hiểu sâu sắc ý nghĩa, giá trị của tài năng, tấm lòng trong văn chương cũng như cuộc sống. Ở vị thế ấy, thái độ đề cao là một tất yếu.

- Mặt tích cực: Đề xuất một cách đánh giá và một thái độ đúng đắn đối với những giá trị tốt đẹp của con người. Tài năng bao giờ cũng cần được đề cao, và lòng tốt bao giờ cũng cần được coi trọng. Mọi biểu hiện miệt thị lòng tốt và phủ nhận tài năng đều cần phải lên án, phê phán.

- Mở rộng, nâng cao:

+ Không nên tuyệt đối hoá vị trí của tài năng và lòng tốt vì trong cuộc sống, trong con người vẫn còn có nhiều phẩm chất khác cần được coi trọng.

+ Cần xác lập mối quan hệ giữa tài năng và lòng tốt (liên hệ với quan điểm của Hồ Chí Minh: Có tài mà không có đức là vô dụng. Có đức mà không có tài không làm được việc gì).

4. Bài học nhận thức và hành động

Câu 6: Có ý kiến cho rằng: *Cuộc sống là nguyên liệu thô, chúng ta là những nghệ nhân. Nhào nặn nên một tác phẩm tuyệt đẹp hay một vật thể xấu xí tất cả đều nằm trong tay chúng ta.*

Suy nghĩ của Anh/chị về nhận định trên.

Gợi ý:

1 Giải thích.

- *Cuộc sống là nguyên liệu thô*: Cách nói hình ảnh để chỉ những bộn bề phức hợp của cuộc sống: thuận lợi và khó khăn, tốt đẹp và ác xấu, bình lặng và bão giông.

- *Nghệ nhân*: con người tài năng, tâm huyết đạt đến độ tinh túy trong công việc của mình.

- *Nhào nặn nên một tác phẩm tuyệt đẹp hay một vật thể xấu xí tất cả đều nằm trong tay chúng ta*: Từ nguyên liệu cuộc sống mỗi người sẽ tạo nên tác phẩm cuộc đời của mình.

- Câu nói đã khẳng định và đề cao vai trò quyết định của mỗi cá nhân đối với cuộc sống của chính mình. Chính thái độ sống, năng lực sống của bản thân sẽ làm nên giá trị, ý nghĩa cuộc sống của mỗi người.

2. Bàn luận, mở rộng.

- Đây là một quan điểm sống tích cực, mạnh mẽ và sâu sắc.

- Cuộc sống luôn mang trong mình những bộn bề, phức tạp, nếu chúng ta sống một cách chủ động và tích cực, biết gạt bỏ những cái xấu, tận dụng và phát huy những điều tốt đẹp, biến khó khăn, thử thách thành cơ hội thì ta sẽ có một *tác phẩm* cuộc đời mình thật *tuyệt đẹp*.

- Nếu buông xuôi và phó mặc, bị động và để cuộc sống trôi đi, khi ấy tác phẩm cuộc đời của mỗi chúng ta chỉ là những *vật thể xấu xí*.

- Mở rộng và nêu phản đề: Tuy nhiên, không phải lúc nào, không phải với bất cứ ai, muốn trở thành thế nào cũng được. Tác phẩm cuộc đời của mỗi người còn chịu sự tác động không nhỏ của hoàn cảnh khách quan.

3. Liên hệ bản thân và rút ra bài học.

Mỗi người phải chủ động trang bị kiến thức, rèn luyện cách sống bản lĩnh, có lí tưởng, có ước mơ. Hãy cố gắng trở thành những nghệ nhân chuyên tâm và tài hoa nhất để làm nên tác phẩm tuyệt đẹp cho cuộc đời mình.



Học văn – văn học

Câu 7: Suy nghĩ của anh/chị về câu nói của nhà thơ Pháp Phrăngxo Côpê: “*Người ta chỉ xấu xa trước đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỉ*”.

Gợi ý:

1. Giải thích ý nghĩa câu nói:

- *Phường ích kỉ*: Là những người chỉ biết sống cho riêng mình, không quan tâm đến người khác, luôn lo sợ người khác động chạm, nhờ vả mình. Những người đó luôn sống thu mình, không giao tiếp và khi cần giao tiếp bao giờ cũng tính đến cái lợi cho bản thân.
- *Đôi mắt ráo hoảnh*: cái nhìn lạnh lùng, không có tình cảm con người.
- *Người ta chỉ xấu xa trước đôi mắt ráo hoảnh của phường ích kỉ*: Những người ích kỉ không bao giờ nhìn thấy mặt tốt đẹp mà chỉ nhìn thấy những mặt xấu của người khác.

2. Bàn luận, mở rộng vấn đề:

- Khẳng định ý nghĩa đúng đắn: Câu nói của nhà thơ Pháp hoàn toàn đúng đắn, thể hiện cách nhìn, cách đánh giá phiến diện một chiều về con người của những kẻ ích kỉ. Người ích kỉ luôn coi trọng bản thân nên có cách nhìn, đánh giá cuộc đời, xã hội theo cách riêng của mình mà đặc trưng là xem thường, coi khinh người khác. Người ích kỉ không hề có sự đồng cảm sẻ chia. Vì vậy tất cả những ai không liên quan đến họ, không đem lại lợi ích cho họ đều là kẻ xấu xa. Đây là cách nhìn nhận sai trái cần loại bỏ.

- Cách nhìn nhận đúng đắn về con người:

+ Để có cách nhìn nhận, đánh giá đúng về con người cần sống vị tha, nhân ái, đặt mình vào vị thế của người khác để hiểu rõ hoàn cảnh của họ.

+ Con người ai cũng có mặt tốt, mặt xấu, cần nhìn nhận đánh giá đầy đủ, toàn diện, cố gắng nhìn ra những mặt tốt của họ để dễ dàng thông cảm, tha thứ.

3. Bài học nhận thức và hành động:

- Sống hoà mình vào tập thể cộng đồng, không ích kỉ, vụ lợi cá nhân.
- Đấu tranh chống những biểu hiện của lối sống ích kỉ, cá nhân chủ nghĩa, hướng tới xã hội tốt đẹp.

Câu 8: Suy nghĩ của anh/chị về câu tục ngữ: “*Một điều nhịn là chín điều lành*”.

Gợi ý:

1. Giải thích ý nghĩa câu nói:

- *Nhịn*: là nhún nhường, biết kiềm chế nóng giận, biết lắng nghe ý kiến của người khác, luôn giữ được hoà khí trong giao tiếp, ứng xử, tránh xung khắc đối đầu.
- *Lành*: kết quả tốt đẹp, thoả đáng, đúng như mong muốn.
- *Một, chín*: những con số có tính chất ước lệ.
- *Cả câu*: Cha ông ta khuyên trong cuộc sống nên biết nhường nhịn, nhẫn nhịn để tạo mối quan hệ tốt lành, thân ái.

2. Bàn luận, mở rộng vấn đề:

- Khẳng định mặt đúng của câu tục ngữ: Câu tục ngữ thể hiện một quan niệm xử thế đúng đắn của cha ông ta. Bởi vì cuộc sống vốn đa dạng phức tạp. Một con người thường có rất nhiều mối quan hệ khác nhau (trong gia đình, ngoài xã hội). Muốn phát triển, con người phải biết đoàn kết hợp tác với nhau để tăng cường sức mạnh, đem lại hiệu quả cao nhất. Sự hoà thuận trong giao tiếp là vô cùng cần thiết vì đó là cách ứng xử có hiệu quả, là phương châm sống tốt nhất. (Thí sinh cần nêu và phân tích được các dẫn chứng thực tế trong gia đình, ngoài xã hội để chứng minh).

- Tuy nhiên cần thấy rằng câu tục ngữ chỉ nêu lên một cách rất chung chung. Trong thực tế đời sống, không phải sự nhẫn nhịn, nhún nhường bao giờ cũng là giải pháp tốt nhất. Khi đối mặt với cái xấu, cái ác thì sự nhẫn nhịn lại đồng nghĩa với thái độ hèn nhát, nhu nhược, lại trở thành tiêu cực vì nó cản trở sự vươn lên, hoàn thiện của bản thân mỗi người cũng như của cả cộng đồng. (Thí sinh cần nêu và phân tích được các dẫn chứng thực tế để chứng minh).

3. Bài học nhận thức và hành động:

- Tùy từng tình huống, hoàn cảnh, đối tượng cụ thể để lựa chọn cách ứng xử phù hợp.
- Trong giao tiếp cần có thái độ mềm dẻo, bình tĩnh nhưng có chừng mực, có nguyên tắc.



Học văn – văn học

- Quyết tâm chống lại cái ác, bảo vệ cái thiện, không làm ngơ trước những việc bất bình, phi pháp; mạnh dạn phê phán những thái độ, việc làm không đúng của mọi người xung quanh.

Câu 9: Trong bài thơ *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa* Nguyễn Duy viết:

*“Ta đi trọn kiếp con người
Vẫn không đi hết những lời mẹ ru”.*

Câu thơ trên gợi cho anh/chị suy nghĩ gì về tình mẫu tử?

Gợi ý:

1. Phân tích và lý giải:

Đòi hỏi vận dụng kiến thức, hiểu biết về nội dung và ý nghĩa của những lời ru; khả năng nhạy cảm để nhận biết bằng trái tim những mong ước và tình yêu thương của mẹ.

a. *Ý nghĩa của lời mẹ ru:* không chỉ là lời ca và giai điệu dễ dỗ dành trẻ nhỏ ngủ ngon mà còn là sự thể hiện tâm hồn, tấm lòng người hát ru. Tiếng ru của mẹ là tình cảm, là ước mong, là lời gửi gắm tâm tình của người mẹ với con mình. Nó chứa đựng trong đó cả một thế giới tinh thần mà người mẹ có được mà muốn xây dựng cho đứa con:

- Là lời yêu thương: chứa đựng tình yêu vô bờ bến của mẹ dành cho con. Trong tình yêu ấy, con là tài sản quý giá nhất, là niềm tự hào lớn đẹp nhất, là cả cuộc sống của người mẹ.

- Là lời cầu nguyện, ước mong: *lời ru* là sự gửi gắm mong ước về tương lai của con với sự trưởng thành về thể chất và tâm hồn, sự thành công trong cuộc sống.

- Là lời nhắn nhủ, khuyên răn, dạy bảo: Chứa đựng trải nghiệm của cuộc đời người mẹ, sự hiểu biết, khát vọng truyền thụ hiểu biết, kinh nghiệm của mẹ cho con, sự hiểu biết và kinh nghiệm về đạo làm người, về lẽ sống ở đời, về lẽ phải cần phải tuân theo, về những giới hạn cần biết dừng lại, về những cạm bẫy nguy hiểm nên tránh, về những bước đường mỗi người phải đi qua...

Cho dù là lời yêu thương, lời cầu nguyện hay lời nhắn nhủ thì cũng là chuẩn bị của người mẹ cho những đứa con trên con đường đời hiện tại và sau này của nó, sự chuẩn bị không chỉ bằng kiến thức kinh nghiệm mà bằng cả tấm lòng và tình yêu. Lẽ tự nhiên, trong mỗi người mẹ luôn bao gồm cả một nhà giáo dục và một phương pháp giáo dục của trái tim thấm đẫm yêu thương.

b. *Không đi hết:* Không thấy hết, không dùng hết, không thể hiểu biết hết, không sống hết những gì mẹ đã chuẩn bị cho con qua lời ru ấy:

- Tấm lòng bao dung vô bờ của mẹ.

- Sự che chở, nâng đỡ, dìu dắt trọn đời của mẹ qua những lời ru.

- Cảm giác thấm thía của người con qua trải nghiệm cuộc đời khi nhìn nhận lại, cảm nhận lại những gì có được từ lời ru và tình yêu của người mẹ.

Lời tri ân của người con với mẹ là lời ca ngợi sự vô giá, vô bờ bến của tình mẫu tử mẹ dành cho con. Câu thơ đọc lên giản dị và thấm thía đủ để mỗi con người được ngồi lại trong yên tĩnh để cảm động, suy nghĩ.

2. Bình luận, đánh giá:

a. Vai trò của tình mẫu tử:

- Là môi trường tốt nhất cho sự phát triển của tâm hồn và thậm chí cả trí tuệ của đứa con.

- Là điểm tựa cho lòng tin, sức mạnh của đứa con trong cuộc sống.

- Là cái gốc thiện, nguồn nuôi dưỡng lương tri, nhân phẩm của con người trong cuộc đời; có ý nghĩa cảnh giới con người khi đứng trước bờ vực của lầm lỗi và tội ác.

- Là nơi xuất phát và cũng là chốn về sau cùng của con người trong cuộc sống đầy bất trắc, hiểm nguy.

b. Biểu hiện của tình mẫu tử: Vô cùng đa dạng phong phú song đều hướng tới cái đích cuối cùng là cho con, vì con.

c. Thái độ cần có đối với tình mẫu tử: Không chỉ là đón nhận và cần sống, trải nghiệm và tự điều chỉnh bản thân để góp phần làm toả sáng giá trị thiêng liêng của tình mẹ trong chính cái kết tinh của tình mẹ thiêng liêng ấy là tâm hồn và sự sống của bản thân mình.



Học văn – văn học

Câu 10: Đọc đoạn tin sau:

Cô là người con gái thứ 20 trong một gia đình có 22 người con. Cô sinh thiếu tháng nên mọi người nghĩ cô khó mà sống được.

Nhưng cô vẫn sống khỏe mạnh. Năm lên 4 tuổi, cô bị viêm phổi và sốt phát ban. Sau trận ốm đó, cô bị liệt chân trái và phải chống gậy khi di chuyển. Năm 9 tuổi, cô bỏ gậy và bắt đầu tự đi. Đến năm 13 tuổi cô đã có thể đi lại một cách bình thường và cô quyết định trở thành một vận động viên điền kinh. Cô tham gia vào một cuộc thi chạy và về cuối cùng. Những năm sau đó cô đều tham dự tất cả các cuộc thi điền kinh, nhưng cũng đều về cuối. Mọi người nói cô nên từ bỏ nhưng cô vẫn tiếp tục theo đuổi ước mơ trở thành một vận động viên điền kinh. Và rồi cô đã chiến thắng trong một cuộc thi. Từ đó trở đi cô luôn chiến thắng trong tất cả các cuộc thi mà cô tham gia. Sau đó cô đã giành được ba huy chương vàng Olympic. Cô là Wilma Rudolph. (Wilma Rudolph là nữ vận động viên người Mỹ).

Em có suy nghĩ gì từ ý nghĩa đoạn tin trên?

Gợi ý:

1. Giải thích ý nghĩa của đoạn tin.

- Đoạn tin là một câu chuyện kì diệu về một nữ vận động viên nổi tiếng của Mỹ có tên là Wilma Rudolph. Từ một đứa trẻ kém may mắn: sức khỏe yếu vì sinh thiếu tháng, lên 4 tuổi bị liệt chân trái vì bệnh tật, Wilma Rudolph đã kiên trì tập luyện để có thể đi lại bình thường. Lên 9 tuổi cô đã đi lại được và có ước mơ trở thành vận động viên điền kinh. Sau nhiều lần thất bại (về cuối trong các cuộc thi) cô vẫn không nản lòng. Sau nhiều năm cố gắng cô đã chiến thắng và giành được ba huy chương vàng Olympic.
- Câu chuyện của Wilma Rudolph gợi suy nghĩ về tấm gương những con người không bao giờ chịu đầu hàng số phận: Wilma Rudolph đã vượt lên hoàn cảnh bất hạnh của bản thân không chỉ để trở thành con người bình thường mà còn trở thành con người xuất chúng.

2. Bàn luận, mở rộng vấn đề.

- Trong cuộc sống, có không ít người gặp phải hoàn cảnh bất hạnh (do bẩm sinh, do tai nạn, bệnh tật...). Nhiều người trong số đó đã vươn lên không ngừng, tự khẳng định mình “tàn nhưng không phế”.
- Câu chuyện của Wilma Rudolph và nhiều người khác gợi suy nghĩ:
 - + Sự khâm phục, ngưỡng mộ với những con người giàu ý chí, nghị lực trong cuộc sống.
 - + Không có khó khăn nào mà con người không thể vượt qua, điều quan trọng là cần phải có ý chí nghị lực, có hoài bão ước mơ, có tình yêu với cuộc sống.
- Trách nhiệm của mỗi người và toàn xã hội với họ:
 - + Cảm thông, tôn trọng chứ không xa lánh, ghê lạnh họ.
 - + Động viên, giúp đỡ, tạo điều kiện để họ phát huy khả năng.
- Phê phán một bộ phận không nhỏ (nhất là thanh niên) sống không có nghị lực, ý chí, ước mơ hoài bão.

3. Liên hệ bản thân và rút ra bài học.

Câu 11:

Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp.

(Bài kí đề danh tiến sĩ – 1442, Thân Nhân Trung).

Suy nghĩ của anh (chị) về nhận định trên.

Gợi ý:

1. Giải thích ý nghĩa của lời nhận định.

- **Hiền tài:** Trong quan niệm của người xưa, hiền tài là người có tài năng không những học rộng, hiểu nhiều mà còn có đủ tài giúp vua trị nước, đem lại cuộc sống thanh bình cho nhân dân. Hiền tài là người có cả đức hạnh, gương mẫu về đạo đức, suốt đời chăm lo, tu dưỡng phẩm hạnh cho bản thân, đem hết tài năng, đức hạnh phục vụ cho đất nước. Tóm lại hiền tài là những người có tri thức, đạo đức, có năng lực, tâm huyết và khát vọng cống hiến cho đất nước, dân tộc.
- **Nguyên khí:** là chất làm nên sự sống còn và phát triển của đất nước, xã hội.



Học văn – văn học

- Cả câu: Khẳng định vai trò, tầm quan trọng đặc biệt của hiền tài đối với quốc gia dân tộc. Bậc hiền tài có ý nghĩa quyết định đến sự thịnh suy của đất nước.

2. Bàn luận, mở rộng vấn đề.

- Khẳng định tính đúng đắn của nhận định: Câu nói của Thân Nhân Trung là tư tưởng quan trọng, là sự tổng kết đường lối chiến lược về văn hoá giáo dục. Đây là một tư tưởng hết sức đúng đắn, tiên bộ, có ý nghĩa trong mọi thời, mọi quốc gia dân tộc. Bởi vì ở thời nào, ở đất nước nào thì hiền tài vẫn là người tạo ra phần lớn những giá trị vật chất, tinh thần, đặc biệt ở họ có khả năng phán đoán và nhận định tình hình sáng suốt hơn người thường.

- Nhà nước có chính sách chăm lo nuôi dưỡng, đào tạo và đãi ngộ thích đáng với người hiền tài. Trong thời đại của nền kinh tế tri thức, thời đại mở cửa và hội nhập toàn cầu, chính sách phát triển văn hoá giáo dục ở mọi quốc gia, đặc biệt là các nước phát triển ngày càng được chú trọng. Với nước ta, giáo dục luôn được coi là quốc sách hàng đầu.

3. Bài học nhận thức và hành động.

- Ý thức được vai trò, tầm quan trọng của hiền tài đối với đất nước.

- Có thái độ trân trọng với bậc hiền tài.

- Bản thân cố gắng học tập tu dưỡng để trở thành người có ích cho đất nước.

Câu 12: Suy nghĩ của anh (chị) về ý nghĩa của bài thơ sau:

*Vì không có cảnh đông tàn
Thì không có cảnh huy hoàng ngày xuân
Nghĩ mình trong bước gian truân
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.
(Tự khuyên mình – Nhật kí trong tù – Hồ Chí Minh)*

Gợi ý:

1. Giải thích ý nghĩa của bài thơ.

- Bài thơ đề cập đến hiện tượng tự nhiên: Nếu không có cảnh mùa đông tàn thì cũng không có được cảnh huy hoàng của mùa xuân. Đông qua rồi mới đến xuân, đó là qui luật tất yếu của tự nhiên.

- Từ qui luật tự nhiên, bài thơ liên tưởng đến con người: Trong khó khăn gian khổ, nếu con người chịu đựng được, vượt qua được những khó khăn thử thách thì sẽ đến được với cảnh huy hoàng của cuộc sống.

- Những bước gian truân, tai ương gặp phải là những thử thách, rèn luyện làm cho tinh thần thêm hăng. Bài thơ thể hiện tinh thần lạc quan của người chiến sĩ cách mạng.

2. Bàn luận, mở rộng vấn đề.

- Khẳng định quan niệm của Bác trong bài thơ là hoàn toàn đúng:

+ Trong cuộc sống, không mấy ai không gặp khó khăn, gian khổ. Trước những trở ngại không được bi quan, chán nản mà phải giữ vững niềm tin vào lí tưởng, mục đích cuộc sống của mình.

+ Những vất vả, khó khăn gặp phải như cơn gió lạnh mùa đông. Nếu chịu đựng và vượt qua được mùa đông lạnh lẽo thì sẽ được sống trong cảnh huy hoàng của ngày xuân. Điều đó có nghĩa vượt qua gian khổ sẽ đến được với thành công. Niềm tin đó sẽ giúp chúng ta vươn lên trong cuộc sống. Chính trong gian khổ con người sẽ vững vàng hơn. Tai ương gặp trong cuộc đời sẽ giúp tinh thần thêm hăng hái. HS có thể lấy dẫn chứng (cuộc đời Bác Hồ và các chiến sĩ cách mạng trong đấu tranh là dẫn chứng hùng hồn về sự kiên trì, nhẫn nại, về quyết tâm vượt qua những thử thách, về niềm tin và tinh thần lạc quan cách mạng).

- Phê phán những kẻ sợ khó khăn gian khổ, hay nản chí ngã lòng, bi quan trước những khó khăn thử thách trong cuộc sống.

3. Bài học nhận thức và hành động.

- Sống ở trên đời, khi đã xác định được mục đích đúng đắn, muốn đi đến thành công thì phải trải qua những gian nan thử thách. Nếu vượt qua được chắc chắn sẽ đạt được điều ta mong muốn.

- Chấp nhận đương đầu với khó khăn thử thách, đem hết khả năng của mình góp phần vào sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp xây dựng và đổi mới đất nước.



Học văn – văn học

- Bài thơ giúp ta hiểu được qui luật tất yếu của cuộc sống, từ đó hăng hái học tập và rèn luyện.

Câu 13: Có ý kiến cho rằng: *Nếu anh bắn súng lục vào quá khứ thì tương lai sẽ bắn anh bằng đại bác.* Nhưng Tổng giám đốc tập đoàn Coca Cola, Bryan Dion lại khẳng định: *Bạn chớ để cuộc sống trôi qua kẽ tay vì bạn cứ mãi đắm chìm trong quá khứ hay ảo tưởng về tương lai. Chỉ bằng cách sống cuộc đời mình trong từng khoảnh khắc của nó, bạn sẽ sống trọn vẹn từng ngày của đời mình.*

Anh (chị) suy nghĩ như thế nào trước những lời khuyên ấy.

Gợi ý:

1. Giải thích.

- *Quá khứ*: là cái đã qua, là thời gian đã qua.
- *Hiện tại*: là cái đang xảy ra, là thời gian đang sống.
- *Tương lai*: là cái chưa tới, có thể xảy ra, là thời gian sắp tới, sẽ tới.
- *Bắn*: ẩn dụ, chỉ thái độ, cách đối xử của con người với quá khứ, tương lai.
- *Cuộc sống trôi qua kẽ tay*: để cuộc sống trôi qua phí hoài, vô ích, thái độ thờ ơ với cuộc sống.
- *Ý kiến thứ nhất*: Bằng cách nói hình ảnh: *bắn súng lục vào quá khứ, tương lai sẽ bắn anh bằng đại bác*, cách dùng hình ảnh mang ý nghĩa tăng tiến: *súng lục- đại bác*, người nói muốn khẳng định: Cách đối xử của mỗi người với quá khứ như thế nào thì tương lai họ nhận được sẽ như thế, thậm chí còn tồi tệ hơn thế. Câu nói *đề nghị một lối sống, một thái độ sống: trân trọng quá khứ, biết ơn quá khứ.*
- *Ý kiến thứ hai*: Bằng cách nói nhấn mạnh, phủ định để khẳng định: *chớ để... chỉ bằng cách... sống trọn vẹn từng ngày*, người nói muốn *đề nghị một lối sống: trân trọng từng khoảnh khắc của hiện tại, sống hết mình trong hiện tại.*
- Hai ý kiến tưởng chừng đối lập nhưng kì thực là sự bổ sung ý nghĩa cho nhau, cùng hướng con người tới một lối sống, một thái độ sống tích cực, đúng đắn: sống là phải biết trân trọng quá khứ, biết ơn nguồn cội. Song đồng thời phải biết đón nhận hiện tại, sống hết mình cho hiện tại và biết vun đắp cho tương lai.

2. Phân tích, bàn luận.

- Tại sao sống là phải biết *trân trọng quá khứ*?
 - + Quá khứ là truyền thống, là lịch sử, là nguồn cội, tổ tiên, là văn hoá, văn minh xưa... Quá khứ là những gì đã xảy ra, trôi qua, không bao giờ lấy lại được. Do đó, con người phải biết trân trọng quá khứ, nguồn cội..., trân trọng chính mình.
 - + Vì phải có quá khứ mới có hiện tại và tương lai, với quá khứ người ta xây dựng hiện tại và tương lai.
 - + Quá khứ chính là tấm gương soi để con người tự nhận thức và rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho mình.
 - + Nếu con người quay lưng, “bắn vào quá khứ”, con người sẽ trở thành những kẻ vô ơn, bạc nghĩa. Họ sẽ bị tương lai đáp trả hậu quả tương xứng.

VD:

Nếu cha mẹ không kính trọng ông bà, quay lưng lại truyền thống, nguồn cội... thì khó mà dạy dỗ con cháu; sau này họ cũng dễ bị con cháu khinh thường.

Đối với một quốc gia dân tộc, trong quá trình hội nhập văn hoá, nếu không biết giữ gìn bản sắc, sẽ dễ bị diệt vong.

vv...

- Tại sao phải biết *trân trọng hiện tại*, sống hết mình cho hiện tại?
 - + Vì hiện tại là cái đang hiện hữu, con người xây đắp những thứ quan trọng nhất trong hiện tại: những giá trị vật chất, những giá trị tinh thần...
 - + Hiện tại hôm nay cũng sẽ trở thành quá khứ ngày mai. Đời người là hữu hạn. Vì thế, nếu con người lãng quên hiện tại, tất yếu họ sẽ luôn phải nuối tiếc những gì đã trôi qua, không đạt được.
 - + Quá khứ dù đẹp đẽ, thiêng liêng, cũng là cái đã qua. Tương lai dù hấp dẫn nhưng nếu ta không thực hiện hôm nay thì cũng chỉ là mơ ước. Bởi vậy, mỗi người cần biết sống thực sự, ngay trong hiện tại.

3. Mở rộng.



Học văn – văn học

- Trăn trọng quá khứ là như thế nào?
- Trăn trọng hiện tại, sống hết mình trong hiện tại là ra sao?
- Nêu một số lối sống, thái độ sống chưa hợp lý:
 - + Hoặc quá đề cao quá khứ mà coi nhẹ hiện tại.
 - + Hoặc chạy theo chủ nghĩa hiện sinh, thực dụng mà lãng quên quá khứ.
- Bài học nhận thức, hành động của bản thân.

Câu 14: Hãy viết một bài văn trình bày suy nghĩ của anh (chị) về vấn đề lựa chọn nghề nghiệp của thanh niên hiện nay.

Gợi ý:

1. Giải thích

- Chọn nghề là cách lựa chọn công việc sẽ gắn bó với ta suốt đời. Nghề nghiệp ấy có ảnh hưởng to lớn đến đời sống tinh thần và vật chất của mỗi con người.
- Lựa chọn nghề nghiệp là mối quan tâm hàng đầu của thanh niên, nó có ý nghĩa quan trọng đối với sự thành đạt của mỗi cá nhân, nhất là trong xã hội hiện nay.

2. Bàn luận và chứng minh

- Sau khi kết thúc quá trình học tập ở nhà trường phổ thông, thanh niên đứng trước con đường lựa chọn nghề nghiệp cho mình. Nếu lựa chọn đúng, mỗi người sẽ có được niềm say mê, sự hứng thú với công việc, có cơ hội phát huy năng lực của bản thân. Nếu lựa chọn sai, chúng ta sẽ đánh mất cơ hội và công việc trở thành gánh nặng. Vì vậy cần chủ động, sáng suốt khi đối diện với vấn đề quan trọng này
- Xã hội ngày nay phát triển, các ngành nghề mở rộng, tạo ra nhiều việc làm, các loại hình đào tạo nghề cũng phong phú. Thông tin từ báo chí, truyền hình, từ các phương tiện thông tin khác cung cấp cho ta những hiểu biết về nghề nghiệp và nhu cầu của xã hội. Thanh niên được tự do, chủ động hơn về việc lựa chọn nghề

- Nhiều người đã xuất phát từ năng lực, sở thích, đam mê, năng khiếu và những điều kiện phù hợp với mình, để lựa chọn nghề. Nhưng có nhiều bạn trẻ chọn nghề theo xu hướng thời thượng, chỉ chú trọng những nghề được xã hội đề cao, hứa hẹn thu nhập cao mà không tính đến khả năng của bản thân và nhu cầu của thực tế. Nhiều người coi vào đại học là con đường duy nhất để dẫn đến tương lai, vì thế dẫn đến hiện tượng thừa thầy thiếu thợ, nhiều sinh viên ra trường không có việc làm, phải làm những công việc trái nghề.

3. Những giải pháp

- Mỗi bạn trẻ cần có ý thức về bản thân, có suy nghĩ nghiêm túc khi chọn nghề.
- Nhà nước cần có những định hướng lâu dài bằng cách mở hợp lý số trường đại học và dạy nghề để đáp ứng nhu cầu thực tế.

4. Suy nghĩ và liên hệ của bản thân

Câu 15: Trong thư gửi thầy hiệu trưởng của con trai mình, Tổng thống Mỹ A.Lin – còn viết:

“Xin dạy cho cháu biết đến thế giới kì diệu của sách, nhưng cũng để cho cháu đủ thời gian để lặng lẽ suy tư về sự bí ẩn muôn thuở của cuộc sống: đàn chim tung cánh trên bầu trời, đàn ong bay lượn trong nắng, và những bông hoa nở ngát trên đồi xanh...”

(Ngữ văn 10, tập 2, NXBGD, 2006)

Suy nghĩ của anh (chị) về đoạn thư trên.

Gợi ý:

1. Giải thích ý nghĩa đoạn thư:

- “Dạy cho cháu biết đến thế giới kì diệu của sách”: Biết thu nhận kiến thức từ sách vở, có niềm say mê khám phá thế giới kiến thức phong phú của sách.
- “Cũng để cho cháu đủ thời gian để lặng lẽ suy tư về sự bí ẩn muôn thuở của cuộc sống”: chú trọng rèn luyện tâm hồn nhạy cảm, biết quan tâm đến cuộc sống xung quanh, tự mình khám phá ý nghĩa của cuộc sống, vẻ đẹp của thế giới tự nhiên cũng như của con người.



Học văn – văn học

Đoạn thư là lời tâm sự, mong mỏi của một người cha đối với nhà trường, với các nhà giáo dục: Dạy cho con mình hiểu biết và trân trọng giá trị của sách vở và cuộc sống.

2. Bàn luận, mở rộng vấn đề:

- Đây là tâm tình của một người cha: thể hiện tình yêu con, mong muốn con trưởng thành.
- Lời đề nghị của ông với thầy hiệu trưởng, với nhà trường còn thể hiện mong ước của một người yêu thương, quan tâm đến sự phát triển toàn diện nhân cách của thế hệ trẻ.
- Nội dung lời đề nghị sâu sắc, chính đáng:
 - + Không phủ nhận vai trò quan trọng của sách, của kiến thức văn hóa do sách vở mang lại, vì đó là cả một “*thế giới kì diệu*”, rộng mở. Không có kiến thức văn hóa, con người thiếu nền tảng tri thức.
 - + Tuy nhiên, kiến thức cuộc sống thực tiễn của con người cũng quan trọng không kém, bởi đó là “*sự bí ẩn muôn thuở*” mà con người luôn cần khám phá, hiểu biết. Nó cần thiết và bổ ích cho con người, có tác động tích cực trong việc vun đắp bồi dưỡng tâm hồn, khơi dậy tình yêu cuộc sống.
 - + Vai trò của người thầy trong việc khơi dậy tinh thần tự học, lòng ham hiểu biết khám phá, chiêm nghiệm và “*lặng lẽ suy tư*” trước mọi vấn đề của đời sống của học sinh. Đó là điều quan trọng để học sinh có thói quen quan tâm đến mọi điều trong đời sống.
 - Phê phán quan điểm phiến diện: hoặc chỉ thấy vai trò của kiến thức sách vở, hoặc chỉ quan tâm đến thực tiễn.

3. Bài học nhận thức và hành động:

- Biết học trong sách vở nhưng cũng cần biết học ở cuộc sống, quan tâm đến đời sống xã hội. Đó là chìa khóa dẫn đến thành công của mỗi con người.
- Biết yêu cuộc sống, nhận ra vẻ đẹp từ những điều bình dị nhất của vạn vật quanh ta. Học kiến thức song song với rèn luyện đạo đức, bồi dưỡng tâm hồn. Đó là sự phát triển toàn diện nhân cách của con người.

Câu 16:

Một con chó tham ăn, một hôm nó đớp được miếng thịt của làng bày ra đình để khao làng. Con chó ba chân bốn cẳng tha miếng thịt đến bờ sông. Sợ người làng đuổi theo nên nó chạy về phía cầu để qua sông tẩu thoát. Khi đến giữa cầu, nó nhìn xuống dòng sông, thấy có một con chó khác đang ngoạm miếng thịt to hơn. Con chó tham ăn mới nghĩ: *Ta phải cướp miếng thịt của con chó kia mới được.* Nghĩ thế nào, làm thế ấy, nó bèn nhả miếng thịt đang ngoạm ra, rồi nhảy xuống sông để tranh miếng thịt với con chó kia. Vừa nhảy xuống sông thì bóng nước tan ra, nó vùng vẫy một thôi một hồi chẳng kiếm được gì, lúc bấy giờ mọi người đổ xô ra cầm đòn đánh chó. Nước cuộn mạnh, con chó bị chìm ngấm dưới dòng sông.

(Theo *Con chó và miếng thịt* - Truyện ngụ ngôn Việt Nam – Nguyễn Văn Ngọc, NXB Văn học, 2003.)

Câu chuyện trên gợi cho anh (chị) những suy nghĩ gì về cuộc sống?

Gợi ý:

1. Nhận thức về câu chuyện:

- Chuyện kể về một con chó đớp được một miếng thịt trong bữa cỗ làng và vội vàng tẩu thoát.
 - Khi đi qua chiếc cầu, nhìn xuống dưới thấy một con chó khác đang ngoạm một miếng thịt to hơn. Nó liền nhả miếng thịt đang ngoạm ra lao xuống tranh miếng thịt với con chó kia.
 - Nó không những không cướp được mà còn bị nước cuộn mạnh chìm ngấm dưới lòng sông.
- => Câu chuyện mượn hình tượng con chó tham lam để phê phán những kẻ ngu ngốc thiếu thực tế, *Thả mồi bắt bóng. Tham bát bỏ mâm, Thả con cá rô, vồ con sắn sất...*

2. Suy nghĩ của bản thân:

- Con người nhiều khi không ý thức được giá trị mà mình có, chỉ lo tìm kiếm những thứ viển vông, là cái bóng, là ảo ảnh, là không có thật, vì thế phải nhận những hậu quả đáng tiếc, thứ mà mình đang có cũng tuột khỏi tầm tay.
- Cái bóng bao giờ cũng đẹp, cũng lung linh nên con người dễ nhầm tưởng, lòng tham khiến họ lao vào nó mà quên đi thực tế. Câu chuyện trở thành một minh chứng sinh động nhằm phê phán những kẻ tham lam, ngu ngốc, thiếu hiểu biết.



Học văn – văn học

- Nhưng mặt khác, tham cũng có giá trị riêng của nó, tính tham sẽ là điều kiện tuyệt vời giúp chúng ta vượt qua những rào cản của bản thân, nhanh chóng chinh phục những mục tiêu xa hơn, lớn hơn, có lòng tham con người mới có động lực phát triển, có tham mới biến ước mơ thành hiện thực.
- Tuy nhiên lòng tham tự nó vốn dĩ khó đo lường và kiểm soát. Nếu tham quá đà con người sẽ không làm chủ được bản thân, biến mọi thứ thành tro bụi, hết như con thú trong truyện, chẳng những đánh mất miếng mồi mà còn mất đi mạng sống của mình nơi lòng sông lạnh lẽo.

3. Bài học nhận thức và hành động:

- Con người phải ý thức được thực tế, phải giữ gìn những gì mình đang có, đừng theo đuổi những cái viển vông.
- Chúng ta cần có tham vọng nhưng tham vọng phải có chừng mực, tránh biến thành kẻ tham lam, ngu ngốc, để rồi hối hận cũng không kịp.

Câu 17: Trình bày suy nghĩ của anh (chị) về câu chuyện ngụ ngôn sau đây:

CHIM CHÀNG LÀNG

Chàng Làng vẫn thường hãnh diện và kiêu ngạo về tiếng hót của mình hơn hẳn đồng loại. Nó có thể hót tiếng của nhiều loài chim.

Một hôm, nhân có mặt đông đủ bạn bè họ nhà chim, chú đậu tót lên cành cây cao rồi ưỡn ngực, vươn cổ cất tiếng hót. Chú hót say sưa, khi thì giống giọng của sáo đen, khi là giọng của chích chòe, hoạ mi...Ai cũng khen chú bắt chước giống và tài tình quá. Cuối buổi biểu diễn, một chú chim sâu đề nghị: *Bây giờ anh hãy hót tiếng của riêng anh cho bọn em nghe nào!* Chàng Làng đứng mãi mà không hót được giọng của riêng mình, Chàng Làng xấu hổ cất cánh bay thẳng. Bởi vì từ xưa đến nay, Chàng Làng chỉ quen nhại theo giọng hót của các loài chim khác chứ đâu chịu luyện một giọng hót riêng cho chính mình.

Gợi ý:

1. Nhận thức về câu chuyện:

- Câu chuyện kể về loài chim Chàng Làng(còn có tên khác là chim Bách Thanh), loài chim này có khả năng tuyệt vời là bắt chước giọng của những loài chim khác.
 - Bản thân chú chim này rất tự hào về khả năng của mình và khi có mặt đông đủ bạn bè, họ hàng nhà chim chú lại trình diễn năng khiếu ấy cho mọi người thưởng thức.
 - Tuy nhiên khi được đề nghị hót bằng giọng của mình thì chú xấu hổ bay đi mất vì xưa nay chú chỉ bắt chước, nhại theo chứ đâu có luyện cho mình một giọng hót riêng.
- => Câu chuyện phê phán thói bắt chước, nhại lại mà không chịu suy nghĩ, không chịu sáng tạo để làm nên phong cách riêng ở một số người.

2. Suy nghĩ của bản thân từ câu chuyện:

- Bắt chước là một thói quen được hình thành từ thuở ấu thơ, nó giúp con người học hỏi được mọi thứ từ thế giới xung quanh để thích nghi với cuộc sống.
- Bắt chước là giai đoạn đầu tiên của tư duy mà bất cứ ai cũng phải trải qua bởi khó có thể phát minh, sáng tạo ra cái mới nếu không dựa vào những ý tưởng cũ. Bắt chước trong một hoàn cảnh nào đó cũng được coi là tài năng nếu sự bắt trước y như thật.
- Tuy nhiên cuộc sống không ngừng đòi hỏi sự sáng tạo. Thành công của ngày hôm nay không thể giống với ngày hôm qua, ngày mai không thể giống ngày hôm nay vì thế con người không thể rập khuôn, bắt chước những cái đã có.
- Câu chuyện đã phản ánh một thực trạng trong xã hội: nói theo, viết theo, nghĩ theo, hành động theo...nhất là đối với học sinh hiện nay. Việc bắt chước một cách máy móc đã làm các em mất đi phong cách riêng của mình, thui chột khả năng sáng tạo, ảnh hưởng lớn tới sự phát triển trong tương lai.

3. Bài học nhận thức và hành động:



Học văn – văn học

- Trông cuộc sống không tự biến mình thành những con chim Chàng Làng.
- Không ngừng học hỏi, không ngừng tư duy, sáng tạo để khẳng định mình và đi tới thành công.

Câu 18: Trong bức thư của một du học sinh Nhật bản về “văn hóa Việt” có đoạn:

“Thật đáng tự hào vì Việt Nam có 4000 năm văn hiến. Thật xấu hổ nếu 4000 năm văn hiến chỉ là một chương trong sách lịch sử chứ không được thể hiện trong cách hành xử đời thường”.

Là một người Việt trẻ tuổi, anh/chị suy nghĩ như thế nào về ý kiến trên?

Gợi ý:

1. Giải thích ý kiến

- *Tự hào*: là sự hãnh diện, tự tin về điều gì đó.
- *4000 năm văn hiến*: là quá trình lịch sử dài lâu, gắn liền với công cuộc dựng nước và giữ nước, tạo nên những truyền thống văn hoá lâu đời và tốt đẹp của dân tộc.
- *Xấu hổ*: cảm giác hổ thẹn vì lỗi lầm hoặc sự kém cỏi, không xứng đáng.
- *4000 năm văn hiến chỉ là một chương trong sách lịch sử chứ không được thể hiện trong cách hành xử đời thường*: chỉ sự tương phản đầy nghịch lý, nhấn mạnh những truyền thống văn hoá lâu đời tốt đẹp chỉ là lý thuyết đóng khung trong sử sách, còn thực tế đời sống không chứng minh cho truyền thống văn hoá lâu đời đó.

Ý cả câu là một lời cảnh tỉnh đối với mỗi người Việt Nam: *không nên ngủ quên trong quá khứ và hãnh diện về truyền thống văn hoá lâu đời của dân tộc mà cần để truyền thống văn hoá tốt đẹp đó thể hiện trong thực tế cuộc sống hàng ngày.*

2. Phân tích lý giải

2.1. Vì sao nói “thật đáng tự hào vì Việt Nam có 4000 năm văn hiến”?

- Vì trong thực tế không phải dân tộc nào cũng có lịch sử phát triển lâu đời như vậy.
- Trong suốt 4000 năm dựng nước và giữ nước, cha ông ta đã tạo ra những giá trị vật chất và tinh thần, hình thành bản sắc văn hoá của dân tộc với những nét tốt đẹp, biểu hiện phong phú ở nhiều lĩnh vực của đời sống.

2.2. Vì sao nói “Thật xấu hổ nếu 4000 năm văn hiến chỉ là một chương trong sách lịch sử chứ không được thể hiện trong cách hành xử đời thường”?

- Vì 4000 năm văn hiến là nền tảng, hành trang quý báu, nhưng nó hoàn toàn là thành tựu của quá khứ. Không thể chỉ tự hào về những điều trong sử sách, vì văn hoá của một dân tộc cần biểu hiện thành những điều cụ thể trong cuộc sống hiện tại.
- Thực tế hiện nay đáng cảnh báo vì sự xuống cấp của những giá trị văn hoá trong lối sống, VD: truyền thống nhân đạo, tương thân tương ái ngàn xưa đang đứng trước nguy cơ bị đẩy lùi bởi thói vô cảm và chủ nghĩa cá nhân; truyền thống trọng tình nghĩa mai một trước chủ nghĩa thực dụng và toan tính....

3. Đánh giá

- Ý kiến trên có tác dụng nhắc nhở, cảnh tỉnh mỗi người Việt Nam nhìn lại chính mình, để biết trân trọng quá khứ của cha ông đồng thời có ý thức gìn giữ và phát triển những truyền thống văn hoá tốt đẹp trong hiện tại.
- Tuy nhiên, sẽ là phiến diện nếu không ghi nhận những tấm gương nỗ lực để bảo vệ và phát huy truyền thống đó trong đời sống. Từ đó, rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.

Câu 19: *Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố.*

(Trích Nhật ký Đặng Thùy Trâm)

Suy nghĩ của anh (chị) về câu nói trên.

Gợi ý:

1. Giải thích ý nghĩa câu nói:

- *Đời*: được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp, chỉ cuộc đời nói chung và cuộc đời mỗi con người nói riêng.



Học văn – văn học

- *Giông tố*: chỉ hiện tượng thiên nhiên dữ dội. *Giông tố cuộc đời* là chỉ những hoàn cảnh thử thách, những đau thương mất mát, những gian khổ nghiệt ngã trong cuộc sống của mỗi con người, rộng ra là cuộc sống của cộng đồng, dân tộc.

- *Cúi đầu*: là thái độ cam chịu, khuất phục.

- Câu nói của nữ liệt sĩ, bác sĩ Đặng Thùy Trâm khẳng định: cuộc đời mỗi con người có thể trải qua nhiều gian nan nhưng con người không được đầu hàng, khuất phục trước khó khăn, thử thách. Có như vậy chúng ta mới đạt được thành công, hạnh phúc và sống một cuộc sống có ý nghĩa.

2. Bàn luận, mở rộng vấn đề:

- Cuộc sống không phải lúc nào cũng là thảm đò trải đầy hoa hồng, cuộc sống là một trường tranh đấu. Bởi thế, cuộc sống luôn tiềm ẩn những khó khăn, phức tạp. Đặc biệt, để đạt được thành công, con người phải vượt qua nhiều chông gai, thử thách.

- *Giông tố* với những thử thách, gian nan chính là môi trường tôi luyện con người.

- Câu nói trên là tiếng nói của một thế hệ trẻ sinh ra và lớn lên trong thời đại đầy bão táp – thời điểm cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ diễn ra hết sức ác liệt, thể hiện ý chí, nghị lực vươn lên, sống thật đẹp và hào hùng.

- Câu nói thể hiện một quan niệm nhân sinh tích cực: sống không sợ gian nan, thử thách, phải có tinh thần dũng cảm, có nghị lực và bản lĩnh để vượt qua.

- Phê phán những người có thái độ sống ươn hèn, thụ động, không có ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống.

3. Bài học nhận thức và hành động:

- Trong cuộc sống cũng như trong học tập phải biết vượt lên chính mình, không nên chùn bước trước những khó khăn, bất trắc. Sống cần có lý tưởng, khát vọng và ước mơ.

- *Giông tố* không chỉ là thử thách với cuộc đời của mỗi con người mà còn là thử thách với một dân tộc. Hãy sống như thế hệ Đặng Thùy Trâm, một thế hệ đã dũng cảm vượt qua những bão táp của cuộc đời để đem lại cuộc sống tươi đẹp cho đất nước.

Câu 20:

TẤT CẢ SỨC MẠNH

Có một cậu bé đang chơi ở đồng cát trước sân. Khi đào một đường hầm trong đồng cát, cậu bé đụng phải một tảng đá lớn. Cậu bé liền tìm cách đẩy nó ra khỏi đồng cát.

Cậu bé dùng đủ mọi cách, cố hết sức lực nhưng rốt cuộc vẫn không thể đẩy được tảng đá ra khỏi đồng cát. Đã vậy bàn tay cậu còn bị trầy xước, rướm máu. Cậu bật khóc rầm rức trong thất vọng.

Người bố ngồi trong nhà lặng lẽ theo dõi mọi chuyện. Và khi cậu bé bật khóc, người bố bước tới: “Con trai, tại sao con không dùng hết sức mạnh của mình?”.

Cậu bé thỏ thẻ đáp: “Có mà! Con đã dùng hết sức rồi mà bố!”.

“Không con trai – người bố nhẹ nhàng nói – con đã không dùng đến tất cả sức mạnh của con. Con đã không nhờ bố giúp”.

Nói rồi người bố cúi xuống bới tảng đá ra, nhấc lên và vứt đi chỗ khác.

(Theo báo Tuổi trẻ - Bùi Xuân Lộc phỏng dịch từ Faith to Move Mountains).

Suy nghĩ của anh/chị về bài học rút ra từ câu chuyện trên.

Gợi ý:

a. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận

b. Giải thích nội dung, ý nghĩa câu chuyện và rút ra bài học

- Cậu bé đối diện với khó khăn, dù cố gắng hết sức vẫn thất bại, khóc và tuyệt vọng vì nghĩ rằng sức mạnh của con người nằm trong chính bản thân mình.



Học văn – văn học

- Người cha với lời nói và hành động mang đến một thông điệp: sức mạnh của mỗi người là sức mạnh của bản thân và sự giúp đỡ từ người khác.

=> Bài học: Tự lực là cần thiết nhưng nếu không biết dựa vào sự giúp đỡ từ người khác khi cần thiết cũng khó thành công hơn.

c. Bàn luận

- Tại sao mỗi người nên nhận sự giúp đỡ của người khác?
- + Thực tế cuộc sống đặt ra nhiều vấn đề phức tạp, bất ngờ vượt khỏi khả năng của mỗi cá nhân; có những vấn đề phải nhiều người mới giải quyết được.
- + Mỗi người luôn có khát vọng được thành công trên nhiều lĩnh vực.
- Ý nghĩa của sự giúp đỡ từ người khác:
- + Sự thành công sẽ nhanh và bền vững hơn.
- + Người nhận sự giúp đỡ có thêm sức mạnh và niềm tin, hạn chế được những rủi ro và thất bại.
- + Tạo lập mối quan hệ tốt đẹp, gắn kết giữa người với người, nhất là trong xu thế hội nhập hiện nay.
- Giúp đỡ không phải là làm thay; giúp đỡ phải vô tư, chân thành, tự nguyện.
- Phê phán những người tự cao không cần đến sự giúp đỡ của người khác, những người ỷ lại, dựa dẫm vào người khác.

d. Bài học nhận thức và hành động

- Phải nhận thấy sức mạnh của cá nhân là sức mạnh tổng hợp.
- Chủ động tìm sự giúp đỡ và chỉ nhận sự giúp đỡ khi bản thân thực sự cần.
- Có thói quen giúp đỡ mọi người.

Câu 21: Anh/chị có suy nghĩ gì về câu nói của Fran KA.Clark:

“Ai cũng muốn làm điều gì đó rất lớn lao, nhưng lại không nhận ra rằng cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ”.

(Dẫn theo “Hành trang vào đời”, NXB Tổng hợp tp Hồ Chí Minh - 2008, tr.38)

Gợi ý:

1. Giải thích:

- *Ai cũng muốn làm điều gì đó rất lớn lao*: khát vọng hướng tới những cái đích của đời người, làm thay đổi cuộc sống theo chiều hướng tốt đẹp hơn.
- *nhưng lại không nhận ra rằng cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ*: không ý thức được rằng những việc lớn bao giờ cũng phải bắt đầu từ nhiều việc nhỏ, như những dòng sông được tạo thành từ nhiều con suối...

2. Bình luận:

- Mơ ước làm nên điều lớn lao là nguyện vọng chính đáng của mọi người, cần được tôn trọng, động viên, khuyến khích.
- Nhưng phải luôn ý thức rằng:
 - + Một nhân cách hoàn thiện vốn được bồi đắp từ những việc làm rất nhỏ, nhất là những hành vi đạo đức, lối sống. Ý nghĩa của cuộc sống cũng được kiến tạo từ những điều đơn sơ, bình dị.
 - + Phê phán lối sống, cách nghĩ, lời nói ngụy biện: vì việc lớn mà quên việc nhỏ, muốn trở thành vĩ nhân mà quên mình cũng là một con người bình thường.

3. Bài học:

- Nhận thức sâu sắc rằng, việc gì nhỏ mấy mà có ích thì kiên quyết làm...
- Thường xuyên rèn luyện đức tính kiên nhẫn, bắt đầu từ những việc làm nhỏ để có thể hướng tới những điều lớn lao.

Câu 22:



Học văn – văn học

Câu chuyện của hai hạt mầm

Có hai hạt mầm nằm cạnh nhau trên một mảnh đất màu mỡ. Hạt mầm thứ nhất nói: Tôi muốn lớn lên thật nhanh. Tôi muốn bén rễ sâu xuống lòng đất và đâm chồi nảy lộc xuyên qua lớp đất cứng phía trên...

Tôi muốn nở ra những cánh hoa dịu dàng như dấu hiệu chào đón mùa xuân... Tôi muốn cảm nhận sự ấm áp của ánh mặt trời và thưởng thức những giọt sương mai đọng trên cánh lá.

Và rồi hạt mầm mọc lên.

Hạt mầm thứ hai bảo:

- Tôi sợ lắm. Nếu bén những nhánh rễ vào lòng đất sâu bên dưới, tôi không biết sẽ gặp phải điều gì ở nơi tối tăm đó. Và giả như những chồi non của tôi có mọc ra, đám côn trùng sẽ kéo đến và nuốt ngay lấy chúng. Một ngày nào đó, nếu những bông hoa của tôi có thể nở ra được thì bọn trẻ con cũng sẽ vặt lấy mà đùa nghịch thôi. Không, tốt hơn hết là tôi nên nằm ở đây cho đến khi cảm thấy thật an toàn đã.

Và rồi hạt mầm nằm im và chờ đợi.

Một ngày nọ, một chú gà đi loang quanh trong vườn tìm thức ăn, thấy hạt mầm nằm lạc lõng trên mặt đất bèn mổ ngay lập tức.

(THẢO NGUYỄN, Nguồn: Hạt giống tâm hồn - Từ những điều bình dị - First News và NXB Tổng hợp TPHCM phối hợp ấn hành)

Suy nghĩ của anh (chị) về vấn đề đặt ra trong câu chuyện trên?

Gợi ý:

1. Giải thích:

- Tóm tắt thật ngắn gọn truyện: Hạt mầm thứ nhất muốn lớn lên, bén rễ, đâm chồi nảy lộc, nở hoa dịu dàng nên đã mọc lên. Hạt mầm thứ hai sợ đất sâu tối tăm, sợ chồi non bị côn trùng nuốt, sợ trẻ con vặt hoa nên nằm im, chờ đợi, kết cục bị gà mổ tức khắc.
- Mượn câu chuyện hai hạt mầm, tác giả đã nêu lên và khẳng định một quan niệm nhân sinh đúng đắn, tích cực: Con người sống phải có ước mơ (mong muốn những điều tốt đẹp trong tương lai), dám đối đầu với khó khăn để biến ước mơ thành hiện thực và tỏa sáng. Sống không có ước mơ, hèn nhát, sợ hãi, thụ động... chỉ nhận được sự thất bại, thậm chí bị hủy diệt.

2. Lí giải vấn đề:

- Cuộc sống rất đa dạng và phong phú: có cơ hội cho con người lựa chọn nhưng cũng lắm thử thách gian nan. Hành trình sống của con người là không ngừng vươn lên để sáng tạo, in dấu ấn trong cuộc đời. Khó khăn không hoàn toàn là trở lực mà chính là động lực thôi thúc hành động, đạt tới thành công.
- Ước mơ tạo nên bản lĩnh, là nguồn sức mạnh tinh thần to lớn giúp con người vượt qua khó khăn “xuyên qua đá cứng” để sống và tận hưởng hương vị, vẻ đẹp của cuộc đời; là động lực thôi thúc con người tìm tòi, khám phá, đóng góp sức mình làm cho cuộc sống trở nên tươi đẹp hơn.
- Cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người có ước mơ, khát vọng và nỗ lực vượt khó, chinh phục mọi thử thách để sinh tồn và phát triển.
- Sợ hãi trước cuộc sống, không dám làm bất cứ điều gì, chỉ biết thu mình trong vỏ bọc hèn nhát, thụ động chờ đợi con người sẽ trở nên yếu hèn.
- Cuộc sống không ước mơ, không dám đương đầu với thực tế là cuộc sống vô vị, nhàm chán, sống thừa, sống vô ích, con người sẽ chỉ nhận được thất bại, thậm chí có thể tan biến trong cuộc đời.

(Trong quá trình lí giải cần chọn dẫn chứng minh họa)

3. Bàn luận

- Bên cạnh những người có ước mơ, không ngừng vươn lên để sáng tạo, cũng còn không ít người sợ hãi, né tránh gian khổ, khó khăn. Bên cạnh những ước mơ chính đáng, phù hợp với mục tiêu cao đẹp của cộng đồng cũng còn có ước mơ vụn vặt, tầm thường, vị kỉ.



Học văn – văn học

- Biểu dương những người có ước mơ, có nghị lực vươn lên. Phê phán những người sống không có ước mơ, thụ động, ngại khó ngại khổ, không có ý chí, nghị lực.

(dẫn chứng minh họa)

4. Liên hệ rút ra bài học về nhận thức và hành động.

Câu 23: Trình bày suy nghĩ của anh/chị về quan niệm sống thể hiện trong các câu sau:

- *Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối*

Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm

(trích *Giục giã* - Xuân Diệu)

- *Sống tung sóng gió thanh cao mới*

Sống mạnh dù trong một phút giây

(trích *Đi* - Tố Hữu)

- *Sống trong đời sống cần có một tấm lòng.*

(trích *Để gió cuốn đi* (ca từ) - Trịnh Công Sơn)

Gợi ý:

1. Giải thích:

- So sánh làm nổi bật quan niệm sống, khát vọng sống tích cực: phải hướng đến một đời sống tỏa sáng, có ý nghĩa (ngay cả khi “huy hoàng” chỉ diễn ra trong thoáng chốc). Đó là cách sống tận hiến, với khát vọng được làm chuyện lớn lao có ích cho đời cho mình, để có được những giây phút vinh quang, chói sáng...

- Sống trong sạch cao thượng, mạnh mẽ hào hùng giữa “sóng gió” cuộc đời và hướng theo cái mới. Khác với cách sống cũ: thụ động, buông xuôi, cam chịu, uơ hèn...

- Sống với một tấm lòng chân thật yêu thương, mở ra phía tha nhân ; sống trong tình thân ái, biết cảm thông, chia sẻ...

2. Bàn bạc:

- Không chấp nhận lối sống nhàn nhạt “lờ mờ, lẹt đẹt, luộm thuộm” (chữ của Nguyễn Tuân) vô nghĩa trong suốt đời người chính là thái độ sống đẹp của con người có khát vọng lớn lao.

- “Quăng thân vào gió bụi”, sống “thanh cao”, mạnh mẽ và hướng theo lí tưởng cao đẹp chính là lối sống tích cực, có trách nhiệm...

- Trải lòng để yêu thương, chia sẻ, “để gió cuốn đi” đến với mọi người gần xa, không tính toán vị kỉ chính là đạo lí rất đáng được ngợi ca.

- “Phút huy hoàng” trong cuộc đời thật quý và có ý nghĩa ; nhưng không thể vì thế mà đánh đổi cả phần đời còn lại. Con người không chỉ tỏa sáng trong chốc lát rồi vụt tắt. Đời người có lúc thăng hoa, có lúc trầm lắng và cũng khó tránh khỏi những lúc “le lói” buồn đau. Cũng có nhiều người sống âm thầm nhưng có ích cho xã hội. Nhưng cái đáng trân trọng là khát vọng được cháy hết mình, được tận hiến cho đời...

- Không phải lúc nào cũng sống mạnh, sống hùng ; có lúc cần lắng lòng trước cái đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, tình người...

- Và cũng không phải lúc nào cũng giao đãi với người bằng tình yêu thương, phải biết phần nộ và đấu tranh với cái xấu, cái ác. Mở lòng ra với mọi người song phải biết trân trọng giá trị cuộc sống của chính mình.

- Những quan niệm sống khác nhau, có thể bổ sung cho nhau, hướng con người theo một cách sống đẹp đẽ, hoàn thiện từ khát vọng đến hành động và tình cảm.

3. Bài học nhận thức và hành động:

- Nhận thức: Cần tự trang bị cho bản thân một quan niệm sống đúng đắn, đẹp đẽ.



Học văn – văn học

- Hành động: Mạnh mẽ trong thực hiện những dự định tốt đẹp ; trong sạch trong lối sống ; cao thượng, chân thành trong tình cảm.

Câu 24:

Câu chuyện về Chim én và Dế Mèn

Mùa xuân đất trời đẹp, Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim én thấy tội nghiệp bèn rủ dế mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim én đưa ra rất giản dị: hai Chim én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô, Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Máy nòng nân, trời đất gợi cảm, cỏ hoa vui tươi. Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man. Mèn ta chợt nghĩ bụng, ơ hay việc gì phải ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không? Nghĩ là làm, Mèn há mồm ra. Và nó rơi vào xuống đất như một chiếc lá lìa cành.

(Theo Đoàn Công Lê Huy trong mục “Trò chuyện đầu tuần” của báo Hoa Học Trò)

Suy nghĩ của anh/chị về bài học rút ra từ câu chuyện trên.

Gợi ý:

1. Xác định được ý nghĩa của câu chuyện:

- Chim én tốt bụng đã tặng Dế Mèn món quà thật tuyệt: một chuyến thưởng ngoạn khung cảnh mùa xuân tươi đẹp, ấm áp. Tiếc thay Dế Mèn không biết trân trọng món quà ấy. Từ người chịu ơn, Dế ảo tưởng mình là người ban ơn. Từ việc mình là gánh nặng của người khác, Dế đã tưởng người khác chính là gánh nặng của mình. Lòng ích kỷ, tính toán và sự ngộ nhận, ảo tưởng đã khiến Dế phải trả giá đắt: Dế “rơi vào xuống đất như một chiếc lá lìa cành”.

- Câu chuyện có hình thức như một truyện ngụ ngôn phản ánh một thực tế của con người hiện nay: đời sống hiện đại giúp con người có thể làm được nhiều việc hơn nhưng cũng khiến họ quá ảo tưởng về mình và cách suy nghĩ, lối sống cũng thực dụng hơn. Câu chuyện cảnh tỉnh các bạn trẻ hiện nay: đừng quá ảo tưởng về bản thân mình và không nên sống quá ích kỷ, toan tính. Xác định chính xác mình là ai và giúp đỡ người khác một cách không vụ lợi, bạn sẽ nhận được nhiều hơn những thứ bạn đã cho đi.

2. Rút ra bài học sống:

Câu chuyện “Chim én và Dế Mèn” ngắn gọn, dồn nén trong vài dòng ngắn ngủi nhưng lại chứa đựng rất nhiều bài học nhân sinh lớn. Mỗi người đều học được những bài học nhân sinh từ câu chuyện:

- Đó có thể là câu chuyện về **sự hợp tác và chia sẻ**: nếu biết hợp tác, chia sẻ tất cả mọi người sẽ cùng có lợi.

- Đó có thể là câu chuyện về **giá trị cuộc sống**: biết trân trọng những gì mình đang có thì sẽ cảm nhận được giá trị đích thực của cuộc sống. Những người không biết quý trọng những gì mình đang có sẽ không bao giờ hạnh phúc, thậm chí bất hạnh. Bởi vậy hạnh phúc là tùy thuộc vào chính ta.

- Đó có thể là câu chuyện về **niềm tin**: Lòng tốt là đáng quý nhưng lòng tin còn đáng quý hơn, chúng ta cần phải tin tưởng nhau để cuộc sống thoải mái, nhẹ nhàng hơn.

- Đó cũng có thể là bài học về **cách nhìn, cách cảm nhận**: với cái nhìn thiện cận, hời hợt ta sẽ không phát hiện đúng bản chất cuộc sống dẫn đến những quyết định sai lầm.

- Đó cũng có thể là bài học về **cho và nhận mà cả cho và nhận luôn luôn chuyển hóa**: tưởng rằng cho đi nhưng lại được nhận lại và ngược lại...

Điều quan trọng không phải là những thứ ta mang theo bên mình, mà là những gì ta đã đóng góp cho cuộc sống. Hãy quan tâm đến mọi người và tận hưởng cuộc sống, ta sẽ thấy cuộc sống có ý nghĩa hơn.

Câu 25:

“Ai cũng muốn làm điều gì đó rất lớn lao, nhưng lại không nhận ra rằng cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ” (Frank A.Clark)

Hãy viết một bài nghị luận ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.



Học văn – văn học

Gợi ý:

1. Giải thích ý kiến:

- *Ai cũng muốn làm điều gì đó rất lớn lao*: Khát vọng vươn tới những cái đích lớn của mỗi con người, làm thay đổi cuộc sống theo hướng đi lên, tốt đẹp hơn.

- *nhưng lại không nhận ra rằng cuộc sống được tạo thành từ những điều rất nhỏ*: song không ý thức được những việc lớn bao giờ cũng phải bắt đầu từ những việc nhỏ, như dòng sông được tạo từ nhiều con suối...

=> Ý cả câu: con người luôn có khát khao làm những điều lớn lao, kì vĩ mà lại quên rằng phải bắt đầu từ những điều rất nhỏ bé, bình thường.

2. Bình luận ý kiến:

- Mơ ước làm điều lớn lao là nguyện vọng chính đáng, cần thiết của mỗi người, cần được hoan nghênh, khuyến khích. (hs lí giải lấy dẫn chứng)

- Nhưng phải luôn ý thức được rằng:

+ Cuộc sống con người vốn là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, nhân cách con người cũng được tạo nên bởi sự kết hợp mọi bình diện từ nhỏ đến lớn những hành vi, đạo đức, lối sống, ... ý nghĩa, hạnh phúc của cuộc sống cũng được kiến tạo từ những điều đơn sơ, bình dị. (hs lấy dẫn chứng thực tế)

- Phê phán lối nghĩ, cách nói ngụy biện: vì việc lớn mà quên việc nhỏ, muốn trở thành vĩ nhân mà quên mình cũng là một con người bình thường.

3. Bài học nhận thức và hành động:

- Con người phải luôn có ý thức kiểm soát hành động và nhận thức rằng việc gì nhỏ mảy mà có ích kiên quyết làm...

- Thường xuyên rèn luyện đức tính kiên nhẫn, bắt đầu từ những việc làm nhỏ để có thể hướng tới những điều lớn lao.

Câu 26:

Martin Luther King – nhà hoạt động nhân quyền Mỹ gốc Phi, đã đạt giải Nobel Hoà bình năm 1964 cho rằng: “ *Trong thế giới này, chúng ta xót xa không chỉ vì lời nói và hành động của những kẻ xấu, mà vì còn sự im lặng đáng sợ của cả những người tốt*”

Anh, chị có suy nghĩ về ý kiến trên?

Gợi ý:

1. Giải thích ý kiến:

- Giải nghĩa một số từ và cụm từ:

+ “kẻ xấu” là những kẻ có tâm địa độc ác.

+ “lời nói và hành động của kẻ xấu”: những lời phỉ báng, gièm pha, bôi nhọ, vu oan giá hoạ, những hành động côn đồ hung ác làm tổn hại đến người khác.

+ “người tốt”: người nhân hậu, không làm gở phương hại người khác...

+ “im lặng”: không hành động, phản ứng gờ trước những việc làm của kẻ xấu hoặc thờ ơ, vô cảm trước nỗi đau của những người xung quanh.

+ “sự im lặng của cả người tốt”: thái độ bàng quan, thiếu trách nhiệm, lạnh lùng, vô cảm của những người vốn nhân hậu, khứng biết làm những hành động sai trái.... Đây cũng là một cách ứng xử tìu cực.

- Nội dung câu nói: Bày tỏ thái độ phê phán với những kẻ có tâm địa độc ác dùng lời phỉ báng, gièm pha, bôi nhọ, vu oan và có những hành động côn đồ hung ác làm phương hại đến những người khác; những người có thái độ thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những bất công, đau khổ của những người xung quanh.

2. Phân tích, bình luận ý kiến: (Phải có dẫn chứng)

- Đây là câu nói đầy tâm huyết của một người suốt đời phấn đấu vì quyền con người.

- Câu nói nêu đúng thực trạng đau lòng đang cú chiều hướng gia tăng trong xã hội, đặc biệt là thời điểm hiện nay.



Học văn – văn học

- Câu nói cho thấy người nói thấu hiểu sự nghiêm trọng của thực trạng đó với đời sống con người. Vỡ:
 - + Những lời vu cáo bịa đặt, những lời mạt sát xúc phạm danh dự nhân phẩm của người khác, những lời gièm pha...không chỉ làm tổn thương họ mà còn làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, gây mất đoàn kết trong tập thể...
 - + Những hành vi côn đồ độc ác, *ném đá giấu tay* làm tổn hại tinh thần, thể xác và tài sản của con người, gây tâm lý bất an, hoang mang trong xã hội.
 - + Thái độ thờ ơ trước những sự việc, những hành động trái với chuẩn mực đạo đức xã hội, trối pháp luật, sự vô cảm của con người khiến cái ác lộng hành thống trị xã hội, người tốt, người đáng thương không được bênh vực sẽ bị quan, chán nản, thiếu niềm tin, đạo đức con người bị băng hoại, kìm hãm sự phát triển của xã hội.
 - + Vô cảm, thiếu trách nhiệm trước nỗi đau người khác dần làm mất nhân cách của chính mình, nhờn lờ căn bệnh vô cảm ở mọi người trong xã hội.
- Câu nói nhắc nhở mọi người hướng đến một lối sống tích cực: sống có trách nhiệm, biết quan tâm chia sẻ với những đau khổ, bất hạnh của người khác cũng như kiên quyết đấu tranh chống lại những hành động làm tổn hại đến nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng, tài sản của những người xung quanh, chống lại bệnh thờ ơ, vô cảm.

3. Bài học về nhận thức và hành động:

- Bản thân cần nhận thức sâu sắc về sự nguy hại của những lời nói, hành động của kẻ xấu và sự thờ ơ, vô cảm.
- Rõn cho mình lối sống tích cực biết quan tâm, chia sẻ, yêu thương, có thái độ kiên quyết đấu tranh chống lại kẻ xấu và lối sống ích kỷ, thiếu trách nhiệm.

Câu 27:

“Trên con đường thành công không có vết chân của người lười biếng”

(Lỗ Tấn)

Viết một bài văn ngắn (không quá 600 từ) phát biểu suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến trên.

Gợi ý:

- Giải thích:

- + Người lười biếng là người lười suy nghĩ, lười học tập, lười lao động và làm việc.
- + Thành công là kết quả đạt được một cách mỹ mãn trong lĩnh vực nào đó mà con người theo đuổi .
Như vậy, Lỗ Tấn muốn nói : để thành công, người ta phải đổ mồ hôi, công sức, thời gian, trí tuệ, gian nan vất vả, thậm chí phải nếm trải những thất bại mới có được.
- + Vì sao Lỗ Tấn nói “Trên con đường thành công không có vết chân của người lười biếng”?
Vì con đường dẫn tới thành công là con đường chông gai, đầy khó khăn, thử thách chứ không phải bằng nhung lụa; là cả quá trình học tập, lao động, nghiên cứu, sáng tạo không ngừng, đòi hỏi con người phải cần cù, miệt mài, chịu khó và có ý chí quyết tâm cao mới thành. Không có một thành công, thành quả nào mà không phải đổi bằng mồ hôi , công sức.

-Suy nghĩ về vấn đề:

- + Câu nói của Lỗ Tấn là một chân lý, khẳng định được cái giá của sự thành công: bất cứ sự thành công nào cũng đổi bằng sự cần cù, chăm chỉ, kiên trì, chịu khó. Lười biếng, ỉ lại, ngại khó ngại khổ sẽ chẳng bao giờ làm được việc gì có ý nghĩa.
- + Có những trường hợp thành công bằng con đường khác nhưng thành công đó sẽ không bền và không có ý nghĩa .
- + Cần phê phán về thói lười biếng (trong công việc, học tập, lao động...)
- + Mỗi người phải nắm vững chân lý này để xây dựng cho mình một phương hướng cụ thể nhằm đạt được những thành công trong cuộc sống

Câu 28:

*“Ta hay chê rằng cuộc đời méo mó
Sao ta không tròn ngay tự trong tâm”*



Học văn – văn học

(Trích tự sự - Nguyễn Quang Hưng)

Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về ý nghĩa được gợi ra từ hai câu thơ trên.

Gợi ý:

1. Giới thiệu vấn đề cần nghị luận:

Thái độ của con người trước cuộc sống

2. Giải thích.

- Méo mó- tròn: Đối lập với nhau
 - Cuộc đời: là xã hội, là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, cuộc đời là cái khách quan là hệ quả do con người tạo ra
 - Tâm: là cái vô hình ẩn nấp trong con người, cái khẳng định giá trị con người, cái chủ quan do con người quyết định.
 - Ta thường hay chê: thói đời thường hay chê bai, khinh chê. Chính cái chê của ta có khi nó khiến cuộc đời trở nên méo mó trước mắt ta.
 - Cuộc đời méo mó: cuộc đời không bằng phẳng, chứa đựng nhiều điều không như con người mong muốn.
 - Tròn tự trong tâm: cái nhìn, thái độ, suy nghĩ đúng đắn của con người cần tích cực, lạc quan trước cuộc đời cho dù hoàn cảnh như thế nào.
- => Cuộc đời thường hay méo, nên con người cần tròn ngay từ trong tâm, tránh chỉ chê bai, oán trách.

3. Bàn luận

Bản chất cuộc đời là không đơn giản, không bao giờ hoàn toàn là những điều tốt đẹp, thậm chí có vô vàn những điều “méo mó” (HS nêu dẫn chứng từ đời sống và lý giải để thấy được bản chất thật của cuộc đời)

- Thái độ “tròn tự trong tâm” là thái độ tích cực, chủ động trước hoàn cảnh. Đây là thái độ sống đúng, làm đúng, không gục ngã trước khó khăn, trước phi lý bất công. Thái độ “tròn tự trong tâm” sẽ giúp ích nhiều cho cá nhân và xã hội (HS nêu dẫn chứng từ đời sống và lý giải để thấy được khi thái độ, suy nghĩ con người tích cực thì đem lại những giá trị gì?)
- Trong thực tế xã hội có những cá nhân có thái độ tiêu cực trước cuộc sống:
“Ta hay chê” Đây là thái độ cần phê phán (HS nêu dẫn chứng từ đời sống và lý giải)

4. Bài học nhận thức và hành động

- Con người hoàn toàn có thể thay đổi đời sống chỉ cần mỗi cá nhân chủ động, tích cực từ trong tâm.
- Câu thơ như một lời nhắc nhở, nêu lên một phương châm sống cho mỗi người trước cuộc đời

Câu 29: Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của mình về câu nói sau:

“Là người thợ mộc tài hoa đóng ra chiếc tủ đẹp, bạn sẽ không sử dụng mảnh gỗ tầm thường cho phần lưng tủ dù nó luôn xoay úp vào trong tường và chẳng ai có thể nhìn thấy. Song bạn vẫn biết rõ, nên dành cho nó mảnh gỗ đẹp”

Gợi ý:

1. Giải thích:

- Mặt lưng tủ xoay úp vào tường, chẳng ai nhìn thấy: những góc khuất trong cuộc sống.
 - Sử dụng mảnh gỗ tầm thường: Cách làm bừa, làm ẩu
- => Thể hiện một quan niệm sống: đề cao lối sống trung thực với chính mình và với mọi người.

2. Bàn luận, mở rộng:

- Bất kì sự vật, hiện tượng nào cũng là một chỉnh thể tròn vẹn, các bộ phận cùng gắn kết với nhau, tạo nên giá trị cho sự vật, hiện tượng đó. Nếu kém ở một khâu, một bộ phận nào đó sản phẩm sẽ không hoàn hảo, kém chất lượng, thậm chí gây nguy hiểm.
- Những người có lương tâm trách nhiệm sẽ không cho phép mình lừa dối mình, lừa dối người khác.
- Có nhiều người vì sự cầu thả, lợi ích trước mắt...vẫn bất chấp tất cả để tạo nên những sản phẩm có bề ngoài đẹp đẽ mà bên trong thì đầy lỗi.

3. Bài học:



Học văn – văn học

- Có lương tâm, trách nhiệm với công việc, sống trung thực với mình, với mọi người.
- Lên án những biểu hiện sai trái.

Câu 30: Anh/chị hãy trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến sau: “*Trách nhiệm chính là thứ mà con người đôi lúc cảm thấy bị ràng buộc nhất. Tuy nhiên, đó cũng chính là yếu tố cơ bản cần phải có để xây dựng và phát triển nhân cách của mỗi con người*”. (Frank Crane).

Gợi ý:

1. Giải thích ý kiến:

- Trách nhiệm: Là phần việc được giao cho hoặc coi như được giao cho, phải bảo đảm làm tròn, nếu kết quả không tốt thì phải gánh chịu phần hậu quả. Trách nhiệm còn là sự ràng buộc lời nói, hành vi của mình, bảo đảm đúng đắn, nếu sai trái phải chịu hậu quả.
- Ràng buộc: Đặt trong tình trạng có những điều bắt buộc phải làm trong quan hệ với người khác, làm cho hành động mất tự do.
- Nhân cách: tư cách và phẩm chất của con người
- Như vậy khi nói đến trách nhiệm của con người một mặt là nói đến những ràng buộc về lời nói, hành vi, việc làm của mình phải bảo đảm đúng đắn, hoàn thành nếu không sẽ phải gánh chịu hậu quả. Mặt khác chính trách nhiệm cũng là một yếu tố cơ bản để xây dựng và phát triển nhân cách của mỗi người.

2. Bàn bạc, mở rộng:

- Tại sao lại nói trách nhiệm là yếu tố đôi khi con người cảm thấy bị ràng buộc?
- + Khi được giao một công việc, nhiệm vụ nào đó, bắt buộc ta phải làm tròn, phải có trách nhiệm hoàn thành tốt, nếu không sẽ ảnh hưởng đến công việc, thành tích, danh dự, cuộc sống của bản thân và còn làm liên lụy đến người khác, ảnh hưởng xấu đến các tổ chức, tập thể...có liên đới.
- + Đó là những ràng buộc trong lời nói, hành vi của mình. Khi đã nói ra mỗi người phải chịu trách nhiệm về lời nói ấy: sự trung thực, đúng đắn, chính xác, tin cậy. Chịu trách nhiệm về lời nói của mình gắn liền với những hành động, việc làm cụ thể. Nói đi đôi với làm.
- + Mỗi người còn phải chịu sự ràng buộc trong hành vi, mỗi hành vi đúng đắn, có ý nghĩa sẽ được coi trọng, những hành vi việc làm sai trái đều phải chịu hậu quả. Đó là những ràng buộc mà ta ngầm phải thực hiện nên đôi khi thấy mệt mỏi, nặng nề, không được tự do, thoải mái.
- Tại sao trách nhiệm cũng chính là yếu tố cơ bản cần phải có để xây dựng và phát triển nhân cách?
- + Để hoàn thành trách nhiệm được giao, con người phải vượt qua nhiều thử thách, khó khăn, đòi hỏi phải có ý chí, nghị lực, tình yêu, niềm say mê....đó cũng chính là quá trình rèn luyện, phấn đấu để xây dựng và phát triển nhân cách.
- + Khi mỗi người có ý thức thể hiện trách nhiệm với bản thân, với gia đình, với xã hội cũng chính là có ý thức sống tốt, sống có ích, sống theo những chuẩn mực đạo đức, luân lý của xã hội. Tránh được thói vô trách nhiệm sẽ để lại những hậu quả nặng nề cho bản thân, xã hội (ảnh hưởng về kinh tế, về đạo đức....)
- Ngoài mỗi con người sống có trách nhiệm, cũng cần thấy trách nhiệm của các tổ chức, ban ngành, xã hội đối với mỗi cá nhân.

3. Bài học nhận thức và hành động

- Nhận thức được vai trò quan trọng của việc sống có trách nhiệm đối với cuộc đời mình, đối với gia đình, xã hội. Có ý thức phê phán thói vô trách nhiệm.
- Cần phải trang bị cho bản thân những tri thức, kỹ năng để sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, xã hội, đồng thời góp phần hoàn thiện nhân cách của mỗi người.

Câu 31: Hãy viết một bài văn ngắn (không quá 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về mối quan hệ giữa nói và làm.

Gợi ý:

1. Giải thích ý kiến:

- Nói và làm là hai hoạt động chủ yếu, quan trọng của con người. Nói là sự thể hiện thành lời những ý nghĩ, tư tưởng của con người. Làm là sự thực hiện, cụ thể hoá bằng hành động những ý nghĩ, tư tưởng của con người.



Học văn – văn học

- Trong cuộc sống, quan hệ giữa nói và làm diễn ra theo nhiều chiều hướng khác nhau.

2. Bàn bạc, mở rộng:

- *Nói và làm theo quan hệ đồng thuận*: nói đi đôi với làm; tư tưởng được cụ thể hoá bằng hành động... Nhờ đó, lời nói có sức thuyết phục đối với mọi người. Người thực hiện được những điều đã nói là người có nhân cách, luôn nhận được sự tôn trọng của mọi người. (liên hệ thực tế)

- *Nói và làm theo quan hệ tương phản*: nói khác làm; nói mà không làm; nói nhiều làm ít... dẫn tới sự mất niềm tin, thất vọng của mọi người. Đó là loại người thiếu nhân cách, không nhận được sự tôn trọng của mọi người. (liên hệ thực tế)

- *Quan hệ lợi dụng*: dùng lời nói để biện minh cho hành vi xấu xa, tội lỗi; xúi dục người khác làm điều sai trái... làm cho sự thật bị xuyên tạc, cái ác, sự dối trá được dung túng, đánh lừa mọi người, gây tác hại lớn cho đời sống xã hội.

3. Bài học nhận thức và hành động

- Trong bất cứ hoàn cảnh nào của cuộc sống, phải luôn thực hiện nói đi đôi với làm.

- Không ngừng học hỏi, tu dưỡng rèn luyện bản lĩnh để có đức tính trung thực trong lời nói và việc làm.

Câu 32: Anh/chị hãy viết một bài văn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của mình về hiện trạng: nhiều học sinh không thích học môn Lịch sử và ít hiểu biết về truyền thống dựng nước, giữ nước vẻ vang của dân tộc.

Gợi ý:

1. Nêu hiện trạng: Việc học sinh không thích học môn Lịch sử và ít hiểu biết về truyền thống dựng nước, giữ nước vẻ vang của dân tộc là điều có thật và là một thực tế đau lòng. Hiện trạng này không thể không thấy, không thể không suy nghĩ:

+ Xé đề cương ôn thi môn Lịch sử và rải trắng khắp trường khi nghe tin môn này không có trong danh sách các môn thi tốt nghiệp (năm 2013).

+ Mừng rỡ khi Lịch sử không còn là môn thi bắt buộc mà là môn thi tự chọn; ít học sinh đăng ký thi môn Lịch sử theo hình thức tự chọn (năm 2014). Hằng năm, kết quả điểm thi môn Lịch sử (kể cả thi tốt nghiệp và thi tuyển sinh đại học) thấp một cách bất thường.

+ Ít người trả lời thông suốt những câu hỏi về lịch sử trong các kỳ thi trên truyền hình, kể cả những người được xem là học tốt, học giỏi.

+ Lúng túng khi được hỏi về các nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử nổi bật được lấy tên đặt cho các đường, các phố trong nhiều đô thị.

2. Nguyên nhân:

+ Phía nhà trường: chương trình, sách giáo khoa Lịch sử khô cứng, không hấp dẫn; thầy, cô dạy không có phương pháp và thiếu nhiệt tình, không truyền được niềm đam mê lịch sử cho học sinh.

+ Phía các kênh truyền: nặng về cung cấp thông tin một chiều hoặc chưa lưu ý đến hiệu quả xấu của việc cho chiếu quá nhiều phim cổ trang của Trung Quốc.

+ Phía cá nhân học sinh: bị thu hút quá mạnh vào những trò giải trí hấp dẫn quanh mình, bị chi phối của quan niệm thực dụng về việc học và việc chọn nghề sau này, quá ít đọc các sách, các tài liệu về lịch sử.

3. Ứng xử, hành động của bản thân trước hiện trạng nêu trên:

- Phải nhận thức đầy đủ hơn về ý nghĩa của kiến thức lịch sử.

- Phải tích lũy kiến thức lịch sử một cách nghiêm túc hơn, tìm thấy hứng thú ở những câu chuyện nói về truyền thống hào hùng của cha ông.

- Phải nuôi dưỡng không ngừng lòng tự hào dân tộc.

Câu 33: Facebook và cuộc sống thật của một bộ phận giới trẻ hiện nay.

Gợi ý:

1. Thuyết minh về vấn đề: Facebook là một mạng xã hội chứa đựng những thông tin cá nhân... Với tuổi trẻ, face không còn là chốn riêng tư mà đã trở thành một không gian mở rất thú vị và đầy màu sắc: nơi để họ quan tâm, chia sẻ, động viên và khích lệ lẫn nhau, khiến cho cuộc sống vì thế mà trở nên ý nghĩa...



Học văn – văn học

Bên cạnh những trang lành mạnh, nhiều bạn trẻ lại có cách nói, cách viết khá phóng khoáng nên Facebook trở thành một diễn đàn của những ngôn từ “không sạch sẽ”; những lối nghĩ cực đoan theo “hiệu ứng đám đông”... Từ đây, mức độ lan truyền cũng rất chóng mặt khiến nhiều người không đủ bản lĩnh để “đề kháng” lại với những lối nghĩ, cách nói chuyện kiểu “chợ búa” như vậy.

2. Nguyên nhân của những biểu hiện đáng tiếc: Do thói quen theo kiểu hòa vào, “đám đông” mà không cần nhận thức đúng sai; do sự thiếu quan tâm, định hướng của người lớn đối với nhận thức, suy nghĩ và cảm xúc cho giới trẻ...

3. Giải pháp: Nhiều chuyên gia cho rằng, không thể hoàn toàn đổ lỗi cho giới trẻ khi những hiện tượng tiêu cực xuất hiện ngày càng nhiều. Ứng xử của những người xung quanh được xem là giải pháp quan trọng để thanh lọc và giúp bạn trẻ giữ vững phẩm chất đạo đức giữa những guồng quay khắc nghiệt, giữa vô vàn trào lưu tốt xấu đang tác động xung quanh.

“Ngay cả với thế giới ảo mà nhiều học sinh, sinh viên đang bị lôi cuốn thì thay vì những ác cảm bởi tiêu cực nảy sinh, gia đình, nhà trường cần dạy học trò cách ứng xử có văn hoá, biết kiểm soát chừng mực mỗi hành vi của mình. Các em cần được trang bị những kỹ năng sống cần thiết, dù là chỉ trên thế giới ảo...” - một chuyên gia về tâm lý giáo dục đã nhấn mạnh như vậy.

Câu 34: Trong bức tâm thư gửi các bậc cha mẹ học sinh của trường Lương Thế Vinh nhân ngày khai trường năm học 2013-2014, thầy Hiệu trưởng Văn Như Cương có viết: " Trẻ em càng được nhận nhiều thì sự biết ơn càng giảm sút.,."

Anh/ chị hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

Gợi ý:

1. Giải thích ý kiến: Trẻ em càng được nhận nhiều thì sự biết ơn càng giảm sút.

* Làm rõ khái niệm "nhận": được người khác đáp ứng những nhu cầu, đòi hỏi của bản thân về tinh thần, vật chất.

* Sự biết ơn: cảm kích và muốn được đền đáp cách ứng xử tốt đẹp của người khác với mình.

* Sự biết ơn thường chỉ xuất hiện khi người nhận hiểu những gì mình được nhận là kết quả của tình yêu thương chứ không phải nghĩa vụ đơn thuần, hiểu những gì mình được nhận là đánh đổi bằng công sức vất vả, mồ hôi nước mắt của người cho chứ không phải dễ dàng, rẻ rúng ...

* Câu nói cho thấy sự tỷ lệ nghịch giữa nhận và biết ơn, đó là nghịch lý có thể xuất hiện khi con người thường xuyên được đáp ứng mọi yêu cầu, đòi hỏi, dù là vô lý nhất.

2. Bàn luận ý kiến:

* Nêu những hiện tượng thường gặp trong cuộc sống.

* Lí giải hiện tượng nghịch lý trên cơ sở nội dung giải thích ở phần trên. Khi trẻ luôn được thoả mãn, nuông chiều mọi yêu cầu, đòi hỏi, dù là vô lý, các em sẽ coi việc nhận là đặc quyền của mình, đáp ứng là bổn phận đương nhiên của gia đình, xã hội đối với mình; sự thoả mãn vô điều kiện khiến trẻ ngày càng không biết quý trọng những giá trị nhận được, cũng không biết quý trọng công sức và tấm lòng mọi người dành cho mình qua những quan tâm, chăm sóc.

* Từ sự vô ơn, trẻ sẽ ngày càng lười biếng, ích kỉ và vô cảm trong cách hành xử với mọi người xung quanh.

* Tuy nhiên, cần có giới thuyết về chữ " nhận " trong ý kiến của đề bài - trẻ luôn cần, luôn phải được nhận tình yêu thương để học cách yêu thương!

3. Bài học nhận thức và hành động cho bản thân:

Biết trân trọng tình yêu thương, sự chăm sóc của gia đình và xã hội dành cho mình; hiểu sâu sắc ý nghĩa và mối quan hệ giữa cho và nhận trong cuộc đời.

Câu 35: Anh/ chị hãy viết một bài văn ngắn (không quá 600 chữ) để trình bày suy nghĩ của mình về lời chúc của Steve Jobs - nhà sáng chế người Mỹ, đồng sáng lập viên hãng Apple:

“Hãy luôn khát khao, Hãy cứ đại khờ!”

Gợi ý:

+ Giải thích các khái niệm: khát khao, đại khờ.



Học văn – văn học

+ Lí giải quan niệm của Steve Jobs: “Hãy luôn khát khao. Hãy cứ đại khờ!” - cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi con người luôn hướng tới những ước mơ, khát vọng; dù ước mơ đó có thể không tìm thấy sự chia sẻ, đồng cảm, hoặc thậm chí đi ngược lại những quan niệm, thói quen hoặc những lời khuyên được coi là khôn ngoan, thức thời của những người xung quanh. Hãy dũng cảm sống theo sự mách bảo của trái tim và trực giác, hãy bước đi theo những suy nghĩ, xúc cảm, mong muốn... của chính mình; " đừng để tiếng nói người khác lấn át tiếng nói của bản thân"- Steve Jobs, hãy sống cuộc đời của chính mình!

+ Chứng minh: có thể chứng minh bằng câu chuyện về anh thanh niên Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước với hai bàn tay trắng cùng ham muốn cao quý, mãnh liệt: làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành....; hoặc chứng minh bằng chính cuộc đời của Steve Jobs với bao va vấp, đại khờ, bao khát khao cháy bỏng, bao thành tựu rực rỡ...

+ Bàn luận vấn đề: sống theo sự mách bảo của trái tim và trực giác nhưng không nên tuyệt đối hóa cái Tôi, cần để cái tôi khát khao, ước muốn hòa nhập với thế giới xung quanh một cách vừa nhân văn, vừa trí tuệ!

- Bài học nhận thức và hành động cho bản thân.

Câu 36: Tại buổi họp báo công bố quyết định khởi tố các đối tượng trong vụ án Nhân bản kết quả xét nghiệm, Công an Thành phố Hà Nội cho biết:

Trong khoảng chín tháng (từ 1.8.2012 đến 15.5.2013), Trường khoa xét nghiệm cùng 7 nhân viên trong khoa đã thực hiện 24.857 xét nghiệm huyết học, có tới 1.495 trường hợp có kết quả xét nghiệm trùng nhau và trong số kết quả trùng nhau có 764 kết quả xét nghiệm không. Việc tự in kết quả không đều do Trường khoa Vương Kim Thành và các nhân viên thực hiện.

Anh/chị viết bài văn (khoảng 600) từ trình bày quan điểm của mình về sự việc trên.

1. Nhận thức về sự việc:

- Xét nghiệm và kết quả xét nghiệm là yếu tố quan trọng và quyết định tới việc chẩn đoán của các bác sĩ.
- Sự việc trên cho thấy: mức độ vi phạm rất nghiêm trọng; việc vi phạm diễn ra trong thời gian dài; tính chất vi phạm mang tính hệ thống và có tổ chức.

2. Bàn bạc về sự việc:

- Việc làm trên là hành vi trục lợi trên thân xác và danh nghĩa bệnh nhân, là hành vi vô nhân đạo rất đáng bị pháp luật nghiêm trị, xã hội lên án.
- Sự việc trên cho thấy sự tha hóa đang ở mức báo động trong một bộ phận những người thầy thuốc.
- Hành vi trên đã đi ngược lại đức của người thầy thuốc: *lượng y như từ mẫu*.
- Tuy nhiên, đây chỉ là hiện tượng *con sâu làm rầu nồi canh*, bởi trên đất nước này vẫn còn biết bao nhiêu bác sĩ, lương y ngày đêm tận tình cứu chữa bệnh nhân...

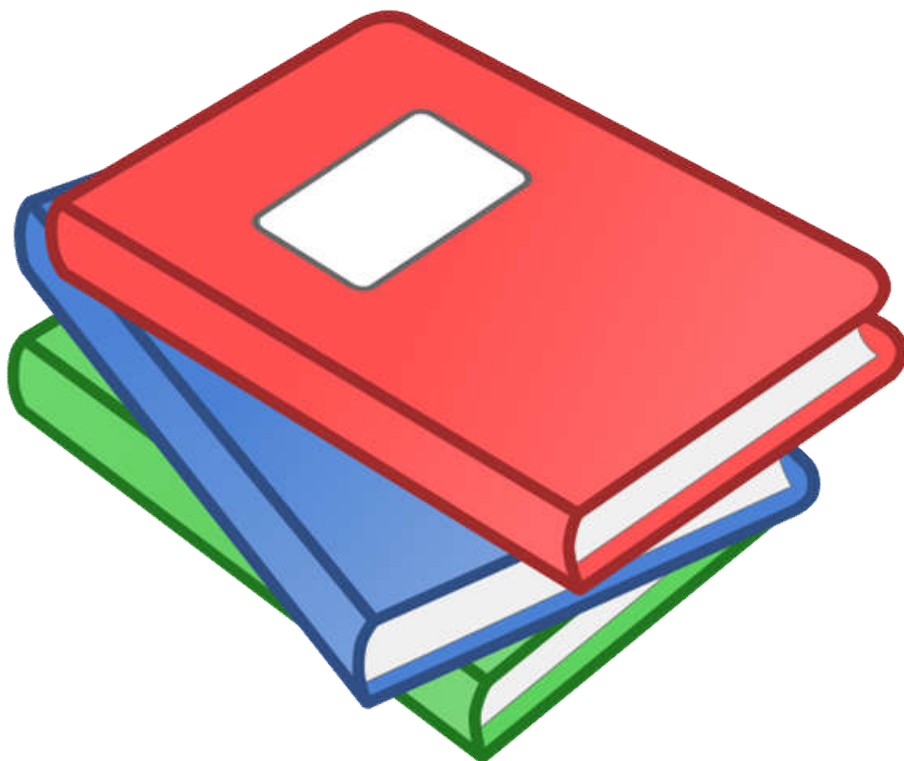
3. Bài học và nhận thức về hành động:

- Lên án hành vi nhân bản kết quả xét nghiệm để trục lợi.
- Có ý thức ngăn ngừa và đấu tranh chống lại mọi hành vi xấu trong ngành y cũng như những ngành nghề khác.





PHẦN III: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC





A. PHẦN VĂN XUÔI LỚP 12



*** Lý thuyết: Nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi**

I. Các dạng bài nghị luận về đoạn trích, tác phẩm văn xuôi:

Đối tượng nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi rất đa dạng có thể là giá trị nội dung và nghệ thuật nói chung, có thể chỉ là một phương tiện của các tác phẩm, đoạn trích khác nhau.

1) Nghị luận về giá trị nội dung tác phẩm, đoạn trích:

Ví dụ:

Đề 1: Giá trị nhân đạo của truyện ngắn “*Vợ chồng A Phủ*” (Tô Hoài)

Đề 2: Bức tranh ngày đói và ý nghĩa tố cáo trong “*Vợ nhặt*” (Kim Lân)

Nghị luận về giá trị nội dung thường xoay quanh hai giá trị cơ bản là giá trị nhân đạo, giá trị hiện thực. Học sinh cần bám vào các biểu hiện của giá trị nhân đạo (trân trọng đề cao, ngợi ca, bênh vực phẩm chất tốt đẹp, cảm thông, chia sẻ với nỗi đau khổ bất hạnh của con người, lên án tố cáo thế lực áp bức trong xã hội...) và giá trị hiện thực (tính chân thật, sâu sắc, mức độ điển hình trong miêu tả và phản ánh thực tại cuộc sống...) để lập ý cho bài viết.

2) Nghị luận về giá trị nghệ thuật

Ví dụ:

Đề 1: Phân tích tình huống truyện độc đáo trong tác phẩm “*Chiếc thuyền ngoài xa*” và “*Vợ nhặt*” để làm rõ vai trò của việc xây dựng tình huống trong truyện ngắn.

Đề 2: Nghệ thuật châm biếm, đả kích trong truyện ngắn “*Vi hành*” (Nguyễn Ái Quốc)

Nghị luận giá trị nghệ thuật thường bàn về các đặc điểm thể loại văn xuôi và giá trị của chúng như: Cách xây dựng cốt truyện, tình huống, nhân vật, điểm nhìn trần thuật, ngôn ngữ kể chuyện, giọng điệu trần thuật, chi tiết nghệ thuật...

3) Nghị luận về một nhân vật

Ví dụ:

Đề 1: Vai trò của người vợ nhặt trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Kim Lân.

Đề 2: Hình ảnh bà Hiền trong truyện ngắn “*Một người Hà Nội*” (Nguyễn Khải).

Nghị luận về một nhân vật có nội dung xoay quanh các biểu hiện về phẩm chất, lối sống, tư tưởng của nhân vật, trên cơ sở đó có những đánh giá về vai trò, ý nghĩa của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm thành công trong xây dựng nhân vật của tác giả.

4) Nghị luận về một giá trị nội dung, nghệ thuật một phương diện hay một khía cạnh của nhiều tác phẩm, đoạn trích khác nhau.

Ví dụ:

Đề 1: Tính thống nhất và sự vận động trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân qua hai tác phẩm “*Chữ người tử tù*” và “*Người lái đò sông Đà*”

Đề 2: So sánh vẻ đẹp hai dòng sông qua hai tác phẩm “*Người lái đò sông Đà*” và “*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*” để thấy nét riêng trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường



Học văn – văn học

Nghị luận về một giá trị nội dung, nghệ thuật, một phương diện hay một khía cạnh của nhiều tác phẩm, đoạn trích khác nhau. Yêu cầu chỉ ra nét chung và nét riêng trên cơ sở một số tiêu chí về nội dung và nghệ thuật cho hợp lí.

I. Cách lập ý

1) Lập ý: Đảm bảo bố cục 3 phần

* Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích và vấn đề cần nghị luận.

* Thân bài: Mỗi ý kiến nhận xét về đặc điểm nội dung và nghệ thuật của đoạn trích hay tác phẩm triển khai về luận điểm. Trong từng luận điểm sử dụng các luận cứ (lí lẽ và dẫn chứng) làm sáng tỏ

* Kết bài: Đánh giá về ý nghĩa, vị trí, vai trò của tác phẩm, tác giả trong giai đoạn văn học, đối với thời đại; vị trí, ý nghĩa của đoạn trích trong toàn tác phẩm hoặc của vấn đề cần nghị luận.

2) Lưu ý

- Các bước tiến hành làm bài văn nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích, văn xuôi:

+ Đọc kĩ tác phẩm, đoạn trích, nắm chắc nội dung, cốt truyện, các nhân vật, các chi tiết tiêu biểu thể hiện tư tưởng chủ đề tác phẩm

+ Nêu nhận xét, đánh giá về tác phẩm, đoạn trích theo định hướng của đề hoặc một số khía cạnh đặc sắc nhất của tác phẩm, đoạn trích

+ Triển khai các luận cứ phù hợp

+ Lựa chọn các thao tác lập luận, ngoài các thao tác thường gặp như giải thích, phân tích, chứng minh, tổng hợp, so sánh, bác bỏ, bình luận... trong bài văn nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi rất cần kết hợp các phương thức biểu đạt tự sự (thuật, kể, tóm tắt nội dung, cốt truyện, nhân vật, chi tiết...) miêu tả, thuyết minh.

+ Nắm vững đặc trưng của văn bản truyện, biết kể lại tình huống truyện, nhớ chính xác những từ ngữ quan trọng miêu tả đặc điểm, thuật lại những chi tiết nghệ thuật đắt giá, thuộc được những câu văn hay, đặc sắc...

II. Phương pháp giải hai dạng đề phổ biến trong đề thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh Đại học Cao đẳng những năm gần đây

1. Dạng đề so sánh

a. Dạng đề so sánh

* So sánh hai chi tiết nghệ thuật...

* So sánh hai nhân vật

* So sánh cảm nhận hai câu nói, hai ý kiến

b. Cấu trúc (lập ý)

* Mở bài: Nêu vấn đề (thường tìm điểm chung nhất)

- Nêu tác giả, xuất xứ (cả hai tác giả)

- Làm rõ từng đối tượng

* Thân bài:

- Cảm nhận về đối tượng thứ nhất

+ Nội dung

+ Nghệ thuật



Học văn – văn học

- Cảm nhận về đối tượng thứ hai
- + Nội dung
- + Nghệ thuật
- So sánh sự tương đồng và khác biệt
- + Sự tương đồng
- + Sự khác biệt
- + Lí giải sự tương đồng và khác biệt

* Kết bài: Đánh giá chung về nội dung và nghệ thuật.
Khái quát về nét giống và khác tiêu biểu.

3) Dạng đề chứng minh nhận định

a. Một nhận định, phê bình, ý kiến đánh giá văn học được đưa ra, có thể dạng đề mang tính tổng hợp, có thể nhận định một tác phẩm cụ thể. Học sinh phải dùng kiến thức, một hoặc nhiều tác phẩm để chứng minh.

Những năm gần đây đề thi thường cho hai nhận định trong đề hoặc tương đồng (đều đúng) hoặc đối lập (một đúng và một sai). Từ đó học sinh dùng thao tác phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ để làm bài

a. Cấu trúc (lập ý)

* Mở bài: Nêu vấn đề, dẫn ý kiến

* Thân bài:

- Vài nét về tác giả, tác phẩm
- Giải thích ý kiến (nếu có hai ý kiến thì giải thích lần lượt từng ý kiến một)
- Bàn luận
 - + Bàn luận về vấn đề đặt ra
 - + Phân tích, chứng minh làm rõ quan điểm
- Bình luận ý kiến
 - + Khẳng định ý kiến đúng hay sai? Vì sao?

* Kết bài: Đánh giá chung

* **Kiến thức trọng tâm cần nhớ**

I. Tác phẩm, đoạn trích văn xuôi lớp 12

1. Tuyên ngôn độc lập (Hồ Chí Minh)
2. Nguyễn Đình Chiểu- ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc (Phạm Văn Đồng)
3. Vợ nhặt (Kim Lân)
4. Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài)
5. Rừng xà nu (Nguyễn Trung Thành)
6. Những đứa con trong gia đình (Nguyễn Thi)
7. Những người lái đò sông Đà (Nguyễn Tuân)
8. Ai đặt tên cho dòng sông (Hoàng Phủ Ngọc Tường)
9. Chiếc thuyền ngoài xa (Nguyễn Minh Châu)
10. Một người Hà Nội (Nguyễn Khải)
11. Hồn Trương Ba da hàng thịt (Lưu Quang Vũ)
12. Số phận con người (Sô-lô-khốp)



Học văn – văn học

13. Ông già và biển cả (Hemingway)

14. Nhìn về vốn văn hóa dân tộc (Trần Đình Hượu)

15. Mùa lá rụng trong vườn (Ma Văn Kháng)....

II. Yêu cầu cần đạt

- Nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm
 - + Hoàn cảnh sáng tác, xuất xứ, mục đích sáng tác
 - + Phong cách nghệ thuật tác giả
 - + Cốt truyện, nhân vật, chi tiết
 - + Chủ đề, giá trị nội dung- nghệ thuật...

* **Đề luyện tập:**

Giáo viên có thể tham khảo các đề luyện tập sau đây để giúp học sinh vận dụng làm bài nghị luận văn học (phần 5 điểm) trong đề thi THPT (tùy theo đối tượng, yêu cầu, giáo viên ôn luyện cho phù hợp với từng mức độ năng lực tương ứng).



Học văn – văn học

Đề 1:

Phân tích và chứng minh nhận định sau đây: *Văn học thời kỳ 1945-1975 biểu tượng tinh thần yêu nước, khí phách kiên cường dũng cảm và lối sống nhân ái nhân nghĩa của nhân dân ta*

Bài làm

Chặng đường văn học ba mươi năm (1945-1975) tuy ngắn nhưng thật sự là một thời kì văn học sôi động. Vượt qua nhiều trở ngại lớn lao tưởng như không thể vượt qua nổi của chiến tranh, văn học đã đạt những thành tựu cao quý. Đặc biệt “văn học đã biểu dương tinh thần yêu nước, khí phách kiên cường, dũng cảm và lối sống nhân ái nghĩa tình của nhân dân ta”. Qua thơ văn thời kì 1945-1975, ta hãy phân tích và chứng minh nhận định trên.

Trước hết, ta thấy rõ tinh thần yêu nước thể hiện ở những người chiến sĩ. Dẫu từ mọi phương trời lạ, chẳng hẹn quen nhau, họ có cùng chung lí tưởng đánh giặc cứu nước và trở thành đồng chí. Dù chịu đựng mọi gian khổ, họ vẫn lạc quan, cầm chắc tay súng diệt thù:

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi.*

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

... Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

(Chính Hữu)

Văn học “*biểu dương tinh thần yêu nước, khí phách kiên cường*” bằng những vần thơ sinh động, như một đoạn phim ngợi ca:

Chiến sĩ anh hùng

Đầu nung lửa sắt

Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt,

Máu trộn bùn non

Gan không súng, chí không mòn.

Nhà thơ Nguyễn Đình Thi còn ghi lại hình ảnh lớp lớp đoàn đoàn quân như nước vỡ bờ, đem lại chiến thắng vinh quang rực rỡ cho đất nước:

Súng nổ rung trời giận dữ

Người lên như nước vỡ bờ

Nước Việt Nam từ máu lửa

Rũ bùn đứng dậy sáng lòa.

(Đất nước)



Học văn – văn học

Trong một tác phẩm văn xuôi, chúng ta cũng thấy rõ tinh thần yêu nước, khí phách kiên cường dũng cảm, của nhân dân ta. Chiến, Việt trong tác phẩm Những đứa con trong gia đình đã quyết tâm cầm súng đánh giặc để trả thù nhà. Tnú yêu thương, gắn bó với bản làng, dầu thương tật đôi tay vẫn tham gia lực lượng chiến đấu, giết giặc thù (Rừng xà nu). Lòng yêu nước còn thể hiện chân thành cảm động qua sự hi sinh cao cả, người chiến sĩ vẫn sẵn sàng chấp nhận, hi sinh tuổi trẻ vì tổ quốc:

*Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.*

(Quang Dũng)

Có khi tình cảm yêu nước thể hiện qua lòng yêu quê nghèo với hình ảnh người vợ hiền lam lũ:

*Ba năm rồi gửi lại quê hương
Mái lều tranh
Tiếng mõ đêm trường
Luống cày đất đỏ
Ít nhiều người vợ trẻ
Mòn chân bên cối gạo canh khuya.*

(Hồng Nguyên)

Lòng yêu nước còn thể hiện qua nỗi thương xót cảnh quê hương bị thiêu hủy dưới gót giặc hung tàn:

*Quê hương ta từ ngày khủng khiếp
Giặc kéo lên ngùn ngụt lửa hung tàn
Ruộng ta khô
Nhà ta cháy
Cho nên bộc lộ nỗi căm hờn:
Đã có đất này chép tội
Chúng ta không biết nguôi hờn.*

(Hoàng Cầm)

Đó là lòng yêu nước sáng ngời của quần chúng cách mạng: người em liên lạc, bà mẹ chăm sóc người chiến sĩ, cô gái Tây Bắc nuôi quân (Tiếng hát con tàu – Chế Lan Viên). Đó là khí phách kiên cường, lòng thủy chung với cách mạng và mảnh đất quê hương như ông Tám Xẻo Đước (Đất – Anh Đức), anh Ba Hoàn (Quán rượu người câm – Nguyễn Quang Sáng), Cụ Mết (Rừng xà nu – Nguyễn Trung Thành).

Xuất phát từ tình yêu nước, những tình cảm cao đẹp khác thể hiện trong “*lối sống nhân ái, nghĩa tình của nhân dân ta*”. Trước hết, đó là tình quân dân thắm thiết:

*Các anh đi
Ngày ấy đã lâu rồi
... Xóm làng tôi
Trai gái vẫn chờ mong.*



Học văn – văn học

(Hoàng Trung Thông)

Đó là sự cưu mang, đùm bọc của nhân dân đối với người chiến sĩ cách mạng hoạt động trong thời kì đen tối qua hình ảnh bà Bủ, bà Bầm, mẹ Tom, mẹ Suốt (Tổ Hữu), bà mẹ đào hầm:

*Đất quê ta mênh mông
Quân thù không xâm hết được
Lòng mẹ rộng vô cùng
Nơi hầm tối là nơi sáng nhất
Nơi con nhìn ra sức mạnh Việt Nam.*

(Dương Hương Ly)

Trong chiến đấu gian khổ, tình đoàn kết, nghĩa đồng bào càng phát huy cao độ (Người mẹ cầm súng – Nguyễn Thi, Bức thư Cà Mau – Anh Đức). “*Lối sống nhân ái nghĩa tình*” còn thể hiện sâu sắc qua nhiều khía cạnh tình cảm gia đình: tình vợ chồng, tình mẹ con, tình anh em, nghĩa láng giềng (Những đứa con trong gia đình, Người mẹ cầm súng – Nguyễn Thi). Lối sống nhân ái nghĩa tình còn thấy rõ ở lối sống đùm bọc, thương yêu, cùng xây dựng cuộc đời mới của những con người lao động ở nông trường Điện Biên như Đào, Huân, Duệ... (Mùa lạc – Nguyễn Khải).

Ngoài ra trong các tác phẩm văn học thời kì 1945-1975, tình yêu lứa đôi cũng được soi rọi và sáng ngời dưới ánh sáng của tình yêu tổ quốc. Những người trẻ tuổi tạm thời đặt tình cảm riêng sau sự bức thiết của sự nghiệp chung:

Khi Tổ quốc cần, họ biết sống xa nhau.

(Nguyễn Mĩ)

Có khi giữa gian khổ, tình yêu càng trong sáng, thơ mộng, thật cảm động (Mảnh trăng cuối rừng – Nguyễn Minh Châu).

Văn học cũng phản ánh chân thực những hoàn cảnh hội ngộ, sinh li cũng như tử biệt hết sắc khắc nghiệt:

*Mới đến cầu ao tin sét đánh
Giặc giết em rồi dưới gốc thông
... Anh đi bộ đội, sao trên mũ
Mãi mãi là sao sáng dẫn đường
Em sẽ là hoa trên đỉnh núi
Bốn mùa thơm mãi cánh hoa thơm.*

(Vũ Cao)

Tình yêu quê hương cũng không kém phần thống thiết khi người em nhỏ du kích đã bị giặc bắn rồi quăng mất xác:

*Xưa yêu quê hương vì có chim có bướm
Có những ngày trốn học bị đòn, roi...
Nay yêu quê hương vì trong từng nắm đất
Có một phần xương thịt của em tôi*

(Giang Nam)

“*Lối sống nhân ái nghĩa tình*” còn là những nét đẹp truyền thống mà nhân dân ta luôn phát



Học văn – văn học

huy trong hình ảnh vẹn tròn của Đất Nước:

Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình

Phải biết gắn bó và san sẻ

Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở

Làm nên Đất Nước muôn đời.

(Nguyễn Khoa Điềm)

Tóm lại, “*tinh thần yêu nước, khí phách kiên cường dũng cảm và lối sống nhân ái nghĩa tình*” là hai nội dung chủ yếu của văn học thời kì 1945-1975, mang giá trị nhân văn sâu sắc. Tất cả đã trở thành tài sản quý về tinh thần, tình cảm, đạo đức của nhân dân ta, thể hiện sâu sắc trong nền văn học dân tộc trong thời kì hiện đại.

Đề 2: Có nhận định cho rằng: “*Mị là đại diện cho số phận những người phụ nữ trước cách mạng bởi những hủ tục lạc hậu và những thói quen xấu của người dân nơi đây*”. Hãy chứng minh điều đó qua tác phẩm.

Gợi ý:

Về đoạn văn mở đầu, giới thiệu nhân vật Mị: "ngồi quay sợi gai bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa" và "Lúc nào cũng vậy dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi" ⇒ Một cô gái lẻ loi, âm thầm gần như lẫn vào các vật vô tri: cái quay sợi, tảng đá tàu ngựa trong khung cảnh đông đúc, tấp nập của gia đình thống lí Pá Tra.

- Vì món nợ truyền kiếp khiến Mị trở thành con dâu gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra ⇒ Nạn nhân của hủ tục cho vay nặng lãi và bắt dâu gạt nợ ⇒ Con người được đánh đồng với những vật đồi chác, đồ vật để xóa nợ.

- Bị hành hạ về thể xác:

+ Bị bóc lột, vắt kiệt sức lao động:

Bị biến thành cỗ máy lao động vô hồn. Cuộc đời Mị như dc kết dệt bởi 1 chuỗi các công việc, Mị tính đếm thời gian bằng công việc: hái thuốc phiện, giặt dầy, xe dầy,... ; những trạng từ chỉ tgian: "mỗi năm", "mỗi tháng", "mỗi mùa", "tết xong thì", "đến mùa thì",... Nhiều lần so sánh Mị với con vật theo chiều tăng cấp: lúc Mị đồng nhất Mị vs thân trâu ngựa lúc lại nhận ra mình k bằng con trâu con ngựa: "con trâu con ngựa con có những lúc dc nghỉ, ... đàn bà con gái nhà này...".

+ Bị đánh đập dã man:

Bị A Sử trói đứng trong đêm tình mùa xuân: trói đứng nặng 1 thúng sợi dầy vào cột nhà, quán luôn tóc làm Mị không cúi hay nghiêng đầu được. Suốt đêm Mị bị dây trói thít lại đau đứt từng mảnh thịt ⇒ liên hệ số phận ng đàn bà bị trói đến chết trong nhà này ⇒ chúng không coi Mị là con ng mà mà 1 đồ vật vô tri vô giác

A Sử đi chơi về bị A Phủ đánh, suốt đêm Mị phải bóp thuốc dầu, có những lúc mệt quá, Mị thiếp đi thì bị A Sử đập vào giữa mặt.

Trong những đêm đông, Mị ra thổi lửa hơ tay, AS đi chơi về đập MỊ ngã xuống bên bếp lửa. ⇒ đánh MỊ như 1 thói quen.

- Bóc lột, đầu độc tinh thần:



Học văn – văn học

+ Thân quyền: bộ chua đất phong kiến lợi dụng sự mê tín của Mị đầu độc, làm mất sự phản kháng của Mị: Sau buổi cúng trình ma, Mị đã hoàn toàn bị trói buộc vào nhà thống lí Pá Tra \Rightarrow luôn bị ám ảnh: "ta là thân đàn bà.... chết rũ xương ở đây thôi.."

+ Bị giam cầm trong căn phòng tối tăm, kín mít như ngục tù: "không một thứ ánh sáng..."

+ Hoàn toàn bị ngăn cách bởi thế giới bên ngoài: Mùa xuân sang không năm nào A Sử cho Mị đi chơi. tết.

+ Phải sống với người mình không yêu

- Hệ quả của cảnh sống thê thảm của Mị:

+ Không có ý niệm không gian, thời gian

Không gian: sắc trắng nhờ nhờ không biết là sương hay nắng mà cũng không hề quan tâm.

Thời gian: Mị về làm dâu nhà Pá Tra bao lâu rồi Mị không nhớ và cũng không thèm nhớ.

+ Dửng dưng với số phận con người: A Phủ bị đánh, trói đáng thương nhưng Mị không hề đoái hoài: "Nếu A Phủ có là cái xác chết...".

+ Sống cam chịu, nhẫn nhục, vô cảm: "sống lâu trong cái khổ, M quen khổ rồi", "lùi lũi như con rùa trong xó cửa.."

Từ số phận MỊ \Rightarrow khái quát thành số phận ng phụ nữ trong xã hội cũ bởi hủ tục lạc hậu.

Đề 3: Qua nhân vật Mị và A Phủ hãy chứng minh giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc của truyện "Vợ chồng A Phủ".

Cùng với tiếng sáo thiết tha, câu hát của chàng trai Hmông trong đêm tình mùa xuân càng trở nên bồi bồi:

"Mày có con trai con gái rồi

Mày đi làm nương

Ta không có con trai con gái

Ta đi tìm người yêu".

Và những chiếc váy hoa của các cô gái trong các làng Hmông đỏ đem phơi nắng trên mỏm đá "*xòe như con bướm sặc sỡ*". Chuyện thống lí Pá Tra và bọn chức việc Hồng Ngài xử kiện kẻ đánh con quan, chuyện A Phủ và A Châu uống tiết gà trong lễ ăn sùng "*làm anh em*" kết nghĩa... đã cho ta nhiều xúc động khi đọc truyện "*Vợ chồng A Phủ*" của Tô Hoài.

Truyện ngắn này rút trong tập "*Truyện Tây Bắc*", giải nhất giải thưởng của Hội Văn nghệ Việt Nam 1954-1955. Nó là kết quả của chuyến đi 8 tháng vào năm 1952, khi nhà văn Tô Hoài theo bộ đội vào giải phóng Tây Bắc.

Mị và A Phủ là hai nhân vật chính của truyện đã trải qua những năm tháng dài bị thảm. Mị là con dâu gạt nợ của thống lí Pá Tra. A Phủ vì tội đánh con quan mà trở thành nô lệ. Hai người đã cứu nhau cùng chạy trốn từ Hồng Ngài đến Phiềng Sa, nên vợ nên chồng, rồi trở thành chiến sĩ du kích. Đây là một truyện ngắn viết về đề tài miền núi rất thành công, giàu giá trị hiện thực và nhân đạo. Tác phẩm đã phản ánh một cách chân thực cảm động về *nỗi thống khổ và sự vùng dậy* của người Hmông ở Tây Bắc.



Học văn – văn học

1. Giá trị hiện thực.

Thông qua số phận của Mị và A Phủ, nhà văn Tô Hoài đã dựng lại quãng đường đời đầy đau khổ của họ, tiêu biểu cho nỗi thống khổ của người Hmông dưới ách thống trị vô cùng tàn bạo của bọn Tây đồn và lũ tay sai. Cuộc đời của Mị và A Phủ đã thấm nhiều máu và nước mắt. Những gì đẹp đẽ nhất thời thanh xuân của hai người đã bị cha con thống lí Pá Tra tước đoạt và giày xéo.

Pá Tra là chúa đất vùng Hmông Hồng Ngài, hắn là tay sai đắc lực của giặc Pháp đã được bọn Tây đồn cho muối, vải về bán, ăn của dân nhiều, giàu lắm *"nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng"*. Bố Mị mắc nợ thống lí một món tiền nhỏ, năm nào cũng phải trả lãi một nương ngô; món nợ truyền kiếp từ ngày bố mẹ Mị mới lấy nhau. Nay mẹ Mị đã chết, bố đã già mà món nợ vẫn như một sợi dây oan nghiệt ! A Sử là con trai thống lí, dựa vào uy quyền của bố, hắn đã lừa bắt được nhiều cô gái Hmông về làm vợ. Mị là một cô gái trẻ, đẹp, thối khèn rất hay, nhiều chàng trai mê *"ngày đêm đã thối sáo đi theo Mị"*. Nhưng cô đã bị A Sử đánh lừa, bắt về cúng trình ma trở thành con dâu gạt nợ nhà thống lí. Từ đó, Mị đã trải qua những năm dài cực nhục; mặt buồn rười rượi; làm quần quật suốt ngày đêm, chẳng khác nào con ngựa, con trâu trong chuồng, con rùa trong xó cửa. Trong truyện thơ *"Tiễn dặn người yêu"*, cô gái Thái bị ép duyên, đau khổ than thân:

*"Ngẫm thân em chỉ bằng thân con bộ ngựa
Bằng con chẫu chuộc thôi !"*

ở đây, Mị có lúc tủi thân nghĩ rằng mình không bằng con ngựa... Nơi Mị ở, nơi bị nhốt là một cái buồng kín mít, chỉ có một lỗ nhỏ bằng bàn tay, nhìn ra bên ngoài chỉ thấy trắng trắng không biết là sương hay là nắng. Đó là những chi tiết rất hiện thực. Có lúc người đọc phải thốt lên: Cái ác nơi vùng rẻo cao đáng sợ quá chừng ! Thân phận người Hmông ngày xưa sao nhiều cay đắng thế !

Trong *"cái chuồng thú"* ấy, Mị đã bị A Sử trói đứng suốt một đêm dài, trói bằng tóc và bằng cả một thúng sợi dây *"khắp người bị dây trói thít lại, đau nhức"*.

Khổ nhục quá, *"có đến hàng mấy tháng đêm nào Mị cũng khóc"*. Có lúc Mị toan ăn lá ngón tự tử, nhưng vì bố đã già, Mị chết ai làm nương ngô giả nợ thống lí! Chết không đành, Mị phải trở về cái buồng kín mít làm thân con trâu, con ngựa. Tô Hoài đã viết một câu vô cùng ai oán: *"ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi"*. Tuổi trẻ của Mị đã bị giày xéo đến tận bùn đen, cho nên đi đâu, ngồi đâu, cô *"cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi"*. Mị khao khát hạnh phúc, nhưng cô bị chà đạp, tâm hồn héo hắt mỗi mòn. Những đêm đông dài trên rẻo cao, đêm nào Mị cũng dậy lúc nửa đêm để sưởi, cô *"chỉ biết chỉ còn ở với ngọn lửa"*. Nhiều đêm A Sử đi đâu về, thấy Mị ngồi sưởi hắn đã đạp cô *"ngã ngay xuống cửa bếp"*.

Sự tàn ác của cha con thống lí Pá Tra là hành động cướp giật hạnh phúc, đầy dọa tuột trẻ, giết chết phần tốt đẹp nhất của người con gái đáng thương. Cha con thống lí đã sử dụng cường quyền và thần quyền (cúng trình ma) để áp bức bóc lột dã man người lao động. Tô Hoài đã lên án một cách mạnh mẽ bộ mặt ghê tởm của bọn lãnh chúa, bọn thổ ty, lũ thống lí trong xã hội người Hmông trước đây.

Bên cạnh hình ảnh Mị là hình ảnh A Phủ, một con người trải qua nhiều bất hạnh. Cha, mẹ, anh em chết vì trận dịch bệnh đậu mùa. A Phủ bị người ta đem bán cho người



Học văn – văn học

Thái. A Phủ lại trốn về quê, đi làm thuê kiếm ăn lần hồi. Đói rét, tật bệnh không giết nổi, A Phủ đã lớn, *"chạy nhanh như ngựa"*, biết đúc lưỡi cày, săn bò tót rất bạo. Nhiều cô gái mê, nhiều người nói: *"Đứa nào được A Phủ cũng bằng có được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu"*. Nhưng vì các loại hủ tục *"phép rượu"*, *"phép làng"* và *"tục lệ cưới xin"* nên A Phủ vẫn tứ cố vô thân. Vì tội đánh con quan mà A Phủ bị bắt trói như con lợn đem giết thịt, bị đánh đập từ chiều cho đến thâm đêm, mặt và mép đầy máu, *"quỳ chịu đòn, chỉ im như cái tượng đá"*. Hai đầu gối *"sung bạnh lên như mặt hổ phù"*. Thống lí và bọn chức việc *"càng hút, càng tỉnh, càng đánh, càng chửi, càng hút"*. Chúng nó hút thuốc phiện *"như những con mọt nghiện gỗ kéo dài"*. A Phủ không bị giết mà bị phạt vạ 100 đồng bạc trắng. Thống lí đã cho A Phủ *"vay"*. A Phủ trở thành *"con trâu con ngựa"* cho nhà Pá Tra từ đây! *"Đời mày, đời con, đời cháu mày tao cũng bắt thế, bao giờ hết nợ tao mới thôi!"*.

Từ đó, A Phủ như một tên nô lệ: đốt rừng, săn bò tót, bẫy hổ, chăn ngựa quanh năm một mình bên ba dong ruồi ngoài gò ngoài rừng. *"Phúc bất trùng lai, họa vô đơn chí"*. Hồ bắt mất bò, Pá Tra quát A Phủ: *"Quân ăn cướp làm mất bò tao!"*. A Phủ bị trói vào cái cọc bằng một cuộn dây mây, trói cho đến chết nếu không bắt được hổ! A Phủ bị trói suốt mấy đêm ngày, đói, rét, đau đớn, đôi hõm má *"đã xạm đen lại"* sắp chết!.

Mị và A Phủ tuy cảnh ngộ khác nhau, nhưng đều trở thành nô lệ cho nhà thống lí. Tuổi trẻ, thân xác, tâm hồn... bị chà đạp dã man. Tô Hoài đã xây dựng nhân vật Mị và A Phủ đối lập với cha con thống lí Pá Tra, khắc họa bi kịch của số phận, từ đó làm nổi bật giá trị hiện thực của truyện ngắn này.

2. Giá trị nhân đạo.

Truyện *"Vợ chồng A Phủ"* còn có giá trị nhân đạo cao đẹp. Mị đã vút năm lá ngón vì thương cha già: Mị chết ai làm nương trả nợ thay cha. Mị thương xót một người đàn bà ngày trước đã *"bị bắt trói đến chết"* ở cái nhà này. Mị có lúc xót xa, tự thương mình đã bị bắt về *"trình ma nhà nó rồi chỉ còn biết đợi ngày rũ xương ở đây thôi..."*.

Thương mình rồi thương người, Mị căm giận cái ác và kẻ ác. Nhìn A Phủ bị trói, Mị vừa sợ vừa lo, cô xót xa thương cảm: *"Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết"*. Mị căm giận nguyên rửa cha con thống lí: *"Trời ơi... Chúng nó thật độc ác!"*. Hành động Mị lấy dao nhỏ cắt nút dây mây cứu sống A Phủ biểu lộ sâu sắc nhất tinh thần nhân đạo. A Phủ chạy trốn, Mị cùng vùng chạy theo. Mẩu đối thoại trong cơn nguy kịch thật vô cùng cảm động: *"A Phủ cho tôi đi..."*, *"ở đây thì chết mất!"*. Đáp lại tiếng nói của người đàn bà chề chồng, vừa cứu thoát mình, A Phủ đã nói lên những lời chan chứa tình nghĩa: *"Đi với tôi!"* Thế rồi hai người dìu nhau chạy thực mạng, vượt qua bao triền núi tai mèo, ăn lá rừng, mọc nhĩ, mật ong, tìm được thứ gì ăn thứ ấy, dìu nhau đi suốt một mùa mưa thì đến được khu du kích Phiềng Sa. Mị và A Phủ nên vợ nên chồng từ đây. Hai người đã chung sức xây dựng lại cuộc đời. Họ mơ ước có một mái nhà, một tàu ngựa, có ngô ăn quanh năm... Tô Hoài đã kể lại cuộc chạy trốn của Mị và A Phủ bằng những tình tiết vô cùng xúc động. Hai người đã vùng dậy, tự cứu mình, thoát khỏi kiếp nô lệ, giành lấy quyền sống làm người, được làm vợ làm chồng, được tự



Học văn – văn học

do. Mị và A Phủ đã từ bóng tối của địa ngục vượt qua gian nguy đến với ánh sáng cõi đời. *Sự vùng dậy ấy mang tính nhân bản sâu sắc.*

Đến Phiềng Sa, A Phủ và Mị lại sa vào tay giặc - bọn Tây đồn Bản Pe. A Phủ bị đánh đập dã man, lưng đầy sẹo, cái roi tóc của cha mẹ để lại cho đã bị bọn Tây "*chó đẻ*" cắt mất. Hai con lợn nhỡ cũng bị chúng ăn cướp mất ! Ngọn lửa căm thù bọn thực dân và lũ phong kiến tay sai bùng cháy dữ dội. ý thức giai cấp được giác ngộ. Sau lễ ăn sùng (ăn thề) với A Châu - người cán bộ kháng chiến, vợ chồng A Phủ biết làm rẫy, làm lán bí mật, gia nhập đội du kích Phiềng Sa. Câu nói của A Phủ (lúc quát Mị) thể hiện một quyết tâm, một tâm thế rất đẹp: "*Mê à ! Đây không phải là Hồng Ngài ! Đây là khu du kích Phiềng Sa, A Phủ là tiểu đội trưởng du kích mà !*".

Chân lí về tự do cuộc đời được khẳng định ! Mị và A Phủ không chỉ thoát kiếp nô lệ, thoát khỏi sự giày xéo của cha con thống lí Pá Tra mà hai người còn biết cầm súng, cùng với trai, gái bản Hmông, kết nghĩa anh em với cán bộ, "*giữ đường cho bộ đội*", giải phóng người Hmông, đánh đổ chế độ phong kiến và bọn thực dân cướp nước.

Truyện "*Vợ chồng A Phủ*" là một thành công đáng tự hào của Tô Hoài, của văn xuôi Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp. Nhờ những chuyến đi dài ngày vào vùng rẻo cao Tây Bắc, tác giả đã tích lũy được một vốn sống phong phú về phong tục, về đời sống vật chất và tinh thần của người Hmông. Tô Hoài đã miêu tả một cách cụ thể, chân thực và cảm động số phận của Mị và A Phủ *từ nô lệ đến tự do, từ bóng tối đến ánh sáng, từ tủi nhục đến hạnh phúc...* Đó là cả một quá trình vùng dậy phải trả giá bằng nhiều máu và nước mắt. Đọc truyện "*Vợ chồng A Phủ*" ta cảm nhận sâu sắc cái giá của tự do và hạnh phúc. Bằng tài năng và tâm lòng, Tô Hoài đã dành cho Mị và A Phủ sự xót thương, đồng cảm và đồng tình sâu sắc. Người đọc tưởng như Tô Hoài đã được chứng kiến cảnh Pá Tra xử kiện A Phủ, cảnh Mị cắt dây trói cứu A Phủ rồi cùng chạy trốn...

Nửa thế kỉ đã trôi qua, truyện ngắn này vẫn đứng vững trước thời gian và thử thách của bạn đọc. Từ sự đòi hỏi của Mị và A Phủ, Tô Hoài như muốn tâm sự cùng độc giả gần xa: muốn có sự đổi đời, muốn được sống trong tự do và hạnh phúc thật sự thì phải đấu tranh, phải một lòng đi theo cách mạng và kháng chiến. Đó là giá trị đích thực của áng văn này: *giá trị hiện thực và tinh thần nhân đạo cao đẹp.*

Đề 4: Nhân vật Mị trong truyện *Vợ chồng A Phủ* là một thành công của Tô Hoài trong việc xây dựng con người thức tỉnh. Hãy chứng minh nhận định ấy?

Truyện *Vợ chồng A Phủ* trong tác phẩm *Truyện Tây Bắc* (1953) là thành công tốt đẹp đầu tiên của Tô Hoài sau Cách mạng tháng Tám. Qua cuộc đời tủi nhục đau khổ của Mị và A Phủ hai nô lệ của thống lí Pá Tra ở Hồng Ngài, Tô Hoài đã phản ánh nỗi thống khổ của người Mèo trong chế độ cũ và sự vùng dậy của họ để giành lấy tự do, hạnh phúc, một lòng đi theo cách mạng và kháng chiến.



Học văn – văn học

Nhân vật Mị trong truyện Vợ chồng A Phủ là một thành công của Tô Hoài trong việc xây dựng con người thức tỉnh con người trong văn học là những nhân vật từng nếm trải nhiều cay đắng, tủi nhục và đau khổ trải qua những năm dài bị áp bức bóc lột bị chà đạp, giày xéo mà trở thành con người gần như vô cảm vô hồn, sống trong trạng thái nhẫn nhục, cam chịu cho thân phận mình. Cuối cùng, con người thức tỉnh dần dần “*hồi sinh*”, tự ý thức về quyền sống và quyền làm người của mình, phản kháng áp bức, bắt công giành lấy tự do và hạnh phúc, xây dựng một cuộc sống có ý nghĩa. Cùng với nhân vật A Phủ, ta thấy rõ nhân vật Mị là “*con người thức tỉnh giàu ý nghĩa nhân văn*”.

Cuộc đời Mị đầy bi kịch. Mị xinh đẹp, thối sáo hay, nhiều chàng trai Mèo mê “*ngày đêm đã thối sáo đi theo Mị*”. Nhưng hạnh phúc tuổi xuân không đến với người con gái đáng thương này. Mẹ Mị đã mất. Nhà nghèo, bố Mị đã già món nợ truyền kiếp mỗi năm phải đem nộp lãi cho chủ nợ một nương ngô đã trở thành sợi dây oan nghiệt đối với Mị. Mị đã bị A Sử (con trai thống lí Pá Tra “*cướp được*” đem về cúng trình ma. Bố Mị chỉ còn biết cất lời than trong nước mắt: “*Chao ôi! Thế là cha mẹ ăn bạc của nhà giàu từ kiếp trước, giờ người ta bắt bán con trừ nợ. Không thể làm thế nào khác được rồi!*”.

Mị chịu kiếp con dâu gặt nợ đau khổ, tủi nhục vô cùng. Đêm nào Mị cũng khóc tự thương cho số phận mình, Mị phải chết, Mị phải tự tử bằng lá ngón hái được ở trong rừng – Hình ảnh Mị: “*hai tròng mắt còn đỏ hoe*”, quỳ lại, úp mặt xuống đất, nức nở, hình ảnh bố Mị “*cũng khóc*” cất lời than... đã cho thấy được bi kịch đầy nước mắt! Mị muốn ăn lá ngón tự tử và Mị không cam chịu kiếp nô lệ trong thân phận con dâu gặt nợ. Mị muốn được sống trong một cuộc đời đáng sống, sống có ý nghĩa làm người. Sống trong nô lệ và tủi nhục Ai tự tử còn hơn. Phán kháng ấy tuy tiêu cực, nhưng cho thấy Mị đã ý thức về nhân phẩm của mình. Ý thức về nhân phẩm, phủ định thực tại đen tối là biểu của con người thức tỉnh.

Mị muốn chết mà không chết được. Mị chết nhưng nợ quan vẫn còn, bố Mị yếu quá rồi. Ai có thể làm nương ngô giả được nợ thống lí! Mị chỉ còn khóc. Mị phải ném nắm lá ngón xuống đất. “*Mị không đành lòng chết... còn phải trở lại nhà thống lí*”. Mị cam chịu kiếp nô lệ con dâu gặt nợ vì thương bố. Mị hiếu thảo và giàu hi sinh biết bao!

Quá trình thức tỉnh của con người thức tỉnh là những năm dài đen tối, những tháng ngày tủi nhục đắng cay. Mị cũng vậy. Nơi Mị ở là một cái kui mít như cái chuồng nhốt thú, chỉ có một lỗ vuông bằng bàn tay ra. Có lúc Mị nghĩ rằng mình cứ chỉ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà ra “*đến bao giờ chết thì thôi*”. Nhan sắc, tuổi xuân của Mị bị tước đoạt, xéo, bị chà đạp. Mị bị bóc lột tàn nhẫn, phải làm quần quật quanh năm lên núi hái thuốc phiện, bẻ bắp, hái củi, bung ngô... lúc nào cũng gài một bó dây trong tay để tước thành sợi. Có lúc lại thấy Mị quay sợi bên tảng đá trước cửa cạnh tàu ngựa. Bó dây ấy, tảng đá ấy như cái xiềng, cái xích, cái dây oan nghiệt đối với Mị. Mị bị áp bức mà trở nên tê liệt dần. Không ăn lá ngón tự tử nữa. Mị “*tưởng mình cũng là con trâu, cũng là con ngựa*”. Mị “*cúi mặt*”, “*mặt buồn rười rượi*”. Mị cam chịu “*ở lâu trong cái khổ Mị quen khổ rồi*”. Gần như vô



Học văn – văn học

cảm vô hồn, lâu dần “*Mị càng không nói, lùi lũi như con rùa nuôi trong xó cửa*”. Thân phận Mị có khác nào cô gái Thái bị ép duyên trong truyện thơ Tiễn dặn người yêu:

Ngẫm thân em chỉ bằng thân con bọ ngựa

Bằng con châu chuộc thôi...

Cảm thấy kiếp mình, thân phận mình như con trâu, con ngựa, con rùa, con bọ ngựa, con châu chuộc, có nghĩa là chén đắng cay của cuộc đời đã uồn cạn chỉ còn sống trong tê liệt, nhẫn nhục và cam chịu. Chẳng phải đời Mị đã lụi tàn?

Con người thức tỉnh được hồi sinh không chỉ với ngoại cảnh mà còn tự tâm hồn mình, ý thức mình. Mị đã thức tỉnh với những đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài. Tết đến, mùa xuân làng Mèo làm cho hoa thuốc phiện “*đỏ au*” thêm rực rỡ, những chiếc váy hoa phơi trên mỏm đá xòe như con bướm sặc sỡ Những cuộc vui chơi của trai gái, trẻ con như đánh pao, đánh quay, thổi sáo, thổi khèn và nhảy múa diễn ra náo nhiệt trên sân trước nhà. Và tiếng sáo tiếng khèn “*ru bạn đi chơi*” làm cho Mị “*thiết tha bồi hồi*”. Mị nhắm theo tiếng hát, tiếng sáo vọng lại:

... Ta không có con trai con gái

Ta đi tìm người yêu...

Tiếng sáo lay gọi, thức tỉnh tâm hồn Mị. Mị lén lấy hũ rượu, “*cứ uống ừng ực từng bát*”. Uống cho tan nỗi hận! uống cho vơi đi bao đau khổ chứa chất trong lòng! Say “*lịm mắt*”, Mị “*sống về ngày trước*”. Mị nhớ lại thời con gái, Mị thổi sáo bao người mê. Tiếng sáo gọi bạn tình đã nhập vào hồn Mị, tai Mị văng vẳng tiếng sáo. Mị đã thật sự hồi sinh và hồi xuân. Mị tự ý thức là “*Mị trẻ lắm. Mị vẫn trẻ*”. Mị cảm thấy “*phơi phới*”, trong lòng “*đột nhiên vui sướng*” như những đêm Tết ngày trước thời con gái. Mị muốn đi chơi Tết. Khao khát được sống trong tình yêu hạnh phúc như ngọn lửa bùng cháy tâm hồn Mị.

Mị được thức tỉnh về cảnh ngộ. Mị thấy vô lí, bất công đến tận nhẫn đến cay đắng. Bao nhiêu người có chồng cũng đi chơi ngày Tết. Mị với A Sứ “*không có lòng với nhau mà vẫn phải ở với nhau!*”. Thật là trớ trêu! Mị muốn ăn lá ngón cho chết. Mị ứa nước mắt. Tiếng sáo gọi bạn yêu đang “*lửng lơ bay ngoài đường*”. Đó là tâm lí của Mị trong đêm tình mùa xuân. Tiếng sáo lay tỉnh. Mị đang “*vùng vầy*” cố thoát cảnh ngộ đau khổ và tủi nhục!

Mị đã phản kháng, đã hành động. Mị xắn mỡ bỏ vào đĩa đèn cho sáng. Với tay lấy váy hoa, rút thêm cái áo, quấn lại tóc. Mị “*sắp đi chơi*”. Hành động Mị ngang nhiên diễn ra trước mắt thằng A Sứ. Mị chẳng thèm trả lời câu hỏi của hắn: “*Mày muốn đi chơi à?*”. Mị đã bị thằng A Sứ trói vào cột buồng bằng cả một thúng sợi đay. làm cho Mị “*không cúi*,



Học văn – văn học

không nghiêng đầu được nữa”. Mặc dù lúc mê lúc tỉnh, lúc khắp người “*bị dây trời thít lại, đau nhức*”, nhưng Mị vẫn “*nông nàn, tha thiết nhớ*”, “*vẫn nghe tiếng sáo đưa Mị đi theo những cuộc chơi, những đám chơi*”. Điều đó cho thấy, Mị được thức tỉnh về tình yêu, về hạnh phúc, khao khát của Mị rất mãnh liệt trong đêm tình mùa xuân cho thấy ngòi bút phân tích tâm lí và hành động Mị, con người thức tỉnh của Tô Hoài rất tinh tế, sâu sắc. Trang văn thấm đượm tinh thần nhân văn cao cả.

Mị có bị ngã gục trước số phận đen tối tủi nhục không? Con ma nhà thống lí uy quyền của Pá Tra, bộ mặt độc ác của A Sứ, và món nợ truyền kiếp, tất cả đã thít chặt Mị bằng những sợi dây oan nghiệt vô hình. Sau đêm bị trời ấy, Mị mỗi ngày một tê dại đi. Mị “*chỉ còn biết, còn ở với ngọn lửa*”. Đêm nào, Mị cũng “*thức sưởi lửa suốt đêm*”. Mị và A Phủ “*gặp nhau*” tại nhà thống lí như một tiền định. Người con dâu gặt nợ. Người vì tội đánh con quan mà trở thành người “*vay nợ, ở nợ*”. Cả hai đều là con trâu, con ngựa của nhà thống lí Mị đã bị A Sứ trời đứng suốt đêm bằng một thúng sợi dây. A Phủ vì tội để hổ bắt mất một con bò mà bị Pá Tra trời vào cọc bằng một cuộn mây, A Phủ bị trời đã mấy ngày đêm. Mỗi đêm, nghe tiếng phù phù thổi A Phủ “*mở mắt*”...; thấy ngọn lửa sưởi bùng lên, A Phủ “*trùng mắt*”. Mị nhìn sang, rồi “*thần nhiên*” thổi lửa, hơ tay. Cho dù “*nếu A Phủ là cái xác chết đứng đấy, cũng thế thôi*”. Tâm hồn Mị đã héo hắt, đã tàn lụi, đã giá lạnh đến cùng cực! Thật đáng sợ.

Nhưng rồi cảnh ngộ, tình thương và lòng căm thù đã thức tỉnh ý thức Mị, tâm hồn Mị. Qua “*ngọn lửa bập bùng*”, Mị “*lé mắt trông sang*” Mị xúc động nhìn thấy “*một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm mắt đã xám đen lại*” của A Phủ. Mị nhớ lại đêm năm trước, A Sứ cũng trời đứng Mị như thế Mị khẽ thốt lên lời than: “*Trời ơi!...*”. Mị nguyên rủa cha con Thống Lí: “*chúng nó thật độc ác*”. Bao cảnh thương tâm đồng hiện trong tâm hồn Mị: bắt trời đứng người ta đến chết, nó bắt mình chết cũng thôi, nó bắt trời chết người đàn bà ngày trước cũng ở cái nhà này. Mị tự thương cảnh ngộ mình; thương A Phủ trên bờ vực thẳm, khi tử thần đã gõ cửa: “*Cơ chừng này chỉ đêm mai là người kia chết, chết đau, chết đói, chết rét, phải chết*”. Mị nghĩ về thân phận mình, tưởng như là cam chịu: “*Ta là thân đàn bà, nó đã bắt ta về trình ma nhà nó rồi thì chỉ còn biểi đợi ngày rũ xương ở đây thôi...*”. Mị ý thức được A Phủ không thể chết, “*việc gì mà phải chết thế*”. Con đường thức tỉnh của con người thức tỉnh là con đường vòng, có lúc ngập ngừng do dự, có lúc quyết liệt. Mị cũng thế, Mị tưởng tượng A Phủ trốn thoát, Mị sẽ bị trời trên cái cọc oan nghiệt ấy! Đám than vạc hắt lửa. Hình như bóng tối cho Mị sức mạnh, “*trong tình cảnh này, làm sao Mị cũng không thấy sợ...*”.

Hành động của con người thức tỉnh là “*hành động tự phủ định, hành động tự giải thoát*” (J.P.Sartre). Mị đã toan ăn lá ngón để tự tử, đó là ra lệnh: “*Rồi Mị đứng lặng trong bóng tối*”. Đó là “*khoảnh khắc bi kịch*”. Ở lại là chết trong đau đớn như người đàn bà nợ. Chạy trốn còn có thể sống Mị nói liên tiếp hai câu như kêu cứu và đuổi chạy theo A Phủ: “*A Phủ cho tôi đi...ở đây thì chết mất...*”. Mị và A Phủ diu nhau cùng chạy trốn đến Phiền Sa khu du kích. Phiền Sa là chốn nương thân cho họ. Cách mạng và kháng chiến mới là



Học văn – văn học

đất hứa, đất thánh cho người thức tỉnh. Mị cắt dây trói A Phủ cũng là tự cắt dây trói để giải thoát mình. Như con chim sổ lồng, thoát khỏi bóng tối vươn tới ánh sáng, từ nô lệ tủi nhục mà giành được tự do, hạnh phúc, cùng với A Phủ nên vợ nên chồng, rồi trở thành chiến sĩ du kích.

Mị là nhân vật thức tỉnh. Tô Hoài đã phân tích tinh tế, sâu sắc mọi diễn biến về tâm lí và hành động Mị trong quá trình thức tỉnh với tất cả sự thương xót và đồng cảm sâu sắc. Mị là nhân vật thức tỉnh có sức mạnh phản kháng và sức sống tiềm tàng. Nhân vật Mị đã góp phần thể hiện giá trị nhân văn của truyện Vợ chồng A Phủ.

Và ta càng thấm thía về cái giá của tự do. Cái mùi vị của tự do là “*cái vị ngọt ngào và có mùi tanh đồng*” như Hêminguê đã nói

Đề 5: Một trong những sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của Kim Lân trong truyện ngắn Vợ nhặt là đã xây dựng được một tình huống truyện độc đáo và hấp dẫn. Hãy phân tích để chứng minh cho ý kiến trên

I. Mở bài

Đối với nghệ thuật truyện ngắn, tạo ra được một tình huống độc đáo mới lạ làm bật nổi vấn đề, bật nổi tâm trạng, tư tưởng, tính cách của các nhân vật và chủ đề của tác phẩm là một điều có ý nghĩa then chốt. Một truyện ngắn đặc sắc là nhờ được tổ chức chung quanh một tình huống như thế, và Vợ nhặt của Kim Lân là một trường hợp tiêu biểu.

II. Thân bài

Vợ nhặt đã tạo ra được một tình huống truyện độc đáo và hấp dẫn:

1. Đó là tình huống nhân vật Tràng, một anh nhà nghèo xấu xí, dân ngụ cư (bị người làng coi thường), giữa lúc đói khát lại lấy được vợ.

- Đó là một điều lạ, vì hai lí do:

+ Người như Tràng mà lấy được vợ, thậm chí có vợ theo!

+ Thời buổi đói khát này, người như Tràng, nuôi thân chẳng xong mà đi lấy vợ.

Nhưng điều tưởng không thể nào có được, lại đã xảy ra, đã trở thành hi thực. Bởi vì, nếu không phải năm đói, người ta không đói quá, thì ai thèm Tràng. Và đây là “*vợ nhặt*”, có cheo cưới gì đâu. Năm đói thế nào cũng xong, thế người như Tràng mới lấy được vợ.



Học văn – văn học

- Tình huống này dẫn đến sự ngạc nhiên của cả xóm cư ngụ, của bà cụ Tứ (mẹ Tràng) và của chính Tràng nữa. Như vậy, tình huống này đã làm cho câu chuyện có thể triển khai, phát triển dễ dàng bằng các cảnh với các chi tiết rất hấp dẫn.

+ Cảnh xóm ngụ cư xì xào bàn tán khi Tràng dẫn vợ về nhà.

+ Cảnh buổi tối bà cụ Tứ gặp người con dâu được anh con trai “nhặt về” trong sự sững sờ này đến sự ngạc nhiên khác...

+ Chuyện có vợ bất ngờ với cả chính Tràng nữa, khiến anh ta không thể nào tin nổi – trong buổi tối dẫn vợ về báo cho mẹ biết và ngay cả sáng hôm sau khi đã là vợ chồng (*“Nhìn thị ngồi ngay giữa nhà, đến bây giờ hấn vẫn cứ ngỡ ngỡ như không phải thế. Ra hấn đã có vợ rồi đấy ư?”*).

2. Tình huống trên, đồng thời hết sức éo le. Đó là chuyện nên vui hay nên buồn, nên mừng hay nên lo?

- Chính điều này lại thúc đẩy cho câu chuyện tiếp tục phát triển để nhà văn có thể khắc họa tâm trạng nhân vật phong phú và tính cách nhân vật rõ nét hơn. Trong cái tình huống hết sức éo le ấy, ta thấy một sự xáo trộn buồn tủi, vui mừng, lo sợ ở trong tâm trạng của mọi người.

- Người trong xóm ngụ cư mừng cho anh ta và cùng lo cho anh ta.

+ Bà cụ Tứ mừng cho con nhưng vừa thương vừa tủi, vừa lo cho con.

+ Chính Tràng cũng vừa vui vừa “chợn”, *“thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bòng”*.

- Tình huống trên dẫn đến cái hạnh phúc thật mong manh, tội nghiệp của đôi vợ chồng và bà mẹ nghèo khổ. Hạnh phúc của đôi vợ chồng Tràng và niềm vui của bà cụ Tứ cứ phải diễn ra trong một không khí ảm đạm chết chóc, với những tiếng hò khóc người chết đói vắng đưa tới (*“Giữa sự im lặng của đôi vợ chồng mới, có tiếng ai hò khóc ngoài xóm lọt vào tỉ lệ lúc to lúc nhỏ”*). Hạnh phúc của họ diễn ra trong tiếng quạ kêu thê thiết, trong tiếng khóc thê thảm ấy. Và tiếp đó là bữa ăn đầu tiên đón nàng dâu mới thật tội nghiệp: ăn cháo cám, ăn mà không dám nhìn nhau... Tình huống đó đã tạo cảm hứng, tạo cảnh, tạo chi tiết để nhà văn có thể viết nên những trang thật cảm động về câu chuyện “*Vợ nhặt*” rất hiện thực và cũng rất nhân đạo trong nạn đói khủng khiếp năm 1945.

III. Kết bài

- Tình huống Vợ nhặt độc đáo và hấp dẫn là một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của nhà văn Kim Lân.



Học văn – văn học

- Tình huống ấy không chỉ tạo điều kiện cho câu chuyện triển khai và phát triển dễ dàng, tốt đẹp, mà còn góp phần bộc lộ sâu sắc chủ đề truyện: niềm khát khao tổ ấm gia đình và tình thương giữa những con người nghèo khổ ngay trong trận đói khủng khiếp nhất.

Đề 6: Em hãy phân tích bi kịch và cuộc đấu tranh bảo vệ những phẩm tính cao quý, khát vọng hoàn thiện nhân cách của hồn Trương Ba trong đoạn trích Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ .

I . Mở bài .

Lưu Quang Vũ (1948-1988) là một trong những nhà viết kịch tài năng nhất của văn học Việt Nam. Tiêu biểu cho sự nghiệp sáng tác của ông là vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt. Đoạn trích vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt (SGK Ngữ văn 12) là văn bản đặc sắc, qua việc khắc hoạ mâu thuẫn giữa hồn Trương Ba với xác hàng thịt, với người thân đã phản ánh bi kịch và khát vọng hoàn thiện nhân cách của nhân vật hồn Trương Ba.

II . Thân bài.

1. Giới thiệu chung .

Vở kịch Hồn Trương Ba , da hàng thịt được sáng tác năm 1981, đến năm 1984 mới ra mắt công chúng . Đây là một trong những vở kịch đặc sắc nhất của Lưu Quang Vũ , đã công diễn nhiều lần trên sân khấu trong và ngoài nước. Vở kịch được sáng tác trong không khí đổi mới tư duy, ý thức dân chủ trong đời sống , phong trào đấu tranh chống tiêu cực trong xã hội. Vở kịch gồm 7 cảnh, được tác giả sáng tác dựa trên một cốt truyện dân gian.

Đoạn trích Vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt nằm ở cảnh 7 của vở kịch, qua việc xây dựng xung đột giữa tâm hồn thanh cao của Trương Ba với thể xác phàm tục của anh hàng thịt đã khắc hoạ bi kịch tha hoá và cuộc đấu tranh gay gắt bảo vệ, hoàn thiện nhân cách của con người. Từ đó tác giả đã phê phán một số hiện tượng tiêu cực trong xã hội và gửi gắm triết lý nhân sinh sâu sắc về yêu cầu thống nhất giữa thể xác và tâm hồn.

2. Phân tích bi kịch của Trương Ba.

Trước khi diễn ra cuộc đối thoại giữa hồn và xác, nhà viết kịch đã để cho Hồn Trương Ba "*ngồi ôm đầu một hồi lâu rồi vụt đứng dậy*" với một lời độc thoại đầy khản thiết: "- Không. Không! Tôi không muốn sống như thế này mãi! Tôi chán cái chỗ ở không phải là của tôi này lắm rồi. Hồn Trương Ba đang ở trong tâm trạng vô cùng bức bối, đau khổ thể hiện trong những câu cảm thán ngắn, dồn dập cùng với ước nguyện khắc khoải. Hồn bức bối bởi không thể nào thoát ra khỏi cái thân xác mà hồn ghê tởm. Hồn đau khổ bởi mình không còn là mình nữa. Trương Ba bây giờ vụng về, thô lỗ, phũ phàng lắm. Hồn Trương Ba cũng càng lúc càng rơi vào trạng thái tuyệt vọng.



Học văn – văn học

Trong cuộc đối thoại với xác anh hàng thịt, Hồn Trương Ba ở vào thế yếu, đuối lí bởi xác nói những điều mà dù muốn hay không muốn Hồn vẫn phải thừa nhận: cái đêm khi ông đứng cạnh vợ anh hàng thịt với *"tay chân run rẩy", "hơi thở nóng rực", "cổ nghẹn lại" và "suyt nữa thì..."*. Đó là cảm giác *"xao xuyến"* trước những món ăn mà trước đây Hồn cho là *"phàm"*. Đó là cái lần ông tát thẳng con ông *"tóe máu mồm máu mũi",...* Xác anh hàng thịt gọi lại tất cả những sự thật ấy khiến Hồn càng cảm thấy xấu hổ, cảm thấy mình ti tiện. Xác anh hàng thịt còn cười nhạo vào cái lí lẽ mà ông đưa ra để nguy biện: *"Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn,..."*. Trong cuộc đối thoại này, xác thẳng thắn nên rất dễ dàng tuôn ra những lời thoại dài với chất giọng khi thì mỉa mai cười nhạo khi thì lên mặt dạy đời, chỉ trích, châm chọc. Hồn chỉ buông những lời thoại ngắn với giọng nhát gừng kèm theo những tiếng than, tiếng kêu.

Nỗi đau khổ, tuyệt vọng của Hồn Trương Ba càng được đẩy lên khi đối thoại với những người thân. Người vợ mà ông rất mực yêu thương giờ đây buồn bã và cứ nhất quyết đòi bỏ đi. Với bà *"đi đâu cũng được... còn hơn là thế này"*. Bà đã nói ra cái điều mà chính ông cũng đã cảm nhận được: *"ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa"*. Cái Gái, cháu ông giờ đây đã không cần phải giữ ý. Nó một mực khước từ tình thân: tôi không phải là cháu ông... Ông nội tôi chết rồi. Cái Gái yêu quý ông nó bao nhiêu thì giờ đây nó không thể chấp nhận cái con người có *"bàn tay giết lợn"*, bàn chân ***"to bè như cái xẻng"*** đã làm *"gãy tiết cái chồi non"*, *"giẫm lên nát cả cây sâm quý mới ươm"* trong mảnh vườn của ông nội nó. Nó hận ông vì ông chữa cái điều cho cu Tị mà làm gãy nát khiến cu Tị trong cơn sốt mê man cứ khóc, cứ tiếc, cứ bắt đền. Với nó, *"Ông nội đời nào thô lỗ, phũ phàng như vậy"*. Nỗi giận dữ của cái Gái đã biến thành sự xua đuổi quyết liệt: *"Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi! Lão đồ tể, cút đi!"*. Chị con dâu là người sâu sắc, chín chắn, hiểu điều hơn lẽ thiệt. Chị cảm thấy thương bố chồng trong tình cảnh trở trêu. Chị biết ông khổ lắm, *"khổ hơn xưa nhiều lắm"*. Nhưng nỗi buồn đau trước tình cảnh gia đình *"như sắp tan hoang ra cả"* khiến chị không thể bầm bụng mà đau, chị đã thoát thành lời cái nỗi đau đó: *"Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng thầy ơi, con sợ lắm, bởi con cảm thấy, đau đớn thấy... mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần, tất cả cứ như lệch lạc, nhòa mờ dần đi, đến nỗi có lúc chính con cũng không nhận ra thầy nữa..."*

Tất cả những người thân yêu của Hồn Trương Ba đều nhận ra cái nghịch cảnh trở trêu. Sau tất cả những đối thoại ấy, mỗi nhân vật bằng cách nói riêng, giọng nói riêng của mình đã khiến Hồn Trương Ba cảm thấy không thể chịu nổi. Nỗi cay đắng với chính bản thân mình cứ lớn dần... lớn dần, muốn đứt tung, muốn vọt trào.

Nhà viết kịch đã để cho Hồn Trương Ba còn lại trơ trọi một mình với nỗi đau khổ, tuyệt vọng lên đến đỉnh điểm, một mình với những lời độc thoại đầy chua chát nhưng cũng đầy quyết liệt: *"Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta ạ... Nhưng lẽ nào ta lại chịu thua mày, khuất phục mày và tự đánh mất mình? "Chẳng còn cách nào khác"! Mày nói như thế hả? Nhưng có thật là không còn cách nào khác? Có*



Học văn – văn học

thật không còn cách nào khác? Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!". Đây là lời độc thoại có tính chất quyết định dẫn tới hành động châm hương gọi Đế Thích một cách dứt khoát.

Cuộc trò chuyện giữa Hồn Trương Ba với Đế Thích trở thành nơi tác giả gửi gắm những quan niệm về hạnh phúc, về lẽ sống và cái chết. Hai lời thoại của Hồn trong cảnh này có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng: Không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn... Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!

Người đọc, người xem có thể nhận ra những ý nghĩa triết lí sâu sắc và thấm thía qua hai lời thoại này. Thứ nhất, con người là một thể thống nhất, hồn và xác phải hài hòa. Không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phàm tục, tội lỗi. Khi con người bị chi phối bởi những nhu cầu bản năng của thân xác thì đừng chỉ đổ tội cho thân xác, không thể tự an ủi, vỗ về mình bằng vẻ đẹp siêu hình của tâm hồn. Thứ hai, sống thực sự cho ra con người quả không hề dễ dàng, đơn giản. Khi sống nhờ, sống gửi, sống chấp vá, khi không được là mình thì cuộc sống ấy thật vô nghĩa. Những lời thoại của Hồn Trương Ba với Đế Thích chứng tỏ nhân vật đã ý thức rõ về tình cảnh trớ trêu, đầy tính chất bi hài của mình, thấm thía nỗi đau khổ về tình trạng ngày càng vênh lệch giữa hồn và xác, đồng thời càng chứng tỏ quyết tâm giải thoát nung nấu của nhân vật trước lúc Đế Thích xuất hiện.

Quyết định dứt khoát xin tiên Đế Thích cho cu Tị được sống lại, cho mình được chết hẳn chứ không nhập hồn vào thân thể ai nữa của nhân vật Hồn Trương Ba là kết quả của một quá trình diễn biến hợp lí. Hơn nữa, quyết định này cần phải đưa ra kịp thời vì cu Tị vừa mới chết. Hồn Trương Ba thử hình dung cảnh hồn của mình lại nhập vào xác cu Tị để sống và thấy rõ "*bao nhiêu sự rắc rối*" vô lí lại tiếp tục xảy ra. Nhận thức tỉnh táo ấy cùng tình thương mẹ con cu Tị càng khiến Hồn Trương Ba đi đến quyết định dứt khoát. Qua quyết định này, chúng ta càng thấy Trương Ba là con người nhân hậu, sáng suốt, giàu lòng tự trọng. Đặc biệt, đó là con người ý thức được ý nghĩa của cuộc sống.

III. Kết luận

Đoạn trích vở kịch Hồn Trương ba, da hàng thịt, qua việc khắc hoạ bi kịch của nhân vật hồn Trương Ba đã thể hiện một ý nghĩa triết lí về nhân sinh, về hạnh phúc con người. Lưu Quang Vũ muốn góp phần phê phán một số biểu hiện tiêu cực trong lối sống lúc bấy giờ đồng thời đã khẳng định khao khát hoàn thiện nhân cách, đấu tranh chống lại sự tha hoá trong mỗi con người. Với tất cả những ý nghĩa đó, đoạn trích rất tiêu biểu cho phong cách viết kịch của Lưu Quang Vũ.



Đề 7: Cảm nhận của anh (chị) về cái tài và cái tâm của Nguyễn Tuân thể hiện qua hai kiệt tác của hai chặng đường sáng tạo: truyện ngắn *Chữ người tử tù* và tùy bút *Người lái đò Sông Đà*.

Gợi ý

- Kiểu bài: phát biểu cảm nghĩ về một số vấn đề mà tác phẩm văn học nêu ra.
- Nội dung: cái tài và cái tâm của nhà văn Nguyễn Tuân thể hiện trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* sáng tác trước 1945 và tùy bút *Người lái đò Sông Đà* sáng tác sau 1945.
- Lưu ý: trước khi đi vào nội dung cái tài và cái tâm trong hai kiệt tác trên, cần có đôi dòng xác định khái niệm cái tài (tài năng, tài hoa) và cái tâm (tấm lòng) của tác giả.

Dàn bài chi tiết:

I. Đặt vấn đề

Giới thiệu nhà văn Nguyễn Tuân: Sinh 1910 mất 1987, là một tác giả được sách giáo khoa Văn 12 nhận định như: "*Một nghệ sĩ lớn, một nhà văn hóa lớn*".

Nghĩ đến Nguyễn Tuân người ta thường nói đến một nghệ sĩ tài hoa, có phong cách độc đáo và cái "*ngông*" nổi tiếng. Nhưng Nguyễn Tuân còn là một nhà văn có tấm lòng tha thiết với đất nước, với tiếng Việt, với cuộc sống, với cái đẹp và cái thật.

- Giới thiệu truyện ngắn *Chữ người tử tù* và tùy bút *Người lái đò Sông Đà*:

"*Chữ người tử tù*" in trong tập truyện "*Vang bóng một thời*" xuất bản 1940 là một truyện có giá trị nổi bật viết về ông Huân Cao – một khách tài hoa nghệ sĩ đồng thời là một trang anh hùng nghĩa sĩ tuy chí lớn không thành vẫn ung dung, bất khuất.

"*Người lái đò Sông Đà*" rút trong tập tùy bút "*Sông Đà*" của Nguyễn Tuân in lần đầu năm 1960, miêu tả một cách sắc sảo cảnh thác đá sông Đà và tài nghệ tuyệt vời của ông lái đò khi lao thuyền vượt thác.

Cả hai kiệt tác trên đã thể hiện được cái tài và cái tâm của Nguyễn Tuân ở hai chặng đường sáng tạo trước 1945 và sau 1945.

II. Giải quyết vấn đề

1. Về cái tài là cái tâm của nhà nghệ sĩ lớn Nguyễn Tuân

- Tài: ở đây là tài năng, tài hoa thể hiện ở sự hiểu biết sâu rộng uyên bác, sự khám phá thiên nhiên, khám phá tâm hồn con người, sự tạo dựng những hình tượng mãnh liệt gây ấn tượng, sử dụng ngôn ngữ phong phú giàu tính tạo hình...

- Tâm: tấm lòng, sự hướng thiện, sự rung cảm chân thành đối với con người, cuộc sống, đất nước.

- Ở Nguyễn Tuân cả tâm và tài đều ở độ chín muồi, thăng hoa.

2. Cảm nhận về cái tài và cái tâm trong truyện ngắn "*Chữ người tử tù*"



Học văn – văn học

a) **Cái tài của Nguyễn Tuân ở đây là sáng tạo được một nhân cách kiêu dũng, bất khuất trong vị thế một người tử tù trong một truyện ngắn trang nghiêm, cổ kính. Cần chú ý:**

+ Tư thế ông Huân Cao: *"Thản nhiên nhận rượu và ăn thịt"* mặc dù ông là kẻ tù tù sắp đến ngày vào Kinh để chịu hành huyết.

+ Câu nói của ông Huân Cao với quản ngục: *"Người hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều, là nhà người đừng đặt chân vào đây"*.

- Tuy nhiên cái tài của Nguyễn Tuân trong việc sáng tạo nhân vật kiêu dũng này còn ở chỗ phát hiện được cái tính biết phục thiện của ông khi ông biết được nỗi lòng viên quản ngục.

+ Chú ý câu nói của ông Huân Cao: *"Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất tám lòng trong thiên hạ"*.

+ Chú ý lời khuyên của ông Huân Cao: *"Tôi bảo thực đấy, thầy Quản nên tìm về nhà quê ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây khó giữ thiện lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cả đời lương thiện đi"*.

- Cảnh ông Huân Cao cho chữ viên quản ngục trong cái đêm cuối cùng ở nhà lao là một đoạn "tuyệt bút", thể hiện tài năng tuyệt vời của ngòi bút Nguyễn Tuân. Đó là cảnh tượng "sưa nay chưa từng có" vừa trang trọng cổ kính, vừa dữ dội làm nổi rõ nhân cách cao cả và tài năng của Huân Cao và "thiên lương" của quản ngục giữa cảnh ngục tù u ám, tối tăm.

b) Cái tâm của Nguyễn Tuân ở truyện ngắn *Chữ người tử tù*.

- Việc phát hiện, xây dựng hai nhân cách cao đẹp là ông Huân Cao và viên quản ngục ở chốn lao tù thể hiện rõ tấm lòng yêu tin trân trọng của nhà văn đối với con người, đối với cuộc sông "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn".

- Toàn bộ truyện ngắn toát lên tính nhân hậu, sự hướng thiện, hướng mỹ, nói lên tư tưởng tiến bộ, nhân văn của nhà văn ngay từ trước Cách mạng tháng Tám 1945.

3. Cảm nhận về cái tài và cái tâm của Nguyễn Tuân trong tùy bút *"Người lái đò Sông Đà"*

a) Cái tài của Nguyễn Tuân ở *Người lái đò Sông Đà*:

+ Tác giả đã dựng lên được một thạch trận sông Đà và một con người – ông lái đò – nghệ sĩ vượt thạch trận đó.

+ Thạch trận trên sông Đà: "Mặt hòn đá nào trông cũng ngỗ ngược, hòn nào cũng nhẵn nhúm méo mó hơn cả cái mặt nước chỗ này... Nhưng hình như Sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn, mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận trên sông".

+ Ông lái đò – nghệ sĩ vượt thạch trận: "Thạch trận dàn bày vừa xong thì cái thuyền vọt tới (...) Ông đò hai tay giữ mái chèo khỏi bị hắt lên khỏi sóng trận địa phóng thẳng vào mình (...) Không một chút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đối luôn chiến thuật (...) Cười lên thác Sông Đà, phải cười đến cùng như là cười hổ".



Học văn – văn học

- Cái tài của Nguyễn Tuân ở đây còn thể hiện ở sự sử dụng ngôn ngữ, tạo dựng hình tượng gây ấn tượng mạnh mẽ đến người đọc. Ví dụ: "Mặt nước hò la vang dậy quanh mình, ùa vào mà bẻ gãy cán chèo võ khí trên cánh tay mình. Sóng nước như thế quân liều mạng vào sát nách mà đá trái mà thúc gối vào bụng và hông thuyền. Có lúc chúng đội cả thuyền lên. Nước bám lấy thuyền như đô vật túm thắt lưng ông đồ đòi lật ngửa mình ra giữa trận nước vang trời thanh la náo bạt".

b) Cái tâm của Nguyễn Tuân ở Người lái đò Sông Đà.

- Thác dữ sông Đà bày thạch trận, ba lần trùng vi, ba lần hiểm nguy, song con người vẫn vượt lên thác dữ, cười lên thác dữ như cười hổ và vượt thác xong, người lái đò sông Đà lại trở lại với cuộc sống bình thường. Nhà văn ca ngợi tài nghệ con người và nhất là cái chí vượt thác dữ chế ngự thiên nhiên của con người. Ở đây ông lái đò được nhà văn miêu tả như một nghệ sĩ tài hoa, có chí lớn vượt thác.

- Miêu tả cảnh thác dữ, miêu tả vẻ hùng vĩ của con sông Tây Bắc, Nguyễn Tuân tỏ ra rất mến yêu trân trọng thiên nhiên đất nước. Ông miêu tả sông Đà: *"tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo"*.

III. Kết thúc vấn đề

- Nhà văn Nguyễn Tuân đã đi xa từ mùa thu 1987 nhưng tác phẩm của ông vẫn còn lại với hậu thế. Đọc những tác phẩm của ông, người đọc cảm nhận được sâu sắc cái tâm, cái tài ông gửi gắm trong những tác phẩm ấy.

- Ông đúng là một nhà nghệ sĩ lớn, một nhà văn hóa lớn, lớn cả tài năng và tâm lòng, mà Chữ người tử tù và Người lái đò sông Đà, hai kiệt tác bất hủ cũng đủ để minh chứng cho cái tài và cái tâm của nhà văn.

Đề 8 : Hình ảnh *người vợ nhặt* trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân.

I. Mở bài :

Kim Lân là một trong những nhà văn xuất sắc của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam trước và sau Cách mạng tháng Tám. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của Kim Lân được viết ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công là truyện ngắn “*Vợ nhặt*”, được in trong tập truyện “*Con chó xấu xí*”. Đây là tác phẩm mà Kim Lân đã tái hiện thành công bức tranh âm đạm và khủng khiếp về nạn đói Ất Dậu (1945) của nước ta.

Trên cái nền tăm tối và đau thương ấy, nhà văn đã đặt vào đó *hình ảnh của nhân vật người vợ nhặt : nghèo đói, bất hạnh nhưng lại có một khát vọng sống mãnh liệt*. Điều đó được thể hiện qua việc chị chấp nhận theo không một người đàn ông về làm vợ giữa ngày đói.

II. Thân bài :

1/ *Trước hết, về cảnh ngộ*, xuất hiện trong tác phẩm, người vợ nhặt chỉ là một con số không tròn trĩnh: *không tên tuổi, không quê hương, không gia đình, không nghề nghiệp...*



Học văn – văn học

Từ đầu đến cuối tác phẩm chị chỉ được gọi bằng “*thị*”- một cách gọi phiếm định giành cho chị và tất cả những người phụ nữ có cảnh ngộ và số phận đáng thương và tội nghiệp như chị.

Không những vậy, chân dung của người phụ nữ ấy hiện ra ngay từ đầu là những nét không mấy dễ nhìn: đó là hình ảnh của người đàn bà *gầy vêu vao, ngực gầy lép, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt, quần áo thì rách như tổ đĩa*.

2/ Về tính cách :

a. Trước khi trở thành vợ Tràng, *thị* là một người phụ nữ *ăn nói chồng lớn, táo bạo và liều lĩnh*.

Lần gặp đầu tiên, *thị* chủ động làm quen ra đây xe bò cho Tràng và “*liếc mắt cười tít*” với Tràng.

Lần gặp thứ hai, *thị* “*sầm sập chạy tới*”, “*sung sĩa nói*” và lại còn “*đứng cong cớn*” trước mặt Tràng. Đã vậy, *thị* còn *chủ động đòi ăn*. Khi được Tràng mời ăn bánh đúc, *thị* đã *cúi gằm ăn một mạch bốn bát bánh đúc*. Ăn xong còn lấy đũa quét ngang miệng và khen ngon...

Có thể nói, tất cả những biểu hiện trên của *thị* suy cho cùng cũng là vì đói. *Cái đói trong một lúc nào đó nó có thể làm biến dạng tính cách của con người*. Nói điều này, chắc hẳn nhà văn thật sự xót xa và cảm thông cho cảnh ngộ đói nghèo của người lao động.

b. Khi trở thành vợ Tràng, *thị* đã trở về với chính con người thật của mình là một người đàn bà *hiền thực, e lệ, lễ phép, đảm đang*.

Điều đó được thể hiện qua dáng vẻ *bẽn lễn đến tội nghiệp* của *thị* khi bên Tràng vào lúc trời chạng vạng (*thị* đi sau Tràng ba bốn bước, cái nón rách che nghiêng, “*rón rén, e thẹn, ngượng ngịu, “chân nọ bước dúi cả vào chân kia*”...) thật tội nghiệp cho cảnh cô dâu mới theo chồng về nhà: một cảnh đưa dâu không xe hoa, chẳng pháo cưới mà chỉ thấy những khuôn mặt hốc hác u tối của những người trong xóm và âm thanh của tiếng quạ, tiếng khóc hờ người chết tang thương...

Sau một ngày làm vợ, *chị* dậy sớm, quét tước, dọn dẹp cho căn nhà khang trang, sạch sẽ. Đó là hình ảnh của một người vợ biết lo toan, thu vén cho cuộc sống gia đình – hình ảnh của **một người vợ hiền, một cô dâu thảo**.

Trong bữa cơm cưới giữa ngày đói, *chị* tỏ ra là một phụ nữ **am hiểu về thời sự** khi kể cho mẹ và chồng về câu chuyện ở Bắc Giang người ta đi phá kho thóc của Nhật. Chính *chị* đã làm cho niềm hy vọng của mẹ và chồng thêm niềm hy vọng vào sự đổi đời trong tương lai.

III. Kết bài :

Tóm lại, **người phụ nữ không tên tuổi**, không gia đình, không tên gọi, không người thân ấy đã **thật sự đổi đời bằng chính tấm lòng giàu tình nhân ái của Tràng và mẹ Tràng**.

Bóng dáng của *thị* hiện ra tuy không lộng lẫy nhưng lại gợi nên sự ấm áp về cuộc sống gia đình. Phải chăng ***thị* đã mang đến một làn gió tươi mát** cho cuộc sống tăm tối của những người nghèo khổ bên bờ của cái chết....



Đề 9. Phân tích nhân vật Tràng trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân.

1. Mở bài :

Kim Lân là một trong những nhà văn xuất sắc của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam trước và sau Cách mạng tháng Tám. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của Kim Lân được viết ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công là truyện ngắn “**Vợ nhặt**”, được in trong tập truyện “*Con chó xấu xí*”. Đây là tác phẩm mà Kim Lân đã tái hiện thành công bức tranh ảm đạm và khủng khiếp về nạn đói Ất Dậu (1945) của nước ta.

Trên cái nền tăm tối và đau thương ấy, nhà văn đã đặt vào đó **hình ảnh của nhân vật Tràng: nghèo đói, bất hạnh nhưng giàu tình người và khát vọng hạnh phúc**. Điều đó được thể hiện qua chính câu chuyện nhặt vợ của anh giữa ngày đói.

2. Thân bài :

a. *Thật vậy*, xuất hiện trong tác phẩm, Tràng vốn là một gã trai nghèo, sống ở xóm ngụ cư, có một mẹ già và làm nghề đẩy xe bò mướn. *Đã vậy*, Tràng lại có một ngoại hình xấu xí, thô kệch với “*cái đầu trọc nhẵn*”; “*cái lưng to rộng như lưng gấu*”; “*hai con mắt gà gà, nhỏ tí*” lúc nào cũng đắm vào bóng chiều của hoàng hôn. *Thêm vào đó*, tính tình của Tràng lại có phần “*dở hơi*” nhưng tốt bụng, hay vui đùa với trẻ con trong xóm. *Có thể nói, Tràng có một cảnh ngộ thật bất hạnh và tội nghiệp*.

b. *Vậy mà*, con người có thân phận thấp hèn ấy bỗng nhiên lại trở thành một chú rể có thể coi là hạnh phúc : **Tràng bỗng dưng có vợ**.

- Tràng có vợ bằng cách “nhặt” được chỉ qua hai lần gặp gỡ, vài câu nói đùa và bốn bát bánh đúc giữa ngày đói. Quả thật, chuyện lấy vợ của Tràng là một lạ mà thú vị - đùa mà thật, thật mà cứ như đùa.

b1. Lúc đầu, khi người phụ nữ đói nghèo, rách rưới đồng ý theo không Tràng về làm vợ, Tràng không phải không biết “*chọn*”: “*Thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bồng*”. Nhưng rồi anh ta chắc lưỡi “*Chậc, kệ!*”. Có vẻ như một quyết định không nghiêm túc như phóng lao phải theo lao vậy.

Việc hai người đến với nhau bề ngoài có vẻ ngẫu nhiên nhưng bên trong lại là tất nhiên: **Người đàn bà cần Tràng để có một chỗ dựa qua thì đói kém, còn Tràng cũng cần người phụ nữ nghèo ấy để có vợ và để biết đến hạnh phúc**.

b2 .Trên đường đưa vợ về nhà, Tràng thật sự vui và hạnh phúc: “*Trong một lúc, Tràng như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hàng ngày, quên cả đói khát đang đe dọa.... Một cái gì mới mẻ, lạ lẫm, chưa từng thấy ở người đàn ông ấy...*”. Có thể nói, trong tác phẩm, có tới hơn hai mươi lần nhà văn nhắc đến niềm vui và nụ cười thường trực của Tràng khi đã có vợ bằng các từ ngữ rất gợi tả và gợi cảm: mặt phớn phở, mắt sáng lên lấp lánh, miệng cười tùm tùm...

b3. Chỉ sau một đêm “nên vợ nên chồng”. Tràng thấy mình **đổi khác** “*trong người êm ái, lững lờ như người từ giấc mơ đi ra*”. Tràng “*bỗng nhiên thấy thương yêu và gần bó với căn nhà*”; ...*Bây giờ hẳn mới thấy hẳn nên người, thấy hẳn có bổn phận phải lo cho vợ con sau này...*”



Học văn – văn học

Niềm vui của Tràng thật cảm động, lẫn lộn cả hiện thực lẫn ước mơ. **“Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà”**. So với cái dáng **“ngật ngưỡng”** của Tràng ở đầu tác phẩm, hành động **“xăm xăm”** này của Tràng là một đột biến quan trọng, một bước ngoặt đổi thay cả số phận lẫn tính cách của Tràng: **từ đau khổ sang hạnh phúc, từ chán đời sang yêu đời, từ ngây dại sang ý thức**. Tràng đã thật sự **“phục sinh tâm hồn”** - đó chính là giá trị lớn lao của hạnh phúc.

- Ở cuối tác phẩm, trong suy nghĩ của Tràng **“cảnh những người nghèo đói ầm ầm kéo nhau đi trên đê Sộp. Đằng trước có lá cờ đỏ to lắm”**. Đoàn người đi phá kho thóc của Nhật và lá cờ Việt Minh. Đây là hiện thực nhưng cũng là ước mơ về một tương lai hướng về Đảng về cách mạng của Tràng và những người như Tràng. => Qua nhân vật Tràng, Kim Lân đã bộc lộ được khả năng miêu tả tâm lý nhân vật và ngòi bút nhân đạo sâu sắc của nhà văn

3. Kết bài:

- Tóm lại, Kim Lân miêu tả tâm trạng nhân vật Tràng xoay quanh tình huống nhật vợ hết sức đặc biệt. Cũng từ đó, **hình tượng nhân vật Tràng có vai trò lớn trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm: Những người đói, họ không nghĩ đến cái chết mà luôn nghĩ đến sự sống.**

- Cũng qua Tràng và câu chuyện nhật vợ của anh, **nhà văn giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của những người dân lao động nghèo: đó là vẻ đẹp tình người và niềm tin tưởng vào tương lai.**

Đề 10: Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ trong truyện ngắn “Vợ nhặt” của Kim Lân.

I. Mở bài :

- Kim Lân là một trong những nhà văn xuất sắc của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam trước và sau Cách mạng tháng Tám. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của Kim Lân được viết ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công là truyện ngắn **“Vợ nhặt”**, được in trong tập truyện **“Con chó xấu xí”**. Đây là tác phẩm mà Kim Lân đã tái hiện thành công bức tranh ảm đạm và khủng khiếp về nạn đói Ất Dậu (1945) của nước ta.

- Trên cái nền tăm tối và đau thương ấy, nhà văn đã viết rất hay về **tâm trạng của bà cụ Tứ - một người mẹ già, nghèo khổ nhưng giàu tình thương con và giàu lòng nhân hậu.**

II. Thân bài :

1. Khái quát về cuộc đời của bà cụ : Trước hết, xuất hiện trong tác phẩm, **bà cụ Tứ hiện lên là một người mẹ có một cuộc đời thật nhiều thương cảm: nhà nghèo, goá bụa, sống gian khổ, thầm lặng.**

2. Bối cảnh – tình huống và diễn biến tâm trạng của bà cụ: Bà cụ Tứ lần đầu tiên xuất hiện trong thiên truyện là lúc bóng hoàng hôn tê tái phủ xuống xóm Ngụ cư giữa ngày đói. Cùng lúc đó, người con trai đáng thương của bà làm nghề đẩy kéo xe trên huyện, đưa một người đàn bà lạ về nhà.

a. Khởi đầu , bà ngỡ ngàng trước việc có một người phụ nữ lạ xuất hiện trong nhà mình. Trạng thái ngỡ ngàng của bà cụ được nhà văn diễn tả bằng hàng loạt những



Học văn – văn học

câu nghi vấn : “*Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con trai mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u?...*”

Thái độ ngạc nhiên của người mẹ, phải chăng cũng là nỗi đau của nhà văn trước một sự thật: **chính sự cùng quẫn của hoàn cảnh đã đánh mất ở người mẹ sự nhạy cảm vốn có trước hạnh phúc của con**

b. Sau khi hiểu ra là con trai đã có vợ, bà lão không nói gì mà chỉ “cúi đầu im lặng”- một sự im lặng chứa đầy nội tâm : đó là niềm xót xa, buồn vui, lo lắng, thương yêu lẫn lộn . Bà mẹ đã tiếp nhận hạnh phúc của con bằng kinh nghiệm sống, bằng sự trả giá của một chuỗi đời nặng nhọc, bằng ý thức sâu sắc trước hoàn cảnh.

- **Bằng lòng nhân hậu thật bao dung của người mẹ**, bà nghĩ :“*Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau qua được con đói khát này không?*”. Trong chữ “**chúng nó**” , người mẹ đã đi từ lòng thương con trai để ngầm chấp nhận người đàn bà lạ làm con dâu của mình.

- Rồi **tình thương lại chìm vào nỗi lo** , tạo thành một trạng thái tâm lý triền miên day dứt: bà nghĩ đến bốn phen chưa tròn , nghĩ đến ông lão, đến con gái út, nghĩ đến nỗi khổ của đời mình, nghĩ đến tương lai của con ...để cuối cùng dồn tụ bao lo lắng – yêu thương trong một câu nói giản dị: “ *Chúng mày lấy nhau lúc này, u thương quá*”.

c. Đặc biệt là sau một ngày con trai có vợ, người mẹ giàu lòng thương con ấy thật sự vui và hạnh phúc trước hạnh phúc của con:

-Bà cùng con dâu dọn dẹp, thu vén căn nhà; trong bữa cơm ngày đói, bà **toàn nói chuyện vui để xua đi thực tại hãi hùng, để nhen nhóm niềm tin vào cuộc sống cho con:** “ *Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà* ”.

- Thật cảm động, khi Kim Lân để **cái ánh sáng kỳ diệu của tình mẫu tử toả ra từ nồi cháo cám:** “*Chè khoán đây, ngon đáo để cơ*”. Chữ “**ngon**” này không phải là xúc cảm về vật chất (*xúc cảm về vị cháo cám*) mà là **xúc cảm về tinh thần : ở người mẹ, niềm tin về hạnh phúc của con biến đắng chát của cháo cám thành ngọt ngào** .

=> Chọn hình ảnh nồi cháo cám, Kim Lân muốn chứng minh cho cái **chất NGƯỜI** của người dân lao động: trong bất kỳ hoàn cảnh nào , tình nghĩa và hy vọng của con người vẫn không thể bị tiêu diệt – con người vẫn muốn sống cho ra sống. Chính **chất NGƯỜI** đã thể hiện ở cách sống tình nghĩa và hy vọng. *Tuy nhiên* niềm vui của bà cụ Tứ trong hoàn cảnh ấy vẫn là niềm vui tội nghiệp, bởi thực tại vẫn nghiệt ngã với nồi cháo cám “*đắng chát và nghẹn bứ*”.

III/ Kết bài :

- Có thể nói, nhân vật bà cụ Tứ là một nhân vật tiêu biểu cho vẻ đẹp tình người và lòng nhân ái mà Kim Lân đã gửi gắm trong tác phẩm “ *Vợ nhặt*”. Thành công của nhà văn là đã thấu hiểu và phân tích được những trạng thái tâm lý khá tinh tế của con người trong một hoàn cảnh đặc biệt . Vượt lên hoàn cảnh vẫn là một vẻ đẹp tinh thần của những người nghèo khổ.

=>“**Vợ nhặt**” là **ca về tình người của những người nghèo khổ**, đã biết sống cho ra người ngay giữa thời túng đói quay quắt .



Học văn – văn học

Đề 11: Phân tích nhân vật Tnú trong truyện ngắn “*Rừng xà nu*” của Nguyễn Trung Thành.

I/ Mở bài:

- Tnú là nhân vật trung tâm trong truyện ngắn “*Rừng xà nu*” của Nguyễn Trung Thành. Tác phẩm được sáng tác năm 1965, trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ ở vào giai đoạn quyết liệt.

- Xuất hiện trong tác phẩm, Tnú là hình ảnh tiêu biểu cho số phận đau thương và phẩm chất kiên cường, bất khuất của nhân dân làng Xô Man ở Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

II/ Thân bài:

****Thật vậy***, Tnú là người Strá, mồ côi cha mẹ từ rất sớm, được dân làng Xô Man cưu mang- đùm bọc. Có lẽ vì thế, hơn ai hết Tnú gắn bó với buôn làng và mang những phẩm chất tiêu biểu của dân làng Xô Man: Yêu quê hương, trung thành với Cách mạng, gan góc, dũng cảm, thông minh, gan dạ, giàu tự trọng... Đúng như lời cụ Mết đã nói về Tnú “*Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta*”.

1/ *Trước hết*, Tnú là một con người gan góc, táo bạo, dũng cảm, trung thành tuyệt đối với cách mạng:

- Ngay từ nhỏ, Tnú đã cùng Mai làm liên lạc cho cán bộ ở trong rừng mà không sợ bị chặt đầu hoặc treo cổ.

- Khi đi liên lạc, giặc vây các ngã đường thì Tnú đã “*xé rừng mà đi*”. Qua sông, Tnú “*không thích lội chỗ nước êm*” mà “*cứ lựa chỗ thác mạnh mà bơi ngang, vượt lên trên mặt nước, cõng lên thác băng băng như một con cá kình*”, “*vì chỗ nước êm thằng Mĩ hay phục*”

- Bị giặc bắt thì nuốt luôn cái thur vào bụng, bị tra tấn không khai; một mình xông ra giữa vòng vây của kẻ thù trong tay không có vũ khí; bị giặc bắt, bị đốt mười đầu ngón tay vẫn không kêu than...

- Học chữ thua Mai thì lấy đá đập vào đầu. Điều ấy thể hiện ý thức của lòng tự trọng và ý chí quyết tâm cao.

Có thể nói, sự gan góc, táo bạo, dũng cảm của Tnú là cơ sở để làm nên hành động anh hùng và phẩm chất anh hùng của Tnú.

2/ *Tiếp theo*, Tnú còn là một người biết vươn lên mọi đau đớn và bi kịch cá nhân:

- Mồ côi, được dân làng nuôi nấng, sau này trở thành người con ưu tú của dân làng.

- Bản thân 2 lần bị giặc bắt, bị tra tấn dã man (*tám lưng chằng chịt những vết chém, hai bàn tay bị đốt mỗi ngón chỉ còn lại hai đốt; vợ con bị giặc giết hại...*) Tnú không khuất phục, kiên cường, bền gan gia nhập bộ đội để cầm súng bảo vệ dân làng, quê hương, đất nước.

3/ *Không những vậy*, Tnú còn là một người giàu tình yêu thương người thân và quê hương bản làng:

- Đó là, tình **yêu thương vợ con rất mực tha thiết của Tnú**: Chứng kiến cảnh vợ con bị kẻ thù tra tấn dã man anh không kìm được nỗi đau đang đốt cháy lòng mình: “*anh đã*



Học văn – văn học

bứt đứt hàng chục trái vả mà không hay. Anh chồm dậy (...) ở chỗ hai con mắt anh bây giờ là hai cục lửa lớn”.Phải chăng, tình yêu thương và sự căm thù đã kết thành ngọn lửa rực cháy trong hai con mắt của anh : dữ dội, bi thương.

- **Đó còn là, tình cảm gắn bó với bản làng, với quê hương đất nước của anh**: Trên đường trở về thăm làng, Tnú nhớ từng gốc cây, nhớ tiếng chày giã gạo....cũng chính vì tình yêu quê hương mà Tnú đã tham gia là cách mạng, chịu nhiều đau thương....vì sự yên bình của quê hương, đất nước. Chính tình yêu thương người thân, yêu thương quê hương đất nước thiết tha và lòng căm thù sâu sắc, đã trở thành động lực, biến thành hành động cụ thể : dù hai bàn tay mỗi ngón chỉ còn hai đốt, anh vẫn gia nhập lực lượng quân giải phóng để cầm súng chiến đấu giải phóng quê hương.

4 Tnú còn là người có ý thức và tinh thần kỷ luật cao: Xa bản làng ba năm, tuy nhớ nhà, nhớ quê hương, nhưng phải được cấp trên cho phép anh mới về và chỉ về đúng một đêm như qui định trong giấy phép

5/- Đặc biệt hình ảnh bàn tay Tnú là chi tiết nghệ thuật giàu sức ám ảnh –Bàn tay ấy cũng có một cuộc đời: Đó từng là **bàn tay trung thực và tình nghĩa**, từng cầm phấn viết chữ anh Quyết dạy cho, từng cầm đá đập vào đầu khi quên chữ, **từng đặt lên bụng mình** mà nói “Cộng sản ở đây này”, từng được **Mai cầm bàn tay ấy mà khóc** khi Tnú thoát ngục trở vềKhi giặc đốt 10 đầu ngón tay, bàn tay thành chứng tích của tội ác và lòng hận thù. Hận thù đã khiến bàn tay Tnú thành bàn tay quả báo (**mười ngọn đuốc từ ngón tay Tnú đã châm bùng lên ngọn lửa nổi dậy của dân làng Xô Man; bàn tay chỉ còn hai đốt mỗi ngón vẫn cầm giáo, cầm súng lên đường trả hận....**

III/. Kết bài: Chân lý cách mạng là chân lý từ máu và nước mắt, nó đồng nghĩa với chân lý cuộc sống. Tnú là bằng chứng sống cho qui luật nghiệt ngã ấy. Câu chuyện bi tráng về cuộc đời Tnú - cuộc đời của một con người mang ý nghĩa cuộc đời của một dân tộc. **Có thể nói nhân vật Tnú mang đậm tính sử thi** – nhân vật ấy **gánh nặng số phận lịch sử**. Dù có nhiều dị biệt, Tnú vẫn là kiểu nhân vật sánh vai với các anh hùng trong trường ca Đăm San, Xinh Nhã của núi rừng Tây Nguyên.

Đề 5: Những vẻ đẹp khác nhau của các thế hệ người Tây Nguyên thời đánh Mỹ trong truyện ngắn “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành

I/Mở bài:

“Tây Nguyên ơi, cây rừng bao nhiêu lá...có hoa nào đẹp nhất rừng...”

- Ai đã từng lắng nghe tiếng hát ấy trong những tháng ngày sôi sục thời đánh Mỹ! Ai đã từng biết đến hoa Polang – loài hoa tươi đẹp nhất của núi rừng Tây Nguyên có hàng ngàn cánh, nở tươi thắm mát đến hàng vạn năm đã được nói đến trong sử thi Đăm Săn! Tiếng hát ấy, loài hoa ấy còn đem đến cho ta bao xúc động, bồi hồi khi nghĩ tới những **phẩm chất anh hùng của các nhân vật trong truyện ngắn “Rừng xà nu”** của Nguyễn Trung Thành- một kiệt tác được sáng tác vào năm 1965, viết về **các thế hệ nhân dân Tây Nguyên đau thương mà kiên cường, bất khuất thời đánh Mỹ**.

II/ Thân bài:



Học văn – văn học

Thật vậy, đến với truyện ngắn “Rừng xà nu”, chúng ta gặp được ở đó **hình ảnh của cả một buôn làng XôMan, từ già tới trẻ, từ đàn ông tới đàn bà ...đều một lòng đi theo Cách mạng**. Bất chấp sự uy hiếp tàn bạo của Mỹ-Diệm, dân làng XôMan vẫn thay nhau vào rừng tiếp tế, bảo vệ cán bộ Đảng. Suốt 5 năm, chưa hề có một cán bộ nào bị giặc bắt hay giết trong rừng của làng XôMan. Đó là niềm tự hào và đó cũng là phẩm chất anh hùng, trung dũng của người Strá. *Có thể nói, mỗi người dân XôMan, từ già đến trẻ ...đều là một chiến sĩ.* Tiêu biểu cho tập thể nhân dân anh hùng ấy là những hình ảnh tiêu biểu cho từng thế hệ.

1/Trước hết, là cụ Mết, một cụ già làng 60 tuổi, thủ lĩnh tinh thần của người dân Xô Man.

- Cụ xuất hiện với một *dáng hình oai phong, lẫm liệt* : “*râu dài tới ngực, mắt vẫn sáng và xéch ngược. Ông cụ ở trần, ngực căng như một cây xà nu lớn...*”. Tiếng nói của cụ “ồ ồ dội vang trong lồng ngực”.

- **Tinh cách** dứt khoát: chỉ một lời khen “Được!” của ông cụ cũng làm cho mọi người hã hã.. là đại diện của quần chúng, là các gạch nối giữa Đảng và đồng bào dân tộc “**cán bộ là Đảng, Đảng còn núi nước này còn**”; “**Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo**”. - Trong những giờ phút trọng đại nhất giữa cái chết và cái sống, Cụ Mết đã thay mặt Tnú lãnh đạo buôn làng nổi dậy đồng khởi, với “**lưỡi mác dài trong tay....thằng Dục nằm dưới lưỡi mác của cụ Mết**”.

Tóm lại, cụ Mết là biểu tượng cho sức mạnh tinh thần và vật chất có tính truyền thống và cội nguồn – là chỗ dựa tinh thần và là pho sử sống – là nhịp cầu nối giữa quá khứ và hiện tại của các thế hệ người dân Tây Nguyên. Hình ảnh cụ Mết trong đoạn cuối thể hiện rất rõ vị trí của con người này: “*Thế là bắt đầu rồi. Đốt lửa lên! Tất cả người già, người trẻ, người đàn ông, người đàn bà, mọi người phải tìm lấy một cây dáo, một cây mác, một cây dụ, một cây rựa. Ai không có thì vót, khôngnăm trăm cây chông. Đốt lửa lên*”.

2/Tiếp nối cụ Mết là Tnú - một chàng trai dũng mãnh, là niềm tự hào của buôn làng XôMan - nhân vật anh hùng, người con vinh quang của dân làng Xô Man được nhà văn khắc họa bằng những đường nét độc đáo, giàu chất sử thi:

- Tnú là **người Strá**, “*cha mẹ nó chết sớm, làng Xô Man này nuôi nó. Đời nó khổ nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta*”.

- Tham gia liên lạc cho cách mạng từ nhỏ, *Tnú là một người gan góc và táo bạo, dũng cảm và thông minh, giàu tự trọng* (vào rừng cùng Mai tiếp tế cho anh Quyết, khi học chữ thua kém Mai thì lấy đá đập vào đầu, khi bị bắt và bị tra tấn đã chỉ tay vào bụng mình và nói: Cộng sản ở đây...). -, *Tnú còn là một con người biết vươn lên mọi đau đớn và bi kịch cá nhân*: Chứng kiến kẻ thù giết vợ con trong nỗi đau đớn và xót xa vô cùng Anh đã bất chấp sự can ngăn của cụ Mết xông ra giữa vòng vây của kẻ thù để cứu vợ con. Bị bắt, Tnú chịu đựng sự tra tấn man rợ của kẻ thù, hai bàn tay bị đốt cháy, “*mười ngón tay đã trở thành mười ngọn đuốc*” anh vẫn không kêu van... Sau đó anh vẫn tham gia bộ đội để giết giặc trả thù cho người thân và quê hương.

- **Tnú có tính kỉ luật cao**: Tuy nhớ nhà, nhớ quê hương nhưng phải được cấp trên cho phép mới về, và chỉ về đúng một đêm như quy định trong giấy phép. - Anh còn là người



Học văn – văn học

giàu tình thương yêu đối với mọi người; là con người chung của dân làng Xô Man, của dân Strá (cảnh Tnú trở về được người dân: già, trẻ, lớn, bé đón chào, yêu mến...).

Có thể nói, Tnú là điển hình cho số phận và con đường Cách mạng của dân làng Xô Man; những phẩm chất đẹp đẽ của người anh hùng Tnú mang ý nghĩa tiêu biểu cả làng Xô man từ già đến trẻ đều có những phẩm chất tương tự (gan dạ, kiên trung, anh hùng, yêu nước...). Dưới ngòi bút của Nguyễn Trung Thành, nhân vật Tnú mang một vẻ đẹp huyền thoại, đậm chất sử thi.

3/ Hình ảnh của Mai và Dít, tiêu biểu cho hình ảnh của người phụ nữ mới của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên thời đánh Mỹ:

- Thuở bé, Mai đã vào rừng tiếp tế và bảo vệ cán bộ. Mai học chữ giỏi (ba tháng đọc được chữ, sáu tháng làm được toán hai con số). Khi trở thành người vợ, người mẹ, Mai đã dũng cảm lấy thân mình để bảo vệ đứa con thơ và chị đã bắt khuất hy sinh trước những trận mưa cây sắt của thằng Dục.

- Còn Dít (em gái của Mai), là một cô gái gan dạ, có tinh thần trách nhiệm cao, có bản lĩnh từ bé: liên lạc cho du kích, bị bắt, bị uy hiếp “*đạn xượt qua tai, xém tóc, cày đất xung quanh cho hai chân nhỏ...đôi mắt... vẫn nhìn bọn giặc bình thản...*” Dít chính là hiện thân và là sự tiếp nối của Mai: tự giác và quyết liệt trong cuộc đối mặt với kẻ thù.

4/ bé Heng . chú bé nhanh nhẹn, thông minh, thuộc con đường và những hầm chông, những ác chiến hiểm của làng mình như thuộc lòng bàn tay mình. Tuy chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc, đóng vai trò của người dẫn đường, nhưng hình của cậu bé lại hết sức ấn tượng. Bé Heng đã trưởng thành cùng với cuộc chiến đấu vũ trang của dân làng Xô Man, là **hình ảnh mang những nét tương đồng với lứa cây xà nu mới lớn...**

I/ Kết bài: Tóm lại, với “Rừng xà nu”, Nguyễn Trung Thành đã rất thành công trong việc khắc họa hình ảnh những nhân vật anh hùng, tập thể anh hùng vừa mang dấu ấn thời đại vừa đậm đà phong cách Tây Nguyên.

- Tác phẩm dào dạt cảm hứng sử thi. Những nhân vật đại diện cho cộng đồng.....được ca ngợi bằng giọng văn say mê, trang trọng, hùng tráng. Cách xây dựng hình tượng của nhà văn cũng độc đáo: Dùng hình tượng cây xà nu làm biểu tượng cho sức sống mãnh liệt và sự tiếp nối của các thế hệ người dân Tây Nguyên đứng lên đánh Mỹ.

- Từ cây xà nu đến con người, tất cả đều phi thường, đều mang đậm phẩm chất anh hùng, tượng trưng cho khí phách và sức sống phi thường của con người Tây Nguyên hùng vĩ.

Đề 12: Cảm nhận của anh/chị về người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu.

I/ Mở bài:

- Nguyễn Minh Châu được mệnh danh “là người mở đường tinh anh” cho công cuộc đổi mới văn học. Ông có nhiều tác phẩm viết về đời thường khiến cho người đọc phải trầm trồ, day dứt.

- Đọc truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa”- một tác phẩm tiêu biểu được ra đời năm 1983, thuộc giai đoạn sáng tác thứ hai của Nguyễn Minh Châu, **hình ảnh người đàn bà**



Học văn – văn học

hàng chài : một người phụ nữ có số phận đau khổ, bất hạnh nhưng lại giàu đức hy sinh, lòng tự trọng, tình thương con và thấu hiểu lẽ đời... đã để lại cho ta những ấn tượng sâu sắc, gợi những nhận thức thấm thía về con người và cuộc sống.

II/ Thân bài: Thật vậy, người đàn bà hàng chài là người vùng biển, làm nghề chài lưới. Cả gia đình trên chục người chỉ bó hẹp trong một chiếc thuyền nhỏ, quanh năm lênh đênh, dập dềnh trên sông nước. Đó chính là nguyên nhân gây ra bao cay đắng, tủi nhục cho chị. **1/ Trước hết, theo cách kể của nhân vật Phùng,**

- **Chị xuất hiện với một tên gọi phiếm định “người đàn bà”**. Phải chăng, với cách gọi ấy, nhà văn đã giúp cho người đọc suy tư về số phận của người đàn bà khốn khổ ấy cũng như biết bao người phụ nữ khác, họ cũng đang rất khốn khổ, tồn tại thật trên cõi đời này. - Vốn sinh ra trong một gia đình khá giả nhưng người đàn bà làng chài lại là một người có **ngoại hình** xấu xí.

+ Qua cảm nhận của nhân vật Phùng, chị có một vẻ ngoài của một cuộc đời nhọc nhằn, lam lũ. Thân hình “*cao lớn với những đường nét thô kệch*”, “*khuôn mặt mệt mỏi*”, “*tám lưng áo bạc phéch và rách rưới*”.

+ Cuộc sống vất vả, nghèo khổ cùng nỗi đau thể xác và tinh thần bởi những lo toan và mưu sinh thường nhật, đã in dấu và càng trở nên đậm nét trên hình hài của một người phụ nữ mới chỉ ngoài bốn mươi mà như một bà già. Đó cũng là một trong những nguyên nhân làm tăng cơn giận dữ của người chồng vũ phu.

□ vài chi tiết về ngoại hình, dáng vẻ, giúp cho chúng ta cảm nhận được phần nào về số phận **tội nghiệp, bất hạnh của chị**.

2/ Quả thật, cuộc đời của người phụ ấy thật nhiều cay đắng, khổ nhục, nhưng chị có một phẩm chất, tấm lòng đáng trân trọng :

a/ Đó là sự cam chịu và nhẫn nhịn hết sức đáng nể của chị:

+ Chị bị chồng đánh đập, hành hạ thường xuyên, “*ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng*”. Những trận đòn cứ liên tục trút lên chị thật tàn bạo. Để rồi, chị đã chịu đựng “*con giận như lửa cháy*” ấy hàng ngày của người chồng bằng sự cam chịu đầy nhẫn nhục “*không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách chạy trốn*”, và xem chuyện chịu đựng là một lẽ đương nhiên mà những người đàn bà vùng biển như chị phải chấp nhận. Với chị, muốn tồn tại thì phải chấp nhận.

- Chấp nhận bị đánh vì chị hiểu được nguồn gốc cơn giận của chồng... nên chị chấp nhận đau đớn, làm chỗ cho chồng trút giận mỗi ngày. Sự chịu đựng này phải chăng xuất phát từ lòng bao dung, và tình thương con sâu sắc của chị. **b/ Đó là người mẹ hi sinh tất cả vì con.**

- Bị chồng đánh mỗi ngày, không phải chị không ý thức được quyền sống của mình bị xâm phạm; cũng không phải chị bị đòn nhiều đến mức không còn biết đau. Chị ý thức được nỗi đau thân phận... nhưng với chị, trong hoàn cảnh ấy, không còn sự lựa chọn nào khác. Bởi lẽ, chị nhẫn nhục vì con “*đàn bà ở thuyền*” “*phải sống cho con chứ không thể sống cho mình*”. Đó là đức hy sinh cao quý của chị, cũng là vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam. Chị vui khi nhìn đàn con “*được ăn no*”.



Học văn – văn học

- Chị sợ con cái bị tổn thương vì cảnh bạo lực trong gia đình, nên chị xin chồng đưa mình lên bờ mà đánh. Người chồng đánh xong, chị lại cùng chồng trở về thuyền vì chị “cần có người đàn ông cheo chống lúc phong ba”, cùng làm ăn để nuôi con khôn lớn.

c// Đặc biệt, chị còn là một người phụ nữ giàu tự trọng, giàu lòng bao dung:

- Khi biết cảnh mình bị chồng đánh, cảnh đứa con trai phản ứng lại cha bị người khách lạ phát hiện, chị thấy “đau đớn- vừa đau đớn vừa vô cùng xấu hổ, nhục nhã”. Đó không phải là nỗi đau đớn về thể xác. Giọt nước mắt đau khổ của chị trào ra – đó là giọt nước mắt của nhọc nhằn và chịu đựng. **Chị không muốn bất cứ ai chứng kiến và thương xót** kể cả thằng Phác- đứa con yêu của chị).

- Chị “*sống cho con chứ không thể sống cho mình*”. Cho dù **thân thể bị chà đạp, nhân phẩm bị xúc phạm** nhưng chị không hề để ý, không hề bận tâm bởi chị là một **người mẹ giàu lòng vị tha, chấp nhận hy sinh, thua thiệt về mình** chứ không oán trách người khác. Nên bao nhiêu đau khổ, chị đều gánh chịu “*tình thương con cũng như nỗi đau, cũng như cái sự âm thầm trong việc hiểu thấu cái lẽ đời, hình như mù chẳng bao giờ để lộ rõ rệt ra bề ngoài*”.

d/ Chị còn là một người đàn bà dù thất học nhưng thấu hiểu lẽ đời: Nhất là khi phải đến toà án huyện, chính chị đã đem đến cho Phùng và Đẩu những xúc cảm mới:

- **Lúc đầu**, chị rụt rè, sợ hãi khi đến một không gian lạ. Chị tìm một góc tường ở chón công đường để ngồi; chị thưa gửi, xưng “**con**” và van xin “*con xin lay quý toà...*”. Trông chị thật nhỏ bé, tội nghiệp. - Nhưng **khi đã lấy được tự tin**, tâm thế thay đổi, chị đột ngột chuyển cách xưng hô: “*Chị cảm ơn các chú!*...” một sự hoán đổi thật ý nghĩa: ở đây, lẽ đời đã thắng. Người lao động lam lũ, nghèo khổ không có uy quyền nhưng **cái tâm của một người mẹ giàu tình thương con, thấu hiểu lẽ đời là một thứ quyền uy có sức công phá lớn** điều này đã làm chánch án Đẩu và nghệ sĩ Phùng thức tỉnh và ngộ ra nhiều điều.

3/ Cái hay trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn là :

- Nhân vật được đặt trong những tình huống nghịch lý (*bị chồng đánh nhưng không phản ứng; không chịu bỏ chồng...*), nhà văn đã mang đến cho người đọc những nhận thức về những ngang trái, phức tạp của cuộc sống và những éo le, đáng thương trong số phận con người.

- Nhân vật người đàn bà hàng chài có số phận đáng được chia sẻ, cảm thông trong những cay đắng, khổ nhục đời thường. Điều đáng trân trọng ở chị là vẻ đẹp của tình mẫu tử, sự bao dung và đức hi sinh.

III/ Kết bài: - Tóm lại, từ nhân vật người đàn bà hàng chài, chúng ta cảm nhận được những trăn trở của Nguyễn Minh Châu : làm sao cho con người thoát khỏi nghèo đói để không còn tình trạng bạo lực gia đình, không còn những số phận đáng thương? Với tư cách một nhà văn, tác giả mong muốn : nghệ thuật đừng bao giờ xa rời đời sống; phải nhìn cuộc sống nhiều chiều, phải chia sẻ với những bất hạnh của con người ...để cuộc đời này mãi đẹp hơn.



Học văn – văn học

Đề 13. Quá trình chuyển biến về nhận thức của hai nhân vật Phùng và Đẩu trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu.

I/ Mở bài :

- Nguyễn Minh Châu được mệnh danh “là người mở đường tinh anh” cho công cuộc đổi mới văn học. Ông có nhiều tác phẩm viết về đời thường khiến cho người đọc phải trầm trồ, day dứt. Truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa”- một tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Minh Châu ở giai đoạn sáng tác thứ hai, được viết năm 1983, trong hoàn cảnh đất nước đang đang bước vào giai đoạn đổi mới xã hội và đổi mới văn học.

- Có thể nói ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm đã được nhà văn thể hiện sinh động thông qua quá trình chuyển biến về nhận thức của hai nhân vật Phùng và Đẩu trước những khám phá, phát hiện của họ về nghệ thuật và đời sống.

II/ Thân bài:

* **Thật vậy**, đến với truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa”, chúng ta gặp ở đó hai nhân vật có vai trò không kém phần quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm:

Nghệ sĩ, phóng viên nhiếp ảnh Phùng và chánh án tòa án huyện ở một vùng biển phá là anh Đẩu. Trong kháng chiến chống Mỹ, Phùng và Đẩu là những chiến sĩ đã từng chứng kiến những đau thương, mất mát của dân tộc trước tội ác dã man của kẻ thù. Khi đất nước hòa bình, các anh trở về cuộc sống đời thường và đảm nhiệm những công việc khác nhau để xây dựng đất nước. Dù có khác nhau về công việc, nhưng điểm chung của hai anh là: say mê với công việc; có lòng tốt, bên vực lẽ phải, bất bình với cái xấu. Tuy nhiên, lòng tốt của các anh lại được thể hiện một cách chủ quan, sách vở nên khi chạm vào thực tế cuộc sống đầy góc cạnh, các anh mới thật sự “vỡ lẽ” và “ngộ ra” nhiều điều mới mẻ và ý nghĩa.

1/ Trước hết, là quá trình chuyển biến về nhận thức của nhân vật Phùng .

a. Vào truyện, chúng ta cảm nhận được ở anh hình ảnh của một người nghệ sĩ đa cảm, nhạy bén trước thiên nhiên và con người. Phùng thực sự xúc động và ngỡ ngàng trước vẻ đẹp tinh khôi của cảnh chiếc thuyền ngoài xa nơi vùng phá. Có thể nói giây phút ấy “hạnh phúc tràn ngập tâm hồn anh” do cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh mang lại. Anh cảm thấy “bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào...”. Trong thoáng chốc, anh “tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lý của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn”. Đó là hình ảnh con thuyền khi ở ngoài xa.

b. Nhưng rồi, khi chiếc thuyền đâm thẳng vào bờ, (chỗ Phùng đứng), anh bắt đầu nhận ra một sự thật trần trụi, khắc nghiệt. Anh hoàn toàn bất ngờ trước bi kịch trong gia đình hàng chài : người chồng dùng dây thắt lưng đánh vợ một cách tàn bạo; người vợ nhẫn nhục chịu đựng, không chống trả; đứa con vì thương mẹ mà phản ứng lại cha... Trước sự thật ấy, Phùng thật sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên và phẫn nộ. Vì căm ghét sự bất công, căm phẫn trước hành vi tàn bạo của người chồng đánh vợ. Anh đã sẵn sàng hành động vì cái thiện mà chạy nhào đến để can thiệp.

c. Ở tòa án huyện, sau khi nghe người đàn bà hàng chài nói rõ lý do không chịu bỏ chồng, thái độ bất bình của anh đối với người đàn ông vũ phu và người đàn bà cam chịu



Học văn – văn học

đã làm anh thay đổi thái độ. Anh đã hỏi chuyện người đàn bà hàng chài bằng một câu hỏi vừa tò mò vừa thông cảm: “*Cả đời chị có lúc nào thật vui không?*”. Phùng như “*ngộ ra*” mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời; và cách nhìn nhận sự vật, sự việc trong cuộc sống cần đa dạng, nhiều chiều.

2. Cùng với sự chuyển biến trong nhận thức của Phùng, là sự thay đổi trong suy nghĩ, nhận thức của nhân vật Đẩu. a. Vốn là một người chấp pháp và đề bảo vệ luật pháp, lúc đầu, Đẩu đã tỏ ra rất bất bình trước hành vi của người đàn ông vũ phu. Anh đã nhiều lần dùng các biện pháp giáo dục, răn đe người chồng, nhưng không có hiệu quả. Cho nên, anh đã khuyên người vợ nên li hôn để khỏi bị hành hạ, ngược đãi. Có lẽ, Đẩu đã tin rằng giải pháp mình chọn cho chị ta là đúng đắn.

b. Nhưng sau buổi nói chuyện với người đàn bà hàng chài ở tòa án, thì mọi lý lẽ của anh đều bị người đàn bà lam lũ, chất phác “bác bỏ”. Hóa ra, lòng tốt của anh là lòng tốt phi thực tế. Anh bảo vệ luật pháp bằng sự thông hiểu sách vở, nên trước cuộc sống đích thực, anh có thể nông nổi, ngây thơ. Người đàn bà hàng chài thất học, quê mùa nhưng lại thật sâu sắc... Điều đó đã khiến “một cái gì mới vừa vỡ ra...” trong đầu anh.

Có thể Đẩu vừa “ngộ” ra những nghịch lý của đời sống - những nghịch lý con người buộc phải chấp nhận, phải trút một tiếng thở dài đầy chua chát... Cũng có thể, anh bắt đầu hiểu ra rằng: muốn con người thoát khỏi cảnh đau khổ, tăm tối, cần có những giải pháp thiết thực, chứ không chỉ là thiện chí hoặc các lý thuyết đẹp đẽ nhưng xa rời thực tế cuộc sống.

III/ Kết bài :

- **Tóm lại**, từ câu chuyện về một bức ảnh nghệ thuật và sự thật cuộc đời đằng sau bức ảnh ấy mà Phùng và Đẩu đã khám phá phát hiện, cũng như quá trình chuyển biến trong nhận thức của hai nhân vật,...--> “*Chiếc thuyền ngoài xa*” mang đến một **bài học đúng đắn về cách nhìn nhận cuộc sống và con người** : phải có một cách nhìn đa diện, nhiều chiều để phát hiện ra bản chất sau vẻ ngoài đẹp đẽ của hiện tượng.

- Từ đó, truyện còn cho thấy rõ mỗi người trong cuộc đời, nhất là người nghệ sĩ, không thể đơn giản và sơ lược khi nhìn nhận cuộc sống và con người; văn học nghệ thuật cần phải gắn bó với cuộc sống.

Đề 14: Cảm nhận về vẻ đẹp của người lao động Tây Bắc qua hình ảnh người lái đò trong bài tùy bút “Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân .

I/ Mở bài:

- “*Người lái đò sông Đà*” là một trong 15 bài tùy bút trong tập tùy bút “*Sông Đà*” của nhà văn Nguyễn Tuân, được sáng tác năm 1960. Tác phẩm là kết quả sau nhiều lần Nguyễn Tuân đến với Tây Bắc trong thời kì kháng chiến chống Pháp, mà nhất là sau chuyến đi thực tế của nhà văn trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới ở vùng cao Tây Bắc.



Học văn – văn học

-Trong bài tùy bút này,với ngòi bút nghệ thuật đầy tài hoa và uyên bác của mình, Nguyễn Tuân phác họa lại một bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, thơ mộng qua hình ảnh của sông Đà; *mà đặc biệt là hình ảnh của người dân lao động Tây Bắc cần cù, dũng cảm mà rất dũng tài hoa qua hình ảnh của người lái đò trên sông.*

II/ Thân bài:

Thật vậy, có thể nói,hình ảnh người lái đò trên sông trong bài tùy bút chính là đối tượng của cái đẹp, lấp lánh ánh sáng của người của người tài hoa nghệ sĩ, người lái đò - nghệ sĩ. Bởi lẽ ở đây chớ đò, lái đò cả một nghệ thuật cao cường và đầy tài hoa. Nghệ thuật ấy là sự nhập thân vào cả hai phương diện hình thức và tính cách của ông lái, cụ thể:

1/ Ông lái đò là một ông già 70 tuổi, ông sinh ra và lớn lên ngay bên bờ sông Đà “quê ông ở ngay chỗ ngã tư sông sát tỉnh”. Phần lớn cuộc đời ông dành cho nghề lái đò dọc trên sông Đà - một nghề đầy gian khổ và nguy hiểm.

2/ Ông là một người **từng trải, hiểu biết, rất thành thạo trong nghề lái đò.** Thành thạo đến mức “sông Đà, đối với ông lái đò ấy, như một trường thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc đến cả cái chấm than, chấm câu và những đoạn xuống dòng”. Trong thời gian hơn chục năm “trên sông Đà ông xuôi, ông ngược hơn một trăm lần rồi, chính tay ông giữ lái độ sáu chục lần”. Ông hiểu biết tường tận sâu sắc nghề nghiệp (tại sao thuyền đi trên sông Đà chỉ có mình thon chứ không nở; ông dùng mắt “mà nhớ tỉ mỉ như đánh đàn vào lòng tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở”

3/- Đặc biệt, để khắc họa vẻ đẹp người lao - người nghệ sĩ tài hoa qua hình tượng ông lái đò, nhà văn đã sáng tạo ra một *cuộc vượt thác Sông Đà của ông qua ba trùng vi thạch trận trên sông.* Qua ba trùng vi ấy, hình ảnh người lái đò hiện lên:

+ Là một người *dũng cảm, bản lĩnh, cao cường trong nghề vượt thác.* Ông tỏ ra rất bình tĩnh, ung dung đối đầu với những cơn cuồng bạo của thác ghềnh (nén đầu, giữ mái chèo, tinh táo chỉ huy bạn chèo lần lượt vượt qua các ghềnh thác).

+ Ông còn là một người **thông minh – tài ba trong việc** xử lý các tình huống nguy hiểm tài tình, linh hoạt (nắm chắc binh pháp của thần sông, thần núi...để “*phá trận đò bát quái của dòng sông*”). Để chiến đấu với thủy trận sông Đà, ông đã có những động tác chính xác điều luyện (cối đứng ngay lên bờm sóng luồng nước; phóng thẳng thuyền vào giữa thác....chinh phục được dòng sông Đà dữ dằn bằng tài trí và lòng dũng cảm).

4/ Không những vậy, ông còn là một người nghệ sĩ tài hoa, yêu mến và tự hào với công việc: (gắn bó với dòng sông nhất là những khúc sông nhiều thác ghềnh; sau khi vượt thác ung dung “*đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam...*”).

* Đánh giá :

- Có thể nói, để hình tượng ông lái đò hiện lên sinh động, mang vẻ đẹp của người dân lao động Tây Bắc, Nguyễn Tuân đã rất tài hoa trong nghệ thuật xây dựng nhân vật người lái đò bằng những cảm hứng đặc biệt đối với những gì gây cảm giác mạnh. Nhà văn nhìn cảnh vật con người ở phương diện cái Đẹp. Bài viết đầy ắp những tri thức uyên bác của các ngành. Đặc biệt là lối viết phóng túng với ngôn ngữ giàu có và điều luyện rất độc đáo, rất riêng của Nguyễn Tuân..



Học văn – văn học

- Hình ảnh ông lái đò là hình ảnh tuyệt đẹp về người anh hùng lao động bình thường nhưng tài ba trí dũng trong nghệ thuật vượt thác, leo ghềnh. Nhân vật ông lái đò được xây dựng trong mối tương quan với hoàn cảnh (cuộc đối đầu dữ dội với sông Đà) để làm bật nổi phẩm chất của người lao động trong cuộc sống đời thường. Nguyễn Tuân cũng đã sử dụng tri thức hội họa, điện ảnh, võ thuật, quân sự một cách tài hoa, uyên bác để diễn tả sinh động tài nghệ của nhân vật.

- Qua đó, Nguyễn Tuân cũng đã dành cho nhân vật những tình cảm đẹp đẽ, đầm thắm. Nguyễn Tuân cũng ngụ ý rằng : chủ nghĩa anh hùng đâu chỉ có ở chiến trường mà ở ngay trong cuộc sống của nhân dân ta, đang vật lộn với thiên nhiên vì miếng cơm , manh áo. Trí dũng tài ba không phải tìm ở đâu, mà ở ngay những người dân lao động bình thường. Người lái đò sông Đà là một biểu tượng của con người chiến thắng và chinh phục thiên nhiên.

III/ Kết bài :

- Qua hình tượng người lái đò, Nguyễn Tuân bày tỏ quan niệm về con người : Con người, bất kể địa vị hay nghề nghiệp gì, nếu hết lòng và thành thạo với công việc của mình thì bao giờ cũng đáng trọng. Chính Nguyễn Tuân cũng là một người hết mình và tài hoa trong nghề văn. Cũng qua bài tùy bút, Người đọc thấy rõ tấm lòng nặng nghĩa với cuộc đời, với cái đẹp, với non sông đất nước của Nguyễn Tuân.

Đề 15: Phân tích hình ảnh con sông Đà trong tùy bút “Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân.

I/ Mở bài :

- Nguyễn Tuân là một nhà văn tài hoa và uyên bác. Ông có sở trường về viết tùy bút.
- “Người lái đò sông Đà” là một trong 15 bài tùy bút được in trong tập tùy bút “Sông Đà” của Nguyễn Tuân được viết vào năm 1960, sau nhiều lần nhà văn đi Tây Bắc.
- Có thể nói: bài tùy bút đã miêu tả hình ảnh của sông Đà, một con sông hung bạo hiểm ác và cũng rất đổi thơ mộng trữ tình bằng một phong cách nghệ thuật độc đáo.

II/ Thân bài :

1/ Sông Đà được hiện lên là một dòng sông hung bạo và hiểm ác:

- Đầu tiên sự hiểm trở của dòng sông được nhà văn ghi lại bằng địa thế của dòng sông với “hai bên đá dựng thành vách”, lòng sông “chẹt lại như một cái yết hầu”. Và đó còn là những thác nước gầm réo muôn đời “Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo...”. Đặc biệt, con sông chột trở nên hung bạo hơn khi sóng nước reo hò làm thanh viện cho đá “mặt nước hò la vang dậy quanh mình ủa vào mà bẻ gãy cán chèo...”. Có thể nói, tiếng ghềnh thác sông Đà nghe thật ghê rợn “nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm ...”

- Không những vậy, sông Đà còn là một dòng sông vô cùng hiểm ác. Cái hiểm ác của dòng sông được nhà văn ghi lại ở những quãng sông đầy thác ghềnh, lòng sông như dàn bày thạch trận chực nuốt chìm những con thuyền non tay lái “mới thấy rằng đây là nó



Học văn – văn học

bày thạch trận trên sông.Đám tảng, đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông, đòi ăn chết cái thuyền”.Ở đây, Nguyễn Tuân đã rất thành công khi sử dụng một loạt các phép nhân hoá để đặc tả sự hiểm ác của dòng sông.

Từ đó, sông Đà “*thành ra diện mạo và tâm địa của một thứ kẻ thù số một*”.Nó hiện lên như một con thủy quái khổng lồ vừa nham hiểm và hung dữ, vừa khôn ngoan mưu trí.

2/ Bên cạnh sự hung bạo- hiểm ác, sông Đà còn là một dòng sông thơ mộng - hiền hoà:

- Trước hết, về *thơ mộng* của dòng sông được nhà văn so sánh như hình ảnh của một người thiếu nữ Tây Bắc vừa kiều diễm, vừa hoang dại, man sơ : “*Sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo và khói Mèo đốt nương xuân*”; hay “*Sông Đà như một áng tóc mun dài ngàn ngàn , vọn vọn rải...*”.

- Cùng với hình dáng của dòng sông mềm mại, tha thướt là *màu nước của dòng sông* cũng thay đổi theo mùa: Mùa xuân, nước sông Đà *xanh màu ngọc bích*. Mùa thu, nước sông Đà “*lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa...*”.

- Không chỉ *thơ mộng*, sông Đà còn hiện lên trong cảm nhận của nhà văn là một *con sông rất đỗi hiền hoà*.Có những quãng ven sông “*lặng tờ*”, “*bờ sông hoang dại như bờ tiền sử.Bờ sông hồn nhiên như nỗi niềm cổ tích tuổi xưa*”.Nét *hiền hoà* ấy làm cho cảnh vật trở nên gợi cảm, say đắm lòng người.Hai bên bờ sông, tràn ngập cảnh sắc tươi vui của một cuộc sống mới đang bắt đầu với “*nuơng ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa...đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi..*”

=> Quả thật, sông Đà thật mỹ lệ, gợi cảm hứng nghệ thuật , gợi cảm xúc cho những ai một lần biết đến.Vẻ đẹp của sông Đà vừa Đường thi -cổ điển, vừa hiện đại- trữ tình.

III.Kết bài :

- Tóm lại, bằng trí tưởng tượng phong phú; óc tạo hình và khả năng quan sát kỹ lưỡng và chính xác; ngôn ngữ điêu luyện...Nguyễn Tuân đã cung cấp những kiến thức rất phong phú cho chúng ta về một dòng sông nổi tiếng của mảnh đất Tây Bắc . Đó là một dòng sông có cá tính như một cô nhân “*lắm bệnh, nhiều chứng*” với những ai một lần gặp gỡ.

- Sông Đà nói chung, và “*Người lái đò sông Đà*” chính là áng thơ trữ tình bằng văn xuôi ca ngợi Tổ quốc giàu đẹp, thể hiện niềm tin yêu cuộc sống mới đang diễn ra trên đất nước ta.

Đề 16: Phân tích hình tượng cây xà nu, rừng xà nu trong truyện ngắn “rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành, để làm rõ ý nghĩa tượng trưng cho sức sống và phẩm chất của người dân Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ

I/. Mở bài:

- “*Rừng xà nu*” là một trong những tác phẩm tiêu biểu viết về cuộc kháng chiến chống Mỹ vĩ đại của dân tộc ta. Tác phẩm được viết vào mùa hè năm 1965, khi Mỹ bắt đầu ào ạt đổ quân vào miền Nam.



Học văn – văn học

- Một trong những thành công nổi bật của tác phẩm là nhà văn đã xây dựng được một hình tượng nghệ thuật mang ý nghĩa biểu trưng giàu chất lãng mạn: đó là hình tượng cây xà nu, rừng xà nu...

II/. Thân bài:

- 1/. Cây xà nu tượng trưng cho sự mất mát, đau thương, uất hận của dân làng Xô Man.
- 2/. Cây xà nu tượng trưng cho sức sống mãnh liệt của dân làng Xô Man.
- 3/. Cây xà nu tượng trưng cho các thế hệ Tây Nguyên kế tiếp nhanh chóng trưởng thành trong chiến tranh.
- 4/. Cây xà nu tượng trưng cho khát vọng, tự do của con người Tây Nguyên

III/ Kết bài:

- “*Rừng xà nu*” là bản anh hùng ca, ca ngợi ý chí kiên cường, sức mạnh đoàn kết và chiến thắng của những người dân Tây Nguyên yêu nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

- Tác phẩm mang đậm tính sử thi, chất anh hùng ca và cảm hứng lãng mạn.
- Hình tượng cây xà nu, rừng xà nu là một thành công độc đáo trong sáng tạo nghệ thuật của Nguyễn Trung Thành.

Bài văn tham khảo:

“*Rừng xà nu*” là một truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Trung Thành và của văn học thời chống Mỹ. Trong tác phẩm, với hình tượng cây xà nu, Nguyễn Trung Thành đã làm nổi rõ khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn, một đặc điểm cơ bản của văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975. Khuynh hướng này đã chi phối sự sáng tạo nghệ thuật của các nhà văn trong giai đoạn văn học này. Đọc “*Rừng xà nu*” những nhân vật như cụ Mết, Tnú, Dít, Mai... tạo nên ấn tượng sâu sắc nơi độc giả. *Nổi bật hình ảnh cây xà nu được lặp đi lặp lại gần hai mươi lần một hình tượng đặc sắc bao trùm toàn bộ thiên truyện ngắn này. Hình tượng ấy đã tạo nên vẻ đẹp hùng tráng, chất sử thi và lãng mạn cho câu chuyện về làng Xô-man bất khuất, kiên cường.*

Thật vậy, trong tác phẩm, cây xà nu, rừng xà nu đã được Nguyễn Trung Thành miêu tả thật cụ thể, thật chi tiết với ngôn ngữ giàu chất thơ, bằng những “lời văn có cánh” trong một cảm xúc thật say mê và mãnh liệt. Cây xà nu trong truyện xuất hiện rất nhiều lần và dường như rất quen thuộc với con người nơi núi rừng Tây Nguyên, nó tham dự vào tất cả những sinh hoạt, những tâm tình, những buồn vui của người dân nơi đây trong cuộc chiến đấu chống Mỹ thật anh dũng của họ. Câu chuyện ấy được kể trên nền tảng chính của hình tượng cây xà nu – một hình tượng hàm chứa rất nhiều ý nghĩa tượng trưng và khái quát.

Những cây xà nu, rừng xà nu như những con người, những tâm hồn sống, vừa là nhân chứng, vừa tham gia bản anh hùng ca, cũng vừa chịu đựng mọi vất vả, đau thương dưới tầm đạn kẻ thù. Nhưng bất chấp tất cả, rừng xà nu vẫn tràn đầy sức sống, vẫn vươn mình lên cường tráng vượt lên mọi thương đau. Cây xà nu là một hình ảnh mang tính chất tượng trưng cho khát vọng tự do, khát vọng giải phóng, cho phẩm chất anh hùng và sức sống tiềm tàng mãnh liệt của dân làng Xô-man.

Mở đầu câu chuyện là hình ảnh “cả rừng xà nu hàng vạn cây” và kết thúc vẫn là “những rừng xà nu nối tiếp chạy đến chân trời”. Hình ảnh ấy *như một nét nhạc trầm hùng,*



Học văn – văn học

một bản đàn dạo, là cái “phông” cho cả một câu chuyện khiến thiên truyện càng mang đậm tính sử thi và lãng mạn hơn. Có thể nói, rừng cây xà nu được xem như là biểu tượng cho con người Xô-man. Với hình ảnh nhân hóa, Nguyễn Trung Thành đã miêu tả cây xà nu như những con người, chúng cũng có “vết thương”, biết “ham ánh sáng” và “ưỡn tấm ngực lớn ra che chở cho làng”. Cây xà nu còn là một hình ảnh so sánh với con người “ngực căng bằng cây xà nu”. Rừng xà nu năm tháng đứng dưới tầm đại bác kẻ thù chịu đựng biết bao tàn phá, cũng như những đau thương mà dân làng phải gánh chịu trước ách kìm kẹp của giặc. “Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương”. “Cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình nhũn ứa ra, tràn trề”... rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn”. Hình ảnh đó gọi lên lòng căm thù và kết tụ một ý chí phản kháng.

Nhưng hơn hết vẫn là sức sống mãnh liệt đầy sức trẻ của rừng xà nu bạt ngàn. “Cạnh một cây xà nu mới ngã gục đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời”, “có những cây mới nhú khỏi mặt đất, nhọn hoắt như những mũi lê” “nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh sáng”. Thế mới biết sức trẻ của cây xà nu mãnh liệt đến dường nào! Sức trẻ ấy còn mang tính tượng trưng cho thế hệ trẻ của làng Xô-man. Đó là những Mai, Dít, Tnú, Heng, những con người luôn gắn bó với cách mạng, bắt đầu từ tuổi thơ, lớn lên trong lửa đạn, trưởng thành trong đau thương và sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì tự do của dân tộc.

Bên cạnh đó, sức sống bất khuất kiên cường của cây xà nu còn được tạo bởi hàng vạn cây ở những đồi xà nu nối tiếp nhau tới chân trời ở tấm ngực lớn của rừng ưỡn ra che chở cho làng. Đó là những cây xà nu thật vững chắc, xanh tốt đã vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum suê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. *Đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng chúng vượt lên rất nhanh thay thế những cây đã ngã*, một cây ngã xuống tức thì bốn năm cây con lại mọc lên cứ thế trở thành cả một rừng cây xà nu nối tiếp đến chân trời. Những cây xà nu, rừng xà nu ấy là hình ảnh của dân làng Xô-man kiên cường chống giặc, bất chấp mọi hi sinh, một lòng đi theo Đảng, đi theo kháng chiến hết thế hệ này đến thế hệ khác. Đó là những cụ Mết, anh Xút, Tnú, Mai, Dít, anh Broi... mà tiêu biểu là hình ảnh cụ Mết. Nhà văn đã ví cụ “như một cây xà nu lớn”. Hơn ai hết, cụ là người hiểu rất rõ sự gắn bó của cây xà nu và mảnh đất đang sống, hiểu được sức mạnh tiềm tàng bất khuất của rừng xà nu cũng như của dân làng Xô-man. Chính cụ Mết đã nói với Tnú “không có cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta”, “cây mẹ chết cây con lại mọc lên”.

Cây xà nu còn là “nhân chứng” cho sự giác ngộ, sự hi sinh thầm lặng, lòng dũng cảm và ý chí quật khởi của dân làng Xô-man. “Đứng trên đồi cây xà nu gần con nước lớn, cả vùng Xô-man ào ào rung động. Và lửa cháy khắp rừng”. Ánh lửa xà nu soi sáng lời căn dặn của anh Quyết: “Người còn sống phải chuẩn bị dao, mác, vù, rựa, tên, nỏ... Sẽ có ngày dùng tới”. Lửa xà nu thử thách ý chí cũng như lòng can đảm của Tnú: “Không có gì đơm bằng nhựa cây xà nu... Mười ngón tay đã thành mười ngọn đuốc... máu anh mặn chát ở đầu lưỡi...”.



Học văn – văn học

Giọng điệu sử thi của “*Rừng xà nu*” bắt đầu từ câu chuyện kể của cụ Mết dưới ánh lửa xà nu, một câu chuyện phảng phất phong vị anh hùng ca. Và cây xà nu không chỉ gắn với quá khứ, hiện tại anh hùng mà còn gắn bó với mọi sinh hoạt, phong tục và đời sống văn hóa của người Xô-man, của các dân tộc Tây Nguyên.

Tóm lại, hình tượng cây xà nu thật sự là một sáng tạo nghệ thuật đáng kể của Nguyễn Trung Thành. Nhà văn đã lựa chọn hình ảnh cây xà nu và đem lại cho nó những ý nghĩa mới những lớp ý nghĩa rất khác nhau qua cách viết vừa gợi vừa tả của tác giả. Qua hình tượng này người đọc không chỉ thấy rõ sức sống kiên cường, mãnh liệt của dân làng Xô-man, của con người Tây Nguyên nói riêng mà còn là của dân tộc Việt Nam nói chung trong những tháng năm chống Mỹ.

Đề 17 :So sánh hai nhân vật Chiến và Việt trong truyện ngắn Những đứa con trong gia đình của nhà văn Nguyễn Thi:

1. Giới thiệu nhà văn Nguyễn Thi và truyện ngắn Những đứa con trong gia đình

2. So sánh hai nhân vật Chiến và Việt

a) Nét chung của hai nhân Vật :

Đó là hai chị em ruột trong một gia đình nông dân Nam Bộ, có chung những phẩm chất trong "dòng sông" truyền thống của gia đình : yêu nước, căm thù giặc sâu sắc; thủy chung, son sắt với cách mạng; gan góc, dũng cảm, khao khát được chiến đấu giết giặc

b) Nét riêng :

Tuy nhiên trong cái dòng sông truyền thống của gia đình ấy "mỗi người một khúc", mỗi nhân vật lại có nét tính cách riêng, không ai giống ai.

- Nhân vật Chiến:

+ Chiến có những nét giống mẹ. Nguyễn Thi có ý thức tô đậm nét kế thừa người mẹ ở nhân vật Chiến.

+ Chiến là một tính cách đa dạng : vừa là một cô gái mới lớn, tính khí còn rất "trẻ con", vừa là người chị biết nhường nhịn em, biết lo toan, đảm đang tháo vát.

+ So với người mẹ, chiến không chỉ khác ở cái vẻ trẻ trung thích làm duyên làm dáng. Vận hội mới của cách mạng đã tạo điều kiện cho Chiến được trực tiếp cầm súng đánh giặc để trả thù nhà, thực hiện lời thề như dao chém đá của mình : "Đã là thân con gái ra đi thì tao chỉ có một câu : Nếu giặc còn thì tao mất....."

- Nhân vật Việt : vừa là cậu con trai mới lớn, vừa là một chiến sĩ gan góc, dũng cảm, kiên cường.

+ Việt có nét riêng dễ mến của một cậu con trai lộc ngọc vô tư, tính tình còn rất "trẻ con", ngây thơ, hiếu động.

Nếu chiến luôn biết nhường nhịn em, thì trái lại, Việt lại hay tranh giành phần hơn chị. Việt rất thích đi câu cá, bắn chim, và đến khi đi bộ đội vẫn còn đem theo cả cái ná thun ở trong túi.

Mọi công việc trong nhà, Việt đều phó thác cho chị. Đêm trước ngày lên đường, Chiến lo toan thu xếp chu đáo việc nhà, từ em út, nhà cửa, ruộng vườn đến nơi gửi bàn thờ má, bàn bạc với em một cách trang nghiêm; còn Việt thì vô tư "lăn kèn ra ván, cười khi khi", vừa nghe vừa "chụp một con đom đóm úp trong lòng tay" rồi ngủ quên lúc nào không



biết.

Cách thương chị của Việt cũng rất trẻ con, "giấu chị như giấu của riêng" vì sợ mất chị trước những lời tán tỉnh đùa tếu của anh em.

Việt bị thương nằm lại chiến trường, đến khi gặp được đồng đội thì cũng "giống hệt như thằng Út em ở nhà, khóc to rồi cười đó...".

+ Tuy vẫn còn có vẻ hồn nhiên, vô tư nhưng Việt cũng thật đường hoàng, chững chạc trong tư thế của người chiến sĩ trẻ dũng cảm kiên cường.

Dòng máu nóng chảy trong người Việt là dòng máu gia truyền của những con người gan góc, không bao giờ biết sợ trước sự bạo tàn. Cho nên, còn bé tí mà Việt đã dám xông thẳng vào thằng giặc đã giết hại cha mình mà đá. Việt đã nằng nặc đòi đi tòng quân để trả thù cho ba má.

Khi xông trận, Việt chiến đấu rất dũng cảm, đã dùng thủ pháo tiêu diệt được một xe bọc thép của địch.

Và đến khi bị trọng thương, một mình nằm giữa chiến trường, hai mắt không còn nhìn thấy gì, toàn thân đau điếng và rỏ máu, người thì khô khốc đi vì đói khát, Việt vẫn ở trong tư thế chờ tiêu diệt giặc. Có thể nói, hành động giết giặc để trả thù nhà, đền nợ nước đã trở thành một trong những thước đo quan trọng nhất về phẩm cách con người ở nhân vật Nguyễn Thi.

- Tính cách, cá tính của Chiến và Việt bộc lộ rất sinh động qua cuộc đối thoại của Việt và Chiến đêm trước ngày lên đường. Cùng rất thương má, cùng mang nặng mối thù của má, cùng háo hức được cầm súng giết giặc để trả thù nhà, nhưng chị ra chị em ra em, con gái ra con gái, con trai ra con trai. Tuy Chiến và Việt cùng có chất trẻ con nhưng Chiến tỏ ra đã là người lớn, lo toan thu xếp mọi việc nhà, còn Việt vẫn hết sức vô tư, vô tâm vô tính.

- Nhưng trong đoạn văn tả cảnh hai chị em Chiến, Việt khiêng bàn thờ má sang gửi nhà chú Năm, lại thấy một Việt trưởng thành và khôn lớn hơn: "Chị Chiến ra đứng giữa sân, kéo cái khăn trên cổ xuống, cũng xắn tay áo để lộ hai bắp tay tròn vo sạm đỏ màu cháy nắng, rồi dang cả thân người to và chắc nịch của mình nhấc bổng một đầu bàn thờ má lên. Việt ghé vào một đầu. Nào, đưa má sang ở tạm bên nhà chú, chúng con đi đánh giặc để trả thù cho ba má, đến chừng nước nhà độc lập con lại đưa má về. Việt khiêng trước. Chị Chiến khiêng bịch bịch phía sau. Nghe tiếng chân chị, Việt thấy thương chị lạ. Lần đầu tiên Việt mới thấy lòng mình rõ như thế. Còn mối thù thằng Mĩ thì có thể sờ thấy được, vì nó đang đè nặng trên vai". Một người hồn nhiên, vô tư như Việt vào chính cái giờ khắc này mới thấy "thương chị lạ" mới "thấy rõ lòng mình" và cảm thấy rất rõ mối thù thằng Mĩ như có hình, có khối, có trọng lượng cụ thể đang đè nặng ở trên vai. Chi tiết này đã nói lên thật cụ thể cái phần sâu thẳm, thiêng liêng của cuộc kháng chiến chống Mĩ.

3. Kết luận

- Qua hai nhân vật Chiến và Việt ta thấy được vẻ đẹp của con người Nam Bộ trong kháng chiến chống Mĩ.

- Hai nhân vật này vừa tiêu biểu cho đặc điểm nhân vật trong văn Nguyễn Thi, vừa cho thấy tài năng của nhà văn trong việc xây dựng nhân vật.



Học văn – văn học

Đề 18: Vẻ đẹp chủ nghĩa anh hùng cách mạng qua nhân vật Tnú và nhân vật Việt

Bài làm

Trong bài “*Nhận đường*”, Nguyễn Đình Thi có viết: “*Văn nghệ phụng sự kháng chiến nhưng chính kháng chiến đem đến cho văn nghệ một sức sống mới. Sắt lửa mặt trận đang đúc nên văn nghệ mới của chúng ta*”. Từ chiến trường đầy ác liệt, từ những nỗi đau chiến tranh chất chứa đầy máu và cả sự hy sinh, những áng văn bất hủ đã được tạo nên. “*Rừng xà nu*” của Nguyễn Trung Thành và “*Những đứa con trong gia đình*” của Nguyễn Thi đã ra đời trong hoàn cảnh ấy. Dẫu hai tác phẩm ấy được viết theo hai phong cách khác nhau nhưng cả hai nhà văn đã gặp nhau ở nơi hội tụ của mọi ánh sáng văn chương chân chính mọi thời đó là chủ nghĩa anh hùng cách mạng lớn lao, cao cả, hào hùng. Vẻ đẹp ấy được thể hiện rõ nét nhất qua nhân vật Tnú và nhân vật Việt.

Mỗi nhà văn có một sở trường riêng về một đề tài và khi nhắc đến văn học kháng chiến chống Mĩ ta không thể không nhắc đến hai nhà văn tiêu biểu đó là Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi. Nguyễn Trung Thành sinh năm 1932 ông là nhà văn có sở trường viết về vùng đất Tây Nguyên anh hùng, bất khuất. Nguyễn Thi (1928-1968) tuy là người Bắc nhưng ông lại có cảm tình sâu sắc với mảnh đất Nam Bộ. Chính vì vậy ông đã được coi là nhà văn, con người Nam Bộ kiên cường. Cả hai tác giả đều gắn bó với cuộc kháng chiến chống Mĩ, là những nhà văn chiến sĩ ở hai tuyến đầu máu lửa của Tổ quốc Tác phẩm của họ mang hơi thở nóng hổi của cuộc chiến đấu với những hình tượng nhân vật sinh động, bước vào văn học từ thực tế chiến đấu. Hai truyện ngắn “*Rừng xà nu*” (1965) và “*Những đứa con trong gia đình*” (1966) đã phản ánh thật rõ ràng và đậm nét ý chí quyết tâm đánh giặc ngoại xâm của dân tộc ta; lòng căm thù giặc cũng như những phẩm chất anh hùng của người chiến sĩ trong công cuộc đấu tranh để gìn giữ non sông của cha ông ngàn đời. Nhân vật Tnú và Việt trong hai tác phẩm là hai nhân vật tiêu biểu cho tinh thần yêu nước, yêu cách mạng của con người Việt Nam trong kháng chiến. Ở họ mang nhiều phẩm chất tốt đẹp nhưng cao cả và thiêng liêng nhất chính là vẻ đẹp anh hùng cách mạng.

Vậy thế nào là chủ nghĩa anh hùng cách mạng ? Đó là sự thể hiện của lòng yêu nước thiết tha, căm thù giặc sâu sắc, tinh thần chiến đấu bất khuất chống lại kẻ thù xâm lược để bảo vệ tổ quốc của con người Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, là sự trung thành với lí tưởng cách mạng được thử thách trong những hoàn cảnh khốc liệt, qua đó bộc lộ được vẻ đẹp của phẩm chất anh hùng có tính chất tiêu biểu cho cả dân tộc. Tnú và Việt là sự kết tinh của chủ nghĩa anh hùng cao đẹp ấy.

Trước tiên đọc tác phẩm “*Rừng xà nu*” ta có thể dễ dàng cảm nhận được vẻ đẹp anh hùng rực rỡ ở nhân vật Tnú. Tnú là người con của dân làng Xôman, cha mẹ mất sớm và được dân làng cưu mang, nuôi dưỡng. Cũng như người dân làng “có cái bụng thương núi, thương nước”, Tnú đã sớm có lòng yêu thương nhân dân, làng xóm. Từ tấm lòng này, Trú



Học văn – văn học

đã mở rộng thành tình yêu gắn bó trung thành thủy chung sâu nặng với Cách mạng, cán bộ Cách mạng. Bởi ngay từ khi còn là một cậu bé, Tnú được cụ Mết, người gìn giữ và truyền ngọn lửa Cách mạng từ thế hệ này sang thế hệ khác cho hay: “*Cán bộ là Đảng. Đảng còn nước non này còn*”. Vì vậy ngay từ chặng đầu của cuộc đời, Tnú đã xuất hiện với tư cách của người anh hùng Tây Nguyên thời chống Mỹ. Dù còn nhỏ, Tnú đã sớm tỏ ra gan góc táo bạo, đầy quả cảm như Kim Đồng, Lê Văn Tám, Vừ A Dính... Bất chấp sự vây lùng khủng bố dã man của kẻ thù, chặt đầu những người đi nuôi cán bộ – đầu anh Xút, bà Nhan đang bị chúng treo lủng lẳng đầu bản xóm, Tnú đã cùng với Mai xung phong vào rừng bảo vệ anh Quyết, một cán bộ trung kiên của Đảng. Đây là một công việc vô cùng khó khăn và đầy nguy hiểm nhưng Mai và Tnú đã làm rất tốt để dân làng Xô man mãi tự hào “Năm năm chưa hề có cán bộ bị giặc bắt hoặc bị giết ở trong rừng”.

Tnú còn là một người có phẩm chất chính trực, trong sáng, trung thực, thẳng thắn như cây xà nu. Tnú quyết tâm học cho được cái chữ Cụ Hồ để trở thành cán bộ giỏi thay anh Quyết, nếu không may anh Quyết bị hy sinh. Tnú có cái đầu sáng lẹ lòng trong việc tìm đường rừng để đưa thư cho anh Quyết. Nhưng Tnú học chữ hay quên. Bởi vậy, khi học chữ thua Mai, Tnú đã tự trừng phạt cái tội hay quên của mình bằng cách “cầm hòn đá tự đập vào đầu mình máu chảy ròng ròng”. Hành động này có cái gì đó hơi nóng nảy, nông nổi nhưng nó biểu lộ ý chí, quyết tâm sắt đá của một con người có chí khí, vì không học được chữ nên tự trừng phạt mình cho đau cho nhớ mà cố gắng hơn.

Làm liên lạc chuyển thư cho anh Quyết, Tnú có cái đầu sáng lẹ lòng. Vốn là con người nhanh trí, táo bạo thích mạo hiểm, Tnú không bao giờ đi đường mòn, bị giặc vây các nẻo đường, Tnú leo lên cây cao xé rừng mà đi vượt qua mọi vòng vây. Tnú không vượt qua suối những nơi nước cạn dễ đi mà thường băng qua những con thác hiểm như cuội lên lưng con cá kình. Có lần vượt qua thác, chuẩn bị lên bờ thì hòng súng đen ngòm đã chĩa vào gáy lạnh ngắt. Tnú kịp nuốt lá thư của anh Quyết vào bụng bảo đảm bí mật. Tnú bị giặc giam cầm ở ngục tù Kontum với biết bao đòn roi, thương tích. Địch tra tấn hỏi “Cộng sản ở đâu?” Tnú đã không ngần ngại đặt tay lên bụng và nói: “*Ở đây này!*”. Và lưng Tnú lại hằn lên những vết dao chém ngang dọc của kẻ thù. Đúng Tnú là con người rất giàu phẩm chất thủy chung, trung thành với Cách mạng mà bất khuất hiên ngang trước kẻ thù “*Uy vũ không thể khuất phục*”.

Ba năm sau, Tnú vượt ngục trở về trực tiếp lãnh đạo dân làng Xô man đánh giặc. Và Mai, người bạn từ thuở thiếu thời, đã cùng Tnú trưởng thành qua năm tháng đầy thử thách khốc liệt của chiến tranh nay đã là vợ của Tnú. Đứa con trai kháu khỉnh vừa đầy tháng là hoa trái đầu mùa của mối tình thơ mộng và thủy chung ấy. Hạnh phúc gia đình lứa đôi của Tnú đang đẹp như trăng rằm lung linh tỏa sáng cả núi rừng Tây Nguyên. Song kẻ thù tàn bạo dã man đã đập vỡ tổ ấm hạnh phúc của Tnú một cách không tiếc thương. Chúng đã giết vợ con anh bằng cây gậy sắt, hòng uy hiếp tinh thần Cách mạng của Tnú, người cầm đầu, linh hồn của cuộc nổi dậy. Đoạn văn diễn tả sự bất lực của Tnú trước cái chết của vợ con thật bi thương tràn đầy xúc cảm và ấn tượng “Anh đã bứt đứt hàng chục trái vả mà



Học văn – văn học

không hay. Anh chồm dậy... bụng anh có lửa đốt. Chỗ hai con mắt anh bây giờ là hai cục lửa lớn”. Cầm thù đau nhói trong tim và bùng cháy trong hai con mắt – một chi tiết thật dữ dội. Tnú nhảy vào giữa đám lính, hai cánh tay như cánh gổ lim của anh ôm chặt lấy mẹ con Mai. Nhưng không còn kịp nữa! Tnú bị bắt, bị trói. Vợ và con chết cả rồi nhưng Tnú không khóc. Anh ghì nén nỗi đau, cố gắng vượt qua bi kịch cá nhân để tiếp tục sống và chiến đấu. Trước cái chết cận kề, Tnú không hề run sợ mà anh cảm thấy mình thật bình thản. Anh nghĩ “Đứa con chết rồi. Mai chắc cũng đã chết. Minh rồi cũng chết thôi”. Nhưng Tnú không sợ, điều làm Tnú day dứt và băn khoăn nhất chính là không sống được đến ngày cùng dân làng Xô man đánh giặc, rồi khi có lệnh của Đảng cho đánh ai sẽ lãnh đạo dân làng Xô man ? Tnú hoàn toàn không nghĩ đến mình nữa, Tnú đã đặt cái chung, cái nhiệm vụ lên trên bi kịch của mình. Đó là thái độ biến đau thương thành hành động.

Giặc dùng giẻ tẩm nhựa xà nu để đốt mười đầu ngón tay của Tnú. Chúng định dùng lửa để thiêu rụi ý chí đấu tranh của dân làng Xô man. Nhưng chúng đã nhầm. Chúng đã vô tình thắp lên ngọn lửa đồng khởi, ngọn lửa đấu tranh của dân làng Xô man. Một ngón, hai ngón rồi ba bốn ngón của Tnú bốc cháy. Không gì đượm bằng lửa Xà nu. Mười ngón tay của Tnú nhanh chóng thành mười ngọn đuốc sống. Kì lạ thay, người Cộng Sản ấy không hề kêu van, dù “*răng anh đã cắn nát môi anh rồi*”. Đứng rồi, Tnú không thêm kêu van nhưng Tnú đã thét lên một tiếng “*Giết*”. Tiếng thét ấy làm rung chuyển núi rừng, làm lay động tâm can con người. Và cộng hưởng cùng tiếng thét ấy là tiếng chân người chạy rầm rập trên nhà Ưng, tiếng cụ Mết ồ ồ “Chém! Chém hết, Giết, giết hết!”, Tiếng thét ấy trở thành ngòi nổ làm bùng cháy cả khối thuốc nổ cấm hờn của dân làng Xôman. Trong phút chốc họ đã chứng kiến cảnh : “*xác 10 tên giặc nằm ngổn ngang quanh đống lửa.*”

Cuộc đời bi tráng của Tnú đã làm sáng tỏ một chân lý giản dị mà sâu xa của cuộc sống được cụ Mết truyền dạy cho con cháu: “*sau này, tao chết rồi, bay còn sống phải nói lại cho con cháu: Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo*”. Đó là chân lý của Cách mạng được nảy sinh từ mảnh đất Tây Nguyên thấm máu và nước mắt. Đó là một chân lý thật nghiệt ngã nhưng tất yếu: Phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng. Vũ trang chiến đấu là con đường tất yếu tự giải phóng của nhân dân. Câu chuyện về cuộc đời và con đường đi lên của Tnú mang ý nghĩa tiêu biểu cho số phận và con đường của các dân tộc Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Vẻ đẹp và sức mạnh của Tnú là sự kết tinh vẻ đẹp và sức mạnh của con người Việt Nam nói chung trong thời đại đấu tranh cách mạng.

Đến với “*những đứa con trong gia đình*”, Nguyễn Thi cũng đã khắc học rất thành công vẻ đẹp anh hùng cách mạng sáng ngời của nhân vật Việt. đó là một cậu con trai mới lớn, hồn nhiên, vô tư luôn tranh giành với chị ngay cả trong cuộc sống bình thường lẫn khi đi đánh giặc. đêm trước ngày đi bộ đội trong khi Chiến bàn bạc chuyện gia đình và nói với em những lời trang nghiêm thì Việt lúc “*lăn kên ra ván cười khi khi*” lúc lại rình “*chụp một con đom đóm úp trong lòng bàn tay*” và cuối cùng “*ngủ quên lúc nào không biết*”.



Học văn – văn học

Đứa con trai ngây thơ ấy còn là một người con, một người cháu, một người em, một người đồng đội giàu tình cảm và sống rất tình nghĩa. Vốn mồ côi cha mẹ, chị Hai ở xa, đứa em út còn nhỏ, tình cảm thương yêu của Việt đối với chị thật sâu đậm. sau khi cùng ghi tên vào bộ đội, sắp xếp việc nhà xong Việt và chiến cùng khiêng bàn thờ má gởi chú Năm: *“Việt khiêng trước. Chị Chiến khiêng bịch bịch phía sau. Nghe tiếng chân chị, Việt thấy thương chị lạ. Lần đầu tiên Việt mới thấy lòng mình rõ như thế”*. Ngoài tình thương chị Việt còn rất thương mến chú Năm. Tình cảm đó hình thành từ những ngày Việt còn nhỏ “Việt thương chú Năm vì hồi đó chú hay bệnh Việt. Mỗi khi cất giọng hò, chú làm như Việt chính là nơi cụ thể để chú gửi gắm những câu hò đó”. Trong lúc Việt bị thương hình ảnh của cha mẹ thân yêu luôn chập chờn ẩn hiện trong hồi ức của Việt với bao kỉ niệm chua xót lẫn ngọt ngào *“đường như cả cuộc đời vất vả của má, mọi ý nghĩ lặng lẽ trong đêm của má, cả những hiểm nguy gian lao của má đã trải qua một cách không hề sợ hãi, tất cả đều gom lại và dồn lại vào trong ý nghĩa cuối cùng này: “để má ráng nuôi bây lớn coi bây có làm được gì cho cha mày vui không?”*”.

Nhưng có lẽ đẹp đẽ hơn cả ở Việt-làm nên vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng chính là tinh thần chiến đấu quả cảm, kiên cường. Việt không chỉ là một con người giàu lòng yêu thương mà còn là một chiến sĩ giải phóng quân dũng cảm, mang trong mình dòng máu gia truyền của những con người gan góc không bao giờ khuất phục trước sự tàn bạo. Việt đã chiến đấu bằng tất cả sức mạnh lẫn thể chất tinh thần, bằng ý chí bất khuất thừa hưởng từ một gia đình cách mạng. Ông nội, chú Năm, ba Việt đều tham gia kháng chiến. Cha bị chặt đầu, mẹ bị trúng pháo của giặc .. những hình ảnh đó mãi in sâu trong tâm trí Việt. chính mối thù nhà là động lực thúc đẩy hai chị em việt anh dũng chiến đấu.

Giữa trận đánh, Việt bị thương nặng. mất liên lạc với đồng đội, trơ trọi một thân, đói khát, mình đầy thương tích, Việt vẫn can đảm chịu đựng. dù lúc tỉnh lúc mê, Việt vẫn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu mỗi khi choàng dậy *“Việt day hòng sung về hướng đó “ nếu mày đổ quân thì sung tao còn đạn”* Việt ngằm bảo bọn địch khi nghe tiếng xe bọc thép của chúng chạy mỗi lúc một gần. Cuối cùng khi đồng đội đã tìm được Việt dù kiệt sức, anh vẫn giữ được tư thế chiến đấu sinh tử với kẻ thù “một ngón tay của cậu vẫn còn nhúc nhích , một viên đạn đã lên nòng và chung quanh cậu dấu xe bọc thép còn nằm ngang dọc” hình ảnh đó đã cho ta thấy tính cách anh hùng của Việt một chàng trai yêu nước ,sẵn sàng chiến đấu đến hơi thở cuối cùng. Một dáng vóc cao cả, phi thường, đáng khâm phục.

Có thể nói, xây dựng hình tượng nhân vật Tnú và Việt hai nhà văn đã thể hiện sự trân trọng sâu sắc trước những con người của dân tộc, vì dân tộc. Cùng được sáng tác trong kháng chiến chống Mĩ nên ở hai nhân vật đều có nhiều nét tương đồng trong vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng. Họ là những người con đã kế thừa xuất sắc truyền thống bất khuất của gia đình, của quê hương, của dân tộc: Tnú là người con của làng Xô Man, nơi tất cả người dân đều hướng về cách mạng. Còn Việt sinh ra trong gia đình có truyền thống yêu nước, căm thù giặc: Cha là cán bộ cách mạng, má là người phụ nữ Nam Bộ kiên cường trong đấu tranh, hai con tiếp nối lí tưởng của cha mẹ. Họ đã phải chịu nhiều đau



Học văn – văn học

thương, mất mát do kẻ thù gây ra, tiêu biểu cho đau thương mất mát của cả dân tộc: Tnú chứng kiến cảnh vợ con bị kẻ thù tra tấn đến chết, bản thân bị giặc đốt mười đầu ngón tay. Việt chứng kiến cái chết của ba má: ba bị chặt đầu, má chết vì đạn giặc. Những đau thương đó đã hun đúc tinh thần chiến đấu, lòng căm thù giặc sâu sắc của con người Việt Nam. Biến đau thương thành sức mạnh chiến đấu cũng là một biểu hiện của chủ nghĩa anh hùng cách mạng: Tnú lên đường đi “*lực lượng*” dù mỗi ngón tay mất đi một đốt, Việt vào bộ đội, coi việc đánh giặc trả nợ nước thù nhà là lẽ sống. Họ chiến đấu bởi sức mạnh của lòng căm thù giặc, cũng là bởi sức mạnh của tình yêu thương, vì: chỉ có cầm vũ khí đứng lên, ta mới có thể bảo vệ được những gì thiêng liêng nhất, bảo vệ tình yêu và sự sống. Chân lí đó đã được minh chứng qua số phận và con đường cách mạng của những người dân Nam Bộ trong hai tác phẩm trên, chân lí đó cũng được rút ra từ thực tế đau thương mất mát nên nó càng có giá trị, càng phải khắc sâu vào lòng người.

Không chỉ vậy ở họ còn mang phẩm chất anh hùng, bất khuất, là những con người Việt Nam kiên trung trong cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm. Tnú từ nhỏ đã gan dạ, đi liên lạc bị giặc bắt được, tra tấn dã man vẫn không khai. Anh vượt ngục trở về, lại là người lãnh đạo thanh niên làng Xô Man chống giặc, bị đốt mười ngón tay vẫn không kêu rên trước mặt kẻ thù à Ở Tnú toát lên vẻ đẹp của người anh hùng trong sử thi Tây Nguyên và vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng thời đại chống Mĩ. Việt bị thương trong trận đánh lại lạc mất đơn vị, vẫn chắc tay súng quyết tâm tiêu diệt kẻ thù. Đối với chị, Việt ngây thơ, nhỏ bé, còn trước kẻ thù, Việt vụt lớn lên, chững chạc trong tư thế người anh hùng.

Có thể nói Tnú và Việt đều đã vượt lên nỗi đau và bi kịch cá nhân để sống có ích cho đất nước. Những đau thương của họ cũng chính là đau thương của dân tộc trong những năm tháng thương đau của chiến tranh. Tinh thần quả cảm, kiên cường của họ cũng chính là tinh thần của cả dân tộc Việt Nam, là biểu hiện cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Tuy nhiên, không chỉ có những nét chung độc đáo về đẹp anh hùng cách mạng ở nhân vật Tnú và Việt mà còn mang những nét riêng khác biệt. Việt là một con người được sinh ra và trưởng thành trên miền non nước Nam Bộ vì vậy ở anh có tính chất sôi nổi, bộc trực, trọng nghĩa. Còn Tnú lại hiện lên với hình ảnh “vóc dáng vạm vỡ” chứa trong đó cái mệnh mang, hoang dại, trong sạch của núi rừng, ở Tnú nổi bật lên với vẻ đẹp của một con người Tây Nguyên huyền thoại, kỳ vĩ, đậm chất sử thi.

Như hai bản anh hùng ca thời đại đánh Mĩ, hai tác phẩm đã khắc sâu được cuộc chiến đấu của dân tộc chống lại kẻ thù xâm lược hết sức ác liệt và gay go. Qua đó tác giả cũng ngợi ca phẩm chất anh hùng của con người Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ, là những con người tiêu biểu cho cộng đồng về lí tưởng và phẩm chất, nhân danh cộng đồng mà chiến đấu hi sinh. Với giọng văn ngợi ca, thấm đẫm cảm hứng lãng mạn cách mạng, chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời kỳ chống Mĩ, hai tác phẩm đều được



Học văn – văn học

tác giả làm hiện diện trên khắp mọi miền của đất nước. Từ nông thôn đến thành thị, từ miền ngược đến miền xuôi, từ đồng bằng đến miền núi. Tất cả tạo nên một sức mạnh long trời lở đất để nhấn chìm lũ bán nước và quân cướp nước. Qua đó cũng thấy rằng, cuộc đời và sự hi sinh của những con người Việt Nam anh hùng như Tnú và Việt mãi mãi là bản anh hùng ca tuyệt đẹp cho các thế hệ Việt Nam noi theo.

Đề 19. So sánh nhân vật cụ Mết trong “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành và nhân vật chú Năm trong “Những đứa con trong gia đình” của Nguyễn Thi.

a. Nhân vật cụ Mết

- Cụ Mết là một già làng quốc thước, “sáu mươi tuổi rồi mà tiếng nói vẫn ồ ồ, dội vang trong lồng ngực”, râu “đã dài tới ngực và vẫn đen bóng”, mắt sáng và xéch ngược, ỏ trần, “ngực căng như một cây xà nu lớn”. Cách nói cũng khác lạ (nói như ra lệnh; không bao giờ khen “Tốt! Giỏi!”, nhưng khi vừa ý cũng chỉ nói “Được”).

- Cụ tin tưởng mãnh liệt vào dân tộc mình, quê hương mình. Theo cụ, “không cây gì mạnh bằng cây xà nu đất ta”, và thứ gạo mà dân tộc Strá làm ra là thứ gạo ngon nhất rừng núi này.

- Cụ Mết chính là linh hồn của dân làng Xô Man. Cụ là người lưu giữ truyền thống của cộng đồng, dìu dắt các thế hệ nối tiếp nhau sống xứng đáng với truyền thống.

>>> Cụ Mết chính là nhân vật tượng trưng cho lịch sử, cho truyền thống hiên ngang, bất khuất, cho sức sống bền bỉ của dân làng Xô Man. Cụ Mết có những nét gần gũi với các nhân vật tù trưởng hùng mạnh thể hiện khát vọng, hoài bão của cả cộng đồng trong một số sử thi Tây Nguyên. Viết về cụ Mết, tác giả đã phát huy cao độ sức mạnh bút pháp sử thi với cảm hứng lãng mạn lí tưởng hóa; mặc dù đây là một già làng có thật, người đã lập nhiều thành tích xuất sắc trong kháng chiến chống Pháp (có thể sánh ngang với anh hùng Núp) ở làng Xóp Dùi, tỉnh Kon Tum.

b. Nhân vật chú Năm

- Chú năm thể hiện đầy đủ bản tính tự nhiên của người nông dân Nam bộ hiền lành chất phát, giàu cảm xúc mơ mộng, nội tâm. Một người từng trải qua đắng cay của cuộc đời làm mướn trước cách mạng, để thành bản tính ít nói. Đau thương hằn sâu từ cuộc đời gian khổ và tư cách chứng nhân của tội ác của thắng Tây, thằng Mĩ và bọn tay sai phải chăng đã làm nên nét đa cảm trong gương mặt với đôi mắt lúc nào cũng mở to, mọng nước. Chắt Nam Bộ rất trong con người ông thể hiện qua việc hay sự tích cho con cháu, và kết thúc câu chuyện cũng hò lên mấy câu.



Học văn – văn học

- Nét đặc biệt độc đáo ở người đàn ông này là có sổ ghi chép chuyện gia đình. Cuốn sổ ghi đầy đủ những chuyện thôn dã của nhiều thế hệ, như minh chứng cho tấm lòng thuần hậu của ông. Đó còn là những trang ghi chép tội ác của kẻ thù gây ra, những chiến công của từng thành viên, như một biên niên sử. Bản thân ông cũng chính là một trang sử sống, khi gửi gắm, nhắn nhủ cho hai chị em Chiển và Việt: “chuyện gia đình ta nó cũng dài như sông, để rồi chú sẽ chia cho mỗi người một khúc mà ghi vào đó...”. Nhân vật đã thể hiện vẻ đẹp của tấm lòng sắt son, ý thức trách nhiệm của thế hệ đi trước.

- Truyện kể về những người con trong một gia đình nông dân Nam bộ có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, thủy chung sắc son với quê hương, cách mạng.

Câu nói của chú Năm: “chuyện gia đình ta nó cũng dài như sông, để rồi chú sẽ chia cho mỗi đứa một khúc mà ghi vào đó” đã khái quát một trong những phương diện cơ bản nhất chủ đề của truyện ngắn “Những đứa con trong gia đình”.

>>> Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi, qua hai nhân vật cụ Mết và chú Năm, đã khái quát, phân tích và lí giải sức mạnh, chiến công của con người miền Nam trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước không chỉ ở tinh thần của thời đại mà còn là nguồn gốc sâu xa của truyền thống gia đình, quê hương. Chính sự hài hòa giữa tình cảm gia đình, quê hương với tình yêu nước, giữa truyền thống gia đình, quê hương với truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh to lớn của con người Việt nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đề 20 : Điểm giống và khác nhau giữa Thị và Mị, giữa A Phủ và Tràng trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ và vợ nhặt

1, Điểm giống nhau giữa hai tác phẩm:

- Ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử dân tộc.
- Cùng viết về người nông dân nghèo trong cảnh ngộ khốn khổ.
- Hai tác phẩm cùng vẽ ra hành trình đến với cách mạng, đến với hạnh phúc của những con người tưởng như đã bị đẩy vào bước đường cùng. Chính hoàn cảnh tăm tối, cuộc sống nghiệt ngã đã viết nên thiên tình sử của Mị - A Phủ, Thị - Tràng.
- Chứa đựng giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo mới mẻ, sâu sắc.

2, Phân tích nhân vật:

a, A Phủ và Tràng:

- Điểm giống:

+ Đều là những người nông dân nghèo, thật thà, chất phác, giản dị, nuôi sống bản thân và gia đình bằng bàn tay lao động của mình.

+ Là những người cùng cảnh ngộ:

A Phủ từ nơi khác lưu lạc đến Hồng Ngài, làm thuê, làm mướn.

Tràng bị dồn đuổi bởi cái đói dưng chân, dựng nhà ở cuối xóm ngụ cư, bên mé bờ sông.



Học văn – văn học

-> Cuộc sống của họ bấp bênh; do hoàn cảnh, do nghèo khó nên họ khó có thể lấy được vợ, có được vợ.

+ Bị đè nén bởi tư tưởng cai trị của giai cấp thống trị:

. Tràng không dám cướp thóc bỏ trốn khi có cơ hội.

. A Phủ không bước qua khỏi lời nguyên, trở thành kẻ ở gạt nợ cho thống lí Pá Tra; nhẫn nhục chịu đựng như con trâu, con ngựa.

+ Giàu ước mơ và khát vọng:

. Tràng vượt lên mọi hoàn cảnh: Tàn khốc của XH; Khổ cực của bản thân; Tăm tối của cuộc sống để đến với hạnh phúc, đến với mái ấm gia đình, với thiên chức làm người cao cả "Trong một lúc Tràng như quên những cảnh sống ê chề tăm tối hàng ngày, quên cả cái đói khát đang đe dọa trong lòng hẳn chỉ còn tình nghĩa với người đàn bà đi bên". Tràng xông xáo, phấn khởi, sung sướng với hạnh phúc của đời mình. Khi cái đói đeo bám, cái chết đe dọa, Tràng vẫn không thôi nâng đỡ, tôn vinh những giá trị cao cả của cuộc sống.

. A Phủ: Dù khó lấy được vợ vì quá nghèo nhưng cái nghèo không kìm nén được bước chân của những con người biết tự mình vượt lên khỏi hoàn cảnh để được sống đúng ý nghĩa của cuộc sống. A Phủ cùng đám bạn rong ruổi theo những cuộc chơi khi mùa xuân về. Cùng thổi kèn thổi sáo; cùng réo rắt những bản tình ca gọi bạn đi chơi... Khi bị trói, nhận thức được cảnh ngộ của mình A Phủ đã khóc. Giọt nước mắt của sự cam chịu, bất lực, đồng thời cũng là giọt nước mắt khóc cho những ước vọng không thành, giọt nước của cuộc đời từ đây vĩnh biệt.... Khi được Mị cắt dây trói, A Phủ khụy xuống, nhưng rồi khát vọng sống lại khiến anh quất sức, vùng lên chạy. Đó là sự tiếp sức của lòng ham sống của, của khát vọng tự do

+ Điều hướng về ánh sáng cách mạng:

. CM đã soi đường chỉ lối cho A Phủ, đến Phiềng Sa, A Phủ trở thành một anh du kích dũng cảm, kiên cường -> Anh có được tự do, hạnh phúc.

. Tràng chưa trở thành một anh du kích nhưng cuối tác phẩm trong óc anh đã nghĩ tới đám người đói và lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phới -> Tác giả đã gieo hạt giống hi vọng mãnh liệt vào tâm hồn Tràng, nhất định ngày mai trong đoàn quân của những người đói kéo nhau đi trên đê Sộp sẽ có Tràng, bà cụ Tứ và thị -> họ sẽ thoát khỏi đói nghèo và cuộc sống nô lệ.

- Điểm khác:

+ Trong Vợ nhặt Tràng là nhân vật chính còn trong đoạn trích học Vợ chồng A Phủ, A Phủ là nhân vật phụ.

+ Tràng là anh nông dân nghèo trong nạn đói 1945 ở miền xuôi dưới sự cai trị trực tiếp của bọn thực dân, phát xít. A Phủ là người dân lao động miền núi, sống dưới sự cai trị của bọn chúa đất phong kiến, chúng lợi dụng cường quyền và thần quyền để biến những người dân nghèo thành nô lệ không công cho chúng, hết đời này sang đời khác.

+ Tràng được tác giả tập trung khắc họa bởi những diễn biến tâm lí phức tạp còn A Phủ lại được nhà văn Tô Hoài miêu tả bằng những hành động cụ thể, sinh động.



b, Thị và Mị:

- Điểm giống:

+ Cả hai đều là nhân vật điển hình cho thân phận, số phận những người phụ nữ dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Mị điển hình cho hoàn cảnh của người phụ nữ vùng cao Tây Bắc, thị điển hình cho cảnh ngộ người phụ nữ trong nạn đói 1945.

+ Bị đẩy vào bước đường cùng:

. Vì món nợ truyền kiếp của cha mẹ, Mị phải đau đớn chấp nhận phận làm dâu gạt nợ; Vì cha mẹ không có tiền trả cho nhà giàu, mị phải trả bằng cả tuổi trẻ, hạnh phúc, tự do của mình.

. Vì cái đói dồn đuổi, cái chết đeo bám, thị trở thành một người phụ nữ không có gì cả: không tên, không gốc gác, gầy vêu rách như tổ đũa, không tư thế, không luôn cả tự trọng...

+ Giàu lòng ham sống và khát vọng hạnh phúc:

. Mị yêu đời yêu cuộc sống tự do, không ham giàu sang phú quý: Xin bố đừng gả con cho nhà giàu, sẵn sàng làm nương ngô giả nợ thay cho bố. Khi bị ép về nhà Pá tra, mị đã định quỳn sinh bâng lá ngón để giải thoát khỏi cuộc sống tù túng, thiếu tự do và không có tình yêu đích thực.

Khi mùa xuân đến, Mị đã hồi sinh (...) và mị muốn đi chơi. Khi bị A trói đứng vào cột, Mị như không biết mình đang bị trói, vẫn thổn thức vẫn bồi hồi. Nhìn thấy dòng nước mắt chảy xuống hai hõm má đen xạm của A Phủ, niềm khao khát tự do lại trỗi dậy mãnh liệt thôi thúc Mị cắt dây trói, cứu A Phủ và tự giải thoát cho cuộc đời.

. Đối với thị, lần đầu làm quen Tràng bởi câu hò chơi cho đỡ nhọc của anh và bởi những lời trêu ghẹo của bạn bè, thị ton ton chạy lại đẩy xe cho tràng rồi liếc mắt cười tít - > Thị mong chờ một cái gì đó dù chỉ là mong manh cho tương lai tăm tối của mình.

Lần thứ hai gặp tràng, thị đã sẵn sàng bỏ qua ý thức về danh dự về nhân phẩm; thị chao chát chỏng lỏn, thị sẵn sỏ, thị trơ trẽn không biết xấu hổ là gì, thị xem miếng ăn là tất cả "cắm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng trò chuyện gì" rồi không băn khoăn, thị gật đầu theo không Tràng về làm vợ chỉ với một suy nghĩ cho khỏi đói, để được sống.

Sáng hôm sau thị trở thành một cô dâu hiền thực, dịu dàng, đúng mực và có trách nhiệm với gia đình: Thị bắt đầu vun vén cho tổ ấm " quét dọn sân nhà sạch sẽ, gánh nước đổ đầy ang nước". Tình người và những khao khát nhân bản đã làm nên điều kì diệu.

+ Tin tưởng vào ánh sáng CM:

. Mị rời khỏi Hồng Ngải được giác ngộ CM, trở thành du kích.

. Thị vững tin vào một ngày mai tươi sáng, yên ấm; khi một ngày mới, một lá cờ đỏ tươi thắm, một chân trời mới đang dần hiện hữu.

- Điểm khác:

+ Vị trí nhân vật: Mị là nhân vật chính được nhà văn Tô Hoài dày công khắc họa; Thị là nhân vật phụ, là hiện thân của nạn đói.

+ Hoàn cảnh: Thị bị cái đói rình rập, dồn đuổi mà sẵn sàng bỏ qu tất cả, lại sẵn sàng làm một vật rẻ rúng để người ta đơn giản nhất về làm vợ.. mị là người dân lao động nghèo miền núi, sống dưới ách thống trị cường quyền, thần quyền của bọn chúa đất phong kiến.



Học văn – văn học

+ Mị được nhà văn khám phá phát hiện và mô tả bằng những diễn biến nội tâm tinh tế, phức tạp. Nhân vật thị chủ yếu được khắc hoạ bằng ngoại hình và hành động.

Đề 21: So sánh cách nhìn nghệ thuật của hai nhân vật: Phùng trong Chiếc thuyền ngoài xa và Vũ Như Tô trong Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài

Nghệ thuật luôn đi lên từ cái nhìn chân chính. Đúng như thế, nói đến nghệ thuật ta không thể không nhắc đến cuộc sống vì hai thứ ấy luôn gắn liền với nhau. Hai nhà văn Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Minh Châu tuy viết hai tác phẩm ở hai giai đoạn khác nhau nhưng họ cùng hướng đến quan niệm về nghệ thuật. Quan niệm đó được thể hiện qua hình tượng hai nhân vật Phùng trong Chiếc thuyền ngoài xa và Vũ Như Tô trong Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài. Hai nhà văn đã xây dựng lên hai nhân vật có nhiều nét tương đồng một cách trùng hợp và tài tình. Cũng nhờ như thế mà hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người đều được họ tìm thấy và nâng tầm giá trị.

Đầu tiên là Nguyễn Minh Châu, ông được xem là một trong những nhà văn tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học, văn của ông giản dị mà sâu sắc, thấm thía nhiều dư vị về cuộc đời, thấm đậm nghệ thuật, cái mà ông luôn xem là bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống. Cũng nhờ như thế mà nhân vật Phùng đã ra đời qua chính ngòi bút của ông.

Phùng là một nhiếp ảnh gia, theo lời đề nghị của trưởng phòng, ông phải chụp một bức ảnh để đăng cho bộ lịch cuối năm, sau nhiều ngày lao lực tìm kiếm, anh bắt gặp một hình ảnh chiếc thuyền đang từ từ ghé vào bờ trong một buổi sáng sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Quá thăng hoa trong cảm xúc khi khám phá ra được một bức tranh mực tàu của một danh họa thời cổ, anh nhanh chóng bấm máy liên thanh và có những bức ảnh ăn ý không dễ gì có được trong một đời làm nghệ thuật.

Chứng kiến buổi làm việc giữa Đầu, một người đồng đội cũ nay là chánh án toà án huyện, với người phụ nữ khốn khổ kia, Phùng mới vỡ lẽ ra rằng, người phụ nữ phải cam chịu một bề, không chống trả những trận đòn của chồng và không chịu giải phóng là vì tình yêu vô bờ bến đối với những đứa con. Phùng càng nhận ra rằng, đằng sau cảnh đẹp như mơ kia là bao ngang trái, éo le của đời thường mà anh chưa hiểu hết. Trưởng phòng rất hài lòng về tấm ảnh. Mãi về sau, nó vẫn được treo ở nhiều nơi, nhất và những gia đình sành nghệ thuật. Nhưng mỗi khi nhìn kỹ bức ảnh, cảm xúc của anh luôn lẫn lộn trào dâng.

Tình huống được tạo nên từ ngòi bút của ông là sự tương phản giữa nghệ thuật và cuộc sống, nghệ thuật thì ở ngoài xa còn cuộc đời thì lại thật gần, nghệ thuật thì đẹp nhưng cuộc đời sao đây rầy bao ngang trái. Ông cho người đọc thấy được cái nhìn đa diện, nhiều chiều về cuộc sống, chánh án Đầu và nghệ sĩ Phùng đã hiểu ra nhiều điều về con người, về cuộc sống khi chứng kiến câu chuyện và tiếp xúc với người đàn bà hàng chài, từ đó ông gợi mở những vấn đề mới vô cùng triết lý cho sáng tạo và nghệ thuật.

Tiếp đến là Nguyễn Huy Tưởng, nhà văn có thiên hướng khai thác đề tài lịch sử, ông có rất nhiều đóng góp nổi bật ở thể loại tiểu thuyết và kịch, một trong những vở kịch để lại ấn tượng sâu sắc nhất cho người đọc là Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài mà thông qua nhân vật



Học văn – văn học

Vũ Như Tô ta càng thấy được mối quan hệ mật thiết giữa nghệ thuật và cuộc sống.

Vũ Như Tô được biết đến qua tác phẩm của ông là một kiến trúc sư thiên tài và đam mê nghệ thuật, bị hôn quân Lê Tương Dực bắt xây dựng Cửu Trùng Đài để làm nơi hưởng lạc, vui chơi với các cung nữ. Nhưng ông là một nghệ sĩ có nhân cách và có lý tưởng nghệ thuật hết sức cao đẹp, không phải là người ham sống sợ chết hay chỉ vì chút công danh mà phải bán thân mình cho nghệ thuật. Lúc đầu, ông nhất định thà chết chứ không xây dựng Cửu Trùng Đài cho tên vua bạo ngược, nhưng khi nhận ra giá trị nghệ thuật để lại cho đời thì ông lại quên mất một thực tế là dân chúng đang đói khổ.

Cửu Trùng Đài càng xây cao bao nhiêu thì mồ hôi, nước mắt và cả máu xương của nhân dân ngày càng tăng lên bấy nhiêu. Vũ Như Tô càng quyết tâm xây dựng Cửu Trùng Đài thì các mâu thuẫn ngày càng theo đó mà khó giải quyết và Đan Thiềm càng khuyến khích Vũ Như Tô xây Cửu Trùng Đài thì xung đột giữa người nông dân và con người nghệ thuật ngày càng tăng cao. Có thể nói đó là một khát vọng hết sức chân chính nhưng nó được đặt không đúng chỗ, không kịp thời, không tính đến giá trị cuộc sống thì nghiêm nhiên chính nó sẽ tự trở thành tai họa. Trong việc xây dựng Cửu Trùng Đài, Vũ Như Tô vừa là phạm nhân và cũng vừa là nạn nhân. Diễn biến mâu thuẫn trong con người Vũ Như Tô và Đan Thiềm mặc dù được giải quyết nhưng không được thỏa đáng. Vũ Như Tô bị giết mặc dù trong thâm tâm ông không hề có ý định hại dân, khi chết ông vẫn chưa nhận ra được sai lầm của mình.

Qua tấn bi kịch của Vũ Như Tô, tác giả đã đặt ra những vấn đề sâu sắc và có ý nghĩa muôn thuở về mối quan hệ giữa nghệ thuật với cuộc sống, giữa lý tưởng nghệ thuật cao siêu thuần túy của muôn đời với lợi ích thiết thực và trực tiếp của nhân dân.

Cả hai tác phẩm này đều xây dựng lên một nhân vật hết lòng đam mê nghệ thuật nhưng chỉ vì chưa thấy rõ sự đối lập mà dẫn đến những kết cục đáng buồn. Nghệ sĩ Phùng đã thấy được mặt trái của sự việc và đã kịp thời sửa sai nhưng Vũ Như Tô phải lấy cả cái giá của nghệ thuật để đổi bằng chính mạng sống của mình. Tuy được viết vào hai bối cảnh xã hội khác nhau, văn hóa mà đối tượng tồn tại khác nhau và phong cách của hai nhà văn cũng hoàn toàn khác nhau, nhưng họ đều có một điểm chung đã lật ra lá bài của nghệ thuật. Nghệ thuật phải gắn liền với cuộc sống, phục vụ cuộc sống, nếu nghệ thuật xa rời cuộc sống, xa rời quần chúng thì chỉ đem lại bi kịch thảm khốc như của Vũ Như Tô hay cái nhìn phiến diện về cuộc sống của nghệ sĩ Phùng. Tuy rằng nghệ thuật là cái đẹp của cuộc sống nhưng không phải lúc nào nó cũng đẹp. Đằng sau của tấm huy chương rạng rỡ luôn gò gề và nhiều khuyết điểm. Ngoài ra, nghệ thuật chân chính là nghệ thuật vì cuộc sống, phục vụ cho cuộc sống, nghệ thuật xa rời cuộc sống chỉ là nghệ thuật suông, không xứng đáng là nghệ thuật chân chính, đều đó đòi hỏi người nghệ sĩ phải biết tìm tòi, khám phá cuộc sống, hiểu nó trên nhiều phương diện. Nghệ sĩ chân chính cũng giống như nghệ thuật chân chính và nghệ thuật luôn phải vì nhân sinh không chỉ bó hẹp nghệ thuật vì nghệ thuật.

Như Tô Hữu đã từng tâm sự

Nhân dân là bể

Văn nghệ là thuyền



*Thuyền xô dòng dẩy
Sóng đẩy thuyền lên*

Cả hai nhà văn đã cho ta nhận thức được cái đẹp của nghệ thuật như thế nào, con đường tìm kiếm, đi đến và chinh phục nghệ thuật sẽ ra sao. Tuy không đem lại kết cục như mong đợi nhưng hai nhà văn dường như đã bộc lộ hết về tài tình qua những lời văn của mình. Ngôn ngữ điêu luyện, có tính tổng hợp cao, dùng ngôn từ và hành động của nhân vật để khắc họa tính cách, đó chính là cái tài mà không dễ ai có được. Và cũng nhờ nghệ thuật chân chính mà cái tài đó càng thêm sâu sắc hơn, thấm đẫm với chúng ta hơn.

Đề 16 : Cảm nhận của anh/chị về những vẻ đẹp khuất lấp của nhân vật người vợ nhặt (Vợ nhặt - Kim Lân) và nhân vật người đàn bà hàng chài (Chiếc thuyền ngoài xa - Nguyễn Minh Châu).

Đề 22 : Có ý kiến cho rằng : sự nhẫn nhục của nhân vật Từ (Đời thừa - Nam Cao) không đáng trách chỉ đáng thương; còn sự nhẫn nhục của người đàn bà hàng chài (Chiếc thuyền ngoài xa - Nguyễn Minh Châu) thì vừa đáng thương vừa đáng trách. Từ cảm nhận của mình về hai nhân vật này, anh (chị) hãy bình luận ý kiến trên.

Gợi ý:

- Hình tượng người phụ nữ Việt Nam là sợi chỉ đỏ chi phối xuyên suốt văn học Việt Nam từ xưa đến nay. Qua mỗi nhà văn, hình tượng này được khai thác từ phẩm chất chịu thương, chịu khó với gia đình. Từ trong “Đời thừa” (Nam Cao) không đáng trách mà chỉ đáng thương, còn sự nhẫn nhục của người đàn bà hàng chài trong “Chiếc thuyền ngoài xa” (Nguyễn Minh Châu) thì vừa đáng thương, vừa đáng trách.

- Khai thác nhân vật Từ:

+ Đối với Hộ khi còn độc thân, thì nghèo đói không nghĩa lý gì đối với kẻ say mê lý tưởng. Do Hộ mang hoài bão lớn muốn viết một tác phẩm đoạt giải Nobel vì mang đậm giá trị nhân đạo.

+ Nhưng khi lập gia đình với Từ, Hộ đối đầu với chuyện áo cơm. Vấn đề đó với người nghệ sĩ nghèo không phải là vấn đề đơn giản. Còn Từ chỉ biết sinh con, chăm sóc con và gia đình, điều đó trở thành hạnh phúc đối với người đàn bà này.

+ Và có những lúc Hộ bàn luận chuyện văn chương và tin tức về một người bạn đã thành công với một tác phẩm không lớn, Hộ đã uống rượu và trút cơn giận vào Từ. Từ là một người vợ đáng thương chỉ biết chịu đựng chăm sóc cho chồng, ôm con thui thủi một mình và vẫn tiếp tục dõi theo và chăm sóc chồng lúc say.

+ Đến lúc Hộ tỉnh rượu, thấy trên bàn có bình nước đầy hãy còn ấm, thấy vợ khổ sở nằm trên võng, anh hồi hận.

+ Qua hình ảnh này, chúng ta đồng ý với ý kiến là Từ đáng thương nhưng không đáng trách vì luôn nghĩ đến trách nhiệm của một người vợ cho dù bị đánh đập. Thật đúng với hình tượng người phụ nữ Việt Nam luôn yêu chồng, thương con không hề biết đến bản thân.



Học văn – văn học

Sau 1975, văn học đổi mới với hình tượng người đàn bà hàng chài trong tác phẩm “Chiếc thuyền ngoài xa”.

- Nếu Từ cũng có một gia đình đông con và một người chồng vất vả vì sinh kế thì người đàn bà hàng chài của Nguyễn Minh Châu cũng thế. Nên hẳn thường trút cơn giận như lửa cháy vào tấm lưng áo bạc phếch rách rưới của vợ khi cho rằng sự nghèo đói của gia đình do vợ sinh quá nhiều con.

- Và hình ảnh người đàn bà Việt Nam một lần nữa được tôn vinh qua sự nhẫn nhục “Nhẫn nhục cam chịu những trận đòn không hề kêu vang, không chống trả, không chạy trốn”. Do nghĩ đến chồng, hiểu chồng đánh mình không phải vì ghét bỏ mà vì nghèo đói.

+ Vì không muốn cho con biết nên bật lên trái tim người mẹ - người vợ.

+ Tuy nhiên, sự nhẫn nhục của bà đã trở thành nạn nhân của bạo lực. Một là đứng về phía hình tượng người phụ nữ Việt Nam bà thật đáng thương bởi chỉ biết sống vì chồng vì con, hiểu chồng và thương con. Bởi nếu bà chạy trốn chồng trả thù thì tăng thêm cơn giận của chồng trút vào con.

+ Nhưng lại rất đáng trách khi bà chấp nhận những trận đòn để bạo lực tiếp tục diễn biến từ người lớn chuyển sang con nít thì cái ác sẽ tăng gấp đôi, gấp ba bởi chồng đánh vợ không phải bằng lòng căm thù mà chỉ trút cơn giận vì bị bế tắc trước cuộc sống vật chất đã làm tha hóa con người, còn con đánh bố và nhất định giết cho được bố vì cầm dây lưng quất vào ngực bố và có giấu dao ở trong người.

· Hai ý kiến hoàn toàn đúng vì :

- Từ sự tương đồng của Từ và người đàn bà hàng chài đều là sự nhẫn nhục. Do yêu chồng, thương con nhưng với Từ thì thật là đáng thương khi luôn nghĩ rằng mình và đàn con là “gánh nặng cơm áo gạo tiền của chồng”, còn sự nhẫn nhục của người đàn bà hàng chài là sự cam chịu làm chúng ta xót thương nhưng bà không thể nào là nạn nhân của bạo lực được vì bà vẫn cùng chồng, cùng con lao động trên biển cả và cũng có những giây phút hạnh phúc hiếm hoi với chồng khi nhìn đàn con được ăn no. Tại sao lại chấp nhận những trận đòn vô lý này nên chúng ta đồng ý với ý kiến : sự nhẫn nhục của Từ không đáng trách chỉ đáng thương, còn sự nhẫn nhục của người đàn bà hàng chài vừa đáng thương vừa đáng trách.

Từ đó theo cách tiếp nhận văn học “Người đọc là người cùng sáng tác với nhà văn” chúng ta đề ra một phương thức để người phụ nữ Việt Nam không chỉ biết thương con, chăm sóc gia đình mà phải góp thêm một phần trọng trách, vừa đồng hành với chồng khi tìm kế mưu sinh mà phải biết đối kháng bằng tình thương với những hành động không đúng của chồng.

Đề 23: Về nhân vật Phùng trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu, có ý kiến cho rằng: *nét nổi bật ở người nghệ sỹ này là một tâm hồn nhạy cảm và say mê cái đẹp thơ mộng của cảnh vật*. Ý kiến khác thì nhấn mạnh: *vẻ đẹp sâu*



Học văn – văn học

xa của nghệ sĩ Phùng chính là một tấm lòng đầy trần trở, lo âu về thân phận con người.

Từ cảm nhận của mình về nhân vật Phùng, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

Dàn ý

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, nhưng phải đảm bảo những ý cơ bản sau đây:

A. Giới thiệu:

-Tác giả: Nguyễn Minh Châu là nhà văn của bút pháp “đi tìm hạt ngọc ẩn tàng trong tâm hồn con người”.

-Tác phẩm: “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu với nhân vật Phùng có hai ý kiến nhận xét về nét nổi bật của người nghệ sĩ này :

+ “Một tâm hồn nhạy cảm và say mê cái đẹp thơ mộng của cảnh vật”.

+ “Vẻ đẹp sâu xa của người nghệ sĩ Phùng chính là tấm lòng đầy trần trở, lo âu về thân phận con người”.

B. Nội dung:

- Tóm về nhân vật Phùng gắn liền nhiệm vụ tìm một tấm ảnh đẹp bổ sung bộ lịch và phát hiện hai hình ảnh của chiếc thuyền ngoài xa và chiếc thuyền đến gần.

- Khai thác :

1. “Một tâm hồn nhạy cảm và say mê cái đẹp thơ mộng của cảnh vật”:

chiếc thuyền ngoài xa là cảnh đất trời cho được nghệ sĩ thu vào máy ảnh bằng cả tâm hồn nhạy cảm với cảnh vật, nét đẹp hài hòa giữa hình ảnh và ánh sáng.

Nên ở Phùng nếu thiếu một trái tim nhạy cảm và say mê cảnh đẹp như bức tranh mực tàu của chiếc thuyền ngoài xa khó tạo một tấm ảnh tuyệt đỉnh của ngoại cảnh “ngắm kĩ thấy màu hồng hồng của ánh sương mai”.

Với cái đẹp tuyệt đỉnh này nếu dừng lại người nghệ sĩ chỉ tạo được cái thần của cảnh thiếu cái hồn của cuộc sống.

2. Khi chiếc thuyền đến gần, người nghệ sĩ Phùng tiếp tục khám phá đời sống của gia đình hàng chài được đánh giá “Vẻ đẹp sâu xa của người nghệ sĩ Phùng chính là tấm lòng đầy trần trở, lo âu về thân phận con người”

Với cảnh chồng đánh vợ như trút cơn giận lửa cháy vào tấm lưng áo bạc phếch rách rưới để rồi đau đớn và nguyên rủa “Mày chết đi cho ông nhờ - Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ” khẳng định cuộc sống đói nghèo làm con người tha hóa trong sự trần trở của người nghệ sĩ đầy tâm huyết với cuộc đời. Và người vợ lại cam chịu nhẫn nhục từ lòng yêu chồng, thương con cũng được khám phá từ tâm hồn người nghệ sĩ theo bút pháp khám phá trái tim của người phụ nữ Việt Nam yêu chồng thương con. Cho đến lúc Phùng chứng kiến sự xuất hiện của đứa con đánh bố với quyết tâm nhất định tiêu diệt bạo lực gia đình làm cho tâm trạng của mẹ xấu hổ đau đớn tủi nhục cũng chính là tâm hồn của nghệ sĩ



Học văn – văn học

Phùng đang lo âu về thân phận con người về sự tha hóa của trẻ con khi chứng kiến bạo lực của người lớn.

Nên với phần kết thúc tác phẩm “nhìn lâu thấy hình ảnh người đàn bà bước ra từ tấm ảnh với tấm lưng áo bạc phéch có miếng vá – giậm chân trên mặt đất chắc chắn hòa lẫn vào trong đám đông” nhấn mạnh trách nhiệm của người nghệ sĩ khi khai thác, khám phá đối tượng của văn học là con người trong cuộc sống đời thường.

- Cảm nhận của người viết về hai ý kiến này :

+ Có phải chăng đây là quan điểm “nghệ thuật vị nghệ thuật” và “nghệ thuật vị nhân sinh” cộng hưởng trong sự khai thác của nhân vật Phùng cũng chính là nhà văn Nguyễn Minh Châu để tạo một tác phẩm văn học có giá trị.

Đề 24.

Về hình tượng sông Hương trong bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông? của Hoàng Phủ Ngọc Tường (sách Ngữ văn 12), có ý kiến cho rằng: Vẻ đẹp nổi bật của sông Hương là cảnh sắc thiên nhiên thơ mộng, tình tứ. Ý kiến khác thì nhấn mạnh: Vẻ đẹp bề sâu của sông Hương là những trầm tích văn hóa, lịch sử.

Bằng cảm nhận về hình tượng sông Hương, anh/chị hãy bình luận các ý kiến trên.

Dàn ý

I. Mở bài : - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

- Giới thiệu vẻ đẹp hình tượng sông Hương. - Giới thiệu nhận định.

II. Nội dung:

1) Khái niệm về thể loại bút ký.

- Đây thật sự là một thiên tùy bút. Tùy bút là thể loại văn học hòa quyện yếu tố tự sự với trữ tình, nghĩa là tác giả vừa miêu tả, trần thuật sự việc hình tượng một cách khách quan, vừa xuất hiện trực tiếp cái tôi trữ tình của tác giả. 2) Giới thiệu nội dung :

- Là đoạn văn xuôi súc tích và đầy chất thơ về sông Hương. Vẻ đẹp của đoạn văn là cảm xúc sâu lắng được tổng hợp từ vốn hiểu biết phong phú về lịch sử, văn hóa, địa lí và văn chương cùng với tình yêu đắm say của tác giả dành cho quê hương xứ sở qua hình tượng sông Hương.

3) Phân tích : a) Vẻ đẹp tự nhiên hoang sơ tình tứ của sông Hương :

- Vẻ đẹp của sông Hương được tác giả so sánh nhân hóa mang tính cách, phẩm chất của con người.

+ Thượng nguồn của sông Hương được ví như cô gái Digan mang vẻ đẹp “phóng khoáng, man dại” và “dịu dàng say đắm”; dòng sông còn được so sánh như “người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở”, mang vẻ đẹp “dịu dàng, trí tuệ”.

+ Theo thủy trình của dòng sông, tác giả còn so sánh như “người tài nữ” đánh đàn lúc đêm khuya và như “nàng Kiều”, mà thành phố Huế là Kim Trọng. + Nét trữ tình còn biểu hiện qua hình ảnh dòng sông đi suốt thế kỷ về đánh thức “người gái đẹp ngủ mơ màng” giữa cánh đồng Châu Hóa đầy hoa dại. Sông Hương thật tình tứ “lặng lơ kín đáo của tình yêu”.



Học văn – văn học

- Về hoang sơ của sông Hương còn gợi ra từ nét “phong kín trong lòng những rừng thông u tịch và niềm kiêu hãnh âm u...”...(thí sinh có thể chọn lọc thêm dẫn chứng).

- Tác giả thể hiện bút pháp tài hoa, khả năng quan sát tinh tế gợi nhiều cảm xúc thẩm mĩ từ những hình ảnh so sánh giàu chất trữ tình.

b) Sông Hương mang vẻ đẹp trầm tích của văn hóa lịch sử Việt Nam :

- Dòng sông không chỉ bồi đắp phù sa cho đôi bờ xanh cảnh trữu quả, mà còn bồi đắp cho tâm hồn con người thành vẻ đẹp văn hóa.

+ Sắc màu của Hương giang “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” gợi nét văn hóa của con người, bởi cái màu xanh của hy vọng, màu vàng của nhẫn nại, màu tím của thương nhớ, thủy chung của con người nơi đây.

+ Tính cách con người “Châu Hóa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở”, như dòng sông thuộc về một “thành phố duy nhất”.

- Trong tổng thể vẻ đẹp mang tính cách và phẩm chất của con người, tác giả còn so sánh dòng sông vừa cao cả biết “hiến dâng” đời mình cho những chiến công và “người con gái dịu dàng của đất nước”, mang dấu ấn lịch sử sâu sắc.

+ Dòng sông “đã sống những thế kỉ vinh quang với nhiệm vụ lịch sử của nó”.

+ Dòng sông cùng thăng trầm với lịch sử với đất nước. (Thí sinh tìm thêm dẫn chứng).

4) Nhận định chung : - Với vốn hiểu biết sâu sắc, phong phú và ngôn ngữ tài hoa, các phép ẩn dụ độc đáo, gợi cảm, nhà văn đã miêu tả sống động vẻ đẹp của sông Hương. Đồng thời đã bộc lộ tình yêu nồng nàn tha thiết dành cho quê hương xứ sở.

III. Kết luận :

- Ngợi ca tác giả, ngợi ca tác phẩm. - Khẳng định, nhận định là đúng đắn.

Đề 25 : Sau khi nhận được bát cháo hành từ tay thị Nở, Chí Phèo bảo với thị:

- *Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui.* (Chí Phèo - Nam Cao, *Ngữ văn 11*)

Trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của nhà văn Kim Lân (*Ngữ văn 12*), sau khi đãi người đàn bà bốn bát bánh đúc, Tràng cười và nói với thị:

- *Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về.*

Cảm nhận của anh chị về ý nghĩa của những câu nói trên.

Gợi ý:

Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và giới hạn đề.

- Nam Cao, cây bút hiện thực xuất sắc và thấm đẫm tinh thần nhân đạo. Chí Phèo (1941) là kiệt tác đã kết tinh cao nhất cho đặc điểm nghệ thuật của nhà văn. Chi tiết “*Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui*” là một trong những chi tiết đặc sắc thể hiện giá trị nhân đạo của tác phẩm.

- Kim Lân là một nhà văn thành công đặc biệt khi viết về người nông dân và cuộc sống nông thôn trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Vợ nhặt là một trong những truyện ngắn xúc động nhất của ông. Tác phẩm có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. Chi tiết “*Này*



Học văn – văn học

nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về” thể hiện sâu sắc giá trị nhân đạo của truyện.

Về chi tiết “*Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui*” trong tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao:

- Về nội dung:

+ Cuộc gặp gỡ bất ngờ với thị Nở và trận ốm đã làm cho con quỷ dữ Chí Phèo có sự thay đổi hẳn cả về tâm sinh lí.

+ Bát cháo hành của thị Nở đã đánh thức ở Chí khát vọng được sống cuộc sống của một người bình thường “Hắn thèm lương thiện”. Cử chỉ mộc mạc của thị gieo vào lòng Chí niềm hi vọng: thị sẽ là người mở đường dẫn Chí về với “cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện”.

+ Câu nói *Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui* cho thấy khát vọng hạnh phúc, được yêu thương vẫn ẩn sâu trong con quỷ dữ Chí Phèo sau bao nhiêu năm tháng bị vùi lấp bởi rượu, máu và nước mắt. Chí không dám nói một lời “cầu hôn” thẳng thắn, rõ ràng mà chọn cách nói lấp lửng thể hiện sự âu lo, phấp phỏng của một thân phận bị chối bỏ với một niềm hi vọng mong manh.

- Về Nghệ thuật:

+ Cách Là chi tiết quan trọng góp phần thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện, khắc họa sâu sắc nét tính cách tâm lí và cảnh ngộ của nhân vật.

+ Tập trung thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc bất ngờ của ngòi bút Nam Cao.

Về chi tiết *Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về* trong Vợ nhặt- Kim Lân

- Về nội dung:

+ Tràng là một chàng trai nông dân nghèo, ế vợ.

+ trước tình cảnh của người đàn bà bị cái đói xô đẩy, Tràng đã đãi thị bốn bát bánh đúc. Sau đó, Tràng nói một câu với hình thức như một câu nói đùa: *Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về*. Câu nói đùa nhưng lại thể hiện niềm khát khao hạnh phúc có thật, mãnh liệt cháy bỏng thẳm sâu trong người nông dân nghèo ấy mà ngay cả nạn đói và cái chết cũng không thể dập tắt.

+ lời nói của Tràng có vẻ như đùa song ngọn lửa hạnh phúc trong Tràng được thắp lên từ câu nói đùa ấy lại thật sự bùng cháy. Tràng trân trọng hạnh phúc của mình cũng như bằng tất cả những gì có thể, anh biến cuộc hôn nhân với thị trở nên đàng hoàng, nghiêm túc.

- Về nghệ thuật:

+ Là một chi tiết góp phần tạo nên một tình huống truyện độc đáo và ý nghĩa, tạo bước ngoặt cuộc đời và tâm lí của nhân vật, thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

+ Tập trung thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc bất ngờ của ngòi bút Kim Lân

So sánh:

- Sự tương đồng:

+ Đó là những câu nói đặc biệt, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong cuộc đời các nhân vật và có sức tác động diệu kì, tạo nên những khoảng khắc ngọt ngào hạnh phúc cho họ.



Học văn – văn học

+ Đây cũng chính là những chi tiết đặc sắc góp phần khẳng định giá trị nhân đạo sâu sắc mới mẻ trong hai tác phẩm: Phát hiện và ngợi ca khát vọng yêu thương, khát vọng hạnh phúc ở những con người những tưởng như đã hoàn toàn lụi tắt cảm xúc tình yêu trong những hoàn cảnh khắc nghiệt của cuộc đời.

- Sự khác biệt:

+ Ở *Chí Phèo*, chi tiết thể hiện khát vọng mang bản chất người ẩn sâu trong con quỷ dữ Chí Phèo, sau khi cảm nhận được tình yêu thương mộc mạc, chân thành ở thị Nở. Câu nói cho thấy anh nông dân Chí hiền lành, chân chất ngày xưa đã sống lại, thay thế hoàn toàn cho con quỷ dữ Chí Phèo.

+ Ở *Vợ nhặt*, chi tiết khẳng định sức mạnh của tình người, của khát vọng mái ấm gia đình, sống trong tình yêu thương chiến thắng sự đe dọa của nạn đói và cái chết.

Đánh giá chung:

Hai chi tiết nhỏ đã thể hiện khả năng thấu hiểu, đồng cảm và sự trân trọng của hai nhà văn đối với vẻ đẹp và sức sống tâm hồn người nông dân nghèo trước cách mạng tháng Tám. Đó là sự tiếp nối xuất sắc của nam Cao và Kim Lân với mạch nguồn nhân đạo của văn học Việt Nam

Đề 26: Phân tích nhân vật người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” của nhà văn Nguyễn Minh Châu

*Yêu cầu về kĩ năng:

Biết cách làm bài văn nghị luận về một nhân vật trong tác phẩm văn xuôi, diễn đạt lưu loát, sử dụng các thao tác lập luận phù hợp, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, viết câu.

* Yêu cầu về kiến thức:

Trên cơ sở hiểu biết về nhà văn Nguyễn Minh Châu và đoạn trích SGK Ngữ văn 12 tập 2, học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng đảm bảo các ý cơ bản sau:

- Nêu được vấn đề cần nghị luận

- Phân tích:

* Nội dung:

+ Số phận: xấu, rở mặt...

+ Nghèo khổ vì đông con, thuyền chật, biển động suốt hàng tháng trời.

+ Bị chồng đánh đập thô bạo.

+ Hết lòng vì con:

. Chấp nhận những trận đòn của chồng, không chịu từ bỏ người chồng vũ phu vì cuộc sống của những đứa con.

. Giữ cho con sự bình yên: khi các con lớn lên, bà xin lão chồng đưa bà lên bờ mà đánh,...

. Bà sống là sống cho con chứ không phải sống cho mình.

+ Chắt chiu niềm hạnh phúc gia đình: bà rất vui khi nói: vợ chồng con cái chúng tôi có lúc cũng vui vẻ, hạnh phúc chứ..!, và vui nhất là nhìn đàn con chúng nó được ăn no.

+ Thấu hiểu lẽ đời, đầy lòng vị tha:



Học văn – văn học

. Giúp Phùng và Đẩu hiểu rõ hơn cuộc sống: các chú đầu phải là người làm ăn nên các chú đầu hiểu được cái việc của người làm ăn lam lũ, khó nhọc; các chú đầu phải là đàn bà nên chưa biết thế nào là nổi vất vả của người đàn bà trên chiếc thuyền không có đàn ông, nhất là khi biển động, phong ba....

. Thông cảm cho chồng: vì cuộc sống đói khổ nên chồng bà mới đánh bà. “xưa kia là anh con trai cục tính nhưng hiền lành, không bao giờ đánh đập tôi”.

. Nhận một phần lỗi về mình: Giá tôi đẻ ít đi...

* Nghệ thuật:

+ Xây dựng nhân vật vừa tiêu biểu, ấn tượng, vừa có cá tính.

+ Chọn lọc chi tiết đặc sắc, hình ảnh gợi cảm.

+ Cách kể chuyện chân thực.

- Đánh giá, nhận xét:

+ Người đàn bà hàng chài vừa có nét tính cách tiêu biểu của người đàn bà vùng biển nói chung, vừa có nét riêng.

+ Là người phụ nữ Việt Nam giàu lòng vị tha, thương con vô bờ bến.

- Kết luận

Đề 27: Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật Mị trong “đêm tình mùa xuân” và đêm cởi trói cứu A Phủ được thể hiện trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* (Tô Hoài).

* Nội dung:

- Nêu được vấn đề nghị luận.

- Số phận nhân vật Mị: Mị là cô gái trẻ đẹp ,yêu đời nhưng vì món nợ “*truyền kiếp*”, Mị bị bắt làm “*con dâu gạt nợ*” nhà thống lí Pá Tra ,bị đối xử tàn tệ ,Mị mất hết ý thức về cuộc sống.

- Tâm trạng Mị trong “*đêm tình mùa xuân*”: Mùa xuân đến (thiên nhiên ,tiếng sáo gọi bạn,bữa rượu cúng ma đón năm mới...)đã đánh thức những kỷ niệm trong tâm hồn Mị (làm sống lại một thời con gái đầy kiêu hãnh,khiến Mị ý thức về thân phận) và Mị muốn đi chơi .Khi bị A Sử trói vào cột,Mị như không biết mình đang bị trói ,vẫn thả hồn theo tiếng sáo.Ở Mị vẫn tiềm tàng một sức sống và khát vọng hạnh phúc mãnh liệt.

- Tâm trạng Mị trong đêm cởi trói cứu A Phủ :Lúc đầu ,thấy A Phủ bị trói, Mị đứng đờ “*vô cảm*”.Nhưng khi nhìn thấy “*dòng nước mắt chảy xuống hai hõm má đã xám đen lại của A Phủ*”,Mị xúc động nhớ lại mình,đồng cảm với người,nhận ra tội ác của bọn thống trị.Tình thương ,sự đồng cảm giai cấp, niềm khát khao tự do mãnh liệt...đã thôi thúc Mị cắt dây cởi trói cho A Phủ và tự giải thoát cho cuộc đời mình.

*Nghệ thuật:

- Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc .

- Trần thuật uyển chuyển, linh hoạt:cách giới thiệu nhân vật bất ngờ ,tự nhiên, ấn tượng .

- Kể truyện ngắn gọn , dẫn dắt tình tiết khéo léo.

- Biệt tài miêu tả thiên nhiên ,phong tục,tập quán của người dân miền núi.

- Ngôn ngữ sinh động ,chọn lọc,sáng tạo,câu văn giàu tính tạo hình và thâm đậm chất thơ.

*Đánh giá, nhận xét.



Đề 28: Phân tích nhân vật Tnú trong truyện ngắn “ Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành”.

I/ Mở bài:

- Tnú là nhân vật trung tâm trong truyện ngắn “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành .Tác phẩm được sáng tác năm 1965, trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến chống Mỹ ở vào giai đoạn quyết liệt.

- Xuất hiện trong tác phẩm, **Tnú là hình ảnh tiêu biểu cho số phận đau thương và phẩm chất kiên cường , bất khuất của nhân dân làng Xô Man ở Tây Nguyên trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.**

II/ Thân bài:

****Thật vậy***, Tnú là người Strá, mồ côi cha mẹ từ rất sớm, được dân làng Xô Man cưu mang- đùm bọc.Có lẽ vì thế,hơn ai hết Tnú gắn bó với buôn làng và mang những phẩm chất tiêu biểu của dân làng XôMan: Yêu quê hương, trung thành với Cách mạng,gan góc, dũng cảm ,thông minh, gan dạ, giàu tự trọng...Đúng như lời cụ Mết đã nói về Tnú “*Đời nó khổ, nhưng bụng nó sạch như nước suối làng ta*”.

1/Trước hết, Tnú là một con người gan góc, táo bạo, dũng cảm, trung thành tuyệt đối với cách mạng:

- Ngay từ nhỏ,Tnú đã cùng Mai làm liên lạc cho cán bộ ở trong rừng mà không sợ bị chặt đầu hoặc treo cổ.

- Khi đi liên lạc,giặc vây các ngã đường thì Tnú đã “*xé rừng mà đi*”.Qua sông, Tnú “*không thích lội chỗ nước êm*” mà “*cứ lựa chỗ thác mạnh mà bơi ngang, vượt lên trên mặt nước, cõng lên thác bồng bồng như một con cá kình*”, “*vì chỗ nước êm thằng Mĩ hay phục*”

- Bị giặc bắt thì nuốt luôn cái thư vào bụng, bị tra tấn không khai; một mình xông ra giữa vòng vây của kẻ thù trong tay không có vũ khí; bị giặc bắt, bị đốt mười đầu ngón tay vẫn không kêu than...

- Học chữ thua Mai thì lấy đá đập vào đầu .Điều ấy thể hiện ý thức của lòng tự trọng và ý chí quyết tâm cao.

- *Có thể nói, sự gan góc,táo bạo,dũng cảm của Tnú là cơ sở để làm nên hành động anh hùng và phẩm chất anh hùng của Tnú.*

2/Tiếp theo,Tnú còn là một người biết vươn lên mọi đau đớn và bi kịch cá nhân:

- Mồ côi, được dân làng nuôi nấng, sau này trở thành người con ưu tú của dân làng.

- Bản thân 2 lần bị giặc bắt, bị tra tấn dã man (*tắm lưng chằng chịt những vết chém, hai bàn tay bị đốt mỗi ngón chỉ còn lại hai đốt; vợ con bị giặc giết hại...*) Tnú không khuất phục, kiên cường, bền gan gia nhập bộ đội để cầm súng bảo vệ dân làng, quê hương, đất nước.



Học văn – văn học

3/ *Không những vậy, Tnú còn là một người giàu tình yêu thương người thân và quê hương bản làng:*

- *Đó là, tình yêu thương vợ con rất mực tha thiết của Tnú* : Chứng kiến cảnh vợ con bị kẻ thù tra tấn dã man anh không kìm được nỗi đau đang đốt cháy lòng mình: **“anh đã bút đứt hàng chục trái vả mà không hay. Anh chồm dậy (...) ở chỗ hai con mắt anh bây giờ là hai cục lửa lớn”**. Phải chăng, tình yêu thương và sự căm thù đã kết thành ngọn lửa rực cháy trong hai con mắt của anh : dữ dội, bi thương.

- *Đó còn là, tình cảm gắn bó với bản làng, với quê hương đất nước của anh*: Trên đường trở về thăm làng, Tnú nhớ từng gốc cây, nhớ tiếng chày giã gạo....cũng chính vì tình yêu quê hương mà Tnú đã tham gia là cách mạng, chịu nhiều đau thương....vì sự yên bình của quê hương, đất nước. Chính tình yêu thương người thân, yêu thương quê hương đất nước thiết tha và lòng căm thù sâu sắc, đã trở thành động lực, biến thành hành động cụ thể : dù hai bàn tay mỗi ngón chỉ còn hai đốt, anh vẫn gia nhập lực lượng quân giải phóng để cầm súng chiến đấu giải phóng quê hương.

4 *Tnú còn là người có ý thức và tinh thần kỷ luật cao*: Xa bản làng ba năm, tuy nhớ nhà, nhớ quê hương, nhưng phải được cấp trên cho phép anh mới về và chỉ về đúng một đêm như qui định trong giấy phép

5/- **Đặc biệt hình ảnh bàn tay Tnú là chi tiết nghệ thuật giàu sức ám ảnh – Bàn tay ấy cũng có một cuộc đời**: Đó từng là *bàn tay trung thực và tình nghĩa*, từng cầm phân viết chữ anh Quyết dạy cho, từng cầm đá đập vào đầu khi quên chữ, *từng đặt lên bụng mình* mà nói **“Cộng sản ở đây này”**, từng được *Mai cầm bàn tay ấy mà khóc* khi Tnú thoát ngục trở vềKhi giặc đốt 10 đầu ngón tay, bàn tay thành chứng tích của tội ác và lòng hận thù. Hận thù đã khiến bàn tay Tnú thành bàn tay quả báo (**mười ngọn đuốc từ ngón tay Tnú đã châm bùng lên ngọn lửa nổi dậy của dân làng Xô Man; bàn tay chỉ còn hai đốt mỗi ngón vẫn cầm giáo, cầm súng lên đường trả hận....**

III/. Kết bài: Chân lý cách mạng là chân lý từ máu và nước mắt, nó đồng nghĩa với chân lý cuộc sống. Tnú là bằng chứng sống cho qui luật nghiệt ngã ấy. Câu chuyện bi tráng về cuộc đời Tnú - cuộc đời của một con người mang ý nghĩa cuộc đời của một dân tộc. **Có thể nói nhân vật Tnú mang đậm tính sử thi** – nhân vật ấy **gánh nặng số phận lịch sử**. Dù có nhiều dị biệt, Tnú vẫn là kiểu nhân vật sánh vai với các anh hùng trong trường ca Đam San, Xinh Nhã của núi rừng Tây Nguyên.

Đề 29: Cảm nhận của anh/chị về người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu.

I/ Mở bài:

- Nguyễn Minh Châu được mệnh danh **“là người mở đường tinh anh”** cho công cuộc đổi mới văn học. Ông có nhiều tác phẩm viết về đời thường khiến cho người đọc phải trầm tư, day dứt. - Đọc truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa”- một tác phẩm tiêu biểu được ra đời năm 1983, thuộc giai đoạn sáng tác thứ hai của Nguyễn Minh Châu, *hình ảnh người*



Học văn – văn học

đàn bà hàng chài : một người phụ nữ có số phận đau khổ, bất hạnh nhưng lại giàu đức hy sinh, lòng tự trọng, tình thương con và thấu hiểu lẽ đời... đã để lại cho ta những ấn tượng sâu sắc, gợi những nhận thức thấm thía về con người và cuộc sống.

II/Thân bài: Thật vậy, người đàn bà hàng chài là người vùng biển, làm nghề chài lưới. Cả gia đình trên chục người chỉ bó hẹp trong một chiếc thuyền nhỏ, quanh năm lênh đênh, dập dềnh trên sông nước. Đó chính là nguyên nhân gây ra bao cay đắng, tủi nhục cho chị.

1/ Trước hết, theo cách kể của nhân vật Phùng,

- *Chị xuất hiện với một tên gọi phiếm định “người đàn bà”* . Phải chăng, với cách gọi ấy, nhà văn đã giúp cho người đọc suy tư về số phận của người đàn bà khốn khổ ấy cũng như biết bao người phụ nữ khác, họ cũng đang rất khốn khổ, tồn tại thật trên cõi đời này.

- *Vốn sinh ra trong một gia đình khá giả nhưng người đàn bà làng chài lại là một người có ngoại hình xấu xí.*

+ Qua cảm nhận của nhân vật Phùng, chị có một vẻ ngoài của một cuộc đời nhọc nhằn, lam lũ. Thân hình “*cao lớn với những đường nét thô kệch*”, “*khuôn mặt mệt mỏi*”, “*tám lưng áo bạc phếch và rách rưới*”.

+ Cuộc sống vất vả, nghèo khổ cùng nỗi đau thể xác và tinh thần bởi những lo toan và mưu sinh thường nhật, đã in dấu và càng trở nên đậm nét trên hình hài của một người phụ nữ mới chỉ ngoài bốn mươi mà như một bà già. Đó cũng là một trong những nguyên nhân làm tăng cơn giận dữ của người chồng vũ phu.

Vài chi tiết về ngoại hình, dáng vẻ, giúp cho chúng ta cảm nhận được phần nào về số phận *tội nghiệp, bất hạnh của chị.*

2/ Quả thật, cuộc đời của người phụ ấy thật nhiều cay đắng, khổ nhục, nhưng chị có một phẩm chất, tấm lòng đáng trân trọng:

a/ Đó là sự cam chịu và nhẫn nhịn hết sức đáng nể của chị:

+ Chị bị chồng đánh đập, hành hạ thường xuyên, “*ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng*”. Những trận đòn cứ liên tục trút lên chị thật tàn bạo. Để rồi, chị đã chịu đựng “*con giận như lửa cháy*” ấy hàng ngày của người chồng bằng sự cam chịu đầy nhẫn nhục “*không hề kêu một tiếng, không chống trả, cũng không tìm cách chạy trốn*”, và xem chuyện chịu đựng là một lẽ đương nhiên mà những người đàn bà vùng biển như chị phải chấp nhận. Với chị, muốn tồn tại thì phải chấp nhận.

- Chấp nhận bị đánh vì chị hiểu được nguồn gốc cơn giận của chồng...nên chị chấp nhận đau đớn, làm chỗ cho chồng trút giận mỗi ngày. Sự chịu đựng này phải chăng xuất phát từ lòng bao dung, và tình thương con sâu sắc của chị.

b/Đó là người mẹ hi sinh tất cả vì con.

- Bị chồng đánh mỗi ngày, không phải chị không ý thức được quyền sống của mình bị xâm phạm; cũng không phải chị bị đòn nhiều đến mức không còn biết đau. Chị ý thức được nỗi đau thân phận...nhưng với chị, trong hoàn cảnh ấy, không còn sự lựa chọn nào khác. Bởi lẽ, chị nhẫn nhục vì con “*đàn bà ở thuyền*” “*phải sống cho con chứ không thể sống cho mình*”. Đó là đức hy sinh cao quý của chị, cũng là vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam. Chị vui khi nhìn đàn con “*được ăn no*”.



Học văn – văn học

- Chị sợ con cái bị tổn thương vì cảnh bạo lực trong gia đình, nên chị xin chồng đưa mình lên bờ mà đánh. Người chồng đánh xong, chị lại cùng chồng trở về thuyền vì chị “cần có người đàn ông cheo chống lúc phong ba”, cùng làm ăn để nuôi con khôn lớn.

c// Đặc biệt, chị còn là một người phụ nữ giàu tự trọng, giàu lòng bao dung:

- Khi biết cảnh mình bị chồng đánh, cảnh đứa con trai phản ứng lại cha bị người khách lạ phát hiện, chị thấy “đau đớn- vừa đau đớn vừa vô cùng xấu hổ, nhục nhã”. Đó không phải là nỗi đau đớn về thể xác. Giọt nước mắt đau khổ của chị trào ra – đó là giọt nước mắt của nhọc nhằn và chịu đựng. **Chị không muốn bất cứ ai chứng kiến và thương xót** (kể cả thằng Phác- đứa con yêu của chị) .

- Chị “*sống cho con chứ không thể sống cho mình*”. Cho dù thân thể bị chà đạp, nhân phẩm bị xúc phạm nhưng chị không hề dề ý, không hề bận tâm bởi chị là một người mẹ giàu lòng vị tha, chấp nhận hy sinh, thua thiệt về mình chứ không oán trách người khác. Nên bao nhiêu đau khổ, chị đều gánh chịu “*tình thương con cũng như nỗi đau, cũng như cái sự âm thầm trong việc hiểu thấu cái lẽ đời, hình như mù chẳng bao giờ để lộ rõ rệt ra bề ngoài*” .

d/ Chị còn là một người đàn bà dù thất học nhưng thấu hiểu lẽ đời : Nhất là khi phải đến toà án huyện, chính chị đã đem đến cho Phùng và Đẩu những xúc cảm mới:

- **Lúc đầu**, chị rụt rè, sợ hãi khi đến một không gian lạ. Chị tìm một góc tường ở chôn công đường để ngồi; chị thưa gửi, xưng “**con**” và van xin “*con xin lạy quý toà...*” . Trông chị thật nhỏ bé, tội nghiệp.

- Nhưng **khi đã lấy được tự tin**, tâm thế thay đổi, chị đột ngột chuyển cách xưng hô : “*Chị cảm ơn các chú!...*” một sự hoán đổi thật ý nghĩa: ở đây, lẽ đời đã thắng. Người lao động lam lũ, nghèo khổ không có uy quyền nhưng **cái tâm của một người mẹ giàu tình thương con, thấu hiểu lẽ đời là một thứ quyền uy có sức công phá lớn** điều này đã làm chán án Đẩu và nghe sĩ Phùng thức tỉnh và ngộ ra nhiều điều.

3/ Cái hay trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn là :

- Nhân vật được đặt trong những tình huống nghịch lý (*bị chồng đánh nhưng không phản ứng; không chịu bỏ chồng...*), nhà văn đã mang đến cho người đọc những nhận thức về những ngang trái, phức tạp của cuộc sống và những éo le, đáng thương trong số phận con người. - Nhân vật người đàn bà hàng chài có số phận đáng được chia sẻ, cảm thông trong những cay đắng, khổ nhục đời thường. Điều đáng trân trọng ở chị là vẻ đẹp của tình mẫu tử, sự bao dung và đức hi sinh.

III/ Kết bài: - Tóm lại, từ nhân vật người đàn bà hàng chài, chúng ta cảm nhận được những trăn trở của Nguyễn Minh Châu : làm sao cho con người thoát khỏi nghèo đói để không còn tình trạng bạo lực gia đình, không còn những số phận đáng thương? Với tư cách một nhà văn, tác giả mong muốn : nghệ thuật đừng bao giờ xa rời đời sống; phải nhìn cuộc sống nhiều chiều, phải chia sẻ với những bất hạnh của con người ...để cuộc đời này mãi đẹp hơn.

Đề 30 : Quá trình chuyển biến về nhận thức của hai nhân vật Phùng và Đẩu trong truyện ngắn “*Chiếc thuyền ngoài xa*” của Nguyễn Minh Châu.

I/ Mở bài :



Học văn – văn học

- Nguyễn Minh Châu được mệnh danh “là người mở đường tinh anh” cho công cuộc đổi mới văn học. Ông có nhiều tác phẩm viết về đời thường khiến cho người đọc phải trầm trồ, day dứt. Truyện ngắn “*Chiếc thuyền ngoài xa*”- một tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Minh Châu ở giai đoạn sáng tác thứ hai, được viết năm 1983, trong hoàn cảnh đất nước đang đang bước vào giai đoạn đổi mới xã hội và đổi mới văn học.

- Có thể nói ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm đã được nhà văn thể hiện sinh động thông qua **quá trình chuyển biến về nhận thức của hai nhân vật Phùng và Đẩu trước những khám phá, phát hiện của họ về nghệ thuật và đời sống.**

II/ Thân bài:

* **Thật vậy**, đến với truyện ngắn “*Chiếc thuyền ngoài xa*”, chúng ta gặp ở đó hai nhân vật có vai trò không kém phần quan trọng trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm:

Nghệ sĩ, **phóng viên nhiếp ảnh Phùng và chánh án tòa án huyện ở một vùng biển phá là anh Đẩu**. Trong kháng chiến chống Mỹ, Phùng và Đẩu là những chiến sĩ đã từng chứng kiến những đau thương, mất mát của dân tộc trước tội ác dã man của kẻ thù. Khi đất nước hòa bình, các anh trở về cuộc sống đời thường và đảm nhiệm những công việc khác nhau để xây dựng đất nước. Dù có khác nhau về công việc, nhưng điểm chung của hai anh là: **say mê với công việc; có lòng tốt, bênh vực lẽ phải, bất bình với cái xấu**. Tuy nhiên, lòng tốt của các anh lại được thể hiện một cách chủ quan, sách vở nên khi chạm vào thực tế cuộc sống đầy góc cạnh, các anh mới thật sự “vỡ lẽ” và “ngộ ra” nhiều điều mới mẻ và ý nghĩa.

1/ **Trước hết**, là quá trình chuyển biến về nhận thức của nhân vật Phùng.

a. Vào truyện, chúng ta cảm nhận được ở anh hình ảnh của một **người nghệ sĩ đa cảm, nhạy bén trước thiên nhiên và con người**. Phùng thực sự **xúc động và ngỡ ngàng trước vẻ đẹp tinh khôi của cảnh chiếc thuyền ngoài xa nơi vùng phá**. Có thể nói giây phút ấy “*hạnh phúc tràn ngập tâm hồn anh*” do cái đẹp tuyệt đỉnh của ngoại cảnh mang lại. Anh cảm thấy “*bối rối, trong trái tim như có cái gì bóp thắt vào...*”. Trong thoáng chốc, anh “*tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lý của sự toàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn*”. Đó là hình ảnh con thuyền khi ở ngoài xa.

b. Nhưng rồi, **khi chiếc thuyền đâm thẳng vào bờ**, (chỗ Phùng đứng), **anh bắt đầu nhận ra một sự thật trần trụi, khắc nghiệt**. Anh hoàn toàn bất ngờ trước bi kịch trong gia đình hàng chài: người chồng dùng dây thắt lưng đánh vợ một cách tàn bạo; người vợ nhẫn nhục chịu đựng, không chống trả; đứa con vì thương mẹ mà phản ứng lại cha... Trước sự thật ấy, **Phùng thật sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên và phẫn nộ**. Vì căm ghét sự bất công, căm phẫn trước hành vi tàn bạo của người chồng đánh vợ □ Anh đã sẵn sàng hành động vì cái thiện mà chạy nhào đến để can thiệp.

c. Ở **tòa án huyện**, sau khi nghe người đàn bà hàng chài nói rõ lý do không chịu bỏ chồng, thái độ bất bình của anh đối với người đàn ông vũ phu và người đàn bà cam chịu đã làm anh thay đổi thái độ. Anh đã hỏi chuyện người đàn bà hàng chài bằng một câu hỏi vừa tò mò vừa thông cảm: “*Cả đời chị có lúc nào thật vui không?*”. Phùng như “**ngộ**



Học văn – văn học

ra”mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời ; và cách nhìn nhận sự vật, sự việc trong cuộc sống cần đa dạng, nhiều chiều.

2.Cùng với sự chuyển biến trong nhận thức của Phùng, là sự thay đổi trong suy nghĩ,nhận thức của nhân vật Đẩu.

a.Vốn là một người chấp pháp và đề bảo vệ luật pháp, lúc đầu,**Đẩu đã tỏ ra rất bất bình trước hành vi của người đàn ông vũ phu.** Anh đã nhiều lần dùng các biện pháp giáo dục,răn đe người chồng,nhưng không có hiệu quả.Cho nên, anh **đã khuyên người vợ nên li hôn để khỏi bị hành hạ, ngược đãi.**Có lẽ, Đẩu đã tin rằng giải pháp mình chọn cho chị ta là đúng đắn.

b.Nhưng sau buổi nói chuyện với người đàn bà hàng chài ở tòa án, thì mọi lý lẽ của anh đều bị người đàn bà lam lũ, chất phác “bác bỏ”. **Hóa ra , lòng tốt của anh là lòng tốt phi thực tế .Anh bảo vệ luật pháp bằng sự thông hiểu sách vở, nên trước cuộc sống đích thực, anh có thể nông nổi, ngây thơ.** Người đàn bà hàng chài thất học, quê mùa nhưng lại thật sâu sắc...**Điều đó đã khiến “một cái gì mới vừa vỡ ra...”trong đầu anh.**

Có thể Đẩu vừa “ngộ”ra những nghịch lý của đời sống - những nghịch lý con người buộc phải chấp nhận, phải trút một tiếng thở dài đầy chua chát...Cũng có thể, anh bắt đầu hiểu ra rằng : **muốn con người thoát khỏi cảnh đau khổ, tăm tối, cần có những giải pháp thiết thực, chứ không chỉ là thiện chí hoặc các lí thuyết đẹp đẽ nhưng xa rời thực tế cuộc sống.**

III/ Kết bài :

- **Tóm lại,** từ câu chuyện về một bức ảnh nghệ thuật và sự thật cuộc đời đằng sau bức ảnh ấy mà Phùng và Đẩu đã khám phá phát hiện, cũng như quá trình chuyển biến trong nhận thức của hai nhân vật,...--> “Chiếc thuyền ngoài xa” mang đến một **bài học đúng đắn về cách nhìn nhận cuộc sống và con người:** phải có một cách nhìn đa diện, nhiều chiều để phát hiện ra bản chất sau vẻ ngoài đẹp đẽ của hiện tượng.

- Từ đó, truyện còn cho thấy rõ mỗi người trong cuộc đời, nhất là người nghệ sĩ, không thể đơn giản và sơ lược khi nhìn nhận cuộc sống và con người; văn học nghệ thuật cần phải gắn bó với cuộc sống.

Đề 31: Cảm nhận về vẻ đẹp của người lao động Tây Bắc qua hình ảnh người lái đò trong bài tùy bút “Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân .

I/ Mở bài:

- “Người lái đò sông Đà” là một trong 15 bài tùy bút trong tập tùy bút “Sông Đà” của nhà văn Nguyễn Tuân,được sáng tác năm 1960.Tác phẩm là kết quả sau nhiều lần Nguyễn Tuân đến với Tây Bắc trong thời kì kháng chiến chống Pháp, mà nhất là sau chuyến đi thực tế của nhà văn trong công cuộc xây dựng cuộc sống mới ở vùng cao Tây Bắc.

- Trong bài tùy bút này,với ngòi bút nghệ thuật đầy tài hoa và uyên bác của mình, Nguyễn Tuân phác họa lại một bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, thơ mộng qua hình ảnh của sông Đà; **mà đặc biệt là hình ảnh của người dân lao động Tây Bắc cần cù, dũng cảm mà rất đỗi tài hoa qua hình ảnh của người lái đò trên sông.**



II/ Thân bài:

Thật vậy, có thể nói, hình ảnh người lái đò trên sông trong bài tùy bút chính là đối tượng của cái đẹp, lấp lánh ánh sáng của người của người tài hoa nghệ sĩ, người lái đò - nghệ sĩ. Bởi lẽ ở đây chở đò, lái đò cả một nghệ thuật cao cường và đầy tài hoa. Nghệ thuật ấy là sự nhập thân vào cả hai phương diện hình thức và tính cách của ông lái, cụ thể:

1/ Ông lái đò là một ông già 70 tuổi, ông sinh ra và lớn lên ngay bên bờ sông Đà “quê ông ở ngay chỗ ngã tư sông sát tỉnh”. Phần lớn cuộc đời ông dành cho nghề lái đò dọc trên sông Đà - một nghề đầy gian khổ và nguy hiểm.

2/ Ông là một người từng trải, hiểu biết, rất thành thạo trong nghề lái đò. Thành thạo đến mức “sông Đà, đối với ông lái đò ấy, như một trường thiên anh hùng ca mà ông đã thuộc đến cả cái chấm than, chấm câu và những đoạn xuống dòng”. Trong thời gian hơn chục năm “trên sông Đà ông xuôi, ông ngược hơn một trăm lần rồi, chính tay ông giữ lái độ sáu chục lần”. Ông hiểu biết tường tận sâu sắc nghề nghiệp (tại sao thuyền đi trên sông Đà chỉ có mình thon chứ không nở; ông dùng mắt “mà nhớ tỉ mỉ như đánh đàn vào lòng tất cả những luồng nước của tất cả những con thác hiểm trở”

3/- Đặc biệt, để khắc họa vẻ đẹp người lao - người nghệ sĩ tài hoa qua hình tượng ông lái đò, nhà văn đã sáng tạo ra một cuộc vượt thác Sông Đà của ông qua ba trùng vi thạch trận trên sông. Qua ba trùng vi ấy, hình ảnh người lái đò hiện lên:

+ Là một người **dũng cảm, bản lĩnh, cao cường trong nghề vượt thác.** Ông tỏ ra rất bình tĩnh, ung dung đối đầu với những cơn cuồng bạo của thác ghềnh (nén đau, giữ mái chèo, tỉnh táo chỉ huy bạn chèo lần lượt vượt qua các ghềnh thác).

+ Ông còn là một người **thông minh – tài ba trong việc** xử lý các tình huống nguy hiểm tài tình, linh hoạt (nắm chắc binh pháp của thần sông, thần núi...để “phá trận đồ bát quái của dòng sông”). Để chiến đấu với thủy trận sông Đà, ông đã có những động tác chính xác điêu luyện (cõi đứng ngay lên bờm sóng luồng nước; phóng thẳng thuyền vào giữa thác....chinh phục được dòng sông Đà dữ dằn bằng tài trí và lòng dũng cảm).

4/ Không những vậy, ông còn là một người nghệ sĩ tài hoa, yêu mến và tự hào với công việc: (gắn bó với dòng sông nhất là những khúc sông nhiều thác ghềnh; sau khi vượt thác ung dung “đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam...”).

* Đánh giá :

- Có thể nói, để hình tượng ông lái đò hiện lên sinh động, mang vẻ đẹp của người dân lao động Tây Bắc, Nguyễn Tuân đã rất tài hoa trong nghệ thuật xây dựng nhân vật người lái đò bằng những cảm hứng đặc biệt đối với những gì gây cảm giác mạnh. Nhà văn nhìn cảnh vật con người ở phương diện cái Đẹp. Bài viết đầy ắp những tri thức uyên bác của các ngành. Đặc biệt là lối viết phóng túng với ngôn ngữ giàu có và điêu luyện rất độc đáo, rất riêng của Nguyễn Tuân..

- Hình ảnh ông lái đò là hình ảnh tuyệt đẹp về người anh hùng lao động bình thường nhưng tài ba trí dũng trong nghệ thuật vượt thác, leo ghềnh. Nhân vật ông lái đò được xây dựng trong mối tương quan với hoàn cảnh (cuộc đối đầu dữ dội với sông Đà) để làm bật nổi phẩm chất của người lao động trong cuộc sống đời thường. Nguyễn Tuân cũng



Học văn – văn học

đã sử dụng tri thức hội họa, điện ảnh, võ thuật, quân sự một cách tài hoa, uyên bác để diễn tả sinh động tài nghệ của nhân vật.

- Qua đó, Nguyễn Tuân cũng đã **dành cho nhân vật những tình cảm đẹp đẽ, đắm thắm**. Nguyễn Tuân cũng ngụ ý rằng : chủ nghĩa anh hùng đâu chỉ có ở chiến trường mà ở ngay trong cuộc sống của nhân dân ta, đang vật lộn với thiên nhiên vì miếng cơm ,manh áo. Trí dũng tài ba không phải tìm ở đâu, mà ở ngay những người dân lao động bình thường. Người lái đò sông Đà là một biểu tượng của con người chiến thắng và chinh phục thiên nhiên.

III/ Kết bài :

- Qua hình tượng người lái đò, Nguyễn Tuân bày tỏ quan niệm về con người : Con người, bất kể địa vị hay nghề nghiệp gì, nếu hết lòng và thành thạo với công việc của mình thì bao giờ cũng đáng trọng. Chính Nguyễn Tuân cũng là một người hết mình và tài hoa trong nghề văn. Cũng qua bài tùy bút, Người đọc thấy rõ tấm lòng nặng nghĩa với cuộc đời, với cái đẹp, với non sông đất nước của Nguyễn Tuân.

Đề 32: Phân tích hình ảnh con sông Đà trong tùy bút “Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân.

I/ Mở bài :

- Nguyễn Tuân là một nhà văn tài hoa và uyên bác. Ông có sở trường về viết tùy bút.
- “*Người lái đò sông Đà*” là một trong 15 bài tùy bút được in trong tập tùy bút “*Sông Đà*” của Nguyễn Tuân được viết vào năm 1960, sau nhiều lần nhà văn đi Tây Bắc.
- Có thể nói: bài tùy bút đã miêu tả hình ảnh của sông Đà, một con sông hung bạo hiểm ác và cũng rất đổi thơ mộng trữ tình bằng một phong cách nghệ thuật độc đáo.

II/ Thân bài:

1/ Sông Đà được hiện lên là một dòng sông hung bạo và hiểm ác:

- **Đầu tiên sự hiểm trở của dòng sông** được nhà văn ghi lại bằng địa thế của dòng sông với “**hai bên đá dựng thành vách**”, lòng sông “**chẹt lại như một cái yết hầu**”. Và đó còn là những thác nước gầm réo muôn đời “**Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo...**”. Đặc biệt, con sông chột trở nên hung bạo hơn khi sóng nước reo hò làm thanh viện cho đá “**mặt nước hò la vang dậy quanh mình ủa vào mà bẻ gãy cán chèo...**”. Có thể nói, tiếng gầm thét sông Đà nghe thật ghê rợn “**nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuồn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm ...**”

- **Không những vậy, sông Đà còn là một dòng sông vô cùng hiểm ác**. Cái hiểm ác của dòng sông được nhà văn ghi lại ở những quãng sông đầy thác ghềnh , lòng sông như dàn bày thạch trận chực nuốt chửng những con thuyền non tay lái “**mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận trên sông. Đám tảng, đám hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông, đòi ăn chết cái thuyền**”. Ở đây, Nguyễn Tuân đã rất thành công khi sử dụng một loạt các phép nhân hoá để đặc tả sự hiểm ác của dòng sông.



Học văn – văn học

Từ đó, sông Đà **“thành ra diện mạo và tâm địa của một thứ kẻ thù số một”**. Nó hiện lên như một con thủy quái khổng lồ vừa nham hiểm và hung dữ, vừa khôn ngoan mưu trí.

2/ Bên cạnh sự hung bạo- hiểm ác, sông Đà còn là một dòng sông thơ mộng - hiền hoà:

- Trước hết, **vẻ thơ mộng** của dòng sông được nhà văn so sánh như hình ảnh của một người thiếu nữ Tây Bắc vừa kiều diễm, vừa hoang dại, man sơ : *“Sông Đà tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban, hoa gạo và khói Mèo đốt nương xuân”*; hay *“Sông Đà như một áng tóc mun dài ngàn ngàn, vạt vạt dài...”*.

- Cùng với hình dáng của dòng sông mềm mại, tha thướt là *màu nước của dòng sông cũng thay đổi theo mùa: Mùa xuân, nước sông Đà xanh màu ngọc bích. Mùa thu, nước sông Đà “lừ lừ chín đỏ như da mặt người bầm đi vì rượu bữa...”*.

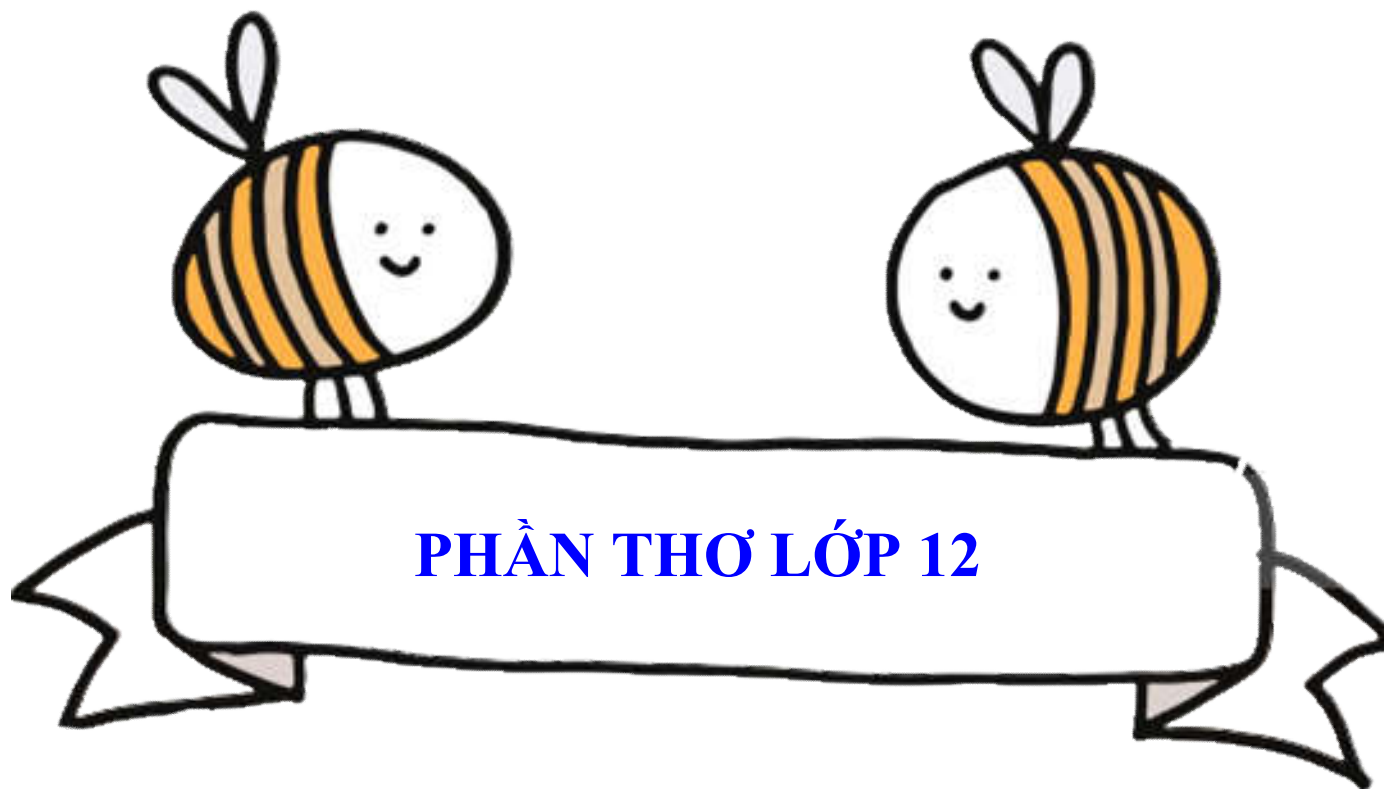
- Không chỉ thơ mộng, sông Đà còn hiện lên trong cảm nhận của nhà văn là một *con sông rất đỗi hiền hoà*. Có những quãng ven sông *“lặng tờ”*, *“bờ sông hoang dại như bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”*. Nét hiền hoà ấy làm cho cảnh vật trở nên gợi cảm, say đắm lòng người. Hai bên bờ sông, tràn ngập cảnh sắc tươi vui của một cuộc sông mới đang bắt đầu với *“nuơng ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa... đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi..”*

=> Quả thật, sông Đà thật mỹ lệ, gợi cảm hứng nghệ thuật, gợi cảm xúc cho những ai một lần biết đến. Vẻ đẹp của sông Đà vừa Đường thi -cổ điển, vừa hiện đại- trữ tình.

III.Kết bài :

- *Tóm lại*, bằng trí tưởng tượng phong phú; óc tạo hình và khả năng quan sát kỹ lưỡng và chính xác; ngôn ngữ điêu luyện...Nguyễn Tuân đã cung cấp những kiến thức rất phong phú cho chúng ta về một dòng sông nổi tiếng của mảnh đất Tây Bắc . Đó là một dòng sông có cá tính như một cổ nhân *“lắm bệnh, nhiều chứng”* với những ai một lần gặp gỡ.

- Sông Đà nói chung, và *“Người lái đò sông Đà”* chính là áng thơ trữ tình bằng văn xuôi ca ngợi Tổ quốc giàu đẹp, thể hiện niềm tin yêu cuộc sống mới đang diễn ra trên đất nước ta.



PHẦN THƠ LỚP 12



A. Một số lưu ý về dạng đề mới trong nghị luận về một tác phẩm thơ

- Dạng đề truyền thống: phân tích cảm thụ một bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ, vấn đề nội dung, nghệ thuật trong bài thơ, đoạn thơ...

- Dạng đề mới:

+ **Cảm thụ trong thể đối sánh** (đề thi đại học khối C, D từ 2010- nay)

+ **Bình luận nhận định- ý kiến** (có thể một hoặc 2 ý kiến, có thể bổ sung hoặc đối lập nhau):

ví dụ đề thi đại học môn văn khối C năm 2013, đề thi môn văn đại học khối D 2014.

+ **Kết hợp NLVH và NLXH** (ví dụ đề thi tốt nghiệp môn văn GDTX năm 2014)

Như vậy những dạng đề mới chiếm tần xuất lớn thậm chí tuyệt đối trong các kì thi: đại học, cao đẳng trong 3 năm gần đây và trong kì thi tốt nghiệp năm 2014.

Dạng bài này đòi hỏi mức độ vận dụng thấp và vận dụng cao về kiến thức, kĩ năng nhằm phân loại học sinh trong các kì thi TN, ĐH-CD, kì thi chung quốc gia... Đây là dạng bài hay và khó, cần được rèn luyện nhiều đặc biệt đối với các học sinh chọn trường CD- ĐH có xét tuyển môn văn.

B. Hệ thống hóa kiến thức các tác phẩm thơ trong chương trình lớp 12- tham khảo một số đề luyện tập theo hướng mới, hướng dẫn đọc hiểu một số bài thơ đọc thêm trong chương trình.



Học văn – văn học

Bài 1: TÂY TIẾN

(Quang Dũng)

I. Tác giả

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài: làm thơ, viết văn, vẽ tranh, soạn nhạc.
- Một hồn thơ lãng mạn, tài hoa: nhà thơ của xứ Đoài mây trắng, thơ giàu chất nhạc, họa...

- Các tác phẩm chính: *Rừng về xuôi; Mây đầu ô...*

II. Bài thơ Tây Tiến:

1. Hoàn cảnh ra đời

- Tây Tiến là một đơn vị quân đội thành lập năm 1947, có nhiệm vụ phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt – Lào và đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp ở Thượng Lào và miền Tây Bắc của Tổ quốc. Địa bàn hoạt động của đơn vị Tây Tiến chủ yếu là vùng rừng núi hiểm trở. Lính Tây Tiến phần đông là thanh niên Hà Nội, trong đó có nhiều học sinh, sinh viên. Học sinh hoạt và chiến đấu trong điều kiện thiếu thốn, gian khổ nhưng vẫn rất lạc quan và dũng cảm.

- Quang Dũng là một người lính trong đoàn quân Tây Tiến. Cuối năm 1948, ông chuyển sang đơn vị khác. Một năm sau ngày chia tay đoàn quân Tây Tiến, nhớ về đơn vị cũ ông viết bài thơ *Tây Tiến* tại làng Phù Lưu Chanh (một làng thuộc tỉnh Hà Đông cũ, nay là Hà Nội). Bài thơ được in trong tập “*Mây đầu ô*”(1986)

2. Cảm xúc chủ đạo

Bài thơ được viết trong nỗi nhớ da diết của Quang Dũng về đồng đội, về những kỉ niệm của đoàn quân Tây Tiến gắn liền với khung cảnh thiên nhiên miền Tây Bắc hùng vĩ, hoang sơ nhưng cũng rất trữ tình, thơ mộng.

3. Bố cục- mạch cảm xúc:

- Bài thơ tự nó chia làm 4 đoạn, 3 đoạn chính và một đoạn kết -> bố cục tự nhiên, tuân theo dòng mạch cảm xúc gắn liền với những hồi ức và kỉ niệm sâu sắc trong nỗi nhớ về một thời Tây Tiến. Mỗi đoạn là một khung cảnh, một thế giới nghệ thuật bởi nó gợi về những miền kí ức rất riêng trong cuộc đời hành quân chiến đấu của người chiến sĩ Tây Tiến năm xưa.

+ Đoạn 1: Nhớ những cuộc hành quân gian khổ của đoàn quân Tây Tiến và khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hoang sơ và dữ dội.

+ Đoạn 2: Nhớ những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.

+ Đoạn 3: Nhớ đồng đội - tái hiện bức tượng đài bất tử về đoàn quân Tây Tiến anh hùng.

+ Đoạn 4: Lời thề gắn bó với Tây Tiến và miền Tây.

3.1. Đoạn 1:

“Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi...

Mai Châu mùa em thơm nếp xôi”

Nhớ cuộc hành quân gian khổ của đoàn quân Tây Tiến và khung cảnh thiên nhiên miền Tây hùng vĩ, hoang sơ, dữ dội.



Học văn – văn học

**Đoạn mở đầu khái quát nỗi nhớ Tây Tiến:*

*“ Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi ”*

- Từ láy “*chơi vơi*”, hiệp vần “*ơi*” mở ra một không gian vơi vơi của nỗi nhớ đồng thời diễn tả tinh tế một cảm xúc mơ hồ, khó định hình nhưng rất thực.

Điệp từ “*nhớ*” tô đậm cảm xúc toàn bài, không phải ngẫu nhiên mà nhan đề ban đầu của bài thơ tác giả đặt là *Nhớ Tây Tiến*. Nỗi nhớ trở đi trở lại trong toàn bài thơ tạo nên giọng thơ hoài niệm sâu lắng, bồi hồi. Nỗi nhớ tha thiết, niềm thương da diết mà nhà thơ dành cho miền Tây, cho đồng đội cũ của mình khi xa cách chan chứa biết bao.

** Nỗi nhớ về thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, dữ dội nhưng cũng thật êm đềm thơ mộng.*

- Nhớ những địa danh mà đoàn quân Tây Tiến đã đi qua, *Sài Khao, Mường Lát, Pha Luông, Mường Hịch, Mai Châu* những địa danh khi đi vào thơ Quang Dũng nó không còn mang màu sắc trung tính, vô hồn trên bản đồ nữa mà gọi lên không khí núi rừng xa xôi, lạ lẫm, hoang sơ và bí ẩn.

- Nhớ con đường hành quân gập ghềnh, hiểm trở, đầy sự hiểm nguy giữa một bên là núi cao với một bên là vực sâu thăm thẳm: *Dốc khúc khuỷu, dốc thăm thẳm, Heo hút, sương lấp*. Không gian được mở ra ở nhiều chiều: chiều cao đến chiều sâu hút của những dốc núi, chiều sâu của vực thẳm, bề rộng của những thung lũng trải ra sau màn sương. Các từ láy giàu sức tạo hình khiến người đọc hình dung những con đường quanh co, dốc rồi lại dốc, những đỉnh đèo hoang vắng khuất vào mây trời; Cách ngắt nhịp 4/3 của câu thơ thứ ba tạo thành một đường gập khúc của dáng núi; ba dòng thơ liên tiếp sử dụng nhiều thanh trắc gợi sự vất vả nhọc nhằn.

- Nhớ những ngôi nhà như trôi bồng bềnh trong không gian sương rừng mưa núi, mưa giăng đầy biến thung lũng thành “*xa khơi*”.

- Nhớ âm thanh “*gầm thét*” của thác dữ, tiếng gầm gào của loài hổ dữ rình rập vào người mỗi khi chiều đến, đêm về. Thời gian buổi chiều, về đêm lại càng nhấn mạnh thêm cảm giác hoang sơ của chốn “*son lâm bóng cả cây già*”. Những từ ngữ và hình ảnh nhân hóa được nhà thơ sử dụng để tô đậm ấn tượng về một vùng núi hoang vu dữ dội.

-> Bức tranh của núi rừng miền Tây giàu được vẽ bằng bút pháp vừa hiện thực, vừa lãng mạn, vừa giàu chất họa lại giàu chất nhạc. Nét vẽ vừa gân guốc, mạnh mẽ, dữ dội nhưng lại cũng rất mềm mại tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho bức tranh thiên nhiên vừa dữ dội hùng vĩ, vừa lãng mạn thơ mộng.

** Nỗi nhớ về đồng đội và những kỉ niệm trên đường hành quân:*

- Nhớ cảm nhận lãng mạn về con đường hành quân trong đêm như đi trong hương hoa và ánh sáng “*hoa về trong đêm hơi*”, nhớ cái tếu táo, lạc quan trong gian khổ với vẻ đẹp hồn nhiên qua cách nói hóm hỉnh “*súng người trời*”. Quang Dũng đã gợi được “*chất lính*” trẻ trung, vẻ tươi mới, sức sống dạt dào trong tâm hồn của người lính Tây Tiến vốn xuất thân từ những thanh niên trí thức trẻ Hà Nội.



Học văn – văn học

- Nhớ những người đồng đội đã ngã xuống nhưng không bi lụy. Nỗi mất mát, niềm cảm thương được nói bằng giọng thơ ngang tàng, kiêu hãnh *“gục bên súng mũ bỏ quên đời”*.

- Nhớ tình cảm quân dân giữa những người lính Tây Tiến và đồng bào Tây Bắc *“Nhớ ôi... thom nếp xôi”*. Họ dừng chân nơi xóm núi sau chặng đường dài vất vả, họ quây quần trong niềm vui ấm áp, niềm hạnh phúc bên những nồi cơm còn thơm làn gạo mới. *Nhớ ôi!*- nỗi nhớ da diết, đậm thắm, sự gắn kết tình nghĩa thủy chung, giữa những con người miền Tây Bắc của tổ quốc với bộ đội kháng chiến.

=> Đoạn thơ chỉ là khúc dạo đầu của một bản nhạc về nỗi nhớ, song cũng đã kịp ghi lại những vẻ đẹp rất riêng của thiên nhiên núi rừng Tây Bắc. Trên nền của bức tranh thiên nhiên dữ dội mà thơ mộng ấy, những người lính Tây Tiến hiện lên can trường dũng cảm nhưng cũng lãng mạn hào hoa. Sự gắn bó của nhà thơ với thiên nhiên và con người nơi ấy là biểu hiện của tấm lòng gắn bó với quê hương, đất nước. Đồng thời là tấm lòng trĩu nặng yêu thương của Quang Dũng với những người đồng đội, đồng chí của mình.

3.2. Đoạn 2: :

“Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa....

Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

Nhớ những kỉ niệm đẹp về tình quân dân trong đêm liên hoan và cảnh sông nước miền Tây thơ mộng.

Những kỉ niệm về tình quân dân thắm thiết qua những đêm liên hoan văn nghệ đậm màu sắc lãng mạn, trữ tình

- Đêm liên hoan được miêu tả bằng những chi tiết lãng mạn:

+ Đêm liên hoan như đêm hội giao duyên, đêm tân hôn của những cặp tình nhân (hội đuốc hoa)

+ Nhân vật trung tâm của đêm hội là những thiếu nữ Tây Bắc trong những bộ trang phục và vũ điệu vừa lộng lẫy, vừa e thẹn, tình tứ.

+ Cái nhìn trẻ trung, ngỡ ngàng, ngạc nhiên, say mê sung sướng của những người lính Tây Tiến trước vẻ đẹp phương xa.

Bằng bút pháp tài hoa, lãng mạn, thi trung hữu nhạc, tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp giàu bản sắc văn hoá, phong tục của đồng bào vùng biên giới cùng tình cảm quân dân thắm thiết và tâm hồn lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống của người lính Tây Tiến

Vẻ đẹp của con người và cảnh vật miền Tây Bắc trong chiều sương trên sông nước Châu Mộc

- Cảnh sông nước Tây bắc

+ Không gian trên dòng sông, cảnh vật Châu Mộc hiện lên thật mờ ảo, thơ mộng nhuốm màu sắc cổ tích, huyền thoại.

+ Nổi bật lên trên bức tranh sông nước là cái dáng mềm mại, uyển chuyển của người con gái Tây Bắc trên con thuyền độc mộc.

+ Những bông hoa rừng cũng như đang *đong đưa* làm duyên trên dòng nước lũ.

+ Những bông lau ven rừng như có hồn và gợi nhớ da diết.

- Nỗi nhớ da diết, tự hỏi cũng là tự khẳng định *“có nhớ, có thấy...”*



Học văn – văn học

=> Bút pháp lãng mạn, gợi tả, xúc cảm trữ tình, nỗi nhớ da diết, thể hiện tình yêu, sự gắn bó với thiên nhiên, cuộc sống, con người miền Tây.

3.3. Đoạn 3: Bức tượng người lính Tây Tiến bất tử với thời gian

Đoạn thơ tập trung vào khắc họa hình ảnh người lính Tây Tiến bằng bút pháp lãng mạn nhưng không thoát ly hiện thực với cảm xúc bi tráng.

- Vẻ đẹp **lẫm liệt, kiêu hùng, hào hoa, lãng mạn**:

+ Sẵn sàng đối mặt với những khó khăn, thiếu thốn, bệnh tật: Thân hình tiêu tụy vì sốt rét rừng của người lính Tây Tiến : không mọc tóc, xanh màu lá

+ Trong gian khổ, hình tượng người lính Tây Tiến vẫn hiện ra với dáng vẻ oai phong, lẫm liệt, vẫn toát lên cốt cách, khí phách hào hùng, mạnh mẽ: xanh màu lá, dữ oai hùm

+ Trong gian khổ nhưng:

~ vẫn hướng về nhiệm vụ chiến đấu, vẫn “mộng qua biên giới” - mộng chiến công, khao khát lập công;

~ “*mơ Hà Nội đáng kiêu thơm*” - mơ về, nhớ về dáng hình kiêu diễm của người thiếu nữ đất Hà thành thanh lịch.

Những hình ảnh thơ thể hiện tâm hồn mộng mơ, lãng mạn của người lính - những chàng trai ra đi từ đất Hà Nội thanh lịch. Những giấc “*mộng*” và “*mơ*” ấy như tiếp thêm sức mạnh để các anh vượt gian khổ để lập nên nhiều chiến công.

- Vẻ đẹp **bi tráng**:

+ Những người lính trẻ trung, hào hoa đó gửi thân mình nơi biên cương xa xôi, sẵn sàng tự nguyện hiến dâng “*Đời xanh*” cho Tổ Quốc mà không hề tiếc nuối.

+ Hình ảnh “*áo bào thay chiếu*” là cách nói sang trọng hóa sự hy sinh của người lính Tây Tiến.

+ Họ coi cái chết tựa lông hồng. Sự hy sinh ấy nhẹ nhàng, thanh thản như trở về với đất mẹ: “*anh về đất*”.

+ “*Sông Mã gầm lên khúc độc hành*” : Linh hồn người tử sĩ đó hoà cùng sông núi. Con sông Mã đã tấu lên khúc nhạc độc tấu đau thương, hùng tráng để tiễn người lính vào cõi bất tử: Âm hưởng dữ dội tô đậm cái chết bi hùng của người lính Tây Tiến.

+ Hàng loạt từ Hán Việt: ***Biên cương, viễn xứ, chiến trường, độc hành***... gợi không khí tôn nghiêm, trang trọng khi nói về sự hi sinh của người lính Tây Tiến.

=> Hình ảnh người lính Tây Tiến phảng phất vẻ đẹp lãng mạn mà bi tráng của người tráng sĩ anh hùng xưa.

3.4. Đoạn 4: đoạn thơ còn lại

- Khẳng định vẻ đẹp tinh thần của người lính Tây Tiến đối với thời đại và đối với lịch sử:

+ Vẻ đẹp tinh thần của người vệ quốc quân thời kì đầu kháng chiến: một đi không trở lại, ra đi không hẹn ngày về.

+ Vẻ đẹp của người lính Tây Tiến sẽ còn mãi với thời gian, với lịch sử dân tộc, là chứng nhân đẹp đẽ của thời đại chống thực dân Pháp.



Học văn – văn học

- Cụm từ *người đi không hẹn ước* thể hiện tinh thần quyết ra đi không hẹn ngày về. Hình ảnh *đường lên thăm thăm* gợi lên cả một chặng đường gian lao của đoàn quân Tây Tiến.

¶ Vẻ đẹp bất tử của người lính Tây Tiến được thể hiện ở âm hưởng, giọng điệu của cả 4 dòng thơ. Chất giọng thoáng buồn pha lẫn chút băng khuâng, song chủ đạo vẫn là giọng hào hùng đầy khí phách.

4. Nghệ thuật

- + Cảm hứng lãng mạn, bi tráng
- + Sử dụng ngôn từ đặc sắc: từ địa danh, từ tượng hình, từ Hán Việt, sáng tạo từ mới
- + Kết hợp chất nhạc và họa, phối âm, phối thanh, tạo hình đặc sắc.

5. Chủ đề: Qua bài thơ, Quang Dũng đó ngợi ca vẻ đẹp hùng vĩ và trữ tình, dữ dội mà mỹ lệ của thiên nhiên núi rừng miền Tây Bắc của Tổ quốc, đặc biệt khắc vào thời gian một bức tượng đài bất tử về người lính Tây Tiến hào hùng, hào hoa.

III. Câu hỏi ôn tập- luyện đề:

Câu 1. (2 điểm): Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ “*Tây Tiến*”. Xem mục II.1

Câu 2. (2 điểm): Những nét mới lạ, đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Xem mục II.4.5

Câu 3. (5 điểm): Nối nhớ về thiên nhiên và đồng đội qua 14 câu thơ đầu của bài thơ. Xem mục II.3.1

Câu 4. (5 điểm) Cảm nhận đoạn thơ “*Doanh trại...hoa đông đưa*” Xem mục II. 3.2

Câu 5. (5 điểm): Hình tượng người lính Tây Tiến trong đoạn thơ “*Tây Tiến....độc hành*” Xem mục II.3.3

Chú ý một số dạng đề so sánh:

Cảm nhận của anh/chị về hai đoạn thơ sau:

Người đi Châu Mộc chiều sương ấy

Có thấy hồn lau nẻo bến bờ

Có nhớ dáng người trên độc mộc

Trôi dòng nước lũ hoa đông đưa

(*Tây Tiến* – Quang Dũng)

Gió theo lối gió mây đường mây

Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chở trăng về kịp tối nay?

(*Đây thôn Vĩ Dạ* - Hàn Mặc Tử)

Hướng dẫn:

1. Giới thiệu 2 tác giả (vị trí Văn học sử, đặc điểm phong cách), 2 bài thơ (hoàn cảnh, cảm xúc chủ đạo), 2 đoạn thơ (vị trí, khái quát ND, NT)

2. Phân tích, cảm nhận từng đoạn thơ:

a. Đoạn thơ trong bài thơ *Tây Tiến* là cảnh sông nước miền Tây hoang sơ, thơ mộng, trữ tình.

- Hình ảnh thiên nhiên và con người được gợi tả mộc mạc mà duyên dáng, đầy tình người: chiều sương, hồn lau, người độc mộc, hoa đông đưa...

- Điệp khúc: có thấy, có nhớ thể hiện sự thôi thúc, đắm chìm trong nỗi nhớ sông nước menh mang, hòa vào khung cảnh thơ mộng.

b. Đoạn thơ trong bài *Đây thôn Vĩ Dạ* là khung cảnh sông nước xứ Huế qua cảm nhận của cái tôi trữ tình đầy tâm trạng.

- Cảnh vật buồn chia lìa.



Học văn – văn học

- Khung cảnh đẹp bị xóa nhòa giữa thực tại và ảo mộng.
- Câu hỏi tu từ cất lên như tiếng kêu đầy da diết mong mỏi, khắc khoải.

c. Nét tương đồng và khác biệt

- Tương đồng:

+ Cả hai đoạn thơ đều là sự cảm nhận của cái tôi trữ tình về khung cảnh sông nước quê hương.

+ Chính cái tôi lãng mạn chấp cánh cho cảnh vật thêm thơ mộng, huyền ảo, lung linh. Cả hai đoạn thơ đều cho thấy nét bút tài hoa của hai thi sĩ.

- Khác biệt:

+ Đoạn thơ trong bài thơ Đây thôn Vĩ Dạ mang màu sắc tâm trạng chia ly, mong nhớ khắc khoải.

+ Đoạn thơ trong bài thơ Tây Tiến mang nỗi nhớ da diết về thiên nhiên miền Tây, về kỷ niệm kháng chiến.

- Lí giải sự tương đồng và khác biệt

+ Cả Quang Dũng và Hàn Mặc Tử đều là những hồn thơ lãng mạn, tài hoa.

+ Mỗi nhà thơ đều mang một cảm xúc riêng khi đứng trước khung cảnh sông nước.

+ Hoàn cảnh sáng tác: cảnh ngộ riêng của mỗi nhà thơ và hoàn cảnh thời đại để lại dấu ấn trong cảm xúc và hình ảnh thơ của mỗi nhà thơ.

e. Đánh giá chung

- Hai đoạn thơ thể hiện cho vẻ đẹp tâm hồn của hai nhà thơ ở hai thời cuộc, hai cảnh ngộ khác nhau

Đề 1: Bình luận cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng trong bài thơ Tây Tiến của Quang Dũng.

I/ MB

- Quang Dũng là một nghệ sĩ có nhiều tài năng. Thơ của ông trung hậu yêu tha thiết quê hương đất nước mình. Cái tôi trong thơ Quang Dũng hào hoa thanh lịch, giàu chất lãng mạn. Nhà thơ có khả năng cảm nhận và diễn tả vẻ đẹp của thiên nhiên của con người một cách tài hoa tinh tế nhưng cũng rất mực bình dị chân thành.

- Bài thơ Tây Tiến tiêu biểu cho hồn thơ ấy. Không lẫn tránh đề cập đến cái bi nhưng nhà thơ đã đem đến cho nó một cảm hứng lãng mạn, âm hưởng tráng lệ, hào hùng. Tinh thần bi tráng, cảm hứng lãng mạn đã được triển khai trên nền cảm xúc kí ức một thời Tây Tiến.

II. TB

1. Cảm hứng lãng mạn

1.1 Giải thích: là những cảm xúc mãnh liệt có xu hướng vươn tới vẻ đẹp phi thường. những tác phẩm thể hiện cảm hứng lãng mạn thường sử dụng bút pháp lãng mạn cùng với thủ pháp tương phản, xây dựng những hình tượng phi thường thể hiện trí tưởng tượng phong phú, bay bổng của người nghệ sĩ.

1.2 Biểu hiện

a. Nội dung

- Xuyên suốt cả bài thơ là nỗi nhớ tha thiết khắc khoải của tác giả, một nỗi nhớ dâng trào, tha thiết cho nên cảm xúc đã bùng thổi từ những câu đầu (phân tích 2 câu thơ đầu);



Học văn – văn học

nỗi nhớ của nhà thơ nhiều khi thổn thức (phân tích 2 câu thơ cuối K1); có lúc nhà thơ phân thân tự hỏi bản thân, hỏi vào nỗi nhớ khắc khoải trong tâm can: "Có nhớ...hoa đông đưa"; đến 4 câu cuối bài, nỗi nhớ đã vượt khỏi không gian.

- Nỗi nhớ của nhà thơ hướng đến nhiều đối tượng, cảnh sắc thiên nhiên, con người Tây Bắc dọc đường hành quân can trường và hào hoa. Nỗi nhớ ấy dâng trào, tràn đầy bài thơ vì thế kỷ niệm hiện lên rất sống động, tươi nguyên như vừa mới xảy ra.

- Cảm xúc lắng mạn còn thể hiện trong bức tranh thiên nhiên hùng vĩ và thơ mộng, hữu tình.

=> Với một hồn thơ lắng mạn, QĐ rất nhạy cảm với phương xa xứ lạ. Nhà thơ đã vẽ ra một bức tranh núi rừng Tây Bắc xa xôi với những cảnh tượng khó quên, khơi gợi trí tưởng tượng của người đọc.

- Cảm hứng lắng mạn còn được đẩy cao hơn qua hình tượng người lính kiêu dũng, ngang tàng, đặc biệt là hào hoa, lắng mạn:

+ say mê cái đẹp thiên nhiên

+ giấc mơ tình yêu

+ khát vọng lập công cao cả

+ tư thế hi sinh trang trọng, mãnh liệt.

b. Nghệ thuật

Sử dụng bút pháp lắng mạn trong đó phát huy chất lắng mạn ở nhiều cấp độ: hình ảnh, thanh điệu bằng trắc giữa ngoại hình và ý chí, giữa hiện thực và tâm hồn. Cùng với thủ pháp phóng đại, tác giả xây dựng những hình tượng mạnh, dữ dội.

2. Tinh thần bi tráng

2.1 Khái niệm:

Một tác phẩm có tinh thần bi tráng đề cập đến những mất mát đau khổ, gian khổ nhưng không gọi cho người đọc cảm giác bi quan. Cảm xúc, hình tượng trong tác phẩm khỏe khoắn, mạnh mẽ, khơi gợi cho người đọc đến niềm tin, khát vọng về cuộc sống

2.2 Biểu hiện

- Tác phẩm khắc họa chặng đường gian nan để từ đó tô đậm tư thế ngang tàng, dũng cảm của người lính (Đ1)

- Người lính phải đối diện với bệnh tật, thiếu thốn song vẫn toát ra vẻ đẹp can trường, gan góc (Đ3)

- Tác giả không né tránh mất mát, hi sinh khơi gợi ở người đọc niềm xót xa, thương cảm nhưng điều đáng nói là nhà thơ không gọi cho người đọc cảm giác bi lụy mà vẫn ngưỡng mộ, đầy tự hào.

3. Đánh giá: - Cảm hứng lắng mạn và tinh thần bi tráng hòa quyện, xuyên thấu vào nhau để tạo nên vẻ đẹp độc đáo của bài thơ.

- Cảm hứng lắng mạn là cảm hứng đẹp đậm chất nhân văn, rực sáng lý tưởng thời đại đã nâng đỡ hiện thực gian khổ, mất mát tạo cho cảm xúc, hình tượng thơ vẻ đẹp bi tráng.

- Cảm hứng lắng mạn và tinh thần bi tráng gợi vẻ đẹp một thời, thể hiện gian khổ mà lạc quan.

- Thể hiện tài năng của tác giả.



Học văn – văn học TỔ HỮU

I. Kiến thức cơ bản

1. Những nét chính về cuộc đời và sự nghiệp thơ Tố Hữu?

- Tố Hữu (1920-2002), tên thật là Nguyễn Kim Thành, quê gốc ở tỉnh Thừa Thiên.
- Sinh ra trong một gia đình nhà nho nghèo, từ nhỏ Tố Hữu đã học và tập làm thơ (Những bài thơ đầu tiên được sáng tác từ những năm 1937-1938). Ông giác ngộ cách mạng trong thời kì Mặt trận Dân chủ và trở thành người lãnh đạo Đoàn Thanh niên Dân chủ ở Huế.

- Tháng 4-1939, Tố Hữu bị Thực dân Pháp bắt, giam giữ ở các nhà lao miền Trung và Tây Nguyên.

- Tháng 3-1942, Tố Hữu vượt ngục Đắc Lay, tiếp tục hoạt động cách mạng.

- Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng: Chủ tịch Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên- Huế; Ủy viên Bộ chính trị; Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

- Tác phẩm đã xuất bản: Từ ấy (Thơ- 1946); Việt Bắc (Thơ- 1954); Gió lộng (Thơ- 1961); Ra trận (Thơ-1971); Máu và hoa (Thơ- 1972); Một tiếng đờn (Thơ-1992)...

- Tố Hữu từng được nhận Giải nhất Giải thưởng văn học Hội nhà văn Việt Nam 1954-1955 (Tập thơ Việt Bắc); Giải thưởng văn học Asean (1969); Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật (Đợt I, 1996).

2. Những nhân tố tác động đến con đường thơ của Tố Hữu

- Quê hương: sinh ra và lớn lên ở xứ Huế, một vùng đất nổi tiếng đẹp, thơ mộng, trầm mặc với sông Hương, núi Ngự, đền đài lăng tẩm cổ kính,... và giàu truyền thống văn hóa, văn học bao gồm cả văn hóa cung đình và văn hóa dân gian mà nổi tiếng nhất là những điệu ca, điệu hò như nam ai nam bình . mái nhì, mái đẩy...

- Gia đình: Ông thân sinh ra nhà thơ là một nhà nho không đỗ đạt nhưng rất thích thơ phú và ham sưu tầm văn học dân gian. Mẹ nhà thơ cũng là người biết và thuộc nhiều ca dao, tục ngữ. Từ nhỏ Tố Hữu đã sống trong thế giới dân gian cùng cha mẹ. Phong cách nghệ và giọng điệu thơ sau này chịu ảnh hưởng của thơ ca dân gian xứ Huế.

- Bản thân: là người sớm giác ngộ lí tưởng cách mạng, tham gia cách mạng từ năm 18 tuổi, bị bắt và bị tù đầy từ năm 1939- 1942, sau đó vượt ngục trốn thoát và tiếp tục hoạt động cho đến Cách mạng tháng Tám, làm chủ tịch ủy ban khởi nghĩa ở Huế. Sau cách mạng ông giữ nhiều trọng trách ở nhiều cương vị khác nhau, nhưng vẫn tiếp tục làm thơ.

3. Con đường thơ của Tố Hữu :

Thơ Tố Hữu gắn bó chặt chẽ với cuộc đấu tranh cách mạng Việt Nam từ những năm 1940 cho đến sau này.

a. Tập thơ Từ ấy (1946): gồm 71 bài sáng tác trong 10 năm (1936 – 1946). Tác phẩm được chia làm ba phần:

- Máu lửa (27 bài) được viết trong thời kì đấu tranh của Mặt trận dân chủ Đông Dương, chống phát xít, phong kiến, đòi cơm áo, hòa bình...

- Xiềng xích (30 bài) được viết trong nhà giam thể hiện nỗi buồn đau và ý chí, khí phách của người chiến sĩ cách mạng.



Học văn – văn học

- Giải phóng (14 bài) viết từ lúc vượt ngục đến 1 năm sau ngày độc lập nhằm ngợi ca lí tưởng, quyết tâm đuổi giặc cứu nước và thể hiện niềm vui chiến thắng.

Những bài thơ tiêu biểu: Mồ côi, Hai đứa bé, Từ ấy,...

b. Tập thơ Việt Bắc (1954)

- Gồm 24 bài sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

- Việt Bắc là bức tranh tâm tình của con người VN trong kháng chiến với những cung bậc cảm xúc tiêu biểu: tình yêu quê hương đất nước, tình đồng chí đồng đội, tình quân dân, lòng thủy chung cách mạng. Đồng thời thể hiện quyết tâm bảo vệ sự toàn vẹn của đất nước.

- Những bài thơ tiêu biểu: Phá đường, Việt Bắc, Bầm ơi, Ta đi tới,...

c. Gió lộng (1961):

- Tác phẩm thể hiện niềm vui chiến thắng, cuộc sống mới với những quan hệ xã hội tốt đẹp. Còn là lòng tri ân nghĩa tình đối với Đảng, Bác Hồ và nhân dân.

- Những bài thơ tiêu biểu: Trên miền Bắc mùa xuân; Thù muôn đời muôn kiếp không tan; Mẹ Tơm; bài ca xuân 1961,...

d. Ra trận (1971), Máu và Hoa (1977)

Phản ánh cuộc đấu tranh của dân tộc kêu gọi cổ vũ tinh thần chiến đấu của dân tộc. Ca ngợi Bác Hồ, tổng kết lịch sử đấu tranh.

4. Những nét chính trong phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu

- Tố Hữu là nhà thơ *trữ tình chính trị* thể hiện nồng nhiệt tự hào lý tưởng cách mạng, đời sống cách mạng của nhân dân ta.

- Thơ Tố Hữu chủ yếu *mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn*, màu sắc lịch sử được diễn tả bằng bút pháp lãng mạn, hình tượng thơ kì vĩ, tráng lệ.

- Nét đặc sắc trong thơ Tố Hữu là *có giọng điệu riêng*. Thơ liền mạch, nhất khí tự nhiên, *giọng tâm tình, ngọt ngào tha thiết*.

- Nghệ thuật thơ Tố Hữu *đậm đà tính dân tộc*. Phối hợp tài tình ca dao, dân ca các thể thơ dân tộc và “*thơ mới*”. Vận dụng biến hoá cách nói, cách cảm, cách so sánh ví von rất gần gũi với tâm hồn người. Phong phú vần điệu, câu thơ mượt mà, dễ thuộc dễ ngâm.

Bài 2:

VIỆT BẮC (Tố Hữu)

I. Hoàn cảnh sáng tác

- Việt Bắc là khu căn cứ đầu não của cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Tháng 7 năm 1954 hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, hòa bình lập lại ở miền Bắc. Tháng 10 năm 1954, ngay sau cuộc kháng chiến chống TDP kết thúc thắng lợi, các cơ quan trung ương của Đảng và Chính phủ từ Việt Bắc về lại thủ đô Hà Nội. Tố Hữu cũng là một trong số những cán bộ kháng chiến từng sống và gắn bó nhiều năm với Việt Bắc, nay từ biệt chiến khu Việt Bắc để về xuôi. Bài thơ được viết trong buổi chia tay lưu luyến đó.

II. Bài thơ

1. Kết cấu của bài thơ



Học văn – văn học

+ Đối đáp giữa Việt Bắc và người cán bộ kháng chiến từ giã Việt Bắc. Đây là cuộc chia tay mang ý nghĩa lịch sử, cuộc chia tay giữa những người đã từng gắn bó dài lâu, đầy tình nghĩa sâu nặng, mặn nồng, từng chia sẻ mọi đắng cay, ngọt bùi, nay trong giờ phút chia tay, cùng nhau gọi lại bao kỉ niệm đẹp đẽ, cùng cất lên nỗi hoài niệm tha thiết về những ngày đã qua, khẳng định nghĩa tình bền chặt và hẹn ước trong tương lai.

+ Lời đối đáp gần gũi, thân thuộc như trong ca dao, dân ca.

+ Bài thơ vì thế mà như lời tâm tình chan chứa yêu thương của những người yêu nhau.

+ Trong đối đáp Tố Hữu sử dụng đại từ mình – ta với ý nghĩa vừa là ngôi thứ nhất, vừa là ngôi thứ hai. Tình cảm chan chứa yêu thương vì thế mà như được nhân lên. Chuyện nghĩa tình cách mạng, kháng chiến đến với lòng người bằng con đường của tình yêu.

+ Nhìn sâu hơn vào kết cấu bài thơ thì đối thoại chỉ là lớp kết cấu bên ngoài, còn ở chiều sâu bên trong chính là lời độc thoại của chính nhân vật trữ tình đang đắm mình trong hoài niệm về quá khứ gian khổ mà tươi đẹp ấm áp nghĩa tình, nghĩa tình nhân dân, nghĩa tình kháng chiến và cách mạng, khát vọng về tương lai tươi sáng. Kẻ ở- người đi; lời hỏi- lời đáp có thể xem là sự phân thân để tâm trạng được bộc lộ đầy đủ hơn trong sự hô ứng, đồng vọng, vang ngân.

2. Phân tích văn bản.

2.1. Tám câu đầu: những phút giây đầu tiên của buổi chia tay đầy băng khuâng, lưu luyến giữa kẻ ở người đi.

- Bốn câu đầu: lời ước hỏi của người ở lại.

+ Câu hỏi ngọt ngào, khéo léo “muời lăm năm” cách mạng gian khổ hào hùng, cảnh và người VB gắn bó nghĩa tình với những người kháng chiến; đồng thời khẳng định tấm lòng thủy chung của mình.

+ Nghĩa tình của kẻ ở- người về được biểu hiện qua các đại từ mình- ta quen thuộc trong thơ ca dân gian gắn liền với tình yêu đôi lứa, cách xưng hô: mình- ta tạo nên sự thân mật, gần gũi. Điệp từ nhớ, láy đi, láy lại cùng với lời nhấn nhá “*mình có nhớ ta*”, “*mình có nhớ không*” vang lên day dứt khôn nguôi.

+ Các từ thiết tha, mặn nồng thể hiện bao ân tình gắn bó.

- Bốn câu sau: tiếng lòng của người cán bộ về xuôi

+ Tuy không trả lời trực tiếp câu hỏi của người ở lại nhưng tâm trạng băng khuâng, bồn chồn, cùng với cử chỉ “*cầm tay nhau*” xúc động bồi hồi đã nói lên tình cảm: chưa xa đã nhớ, sự bịn rịn lưu luyến của người cán bộ với cảnh và người Việt Bắc.

lời có hay không mà là những cử chỉ. Câu thơ bỏ lửng “*cầm tay...*” diễn tả thái độ ghen ngào không nói lên lời của người cán bộ giã từ Việt Bắc về xuôi.

+ Hình ảnh “*áo chàm*”- nghệ thuật hoán dụ, trang phục quen thuộc của người dân VB.

▮ khúc dạo đầu của bản tình ca về nỗi nhớ.

2.2. Mười hai câu tiếp: gọi lại những kỉ niệm chiến khu gian khổ mà nghĩa tình:

- Nhớ về thiên nhiên, cuộc sống, tình người VB:



Học văn – văn học

- + Nhớ một thiên nhiên khắc nghiệt: “*mưa nguồn, suối lũ, mây cùng mù*”
- + Nhớ một chiến khu đầy gian khổ, nhưng sẵn lòng cảm thù giặc sâu sắc: *com chấm muối, mối thù nặng vai*.
- + Nhớ những sản vật miền rừng: *trám bùi, măng mai*.
- + Nhớ những mái nhà nghèo nàn nhưng ấm áp tình người, tình cách mạng.
- + Nhớ những năm đầu kháng Nhật với những địa danh lịch sử: Tân Trào Hồng Thái mái đình cây đa.

- Nổi nhớ ấy được thể hiện bằng những dòng thơ lục bát đậm chất dân gian, những cặp câu thơ lục bát có sự phối hợp thanh điệu hài hòa. Sáu dòng lục tạo thành một điệp khúc âm thanh: nó đan dày thành những cấu trúc thanh bằng- trắc- bằng tạo ra nhạc điệu ngân nga trầm bổng nhẹ nhàng, khoan thai.

- Hầu hết các câu thơ ngắt theo nhịp 4/4 làm nên những tiểu đối cân xứng, hô ứng về câu trúc, nhạc điệu: *Mưa nguồn suối lũ/những mây cùng mù; Miếng com chấm muối mối thù nặng vai...* Có những cặp tiểu đối khắc ghi những sự kiện, có những cặp tiểu đối về đầu nói về hiện thực gian khổ, về còn lại khắc sâu vẻ đẹp tâm hồn của con người Việt Bắc gắn bó son sắt cùng với lối sống ân nghĩa thủy chung. Người đọc như gặp lại hồn xưa dân tộc trong những trang thơ lục bát của Tố Hữu.

- Câu thơ “*Mình đi mình lại nhớ mình*”: nhớ mình- tức nhớ người ở lại nhưng cũng như là nhắc nhở chính mình hãy nhớ về quá khứ gian khổ nhưng thấm đẫm nghĩa tình.

2.3. Từ câu 25 đến câu 42: Nổi nhớ những kỉ niệm sinh hoạt nghèo khổ mà ấm áp nghĩa tình.

Nhớ gì như nhớ người yêu

.....

Chày đêm nện cối đều đều suối xa

- Nổi nhớ được so sánh với nhớ người yêu: Nổi nhớ mãnh liệt và da diết.
- Từ nổi nhớ *như nhớ người yêu*, Việt Bắc hiện lên với những nét đẹp rất riêng: Trăng đầu núi, nắng lưng nương cùng những tên gọi, địa danh cụ thể.
- Điệp từ “*nhớ từng*” lặp đi lặp lại làm cho nổi nhớ thêm da diết. Trong kí ức của người đi còn in dấu khoảnh khắc thời gian (trăng đầu núi, nắng chiều lưng nương), từng khoảng không gian của cây, sông, suối (Nhớ từng rừng nứa... vơi đầy). Vẻ đẹp thiên nhiên nên thơ sẽ còn đọng mãi trong nổi nhớ nhưng của người ra đi.
- Tuy nhiên, da diết và đậm sâu hơn cả vẫn là nổi nhớ về con người, về ân tình Việt Bắc: bình thường, giản dị mà ân nghĩa thủy chung:
 - + Nhớ Việt Bắc là nhớ đến tấm lòng biết sẻ chia: bát com sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.
 - + Nhớ đến nghĩa tình: người mẹ địu con, bẻ từng bắp ngô.
 - + Nhưng cũng là nhớ đến đồng chí, đồng đội với bao gian nan vất vả: *Nhớ sao... núi đèo*
- Việt Bắc vì thế tuy gian khổ, vất vả nhưng trong kí ức vẫn thanh bình, đẹp đẽ: *Nhớ sao tiếng mõ ... suối xa*



Học văn – văn học

=>Đoạn thơ đủ sức gợi ra thật rõ nét và thấm thía khung cảnh bản làng, tình người, tình quân dân của chiến khu những năm kháng Pháp với tất cả những dáng nét, âm thanh, không khí, tâm tình. Những câu thơ cất lên nghe sao triu mến, nói về mẹ, về trẻ thơ, về người thương yêu dấu.

2.4. Từ câu 43 đến câu 52: bức tranh tứ bình về thiên nhiên, con người Việt Bắc.

Ta về mình có nhớ ta

.....

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung

- Hai dòng thơ đầu là lời khẳng định về nỗi nhớ thương da diết và tình cảm thủy chung của người ra đi dành cho quê hương Việt Bắc. Nỗi nhớ đã làm sống dậy trong tâm tưởng hình ảnh thiên nhiên, con người nơi chiến khu cách mạng.

- Thiên nhiên Việt Bắc đẹp trong sự đan cài với vẻ đẹp của con người “*hoa*” cùng “*người*”: Đoạn thơ có bốn cặp câu lục bát: câu 6 miêu tả thiên nhiên, câu 8 miêu tả con người.

- Thiên nhiên Việt Bắc hiện lên trong vẻ đẹp bốn mùa:

+ Mùa đông trên nền xanh bạt ngàn cây lá bỗng bất ngờ hiện lên sắc màu đỏ tươi của hoa chuối. Màu đỏ ấy làm ấm cả không gian

+ Mùa xuân với sắc trắng của hoa mơ- loài hoa đặc trưng của Việt Bắc, 1 màu trắng miên man, tinh khiết, đẹp đến nao lòng.

+ Mùa hè, với tiếng ve kêu vang ngân và sắc vàng của rừng phách.

+ Mùa thu với ánh trăng chan hòa trên mặt đất, đem lại không khí bình yên.

- Hình ảnh con người đã trở thành tâm điểm của bức tranh tứ bình, tạo nên sức sống của thiên nhiên cảnh vật. Những con người Việt Bắc hiện về trong nỗi nhớ thật thân quen, bình dị, trầm lặng trong những công việc của đời thường:

+ Mùa đông trở nên ấm áp với “*ánh nắng dao gài thắt lưng*”.

+ Bức tranh mùa xuân hòa cùng với dáng vẻ cần mẫn chút chằm của “*người đan nón*”

+ Bức tranh màu hè hoá dịu dàng với hình ảnh cô em gái hái măng một mình

+ Mùa thu là tiếng hát nghĩa tình thủy chung của con người cất lên giữa đêm trăng.

- Đoạn thơ mang nét đẹp cổ điển mà hiện đại

+ Vẻ đẹp cổ điển: Bức tranh tứ bình hiện lên qua những nét gợi tả

+ Vẻ đẹp hiện đại: Hình ảnh con người đã trở thành tâm điểm, tạo nên vẻ đẹp, sức sống của bức tranh.

2.5. Từ câu 53 đến câu 83: khung cảnh Việt Bắc kháng chiến, lập nhiều chiến công, vai trò của Việt Bắc trong cách mạng và kháng chiến.

a. Từ câu 53-> 74

“Nhớ khi giặc đến giặc lùng

.....

Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng”



Học văn – văn học

Trong hoài niệm bao trùm có ba mảng thống nhất hòa nhập đó là: nỗi nhớ thiên nhiên- nỗi nhớ con người cuộc sống ở Việt Bắc- nỗi nhớ về cuộc kháng chiến chống Pháp. Theo dòng hồi tưởng, người đọc được sống lại những giây phút của cuộc kháng chiến với không gian rộng lớn, những hoạt động tấp nập, sôi động được vẽ bằng bút pháp của những tráng ca. Cảnh Việt Bắc đánh giặc được miêu tả bằng những bức tranh rộng lớn, kì vĩ.

+ Rừng núi mênh mông hùng vĩ trở thành bạn của ta, chở che cho bộ đội ta, cùng quân và dân ta đánh giặc.

+ Chiến khu là căn cứ vững chắc, đầy nguy hiểm với quân thù.

+ Nghệ thuật so sánh, nhân hoá: ***núi giăng...luỹ sắt, rừng che, rừng vây...***

+ Những cái tên, những địa danh ở chiến khu Việt Bắc: ***phủ Thông, đèo Giàng, sông Lô, Cao- Lạng...*** vang lên đầy mến yêu, tự hào, cũng trở thành nỗi nhớ của người cán bộ kháng chiến về xuôi.

+ Không khí chiến đấu sôi nổi hào hùng, khí thế hừng hực trào sôi:

~ Sức mạnh của quân ta với các lực lượng bộ đội, dân công... sự hợp lực của nhiều thành phần tạo thành khối đoàn kết vững chắc.

~ Các từ: ***Rầm rập, điệp điệp, trùng trùng...*** thể hiện khí thế dồn dập.

~ Hình ảnh người chiến sĩ được gợi lên qua chi tiết giàu chất tạo hình: ***“ánh sao đầu mũ bạn cùng mũ nan”*** -> ánh sáng của sao dẫn đường, ánh sáng của niềm tin, của lí tưởng.

~ Thành ngữ ***“Chân cứng đá mềm”*** đã được nâng lên thành một bước cao hơn ***“bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”***.

+ Chiến công tung bừng vang dội khắp nơi: **Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên, đèo De, núi Hồng...** Niềm vui chiến thắng chan hoà bốn phương: ***Vui từ...vui về...vui lên...***

+ Đoạn thơ ngập tràn ánh sáng: ***ánh sao, ánh đuốc, ánh đèn pha...*** như ánh sáng của niềm tin tưởng, niềm vui tràn ngập.

+ Nhịp thơ dồn dập gấp gáp, âm hưởng hào hùng náo nức tạo thành khúc ca chiến thắng.

b. Từ câu 75- câu 83.

Đoạn thơ phác họa hình ảnh giản dị mà trang trọng của một cuộc họp Chính phủ trong hang núi mà vẫn rực rỡ dưới ánh cờ đỏ sao vàng trong nắng trưa và kết thúc bằng sự thâu tóm hình ảnh Việt Bắc quê hương cách mạng, đầu não của cuộc kháng chiến, nơi đặt niềm tin tưởng và hy vọng của con người Việt Nam từ mọi miền đất nước, đặc biệt là những nơi còn ***“u ám quân thù”***.

3. Đặc sắc nổi bật : Đoạn trích đậm đà tính dân tộc ở cả nội dung lẫn hình thức

Việt Bắc là một trong những đỉnh cao của thơ ca cách mạng Việt Nam. Tiếng thơ trữ tình- chính trị của Tố Hữu đậm đà tính dân tộc.

Nội dung

- Những bức tranh chân thực, đậm đà bản sắc dân tộc về thiên nhiên và con người Việt Bắc được tái hiện trong tình cảm tha thiết , gắn bó sâu sắc của tác giả.



Học văn – văn học

- Tình nghĩa của người cán bộ và đồng bào Việt Bắc với cách mạng, kháng chiến, với Bác Hồ là những tình cảm cách mạng sâu sắc của thời đại mới. Những tình cảm ấy hòa nhập và tiếp nối mạch nguồn tình cảm yêu nước, đạo lí ân tình thủy chung vốn là truyền thống sâu bền của dân tộc.

- Hình thức

+ Thể thơ: thể thơ lục bát truyền thống đã được vận dụng tài tình trong một bài thơ dài, vừa tạo âm hưởng thống nhất mà lại biến hóa đa dạng.

+ Kết cấu: lối kết cấu đối đáp trong ca dao dân ca được vận dụng một cách thích hợp, tài tình

+ Những lời nói giàu hình ảnh, các cách chuyển nghĩa truyền thống (so sánh, ẩn dụ, tượng trưng, ước lệ)

+ Giọng thơ ngọt ngào, tâm tình, cách xưng hô mình- ta quen thuộc trong ca dao khiến bài thơ như một bản tình ca về lòng thủy chung son sắt của người cách mạng với người dân Việt Bắc

4. Chủ đề

Việt Bắc là một câu chuyện lớn, một vấn đề tư tưởng được diễn đạt bằng một cảm nhận mang tính chất riêng tư. Bài thơ gợi về những ân nghĩa, nhắc nhở sự thủy chung của con người đối với con người và đối với quá khứ cách mạng nói chung

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. (2 điểm): Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ “*Việt Bắc*” Xem mục I

Câu 2. (2 điểm): Sự sáng tạo của Tố Hữu trong việc sử dụng cặp đại từ xưng hô *mình – ta* trong bài thơ. Xem mục II.1

Câu 3. (2 điểm): Nhận xét về hình thức nghệ thuật đậm đà tính dân tộc trong bài thơ *Việt Bắc* Xem mục II.3

Câu 4 (5 điểm) Đề ra theo đoạn, học sinh luyện tập theo mục II.

Chú ý một số **Đề so sánh** (*Đề thi kiểm tra kiến thức GV năm 2013*)

Cùng viết về nỗi nhớ nhưng mỗi nhà thơ lại có một cách khám phá, thể hiện của riêng mình.

Trong bài thơ “*Tây Tiến*”, Quang Dũng viết:

“Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa”

(*Tây Tiến* - Quang Dũng, *Ngữ văn 12*,
Tập một, NXB Giáo dục, 2007, tr. 89)

Trong bài thơ “*Việt Bắc*”, Tố Hữu viết:

“Mình về, rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già.
Mình đi, có nhớ những nhà
Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son”.



Học văn – văn học

(*Việt Bắc* - Tố Hữu, *Ngữ văn 12*,
Tập một, NXB Giáo dục, 2007, tr. 110)

1. Vài nét về tác giả và tác phẩm.

- Quang Dũng là một nghệ sĩ đa tài với hồn thơ tinh tế, phóng khoáng, mang đậm chất lãng mạn. *Tây Tiến* là một sáng tác đặc sắc của Quang Dũng, góp phần làm nên tên tuổi nhà thơ. Bài thơ kết tinh nỗi nhớ da diết về đồng đội, về những ngày tháng không thể nào quên của đoàn quân Tây Tiến, gắn với miền Tây hùng vĩ, hiểm trở và thơ mộng.

- Tố Hữu là lá cờ đầu của thơ ca cách mạng với phong cách trữ tình chính trị. Bài thơ *Việt Bắc* là một thành công xuất sắc của ông. Bài thơ thể hiện một cách tinh tế tình cảm cách mạng giữa những người kháng chiến và người dân Việt Bắc.

2. Về đoạn thơ trong bài *Tây Tiến*.

- Nội dung: Vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên và con người miền Tây trong nỗi nhớ của người lính Tây Tiến:

+ Thiên nhiên hoang sơ, gợi cảm: những bông lau chập chờn, lay động trên những bến bờ như cũng có hồn; những bông hoa dập dềnh trên dòng nước lũ cũng mang hồn cảnh vật quyến luyến, tình tứ (hoa *đong đưa* chứ không phải là *đung đưa*)

+ Nổi lên trên nền cảnh của bức tranh thiên nhiên thơ mộng là hình ảnh một dáng người vững chãi trên con thuyền độc mộc, giữa dòng nước lũ. Hình ảnh ấy tạo thêm một nét đẹp rắn rỏi, khoẻ khoắn cho bức tranh thiên nhiên thơ mộng, mềm mại, đẹp mơ màng.

+ Nổi nhớ thể hiện tình cảm gắn bó, khăng khít với thiên nhiên, con người cuộc sống miền Tây. Qua đó ta thấy được tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, hào hoa của người lính Tây Tiến.

- Nghệ thuật.

+ Hình ảnh được sáng tạo bằng bút pháp lãng mạn, chấm phá, gợi tả.

+ Ngôn ngữ có những kết hợp từ độc đáo mới lạ, tạo sắc thái mới cho từ ngữ (*hoa đong đưa*)

+ Giọng thơ băng khuâng, man mác, những câu hỏi tu từ (*có nhớ, có thấy...*) gợi lại cảnh chia tay trong một chiều sương mờ bao phủ nơi Châu Mộc.

3. Về đoạn thơ trong bài *Việt Bắc*.

- Nội dung: Tình cảm của Việt Bắc đối với người kháng chiến.

+ Trong câu tứ toàn bài, tác giả đã tưởng tượng, sáng tạo ra một đôi bạn tình Minh - Ta, tưởng tượng ra kẻ ở lại là Việt Bắc và người ra đi là những cán bộ về xuôi hát đối đáp với nhau. Đoạn thơ vừa là sự ước hỏi, vừa là sự gợi nhớ bộc lộ tình cảm gắn bó, nhớ mong, nghĩa tình, chung thủy của Việt Bắc dành cho người kháng chiến.

+ Qua lời nhắn gửi ấy là hình ảnh Việt Bắc hoang sơ với những cảnh vật (*hắt hiu lau xám*), sản vật mộc mạc, gần gũi (*Trám bùi để rụng, măng mai để già*). Khung cảnh ấy càng nổi bật con người Việt Bắc "đậm đà lòng son", cuu mang cho cách mạng, cùng chung mối thù, cùng chịu đựng gian khổ, hy sinh.

- Nghệ thuật.

+ Sử dụng thành công thể thơ lục bát với việc kết hợp nhuần nhuyễn màu sắc cổ điển và màu sắc dân gian, mang âm hưởng tha thiết, sâu lắng.



Học văn – văn học

+ Hình ảnh thơ giản dị, gần gũi gợi cảm; tổ chức lời thơ theo phép tiểu đối cân xứng, hài hoà. Những tiểu đối khi tương đồng (*Trám bụi để rụng, măng mai để già*), khi tương phản (*Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son*) làm nổi bật tấm lòng đồng bào Việt Bắc dành cho cán bộ, chiến sĩ, cho cách mạng.

+ Điều thơ lục bát uyển chuyển cân xứng hài hoà, điệp từ, điệp ngữ tạo nên giọng điệu trữ tình thiết tha, êm ái, ngọt ngào mang âm hưởng lời ru.

4. Về sự tương đồng và khác biệt giữa hai đoạn thơ.

- Tương đồng: Cả hai đoạn thơ đều thể hiện nỗi nhớ da diết, sâu nặng với một bút pháp nghệ thuật điêu luyện, tinh tế.

- Khác biệt: Đoạn thơ trong bài *Tây Tiến* là lời nhắn nhủ của người đi, được thể hiện bằng thể thơ thất ngôn với một bút pháp lãng mạn, hào hoa... Đoạn thơ trong bài *Việt Bắc* là lời nhắn gửi của người ở lại được thể hiện bằng thể thơ lục bát, ngôn ngữ, hình ảnh, giọng điệu mang đậm màu sắc dân tộc, truyền thống.

- Lý giải sự tương đồng và khác biệt.

+ Tương đồng vì: Hai tác giả đều là những nhà thơ rất mực tài năng, đều tham gia kháng chiến chống Pháp, đều gắn bó sâu nặng với những vùng đất - con người kháng chiến.

+ Khác biệt vì: Bản chất nghệ thuật là sự sáng tạo, “Mỗi tác phẩm văn học phải là một phát minh về hình thức và một khám phá về nội dung” (nhà văn Lêônit Lêônốp); Do nét riêng của hoàn cảnh cảm hứng và phong cách nghệ thuật độc đáo của mỗi nhà thơ.

Đề: Nhận xét về đoạn thơ dưới đây trong bài *Việt Bắc* của nhà thơ Tố Hữu, có ý kiến cho rằng, “**Đó là một bức tứ bình tuyệt đẹp về thiên nhiên và con người Việt Bắc**”.

“Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người,
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.”

(*Việt Bắc* – Tố Hữu, Ngữ Văn 12, Tập 1, NXB GD, 2008)

Anh/Chị hãy phân tích đoạn thơ để bình luận nhận xét trên

Hướng dẫn:

1. Giới thiệu ngắn gọn nhà thơ Tố Hữu và bài thơ *Việt Bắc*: Tố Hữu là một trong những nhà thơ hàng đầu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam. *Việt Bắc* là bài thơ được lấy làm đầu đề cho cả một tập thơ. Tố Hữu viết bài thơ này vào tháng 10 năm 1954, khi nước ta đã hoàn thành cuộc kháng chiến chống Pháp, chính phủ đã rời chiến khu Việt Bắc về Hà Nội. Đây là một bài thơ dài (168 câu). Đoạn trích trong sách giảng văn chỉ



Học văn – văn học

gồm 90 câu. Đoạn thơ đề thi là phần 5, nói về nỗi nhớ cảnh và người Việt Bắc. Nó giống như một bức tứ bình về thiên nhiên và con người Việt Bắc rất đẹp và nên thơ

Giải thích:

Giải thích ngắn gọn khái niệm “tứ bình” trong lời nhận xét: là loại tranh về thiên nhiên gồm 4 bức xuân, hạ, thu, đông. Bên cạnh tứ bình còn có “tứ quý”, hay “tứ linh”: long, ly, quy, phượng, hay tùng, cúc, trúc, mai..Lời nhận xét trong đề thi căn cứ vào đoạn thơ của Tố Hữu cho rằng đây là một bức tứ bình. Chính xác hơn, nó gồm hai bức tứ bình, một về thiên nhiên với 4 mùa “xuân hạ thu đông” và hai, đó là bức tứ bình về “con người Việt Bắc”.

3. Phân tích đoạn thơ: Để làm rõ bức tứ bình về thiên nhiên và con người VB, cần xác định rõ vị trí của đoạn thơ. Trong đoạn trích bài VB, đây là đoạn thứ 5, nói về nỗi nhớ của người cán bộ về xuôi. Đoạn thơ có cấu trúc khá độc đáo. 10 câu thơ như một bài thơ độc lập, có hai câu mở đầu và 8 câu còn lại chia làm 4 cặp, trong đó, tác giả dành câu lục (câu 6) nói về nỗi nhớ cảnh, và câu bát (câu 8) nói về nỗi nhớ người.

* Phân tích bức tứ bình thiên nhiên:

Nỗi nhớ cảnh (bức tứ bình thiên nhiên): là nỗi nhớ 4 mùa xuân hạ thu đông. Mùa đông hiện lên với sắc màu đỏ tươi của hoa chuối, mùa thu với sắc trắng thanh khiết của hoa mơ, mùa hạ với âm thanh của tiếng ve và sắc vàng của rừng phách, mùa thu với ánh trăng dịu hiền. Bức tứ bình thiên nhiên rất đẹp, đa dạng với cả âm thanh và sắc màu, vui tươi, rộn rã, tươi sáng. Nhà thơ đã rất có lý khi chọn cho mỗi mùa VB một kỉ niệm riêng, rất đặc trưng và cũng rất hiện thực

Bức tứ bình về con người :

4 câu thơ “bát” về nỗi nhớ con người, cũng có thể coi là bức “tứ bình”, dù nó không là bức tranh thiên nhiên. Nhà thơ cũng dành mỗi câu thơ cho nỗi nhớ con người. Đó là những con người VB thủy chung, tình nghĩa từng đồng cam cộng khổ với cán bộ cách mạng trong suốt những năm dài kháng chiến. Nỗi nhớ khi thì hướng về một nét đặc trưng riêng của người VB (đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng), khi lại nhớ về một người đàn ông đan nón, lúc lại nhớ một người con gái hái măng. Và cuối cùng nỗi nhớ bao trùm lên tất cả những con người VB thủy chung, ân tình

Nghệ thuật “*dựng tứ bình*” của Tố Hữu:

- Sử dụng điêu luyện thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc
- Sử dụng điêu luyện cặp đại từ “mình ta” trong đoạn thơ
- Nghệ thuật đối xứng, đan cài hai câu thơ lục và bát, hai bức tranh thiên nhiên và con người trong bức tứ bình rất điêu luyện. Cứ sau câu thơ lục về nỗi nhớ cảnh, lại đến một câu thơ bát về nỗi nhớ người. Nỗi nhớ này kéo theo nỗi nhớ kia, nỗi nhớ cảnh khơi gợi nỗi nhớ người, cũng giống như một câu thơ lục chỉ tồn tại được khi có một câu thơ bát.

3. Bình luận:

- Nhận xét hoàn toàn đúng đắn. Đoạn thơ tuy chỉ ngắn gọn 10 câu, nhưng bằng tài nghệ của mình, Tố Hữu đã vẽ được một bức tranh đẹp về thiên nhiên và con người VB trong kháng chiến.



Học văn – văn học

Bức tranh tứ bình bằng thơ thể hiện phong cách thơ giàu tính dân tộc của Tố Hữu

Nghệ thuật tứ bình của Tố Hữu vừa cổ điển vừa có nét mới mẻ hiện đại, thể hiện sự kế thừa, cách tân

Bài 3: TIẾNG HÁT CON TÀU(Chế Lan Viên)

I. Tác giả:

Chế Lan Viên là bút danh của nhà thơ Phan Ngọc Hoan (1920-1989). Trước 1945. Chế Lan Viên nổi tiếng với tập thơ “*Điêu tàn*” (“Thung lũng đau thương”). Sau 1945, ông nổi tiếng với tập “*Ánh sáng và phù sa*” (“cánh đồng vui”)

Phong cách: Thơ Chế Lan Viên giàu chất suy tưởng, mang vẻ đẹp trí tuệ, hình ảnh luôn mới lạ, ngôn ngữ sắc sảo

II. Bài thơ

1. Xuất xứ: *Tiếng hát con tàu* viết trong thời kỳ miền Bắc xây dựng XHCN, đặc biệt năm 1958 có đợt kêu gọi đồng bào miền xuôi lên vùng núi Tây Bắc đi xây dựng vùng kinh tế mới. Tác phẩm được rút ra từ tập thơ “*Ánh sáng và phù sa*”.

2. Nhan đề: sự thật những năm Chế Lan Viên viết bài thơ này thì chưa có đường tàu cũng như chưa có con tàu nào lên Tây Bắc. Hình tượng Tiếng hát con tàu ở đây là một hình ảnh lãng mạn, mang ý nghĩa biểu tượng: biểu tượng cho những cuộc lên đường, biểu tượng cho khát vọng đi xa vượt ra khỏi những gì chật hẹp tù túng, quẩn quanh để đến với cuộc sống lớn của nhân dân, để đến với nơi khơi nguồn cho cảm hứng nghệ thuật và cũng là để về với tâm hồn mình

3. Lời đề từ:

- Lời đề từ là một khổ thơ đầy ắp biểu tượng. Tây Bắc không chỉ là một hình ảnh cụ thể mà Tây Bắc còn là biểu tượng của đất nước, của Tổ quốc, có nghĩa là nơi nào trên Tổ quốc của chúng ta cần đến nhưng bàn tay lao động, những bàn tay kiến thiết thì ở đó có “*lòng ta*”. “*Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát*” thì đó là lúc “*Lòng ta hóa những con tàu*”. Đặc biệt hơn nữa, đó là sự gắn kết giữa “*Lòng ta*”, “*tâm hồn ta*” với Tổ quốc. Tổ quốc không ở đâu xa mà ở ngay tâm hồn ta: “*Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu*”. Như vậy “*Con tàu*” chính là lòng ta, tâm hồn ta mang tất cả sức mạnh, mang niềm vui, mang khát vọng, mang cống hiến để lên đường theo tiếng gọi Tổ quốc. Cũng như vậy, bốn câu thơ đề từ là nguồn cảm hứng cho toàn bộ bài thơ đó là cảm hứng lên đường, cảm hứng hòa nhập vào cuộc đời rộng lớn của nhân dân, từ đó khơi nguồn cảm hứng sáng tạo cho thơ ca và nghệ thuật

4. Cảm xúc chủ đạo- mạch cảm xúc

a. Hai khổ thơ đầu: lời giục giã lên đường

- Hai khổ thơ đầu là tâm trạng và nỗi niềm băn khoăn của thi nhân về chuyện đi hoặc ở lại. Đi tức là đến với vùng đất Tây Bắc nhiều khó khăn, gian khổ. Ở chính là ở lại Hà Nội (cuộc sống đầy đủ). Tâm trạng ngại đi xa, ngại khó khăn gian khổ là một sự thật,



Học văn – văn học

không chỉ riêng nhà thơ mà ở rất nhiều tâm trạng con người sau ngày hòa bình lập lại, khổ thơ chính là cuộc đấu tranh tư tưởng

- Và để tô đậm tâm trạng và nỗi niềm băn khoăn ấy, nhà thơ đã sử dụng hàng loạt câu hỏi tu từ với âm điệu thơ đầy ám ảnh, giục giã. Đây chính là những câu hỏi đầy hồi thúc, đầy giục giã làm lay động tâm hồn người nghệ sĩ. Nếu như chọn “*giữ trời Hà Nội*” thì đó là cuộc sống ích kỷ, hưởng thụ, chỉ sống riêng cho bản thân mình, đó chắc chắn là cuộc sống tù túng chật hẹp. Nhà thơ cũng tự phê bình chính bản thân mình qua phép đối lập, đối lập giữa đất nước mệnh mông và sự nhỏ hẹp của đời anh. Và chắc chắn sống trong cuộc đời như vậy thì không bao giờ tìm được cảm hứng cho văn nghệ: “*Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép*”. Người nghệ sĩ sẽ có thể tìm được cảm hứng văn nghệ khi đi về phía nhân dân, về phía sáng tạo “*tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia*”. “*Trên kia*” chính là Tây Bắc, là Tổ quốc, là nhân dân, là nguồn cảm hứng mãnh liệt, dồi dào cho sức sống của nghệ thuật. Đó là nơi “*gió ngàn đang rú gọi*” đang mời gọi giục giã nhà thơ lên đường.

b. Hai khổ thơ tiếp theo là khát vọng trở về với Tây Bắc- trở về với những kỉ niệm kháng chiến

- Nhà thơ đã viết bằng niềm tự hào mãnh liệt, thể hiện qua cách gọi Tây Bắc, cách dùng từ - nhà thơ gọi Tây Bắc là **xứ thiêng liêng**, là vùng đất của anh hùng bởi Tây Bắc là nơi biết bao xương máu con người đã đổ xuống, là vùng đất khai sinh ra nguồn cảm hứng cho thơ ca nghệ thuật trong đó có “**Tiếng hát con tàu**” của Chế Lan Viên. Nhà thơ còn tự hào gọi Tây Bắc là ngọn lửa, ngọn lửa truyền thống yêu nước, vẻ đẹp quật cường. Ngọn lửa ấy không chỉ cháy trong mười năm quá khứ mà còn cháy sáng trong tương lai “*Ngàn năm sau còn đủ sức soi đường*”. Đặc biệt Chế Lan Viên còn tự hào gọi Tây Bắc là “*Mẹ yêu thương*”. Cách gọi ấy cho thấy nhận thức sâu sắc của Chế Lan Viên về cội nguồn đất nước của dân tộc. Nhà thơ viết hoa chữ “*Mẹ*” đó là mẹ Tổ quốc, là mẹ của đất nước, là mẹ của cội nguồn cảm hứng nghệ thuật

c. Bốn khổ thơ kế tiếp: Trở về với Tây Bắc là trở về với nhân dân, cội nguồn của yêu thương. Đó là sự trở về để đền ơn đáp nghĩa, để sống trong lòng của nhân dân.

- Với nhà thơ Chế Lan Viên thì việc gặp lại nhân dân là một niềm vui lớn, khao khát lớn, hạnh phúc lớn được thể hiện qua bốn câu thơ. Nhà thơ sử dụng thủ pháp nghệ thuật so sánh qua hình ảnh “*nai về suối cũ*”, “*cỏ đón giêng hai*”, “*chim én gặp mùa*”, “*đưa trẻ thơ đôi lòng gặp sữa*”. Cách so sánh này vừa quen lại vừa lạ, thể hiện niềm hạnh phúc của nhà thơ khi tìm về nguồn cội bởi cuộc đời đẹp nhất là khi gắn bó với Tổ quốc, với nhân dân. Cách so sánh làm đồng hiện ân nghĩa thủy chung ở đời. Niềm vui, niềm hạnh phúc được trở về với nhân dân được thể hiện qua so sánh với thế giới của thiên nhiên, gặp lại nhân dân mà vui như “*cỏ đón giêng hai*”, thế giới con người vui như ký ức tuổi thơ “*đôi lòng gặp dòng sữa ngọt lành*”, vui như khi “*gặp cánh tay đưa nôi cho giấc ngủ trẻ thơ*”. Đặc biệt nhà thơ lại sử dụng những cặp từ hình ảnh đi đôi với nhau, cái này là sự sống cho cái kia và ngược lại.

- Nhân dân chính là những người đã hi sinh, những người đã san sẻ cùng với bộ đội trong cuộc kháng chiến gian lao.



Học văn – văn học

+ Đó chính là anh du kích. Nhà thơ đã gọi là “*anh con*” như thể máu mủ ruột rà và nhà thơ đặc biệt nhấn mạnh một chi tiết “*chiếc áo nâu*”. Đó chính là hình ảnh của sự nghèo khổ một đời vá rách nhưng chiếc áo đó là chiếc áo nâu của ân tình ân nghĩa “*Đêm cuối cùng anh gửi lại cho con*”. Chiếc áo nâu đó được truyền lại cho con như truyền lại sự sống và tinh thần chiến đấu.

+ Nhân dân còn là hình ảnh của người em liên lạc giàu lòng dũng cảm, gan dạ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà cách mạng giao phó: “*Sáng bản Na, chiều em qua bản Bắc/Mười năm tròn chưa mất một phong thư*”.

+ Tập trung tình cảm nhiều nhất đó chính là hình ảnh người mẹ TB. Hình ảnh lửa hồng soi tóc bạc là hiện thân của ngọn lửa yêu thương, ngọn lửa chiếu sáng tóc bạc của mẹ– người đã dành rất nhiều tình cảm với nhà thơ mặc dù không phải là tình máu mủ ruột thịt nhưng người mẹ đó luôn xem cán bộ như là con đẻ. Chính vì vậy “*trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi*”. Nhà thơ đã sử dụng rất nhiều những từ ngữ chỉ sự gắn bó “*một mùa dài*”, “*trọn đời*”, “*nhớ mãi*”, ... Đó chính là những từ ngữ thể hiện quan hệ gắn bó không thể tách rời giữa cái cá nhân và cái cộng đồng.

=> Bốn khổ thơ trên: Khổ một tập trung thể hiện niềm vui của nhà thơ khi trở về với nhân dân. Ba khổ thơ tiếp theo cụ thể hóa hình ảnh nhân dân: *người mẹ, người anh, người em*. Những hình ảnh này gắn kết trong không khí gia đình chung là nhân dân và Tổ quốc.

d. 2 khổ thơ tiếp: những suy ngẫm về mối quan hệ con người với Tây Bắc, Đất nước, quê hương.

- Khổ thơ đầu: cô đúc như một triết lý chiêm ngôn về quy luật tình cảm con người. Câu thơ đầu của khổ: nhà thơ sử dụng dấu phẩy ở giữa tạo thế đối cân xứng hài hòa, cùng đó là điệp từ “*nhớ*” làm cho ta khi đọc lên tưởng chừng như một bài hát. Đó chính là nỗi nhớ vừa thực vừa ảo, nỗi nhớ da diết khôn nguôi mang một màu sắc sương khói hoài niệm. Đằng sau những câu thơ như câu hát ấy, nhà thơ tự hỏi lòng mình “*Nơi nao qua lòng lại chẳng yêu thương?*”, hỏi cũng là tự đo lòng mình, đo yêu thương tình nghĩa. Chính nỗi nhớ, tình yêu thương đã khiến “*Đất*” vô tri hóa tâm hồn. Đất là cụ thể hóa của vật chất nhưng trong hai câu thơ này, “*đất*” đã được chuyển hóa thành dạng cao nhất của tinh thần, thành tâm hồn. Một sự chuyển hóa kì diệu.

- Nhà thơ đột ngột chuyển sang một rung cảm và suy tưởng khác về tình yêu đất lạ. Nhà thơ lại tiếp tục sử dụng một loạt những so sánh để diễn tả tình yêu và rung cảm trong lòng mình, đặc biệt mượn quy luật về tự nhiên để diễn tả tình yêu. Mùa đông gắn liền với rét mướt, nhắc tới mùa đông con người không thể quên cái rét, nhắc tới tình yêu không thể thiếu nỗi nhớ anh và em. Chữ “*bỗng*” trong câu “*Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét*” thể hiện tình cảm chân thật, nóng bỏng, đột ngột tràn ngập trong lòng thi nhân. Câu thơ kết lại thêm một lần ta lại thấy sự chuyển hóa của các vật chất thành sự sống của tâm hồn qua câu thơ: “*Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương*”. Đây là sự chuyển hóa kì diệu bởi chỉ có ân nghĩa thì đất lạ mới có thể hóa tâm hồn được.

e. Bốn khổ thơ cuối: là khúc hát lên đường



Học văn – văn học

Mở đầu đoạn thơ là câu hỏi “*Đất nước gọi ta hay lòng ta gọi?*” thể hiện sự giục giã lên đường trong tâm hồn nhà thơ. Câu hỏi đó cũng chính là vẻ đẹp của cái tôi cá nhân, cái tôi của nhà văn bước ra khỏi cuộc đời chật chội tù hãm của đời mình để đến với cuộc sống mới, cuộc sống của nhân dân. Những từ ngữ như “*tình em đang mong, tình mẹ đang chờ*”, “*mắt ta thêm*” đã làm cho đoạn thơ một nhịp điệu dồn dập, âm điệu rộn ràng đầy phấn chấn, say mê. Đặc biệt là cách nói : “*Rẽ người mà đi, vịn tay mà đến*”. “*Mùa nhân dân*” cho thấy niềm vui và khát vọng mạnh mẽ của tác giả khi tìm về với cội nguồn bởi cội nguồn chính là sự sống, là nguồn thơ, nguồn cảm hứng mãnh liệt. Khổ thơ cuối khép lại bằng hình ảnh mang tính biểu tượng thể hiện tâm hình tình yêu của nhà thơ với Tây Bắc, với “mùa nhân dân”

- Đến giây phút này thì con tàu mới thực sự trở thành khát vọng sống, khát vọng lên đường đến Tây Bắc, hết lòng vì Tổ quốc “*Khi Tổ quốc bốn bề lên tiếng hát*”. Bây giờ con tàu không “*đói vành trăng*” nữa mà trở thành “*con tàu mộng tưởng*” của ước mơ, khát vọng. Đặc biệt, con tàu “*mỗi đêm khuya không uống một vành trăng*” tượng trưng cho vẻ đẹp Tây Bắc và nhân dân. Đó cũng là vành trăng của thi ca. “*Mặt hồng em*” là ẩn dụ nói về hiện thực đời sống thể hiện sự thành công, bội thu của Tây Bắc với những thành công ban đầu trong xây dựng và đổi mới. Đồng thời đó cũng chính là mùa bội thu của thi ca nghệ thuật. Khổ thơ cuối thể hiện một niềm tin về lòng yêu Tổ quốc và nhân dân trong chính bản thân mình. Đây cũng chính là vẻ đẹp của cái tôi nhân dân mang khát vọng lớn, sống hòa mình với cộng đồng

5. Đặc sắc NT:

- + Xây dựng hình ảnh trong tương quan đối lập
- + giàu tính biểu tượng
- + Nghệ thuật so sánh từng chum mới mẻ độc đáo
- + Giọng thơ triết luận, lấp lánh vẻ đẹp trí tuệ.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1: Ý nghĩa nhan đề lời đề từ (Xem phần II 2,3)

Câu 2: (5 điểm) Phân tích, cảm nhận các đoạn thơ (xem phần II phần 4)

Câu 3: Bình luận chất chính luận - trữ tình trong bài thơ *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên (xem đáp án kì thi thử ĐH toàn tỉnh BN năm 2013)

II. Một số đề- gợi ý:

Đề:

*Oi kháng chiến! Mười năm qua như ngọn lửa
Nghìn năm sau, còn đủ sức soi đường
Con đã đi nhưng con cần vượt nữa
Cho con về gặp lại Mẹ yêu thương.*

*Con gặp lại Nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.*



Học văn – văn học

(*Tiếng hát con tàu* - Chế Lan Viên, Ngữ Văn 12 Nâng cao, Tập một, NXB Giáo dục, 2009, tr.106)

Phân tích đoạn thơ trên để làm rõ cốt suy tưởng triết lí về nghệ thuật và sáng tạo hình ảnh của Chế Lan Viên.

.Giới thiệu sơ lược tác giả, tác phẩm, đoạn thơ:

Chế Lan Viên là một trong những nhà thơ lớn của nền thơ ca cách mạng Việt Nam, có phong cách rõ nét và độc đáo, nổi bật nhất là chất suy tưởng, triết lí và sự đa dạng, phong phú của thể giới hình ảnh.

- Tiếng hát con tàu được CLV viết năm 1960, in trong tập *Ánh sáng và phù sa*, là khúc hát lên đường say mê, sôi nổi, và sự gắn bó với quê hương đất nước của nhà thơ.

- Đoạn thơ trích dẫn thuộc khổ 3 và 4 (không kể khổ đề từ) là hoài niệm của tác giả về kháng chiến, về nhân dân, về Mẹ

2. Phân tích đoạn thơ:

a. Về nội dung: cảm xúc trữ tình và những suy tưởng triết lí

- Càng suy tưởng, càng tự hào, trân trọng thành quả cách mạng và phẩm chất anh hùng của nhân dân trong kháng chiến; nhận thức rõ đó cũng là sức mạnh của hiện tại, là ánh sáng soi đường hướng tới tương lai (kháng chiến 10 năm – soi sáng nghìn năm...)

- Suy tưởng triết lí trong thơ CLV thường gắn với cảm xúc nồng nhiệt trong khúc ca thôi thúc lên đường, hướng tới Tây Bắc, hướng về cội nguồn, về dân tộc, nhân dân.

Niềm hạnh phúc lớn lao trong đoạn thơ hòa vào những suy tư sâu lắng: trở về với nhân dân là về với những gì thân thuộc, gần gũi nhất, về với những niềm vui từng khát khao mong chờ, về với ngọn nguồn thiết yếu, tin cậy của sự sống, trong sự nuôi dưỡng, che chở, cứu mang.

b. Về nghệ thuật: ngôn từ, hình ảnh phong phú, gợi cảm, đậm chất suy tư

Có sự kết hợp giữa cảm xúc với suy tưởng, nâng xúc cảm, tình cảm lên thành những khái quát triết lí khiến cho hình ảnh, ngôn ngữ thơ phong phú, gợi cảm, giàu chất trí tuệ.

- Ngôn ngữ thơ linh hoạt, giàu giá trị tư tưởng – thẩm mỹ và mang tính biểu cảm cao (sử dụng đại từ xưng hô thân tình; dung câu cảm thán tạo giọng điệu vừa thiết tha say đắm, vừa tành kính, thiêng liêng); phép điệp từ, điệp ngữ có tính nghệ thuật.

Hình ảnh thơ phong phú, đa dạng, giàu ý nghĩa biểu tượng, được sáng tạo bằng nhiều thủ pháp: tả thực, ẩn dụ tượng trưng, đặc biệt là lối so sánh xuyên suốt, trùng điệp (chú ý các hình ảnh so sánh: nai–suối cũ, cỏ - mùa xuân, trẻ thơ – sữa mẹ, nôi nựng – cánh tay đưa)

3. Đánh giá chung:

Đoạn thơ đã khơi dậy những tình cảm sâu nặng với nhân dân, đất nước của một hồn thơ sắc sảo, tài hoa, kết hợp hài hòa giữa lí trí và cảm xúc.

- Đoạn thơ tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật thơ Chế Lan Viên – một thứ phong cách triết lí, suy tưởng.



Học văn – văn học

Đề so sánh:

1. Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, và 2 đoạn trích (0,5đ)
2. Cảm nhận (4đ)
 - a. Cảm nhận chung: (1đ)
 - ND : + Diễn tả niềm vui, niềm hạnh phúc của tác giả trước những sự kiện, những bước ngoặt lớn trong đời.
 - + Gửi gắm quan điểm nghệ thuật của 2 nhà thơ: Văn học nghệ thuật phải gắn bó với đời sống, nó không mâu thuẫn với các vấn đề chính trị xã hội.
 - NT : Hình ảnh so sánh phong phú, gợi cảm, trí tưởng tượng bay bổng.
 - b. Cảm nhận về đoạn thơ trong bài Từ ấy: (1.5đ)
 - ND: Niềm hạnh phúc, vui sướng của Tố Hữu khi được gặp gỡ ánh sáng Cách mạng.
 - NT: Giọng điệu sôi nổi, chất lãng mạn trong trào.
 - c. Cảm nhận về đoạn thơ trong bài Tiếng hát con tàu: (1,5đ)
 - ND: Diễn tả niềm vui, niềm hạnh phúc lớn lao của Chế Lan Viên khi được trở về với nhân dân, với ngọn nguồn cảm hứng sáng tạo nghệ thuật.
 - NT: Giọng điệu tha thiết, giàu chất suy tư, thể hiện sự trải nghiệm của tác giả.
3. Đánh giá (0,5đ)
 - Hai đoạn thơ đã kết tinh được vẻ đẹp thơ ca của 2 thi sĩ.
 - Thể hiện tình yêu, sự gắn bó với nhân dân, với Đảng.

Bài 3: ĐẤT NƯỚC

(trích *Trường ca Mặt đường khát vọng*- Nguyễn Khoa Điềm)

I. Tác giả

- Nguyễn Khoa Điềm thuộc thế hệ những nhà thơ trưởng thành trong khói lửa kháng chiến chống Mỹ
- Thơ ông giàu chất suy tư, cảm xúc dồn nén, thể hiện tâm tư người trí thức tham gia chiến đấu.

II. Đoạn trích “*Đất Nước*”

.Hoàn cảnh ra đời, xuất xứ

“Đất Nước” thuộc phần đầu của chương V trong trường ca *Mặt đường khát vọng* – tác phẩm được hoàn thành ở chiến khu Trị – Thiên năm 1971, viết về sự thức tỉnh của tuổi trẻ vùng đô thị tạm chiếm miền Nam về non sông đất nước, về sứ mệnh của thế hệ mình, xuống đường đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược.

2. Nội dung

2.1. Phần 1: Cảm nhận về Đất Nước

- Đất nước thật dung dị, đời thường: Đất Nước hiện lên qua câu chuyện cổ tích mẹ kể, miếng trầu bà ăn, những dây tre làng, “bới” tóc của mẹ, gừng cay, muối mặn, cái kèo, cái cột, hạt gạo...



Học văn – văn học

- Đất nước “đã có” từ thừa rất xa xưa và rất gần gũi thân thương đối với mỗi con người.

- Nét độc đáo trong nghệ thuật thể hiện: Đoạn thơ là sự kết tinh đặc sắc giữa chất liệu văn hoá dân gian với hình thức thơ trữ tình- chính luận.

- Về không gian địa lý :

+ Đất nước là nơi rất gần gũi với cuộc sống mỗi người (*nơi anh đến trường... nơi em tắm*).

+ Đất Nước tồn tại ngay cả trong những không gian riêng tư của tình yêu đôi lứa : *“Đất Nước là nơi ta hò hẹn. Đất Nước là nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm”*.

+ Đất Nước còn là không gian sinh tồn hết sức đời thường của nhân dân qua bao thế hệ *“Những ai đã khuất. Những ai bây giờ. Yêu nhau và sinh con đẻ cái. Gánh vác phần người đi trước để lại...”*).

- **Về thời gian lịch sử :** Đất Nước được cảm nhận suốt chiều dài thời gian lịch sử từ quá khứ đến hiện tại và tương lai.

+ Đó là một Đất Nước thiêng liêng, hào hùng trong quá khứ (gắn liền với huyền thoại Lạc Long Quân và Âu Cơ, truyền thuyết về các vua Hùng dựng nước).

+ Đó là một Đất nước giản dị, gần gũi trong hiện tại (*“Trong anh và em hôm nay. Đều có một phần Đất Nước”*)

+ Và một Đất Nước triển vọng sáng tươi trong tương lai (*“Mai này con ta lớn lên. Con sẽ mang Đất Nước đi xa. Đến những tháng ngày mơ mộng”*).

- Từ cách cảm nhận và lí giải Đất Nước như thế nhà thơ suy nghĩ về trách nhiệm của mọi người:

+ Đất nước kết tinh, hoá thân trong cuộc sống của mỗi con người, vì thế mọi người phải có tinh thần cống hiến, có trách nhiệm đối với sự trường tồn của quê hương, xứ sở.

+ Cần biết gắn bó biết san sẻ : sự sống của mỗi con người không chỉ là của riêng cá nhân mà còn thuộc về Đất nước.

+ Lời nhắn nhủ với thế hệ trẻ, lời tự nhủ với chính bản thân đầy chân thành tha thiết.

2.2. Tư tưởng “Đất nước của nhân dân” trong phần 2 của đoạn trích

- **Về địa lý:** nhà thơ đã nhìn ngắm Đất Nước mình qua các danh thắng trải dài từ Bắc chí Nam. Tất cả các địa danh được nhắc đến đều gắn liền với một huyền thoại, huyền tích và sự thật về nhân dân trong lịch sử. Nói cách khác, chính những huyền thoại, huyền tích và sự thật lịch sử về nhân dân đã làm nên tên tuổi của các địa danh ấy, biến chúng thành danh thắng, thành di tích lịch sử văn hóa được mọi người thừa nhận và biết đến :

+ những người vợ nhớ chồng – núi Vọng Phu;

+ cặp vợ chồng yêu nhau – hòn Trống Mái;

+ người học trò nghèo – núi Bút, non Nghiên;

+ Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm...

Trong con mắt của nhà thơ, mỗi danh thắng không chỉ là một nét vẽ tô điểm vào bức “*tranh họa đồ*” Đất Nước mà còn ẩn chứa những nét đẹp tâm hồn của nhân dân trong



Học văn – văn học

mấy nghìn năm lịch sử : sự thủy chung; tình nghĩa vợ chồng; tình thần yêu nước; ý thức hướng về tổ tông, nguồn cội; tình thần hiếu học, ý chí vượt khó vươn lên; tình thần xả thân vì cộng đồng, dân tộc... Tự chung lại, đúng như nhà thơ đã khái quát : *“Và ở đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi. Chẳng mang một dáng hình, một ao ước, một lối sống ông cha. Ôi Đất Nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy. Những cuộc đời đã hóa núi sông ta”*.

- **Về lịch sử** : khi nhìn vào “bốn nghìn năm Đất Nước”, Nguyễn Khoa Điềm nhấn mạnh đến “lớp lớp” những con người *“giản dị và bình tâm. Không ai nhớ mặt đặt tên. Nhưng họ đã làm ra Đất Nước”*. Không ai khác mà chính họ đã gìn giữ và truyền lại cho các thế hệ mai sau mọi giá trị văn hóa vật chất và tinh thần của Đất Nước: hạt lúa, ngọn lửa, tiếng nói, ngôn ngữ dân tộc, bản sắc văn hóa các vùng miền... Cũng chính họ *“Có ngoại xâm thì chống ngoại xâm. Có nội thù thì vùng lên đánh bại”* tạo dựng chủ quyền, đắp nền xây móng cho ngôi nhà Đất Nước để các thế hệ mai sau kế thừa và tiếp tục dựng xây, phát triển.

- **Về văn hóa** : khi khẳng định *“Đất Nước của Nhân dân”*, tác giả đã trở về với ngọn nguồn phong phú, đẹp đẽ của văn hóa, văn học dân gian mà tiêu biểu là ca dao. Ca dao chính là diện mạo tinh thần, là nơi lưu giữ đời sống tâm hồn tình cảm của nhân dân qua bao thế hệ. Nguyễn Khoa Điềm đã chọn ra từ kho tàng thơ ca dân gian ba nét đẹp tiêu biểu nhất của tâm hồn Việt, của bản sắc văn hóa Đất Nước: thật say đắm trong tình yêu, quý trọng tình nghĩa và kiên trì, bền bỉ trong đấu tranh cho đến ngày toàn thắng.

. Nghệ thuật

- Thể thơ tự do.
- Sử dụng chất liệu văn hóa dân gian: ngôn từ, hình ảnh bình dị, dân dã, giàu sức gợi tạo nên thế giới nghệ thuật bay bổng diệu kì mà gần gũi thân thiết
- Giọng thơ thủ thỉ, tâm tình, biến đổi linh hoạt
- Sức truyền cảm lớn từ sự hòa quyện của chất chính luận và chất trữ tình.

. Chủ đề

Bằng sự vận dụng đầy sáng tạo hình thức thơ trữ tình- chính trị, đoạn trích *Đất Nước* đã quy tụ mọi cảm nhận, mọi cái nhìn và vốn liếng sách vở cũng như những trải nghiệm cá nhân của người nghệ sĩ để làm nên một tuyên ngôn về tư tưởng, về nhận thức của cả một thế hệ nghệ sĩ, ấy là tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân”

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. (2 điểm): Nêu hoàn cảnh sáng tác và vị trí đoạn trích “*Đất nước*”. Xem mục II.1

Câu 2. (2 điểm): Ở phần đầu, đất nước được cảm nhận với sự thống nhất của ba phương diện: chiều sâu văn hoá, chiều rộng của không gian, chiều dài về thời gian. Anh (chị) hiểu điều đó như thế nào? Xem mục II.2.1

Câu 3. (2 điểm): Nhận xét về cách sử dụng chất liệu văn hoá dân gian của tác giả (ca dao, tục ngữ, truyền thuyết, phong tục...), từ đó tìm hiểu những đóng góp riêng của nhà thơ về nghệ thuật biểu đạt.



Học văn – văn học

- **Chất liệu văn hóa dân gian được sử dụng rất đa dạng và sáng tạo.** Có phong tục, lối sống, tập quán sinh hoạt, (miếng trầu, tóc bới sau đầu, cái kèo, cái cột, hạt gạo xay, giã, dần sàng, hòn than, con cúi...); Có ca dao, dân ca, tục ngữ, có truyền thuyết Hùng Vương, các truyện cổ tích từ xa xưa. Cách vận dụng của tác giả là thường là chỉ gọi ra bằng một vài chữ của câu ca dao hay một hình ảnh, một chi tiết trong truyền thuyết, cổ tích, trừ trường hợp câu dân ca Bình- Trị- Thiên được lấy lại nguyên vẹn “Con chim phượng hoàng ... biển khơi”.

- **Chất liệu văn hóa, văn học dân gian được sử dụng đậm đặc** đã tạo nên một không gian nghệ thuật riêng cho đoạn trích: vừa bình dị, gần gũi, hiện thực, lại vừa giàu tưởng tượng, vừa bay bổng, mơ mộng.

Câu 4. (5 điểm): Cảm nhận của anh(chị) về đoạn thơ sau:

“Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

.....

Đất nước có từ ngày đó”

Hướng dẫn:

- Đây là 9 câu thơ đầu tiên của đoạn trích, là sự lí giải và cảm nhận Đất Nước ở phương diện lịch sử, văn hoá.

- **Đất nước có từ rất xa xưa, thật dung dị, đời thường:**

+ Đất Nước hiện lên qua câu chuyện cổ tích mẹ kể- có từ rất xưa rồi
+ Đất Nước gắn liền với miếng trầu bà ăn- gắn với thuần phong mỹ tục.
+ Đất nước gắn với những dây tre làng- gắn với truyền thống yêu nước
+ Đất Nước gắn với “bới” tóc của mẹ- thói quen hàng ngày của những người phụ nữ VN ngày xưa.

+ Đất Nước gắn với gừng cay, muối mặn- những gia vị hàng ngày rất quen thuộc nhưng cũng là lối sống tình nghĩa thủy chung của con người.

+ Đất Nước hiện hình trong những sự vật gần gũi: cái kèo, cái cột

+ Đất nước gắn với truyền thống lao động cần cù: hạt gạo một nắng hai sương.

- So sánh để làm nổi bật sự khác biệt trong cách cảm nhận về Đất Nước:

- Như vậy, trong những cảm nhận ban đầu của Nguyễn Khoa Điềm, lịch sử lâu đời của đất nước không được cắt nghĩa bằng sự nối tiếp của các triều đại hay các mốc son lịch sử chói lọi mà được nhìn từ trong chiều sâu văn hóa và văn học dân gian. Đây cũng chính là điểm mới trong cách tìm về nguồn cội của đất nước của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm.

- **Sự độc đáo trong nghệ thuật thể hiện:** Một đoạn thơ ngắn nhưng gợi dậy biết bao nét văn hóa và văn học dân gian quen thuộc. Đoạn thơ là một định nghĩa theo cách riêng của Nguyễn Khoa Điềm về Đất Nước : không siêu hình trừu tượng mà gần bó thân thuộc với mỗi người, Đất Nước của nhân dân. Lời thơ giàu chất liệu văn hoá dân gian, tạo một không gian nghệ thuật vừa gần gũi thân quen, vừa bay bổng, sâu xa.

Câu 5. (5 điểm): Cảm nhận của anh(chị) về đoạn thơ sau:

Những người vợ nhớ chồng góp cho Đất Nước những núi Vọng phu

.....

Những cuộc đời đã hoá núi sông ta



Học văn – văn học

Hướng dẫn:

- Tư tưởng “*Đất Nước của nhân dân*” là tư tưởng bao trùm của chương “*Đất Nước*” cũng như của cả trường ca: ca ngợi vai trò và sự hi sinh to lớn của nhân dân trong công cuộc dựng nước và giữ nước.

Đoạn thơ từ câu:

“Những người vợ nhớ chồng còn góp cho Đất Nước những núi Vọng Phu...”

... Những cuộc đời đã hoá núi sông ta...”

là một trong những đoạn thơ tiêu biểu thể hiện tư tưởng này.

- Đoạn thơ gọi tên các danh lam thắng cảnh trên khắp các miền đất nước, trải dài từ Bắc vào Nam. Từ Bình Định, Lạng Sơn, Thanh Hoá với núi Vọng Phu, hòn Trống Mái đến con cóc, con gà ở Hạ Long, chín mươi chín con voi về dựng đất Tổ Hùng Vương đến Đà Nẵng với núi Bút, non Nghiên, miền Nam với những cánh đồng Ông Đốc, Ông Trang, Bà Đen, Bà Điểm.

- Những thắng cảnh thiên nhiên hiện lên như một phần tâm hồn, máu thịt của nhân dân. Những thắng cảnh này là sự hoá thân xả thân từ những gì có thật.

+ Từ tình yêu giữa vợ và chồng: nàng Tô Thị bỗng con ngóng chồng ngày đêm mỗi mòn hoá đá.

+ Từ sự son sắt thuỷ chung tha thiết của tình yêu lứa đôi. Trong cái riêng nhất của đời sống vẫn canh cánh trong lòng tình yêu đất nước.

+ Từ những hiện tượng, thiên nhiên, địa lý lặng lẽ âm thầm như dòng sông, ao đầm đến những mảnh đất thiêng liêng như đất Tổ Hùng Vương đều có tiếng nói riêng kêu gọi hướng về cội nguồn nòi giống.

+ Cảm động nhất là những con người, con vật quê hương đều có chung ý nghĩ làm giàu đẹp sang trọng cho đất nước.

Cả đoạn thơ như sự huy động lực lượng tối đa để kiến tạo nên một đất nước riêng của mình. Nguyễn Khoa Điềm hiểu đến tận cùng những ký thác mà lịch sử cha ông để lại.

Những địa danh trên không chỉ là tên gọi của những cảnh trí thiên nhiên thuần túy mà được cảm nhận thông qua cảnh ngộ số phận của người dân. Dáng hình Đất Nước được tạc nên từ bao mất mát, đau thương vui buồn hạnh phúc... của nhân dân. Chính họ đã đặt tên, ghi dấu vết cuộc đời mình lên mỗi ngọn núi, dòng sông, tác đất.

Từ những hình ảnh, cảnh vật, hiện tượng cụ thể nhà thơ đúc kết thành một khái quát sâu sắc:

“ Và đâu trên khắp ruộng đồng gò bãi

Chẳng mang một dáng hình... núi sông ta”

Tư tưởng “*Đất Nước của nhân dân*” chi phối cách nhìn của nhà thơ khi nghĩ về lịch sử 4000 năm của đất nước: không nói tới các triều đại hay những người anh hùng được lưu danh mà ca ngợi người dân- những con người vô danh giản dị mà phi thường:

“Họ đã sống và chết

Giản dị và bình tâm

Không ai nhớ mặt đặt tên



Học văn – văn học

Chính họ đã làm ra Đất Nước”

▮ Mạch cảm xúc dồn tụ dần và kết thúc bật lên tư tưởng chủ đạo của cả chương thơ và bản trường ca:

“Để Đất Nước này là Đất Nước của nhân dân

Đất Nước của nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại

- Tư tưởng chủ đạo của chương được thể hiện bằng hình thức trữ tình chính luận. Nguyễn Khoa Điềm đưa ra đề thuyết phục người đọc thật giản dị: chính người dân-những con người vô danh đã kiến tạo và bảo vệ Đất Nước, xây dựng truyền thống văn hóa lịch sử ngàn đời. Lý lẽ ấy không phát biểu một cách khô khan mà bằng hình ảnh gợi cảm, giọng thơ sôi nổi tha thiết.

- Qua những vần thơ kết hợp giữa cảm xúc và nghĩ suy, trữ tình và chính luận, Nguyễn Khoa Điềm muốn thức tỉnh ý thức tinh thần dân tộc, tình cảm gắn bó với người dân, đất nước của thế hệ trẻ thời kỳ chống Mỹ.

- Đoạn thơ trên đã thể hiện rõ quan niệm “Đất Nước của nhân dân”- tư tưởng chủ đạo, tạo nên cảm hứng bao trùm, mở ra những khám phá sâu và mới của nhà thơ về Đất Nước ngay cả ở những chỗ đã rất quen thuộc.

- Quan niệm ấy thực ra đã có ngọn nguồn từ trong dòng tư tưởng và văn chương truyền thống của dân tộc ta. Nhưng đến thời hiện đại, tư tưởng ấy lại càng trở nên sâu sắc và được thể hiện phong phú trong thơ ca.

Câu 6 (5 điểm): Cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ sau:

Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng....

Đi trả thù mà không sợ dài lâu

Hướng dẫn:

*** Qua đoạn thơ tác giả đã biểu dương, ngợi ca vai trò của lịch sử, sức mạnh lớn lao kì diệu của nhân dân trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước**

- Trong sự nghiệp dựng nước, nhân dân là người kiến tạo và bảo tồn những giá trị văn hoá tinh thần, truyền thống của dân tộc:

~ Cách dung từ họ: đại từ xưng hô số nhiều chỉ nhân dân- những con người bé nhỏ, bình thường thuộc đám đông trong xã hội, chứ không phải là các cá nhân anh hùng

~ Hệ thống các từ: giữ, truyền, gánh, đắp, be, dạy... được sử dụng đan dày trong đoạn thơ ghi nhận sự đóng góp lớn lao của nhân dân đối với sự nghiệp kiến quốc. Nhân dân, bằng những việc làm cụ thể, bé nhỏ, rất đời bình dị mà thiết thực, ý nghĩa đã làm nên Đất Nước.

~ Các hình ảnh gắn với chuỗi động từ này: *hạt lúa, lửa, giọng nói, tên xã, tên làng, đập, bờ...* một mặt tiếp tục thể hiện sự khám phá mới mẻ, độc đáo của nhà thơ về Đất Nước trong bề rộng không gian địa lí và tầng sâu của những truyền thống văn hoá, tạo nên sự thống nhất trong cách thể hiện Đất Nước ở toàn bộ chương V; mặt khác còn khẳng định nhân dân chính là lực lượng đông đảo vừa kiến tạo bảo tồn. lưu giữ truyền thống giàu tình nghĩa, giàu tình yêu thương, cần cù lao động- đó là những giá trị văn hoá tinh thần cao quý của Đất Nước.



Học văn – văn học

- Trong cuộc đấu tranh giữ nước cũng chính là nhân dân chứ không ai khác viết lên trang sử bi tráng. Nhân dân, những con người “có ngoại xâm thì chống ngoại xâm/ có nội thù thì vùng lên đánh bại” khẳng định đầy tự hào và sức mạnh lớn lao của nhân dân chống thù trong, giặc ngoài. Chính nhân dân đã hun đúc nên truyền thống kiên cường, bất khuất.

* *Để chuyển tải tư tưởng Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại, người viết đã tìm đến nguồn chất liệu dồi dào và vô cùng thích hợp: nguồn chất liệu văn hóa, văn học dân gian.*

- Đoạn thơ có sự đan dệt của những ca dao, tục ngữ, hàng loạt truyện cổ và vô vàn những tập quán, phong tục một cách sang tạo. Người viết có khi chỉ trích nguyên văn một câu ca dao: yêu em từ thuở trong nôi, song phần lớn chỉ sử dụng ý, hình ảnh ca dao: *Biết quý công cầm vàng những ngày lặn lội; biết trông tre đợi ngày thành gậy/ Đi trả thù mà không sợ dài lâu.*

- Với thể thơ tự do, vận dụng linh hoạt, nhuần nhuyễn, sang tạo chất liệu văn hoá, văn học dân gian; giọng điệu thơ có sự kết hợp giữa chính luận và trữ tình, suy tưởng và cảm xúc, đoạn thơ đã thể hiện được những nét riêng, độc đáo của Nguyễn Khoa Điềm khi biểu dương tôn vinh vai trò lịch sử, sức mạnh kì diệu của nhân dân trong suốt trường kì lịch sử.

MỘT SỐ ĐỀ BÌNH LUẬN:

Bàn về chương “*Đất nước*” trích từ “*Mặt đường khát vọng*” của Nguyễn Khoa Điềm, có ý kiến cho rằng:

Tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại” là tư tưởng chủ đạo, chi phối cả nội dung và hình thức chương V của bản trường ca này.

Từ cảm nhận của mình về đoạn trích “*Đất nước*”, anh/chị hãy bình luận về ý kiến trên.

1.

Giới thiệu

tác giả, tác phẩm:

Nguyễn Khoa Điềm là một nhà thơ tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ thời chống Mỹ cứu nước. Thơ NKĐ giàu chất suy tư, cảm xúc lắng đọng. Đất nước nhân dân là một nguồn cảm hứng phong phú của thơ ông.

Trích dẫn ý kiến : *Tư tưởng “Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca dao thần thoại” là tư tưởng chủ đạo, chi phối cả nội dung và hình thức chương V của bản trường ca Mặt đường khát vọng của Nguyễn Khoa Điềm*

2. Giải thích ý kiến: - “*Đất Nước của Nhân dân*”: nhằm đề cao vai trò to lớn của nhân dân- người kiến tạo dựng xây, bảo vệ đất nước. Nhân dân chính là chủ thể của đất nước để “*Đất Nước này là Đất Nước của nhân dân*”.

- “*Ca dao thần thoại*” là 2 thể loại tiêu biểu, đặc trưng nhất trong kho tàng văn học dân gian, kết tinh lưu giữ vẻ đẹp tâm hồn dân tộc, gợi mở một thế giới bay bổng lãng mạn huyền thoại. Tác giả của “*ca dao thần thoại*” chính là nhân dân. Khi nói “*Đất Nước của ca dao thần thoại*” là tác giả muốn khẳng định: Đất Nước của Nhân dân còn là đất nước của văn hóaDG



Học văn – văn học

-> Ý kiến trên muốn khẳng định: Nhân dân là chủ thể của Đất Nước và NKĐ đã sử dụng chính chất liệu của văn hoá văn học dân gian đó để thể hiện ý tưởng độc đáo mới mẻ của mình khi cảm nhận về đất nước

. Tư tưởng ĐN của ND, ĐN của ca dao thần thoại thấm nhuần trong nội dung của đoạn trích:

- Tư tưởng “Đất nước của nhân dân” được nhà thơ thể hiện cụ thể sinh động và được triển khai trên nhiều bình diện: trong “*thời gian đằng đẵng*”, trong “*không gian mênh mông*” và từ bề dày truyền thống văn hoá, phong tục, tâm hồn và tính cách dân tộc, để rồi tác giả đi cắt nghĩa cho câu hỏi ai làm nên đất nước và đó chính là nhân dân.

- Nhân dân đặt tên cho các danh thắng, tên đất, tên làng để rồi nhân dân thả hồn vào sông núi. Tác gia liệt kê một loạt các danh thắng từ Bắc vào Nam đều trong sự gắn bó với nhân dân biết bao thế hệ. Sau mỗi hình thể của sông núi là hình ảnh của cuộc đời, là ước nguyện của nhân dân: núi Vọng Phu, hòn Trống Mái, núi Bút non Nghiên...

- Nhân dân làm nên lịch sử bốn nghìn năm. Nhân dân chính những người dân bình dị sinh ra lớn lên, lao động và chiến đấu, “*khi có giặc người con trai ra trận*”, “*người con gái trở về nuôi cái cùng con*”, “*giặc đến nhà đàn bà cũng đánh*”... Họ là những anh hùng vô danh không ai nhớ mặt đặt tên, sống “*giản dị*” chết “*bình tâm*”, hi sinh thầm lặng cho đất nước.

- Nhân dân là chủ thể sáng tạo ra văn hóa để truyền lại cho thế hệ mai sau bao gồm các giá trị tinh thần và vật chất của đất nước từ hạt lúa ngọn lửa tiếng nói, tên xã tên làng, đến những truyền thần thoại, câu ca dao, tục ngữ. Nhân dân là anh hùng văn hóa đã làm nên đất nước.

4. Tư tưởng đất nước của nhân dân thấm nhuần trong hình thức thể hiện

Chất liệu của “*ca dao thần thoại*” được NKĐ sử dụng một cách đậm đặc, sáng tạo và vô cùng hiệu quả khi nói về nhân dân- chủ thể đất nước. Cả đoạn trích “*Đất nước*” như được bao bọc bởi không khí của văn hoá dân gian. Cách sử dụng cũng rất linh hoạt, sáng tạo, tác giả thường gọi ra bằng một vài chữ của câu ca dao, hay 1 hình ảnh, 1 chi tiết trong truyền thuyết cổ tích, khi trích dẫn nguyên văn, khi tái tạo trong một cảm xúc mới:

+ Vốn ca dao dân ca, tục ngữ được tác giả vận dụng bằng cách gọi ra bằng một vài chữ của câu ca, cũng có khi dẫn ra cả câu(“*cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn*”, “*con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc*”, “*yêu em từ thuở trong nôi*”,...)

+ Thần thoại, truyền thuyết, cổ tích từ xa xưa: *truyền thuyết về Hùng Vương, truyện cổ Trầu cau, Sự tích hòn Vọng Phu, hòn Trống Mái*...

+ Phong tục tập quán, lối sống, vật dụng dân gian như: *miếng trầu; bới tóc sau đầu; cái kèo cái cột; hạt gạo xay, giã, dần, sàng, hòn than, con cúi*,...

- Hiệu quả:

+ Tạo nên 1 không gian nghệ thuật rất riêng vừa bình dị gần gũi hiện thực vừa bay bổng lãng mạn huyền thoại giàu chất thơ gọi lên được hồn thiêng của non sông, đất nước.

+ Giúp nhà thơ thể hiện thành công ý tưởng Đất nước của nhân dân một cách thuyết phục bởi đã dùng chính chất liệu của nhân dân để nói về nhân dân.

Bình luận

- Ý kiến trên đúng đắn sâu sắc. Tư tưởng “*Đất Nước của Nhân dân, Đất Nước của ca*



Học văn – văn học

dao thần thoại” là tư tưởng chủ đạo, chi phối cả nội dung và hình thức chương V của bản trường ca.

+ Đúng vì trong quan niệm, nhận thức và cảm xúc đều thấm nhuần tư tưởng nhân dân làm nên đất nước-nhân dân không phải ai khác mà là những người vô danh đã kiến tạo bảo vệ, giữ gìn đất nước, đã dựng xây nên những truyền thống văn hoá, lịch sử ngàn đời của dân tộc; trong hình thức thể hiện như hình tượng đến chi tiết đều thấm nhuần chất dân gian.

+ Tư tưởng này vô cùng sâu sắc mới mẻ, độc đáo: văn học trung đại quan niệm **đất nước là của nhà vua**, văn học hiện đại có ý tưởng đề cao vai trò của nhân dân nhưng chưa được nâng lên thành cảm hứng nghệ thuật và được lí giải 1 cách toàn diện cặn kẽ từ nhiều bình diện trong sự gắn bó với nhân dân như NKĐ ở chương **“Đất nước”** này.

- Ý kiến trên cô đúc được cả cảm hứng chủ đạo và đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích **“Đất nước”**. Ý kiến trên giúp người đọc nhận thức sâu sắc những đóng góp độc đáo mới mẻ của NKĐ khi cảm nhận về đất nước, thấm thía hơn về ý tưởng “Đất Nước của Nhân dân”

- Với đương thời: thức tỉnh thế hệ trẻ thời đại đánh Mỹ, nhận thức rõ về đất nước nhân dân để rồi có trách nhiệm với đất nước, đứng dậy đấu tranh giành độc lập tự do.

- Với hôm nay: nhắc nhở thế hệ trẻ cần biết trân trọng giá trị truyền thống, phát huy giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, có trách nhiệm với đất nước trong thời đại mới

ĐỀ KẾT HỢP NLVH – NLXH: Tham khảo đề - đáp án đề thi TN 2014 - giành cho thí sinh GDTX

Đề: Cảm nhận của anh/ chị về đoạn thơ *“Trong anh và em hôm nay....làm nên Đất Nước muôn đời”* (trích chương V- trường ca *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm). Từ đó phát biểu suy nghĩ về lòng yêu nước của tuổi trẻ VN trong thời đại mới

Gợi ý:

MB: Giới thiệu tác giả, tác phẩm đoạn thơ, vấn đề

TB: gồm 2 phần

+ Phần 1: cảm thụ đoạn thơ về cả 2 mặt nội dung và nghệ thuật

Vị trí, nội dung cảm xúc chủ đạo, khái quát đặc điểm đoạn thơ

Cảm thụ chi tiết : khai thác hệ thống ngôn từ, hình ảnh, chi tiết thơ, hình tượng đất nước để làm rõ:

+ Suy ngẫm của NKĐ về mối quan hệ giữa cá nhân với Đất nước.

+ Suy ngẫm về vai trò nhiệm vụ của mỗi con người với ĐN

Đánh giá:

+ Nghệ thuật: Những câu thơ theo lối suy tưởng, mệnh lệnh thức nhưng không rơi vào hô khẩu hiệu, khô khan trái lại thấm đẫm cảm xúc (em ơi em...), cảm giác, hình ảnh sinh động(vện tròn to lớn, hài hòa nồng thắm...)

+ Nội dung: thể hiện tầm cao nhận thức của thế hệ trẻ NKĐ về ĐN, ND về sứ mệnh của thế hệ mình.

Phần 2: Suy ngẫm về lòng yêu nước của thế hệ trẻ thời đại ngày nay.

- Những nhận thức về ĐN, về sứ mệnh với Đất nước của tuổi trẻ ngày nay.

- Những biểu hiện đa dạng, phong phú của lòng yêu nước của tuổi trẻ thời đại ngày nay (lí giải những điểm còn hạn chế)



Học văn – văn học

- Bài học liên hệ nhận thức- hành động của bản thân

Đánh giá: Sức sống, sức lan tỏa tư tưởng, cảm xúc của đoạn thơ, bài thơ. Khẳng định truyền thống yêu nước, tư tưởng ĐN của ND thời đại chống Mỹ cứu nước vẫn được tiếp nối phát huy trong thời đại mới.

Bài 4:

SÓNG (Xuân Quỳnh)

I. Tác giả

- Xuân Quỳnh có cuộc đời bất hạnh, luôn khát khao tình yêu, mái ấm gia đình và tình mẫu tử

- Đặc điểm hồn thơ: tiếng nói của người phụ nữ giàu yêu thương, khát khao hạnh phúc đời thường, bình dị, nhiều âu lo, day dứt, trăn trở trong tình yêu.

II. Bài thơ “Sóng”

1. Hoàn cảnh sáng tác

Sóng được sáng tác năm 1967 trong chuyến đi công tác vùng biển Diêm Điền. Trước khi *Sóng* ra đời, Xuân Quỳnh đã phải nếm trải những đổ vỡ trong tình yêu. Đây là bài thơ tiêu biểu cho hồn thơ và phong cách thơ Xuân Quỳnh. Tác phẩm được in trong tập *Hoa dọc chiến hào* (1968).

2. Âm điệu, nhịp điệu của bài thơ

- Âm điệu bài thơ *Sóng* là âm điệu, của những con sóng ngoài biển khơi, lúc ào ạt, dữ dội lúc nhẹ nhàng, khoan thai. Âm điệu đó được tạo nên bởi: Thể ngũ ngôn với những câu thơ được ngắt nhịp linh hoạt.

- Bài thơ có hai hình tượng là “sóng” và “em” - lúc phân tách, soi chiếu vào nhau, lúc nhập hòa làm một trong một cái tôi trữ tình duy nhất là Xuân Quỳnh.

3. Nội dung

- Khổ 1 :

+ Sóng hiện ra với những đối cực Dữ dội >< Dịu êm; ồn ào>< lặng lẽ như những cung bậc tâm trạng của người phụ nữ khi yêu.

+ Sóng khát khao thoát khỏi giới hạn chật hẹp (sông) để tìm ra “bể” như người phụ nữ khát khao tìm đến những chân trời đích thực của tình yêu.

Khổ 2 :

+ Từ ngàn, triệu năm qua, con sóng vẫn thế như từ ngàn, triệu năm qua, tình yêu vẫn là một khát vọng cháy bỏng trong trái tim con người, nhất là tuổi trẻ.

+ Đó cũng là khát vọng cháy bỏng trong trái tim không bao giờ thôi khát khao yêu đương của nhân vật trữ tình trong bài thơ.

- Khổ 3, 4 :

+ Không thể truy nguyên nguồn gốc của sóng cũng như tình yêu của con người. Đó mãi mãi là bí ẩn diệu kì, là sức hấp dẫn mời gọi của tình yêu. Không thể cắt nghĩa tình yêu và cũng chẳng nên cắt nghĩa tình yêu bởi rất có thể khi ta biết yêu vì lẽ gì thì cũng là lúc tình yêu ra đi.



Học văn – văn học

+ Người phụ nữ, nhân vật em trong bài thơ cũng không thể cắt nghĩa được tình yêu. Một sự bất lực đáng yêu của một trái tim yêu không chỉ đòi hỏi cảm xúc mà còn đòi hỏi nhận thức mãnh liệt.

- Khổ 5 :

+ Con sóng, dù ở trạng thái nào (trong lòng sâu, trên mặt nước, ngày hay đêm), đều thao thức một nỗi niềm “nhớ bờ”. Nỗi nhớ choán cả không gian, thời gian.

+ Tình yêu của người phụ nữ trong bài thơ cũng vậy. Hạt nhân của nó là nỗi nhớ, một nỗi nhớ còn cào, da diết, nỗi nhớ chiếm cả tầng sâu, chiều rộng và trải dài theo thời gian, lúc hiện hữu, khi lắng sâu, lúc ý thức, khi nằm ngoài sự kiểm soát của ý thức.

- Khổ 6, 7

+ Cũng như sóng chỉ có một hướng đích duy nhất là bờ, em chỉ có phương anh làm điểm đến, bất chấp cuộc đời có nhiều trái ngang.

+ Sự thủy chung của sóng với bờ hay cũng chính là sự chung thủy của em với anh. Nếu nỗi nhớ làm thành biểu hiện nồng nàn, sôi nổi của tình yêu thì sự thủy chung lại là phần đầm sâu trong trái tim người phụ nữ.

- Hai khổ cuối 8+9 :

+ Sự sống, tình yêu ở thời đại nào cũng luôn hữu hạn trong tương quan với cái vô thủy, vô chung, vô cùng, vô tận của thiên nhiên, vũ trụ. Trước cái vĩnh hằng của tạo hoá, trước dòng chảy vô hồi, vô hạn của cuộc đời, tình yêu của con người mãi mãi chỉ là “bóng câu qua cửa sổ”. Đó là cảm thức về thời gian. Dường như càng yêu mãnh liệt, càng khát khao gắn bó, con người càng hay nghĩ về thời gian ! Người phụ nữ đang cháy bóng khát khao yêu và được yêu trong Sóng cũng không phải là ngoại lệ.

+ Vậy, chỉ có một cách duy nhất để tình yêu trường tồn với thời gian, để trái tim yêu được đập mãi. Đó là “Làm sao được tan ra - Thành trăm con sóng nhỏ - Giữa biển lớn tình yêu - Để ngàn năm còn vỗ”. Đó là khát vọng được vĩnh cửu hoá tình yêu, được hoà tình yêu của mình vào khối tình chung của nhân loại, như con sóng hoà vào đại dương mênh mông, bất tận.

4. Nghệ thuật

- Nhịp điệu độc đáo, giàu sức liên tưởng: thể thơ năm chữ, cách ngắt nhịp, gieo vần, nối khổ linh hoạt

Giọng điệu tha thiết chân thành, ít nhiều có sự phấp phỏng lo âu.

- Xây dựng hình tượng sóng như một ẩn dụ nghệ thuật về tình yêu của người phụ nữ.

- Kết cấu song hành: sóng và em

5. Chủ đề

Sóng là bài thơ tình đặc sắc. Bài thơ là sự khám phá những khát vọng tình yêu của trái tim người phụ nữ chân thành, giàu khao khát nhưng cũng rất tự nhiên.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. (2 điểm): Nêu hoàn cảnh sáng tác, âm điệu, nhịp điệu của bài thơ. Xem mục II.1,2.

Câu 3. (5 điểm): Hình tượng sóng và em trong bài thơ “Sóng” của XQ. Xem mục II.3,4,5.



Đề : Bình luận 2 ý kiến:

Về tình yêu trong bài thơ **Sóng** (Xuân Quỳnh), có ý kiến cho rằng: *đó là một tình yêu mãnh liệt, táo bạo, cháy bỏng mang hơi thở hiện đại*; ý kiến khác thì khẳng định: *đó là một tình yêu đậm thắm, sâu lắng, thủy chung đậm chất truyền thống*.

Bằng cảm nhận của mình về tình yêu trong bài thơ, hãy bình luận những ý kiến trên.

Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm:

Xuân Quỳnh là gương mặt nổi bật của thế hệ các nhà thơ trẻ trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Mỹ; hồn thơ chân thành, sôi nổi, đậm thắm, đậm chất nữ tính với những khát vọng hạnh phúc bình dị, đời thường

Sóng là bài thơ tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh; thể hiện khát vọng sôi nổi, nồng nàn, sâu lắng của một trái tim phụ nữ đang yêu

Giải thích ý kiến:

- *Đó là một tình yêu mãnh liệt, táo bạo, cháy bỏng mang hơi thở hiện đại*: ý kiến đánh giá về tính chất và biểu hiện của tình yêu được nhà thơ Xuân Quỳnh thể hiện qua bài thơ **Sóng** – những biểu hiện dễ nhận thấy và nổi bật trong bài thơ.

Đó là một tình yêu đậm thắm, sâu lắng, thủy chung đậm chất truyền thống: ý kiến đánh giá bản chất và biểu hiện ở bề sâu của tình yêu trong bài thơ **Sóng** – những biểu hiện không có tính chất nổi bật nhưng lắng sâu. Đó cũng chính là chất nữ tính đậm thắm trong thơ Xuân Quỳnh.

3. Cảm nhận về tình yêu trong bài thơ Sóng

TY mãnh liệt táo bạo cháy bỏng, mang hơi thở hiện đại

+ Đó là tình yêu gắn với việc bộc bạch một cá tính mạnh mẽ, quyết liệt; dám yêu nồng nàn, sôi nổi; dám vượt qua giới hạn chật hẹp để đến với chân trời tình yêu rộng lớn.

Đó là tình yêu gắn với một nỗi nhớ khôn nguôi, ngập tràn cả không gian và thời gian, cả ý thức lẫn tiềm thức.

Đó là tình yêu gắn với khát vọng lớn lao, mạnh mẽ - được vĩnh hằng cùng không gian vô biên, thời gian trường cửu.

- *Tình yêu đậm thắm, sâu lắng, thủy chung đậm chất truyền thống*

+ Đó là tình yêu gắn liền với một niềm tin trong sáng về bến bờ hạnh phúc hứa hẹn cho mọi lứa đôi, niềm tin bất diệt về tình yêu và hạnh phúc.

+ Đó là tình yêu mong cầu cho lứa đôi sự thủy chung, son sắt, hướng đến khát vọng một tình yêu trường cửu, vĩnh viễn.

+ Đó là tình yêu gắn liền với mối lo âu pháp phảng về những trắc trở của cuộc đời và trần trở về sự hữu hạn của kiếp người. Bản chất của mối âu lo ấy đậm chất nữ tính và chất truyền thống.

3. Bình luận: Hai ý kiến trên đều đúng, tuy có nội dung khác nhau, tương chừng đối lập, nhưng thực ra là bổ sung cho nhau, cùng khẳng định vẻ đẹp của tình yêu trong bài thơ **Sóng** của Xuân Quỳnh: đó là sự hòa hợp giữa chất hiện đại và truyền thống, giữa tính chất táo bạo, sôi nổi, cháy bỏng, mãnh liệt với sự trong sáng, thủy chung, đậm thắm, sâu lắng trong tâm hồn người phụ nữ đang yêu. Sự hòa hợp ấy thể hiện trong sự hòa hợp giữa hình



Học văn – văn học

tượng sóng và em; bộc lộ rõ nét hồn thơ, con người và phong cách nghệ thuật thơ Xuân Quỳnh.

- Có được sự hòa hợp ấy là do nhà thơ đã kế thừa được những nét đẹp trong tâm hồn một người phụ nữ truyền thống, đồng thời thể hiện được sự trẻ trung, sôi nổi, mạnh mẽ của một phụ nữ hiện đại trong tình yêu. Bản thân nhà thơ là một người phụ nữ đang yêu, đã trải qua những sóng gió trong tình yêu, cho nên những trải nghiệm tình yêu lắng kết ở bề sâu, tạo nên chất nữ tính đặc sắc trong thơ Xuân Quỳnh.

Bài 5. ĐÀN GHI TA CỦA LORCA (THANH THẢO)

1. Xuất xứ

Bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* rút trong tập *Khởi vuông ru-bích* (1985) là một trong những sáng tác tiêu biểu cho kiểu tư duy thơ của Thanh Thảo : giàu suy tư, phóng túng và ít nhiều nhuốm màu sắc tượng trưng, siêu thực.

2. Ý nghĩa nhan đề, lời đề từ

- Nhan đề

+ Ghi ta không chỉ là nhạc cụ truyền thống của Tây Ban Nha mà còn được coi là biểu tượng cho nền nghệ thuật ở đất nước này

+ Lor-ca là nhà thơ, nhạc sĩ, kịch tác gia nổi tiếng người Tây Ban Nha, người đã khởi xướng và thúc đẩy mạnh mẽ những cách tân trong các lĩnh vực nghệ thuật

¶ *Đàn ghi ta (của Lor-ca)* là biểu tượng cho những cách tân nghệ thuật của người nghệ sĩ thiên tài Ga-xi-a Lor-ca.

- Lời đề từ: “*khi tôi chết hãy chôn tôi với cây đàn*”.

+ Đây là câu nói nổi tiếng của Lor-ca trước khi từ biệt cõi đời. Nó cho thấy một người nghệ sĩ có tình yêu say đắm với nghệ thuật, với xứ sở Tây Ban cầm.

+ Với tư cách là một nhà cách tân nghệ thuật, Lor-ca nghĩ rằng đến một ngày nào đó thơ ca của ông cũng sẽ an nghỉ, ngăn cản sự sáng tạo nghệ thuật của những người đến sau. Vì thế, nhà thơ đã căn dặn các thế hệ sau : hãy “chôn” nghệ thuật của ông (cùng với ông) để bước tiếp.

3. Nội dung bài thơ

3.1 Đoạn 1 (6 dòng đầu): Hình tượng người “kỵ sĩ văn chương” với tiếng đàn ghi ta đơn độc.

- Gọi liên tưởng đến khung cảnh của một đấu trường với những võ sĩ đấu bò tốt nổi tiếng dũng cảm ở Tây Ban Nha.

- Cuộc chiến đấu giữa:

+ Khát vọng dân chủ của công dân Lor-ca với nền chính trị độc tài.

+ Khát vọng cách tân nghệ thuật của người nghệ sĩ với nền nghệ thuật già nua.

“*Những tiếng đàn bọt nước*”(tiếng đàn không chỉ cảm nhận bằng thính giác mà còn bằng thị giác), cùng chuỗi hợp âm *li-la li-la li-la* đã cho thấy nghệ sĩ Lor-ca đang bay bổng với những giai điệu mới, với khát vọng cách tân nghệ thuật. Tiếng đàn bọt nước gợi ra số phận mong manh của người nghệ sĩ.



Học văn – văn học

- Lor-ca đơn độc, một mình tranh đấu bền bỉ cho những khát vọng nghệ thuật cao đẹp.

=> Như vậy, 6 dòng thơ đầu tiên là “khúc tiền tấu” của bản độc tấu ghi ta mang tên Lor-ca. Trong những giai điệu đầu tiên vút lên mạnh mẽ, hào hùng có những khoảnh khắc lắng xuống, day dứt, mong manh.

3.2. Đoạn 2 (12 dòng tiếp): Cái chết bi tráng của Lor-ca và tiếng đàn ghi ta “máu chảy”

- Hình ảnh “áo choàng bê bê đỏ” gợi lên cái chết thê thảm của Lor-ca.

- Cái chết đã ập đến quá nhanh và phũ phàng, giữa lúc Lor-ca không ngờ tới (Chàng vẫn còn đang “*hát nghêu ngao*” và vẫn chưa thể tin được rằng việc mình “*bị điệu về bãi bắn*” lại là một sự thật – Lor-ca đã “*đi như người mộng du*”).

- Tiếng ghi ta không còn vẹn nguyên, nó đã vỡ ra: thành màu sắc (*tiếng ghi ta nâu, tiếng ghi ta lá xanh biếc*); thành hình khối (*tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan*); thành dòng máu chảy (*tiếng ghi ta ròn ròn – máu chảy*).

- Mỗi tiếng ghi ta là một nỗi niềm của con người trước cái chết của Lorca:

+ Sự tiếc thương của người tình thủy chung (*Tiếng ghi ta nâu. Bầu trời cô gái ấy*).

+ Nỗi niềm xót xa, tiếc nuối của con người, của nhà thơ trước hành trình dở dang của những cách tân nghệ thuật (*Tiếng ghi ta lá xanh biếc. Tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan*).

+ Nỗi đau của chúng ta trước cái chết thê thảm của người nghệ sĩ (*Tiếng ghi ta ròn ròn – máu chảy*).

¶ Như vậy, Lor-ca đã phải dừng lại vĩnh viễn trong cuộc chiến đấu cho tự do, công lý và những khát vọng cách tân của người nghệ sĩ cũng theo đó mà như “bọt nước vỡ tan”.

- 4 lần cụm từ “*tiếng ghi ta*” được lặp lại, thể hiện cảm xúc mãnh liệt và cảm nhận đa chiều (mỗi “*tiếng ghi ta*” gắn liền với một hình ảnh) của tác giả về cái chết của Ga-xi-a Lor-ca.

- Thủ pháp chuyển đổi cảm giác tạo nên những cảm nhận rất mới, rất độc đáo, phù hợp với những nỗ lực và khát vọng cách tân của người nghệ sĩ Lor-ca.

3.3 Đoạn 3 (13 dòng tiếp) : Xúc cảm, suy tư về sự ra đi của Lor-ca, tiếng đàn ghi ta bất tử.

- *suy tư về sự sống tiếng đàn*

+ *Tiếng đàn như cỏ mọc hoang*” đồng nghĩa với *nghệ thuật như cỏ mọc hoang* tức là nghệ thuật thiếu vắng những người dẫn đường, vắng bóng người định hướng. Hành trình cách tân nghệ thuật của Lor-ca không có người tiếp tục.

+ “*không ai chôn cất tiếng đàn*” thể hiện một nỗi thất vọng lớn bởi dường như không ai thực sự hiểu Lor-ca, hiểu những suy nghĩ sâu sắc của người nghệ sĩ thiên tài gửi lại cho hậu thế. “*Không ai chôn cất tiếng đàn*” có nghĩa là không ai dám chôn nghệ thuật của Lor-ca.

+ Âm thanh lila vẫn còn vang vọng... tiếng đàn ghita bất tử- Lorca bất tử.

- *Xúc cảm, suy tư trước sự ra đi của Lorca*



Học văn – văn học

+ “Vàng trắng”: vừa là hình ảnh thật vừa là hình ảnh tượng trưng cho nghệ thuật. “Giọt nước mắt” và “đáy giếng” là những hoán dụ nghệ thuật về người nghệ sĩ Lor-ca. Hai câu thơ là nỗi buồn – một nỗi buồn trong sáng và rất đẹp của người nghệ sĩ chân chính luôn day dứt, khắc khoải những giá trị nghệ thuật đích thực và những khát vọng sáng tạo không bao giờ ngừng nghỉ. Hình ảnh của Lor-ca, di sản nghệ thuật của ông, lý tưởng của người nghệ sĩ suốt đời đấu tranh cho nền dân chủ, cho nghệ thuật chân chính không bao giờ lụi tắt. Trái lại, nó càng “long lạnh” hơn bao giờ hết. Vàng trắng của thiên nhiên, vàng trắng của nghệ thuật như đang giao thoa ánh xạ với nhau để soi tỏ một con người đã chết cho quê hương.

+ Cái chết của Lor-ca là một định mệnh đã được báo trước trên đường rãnh của bàn tay. Dòng thơ thể hiện một thái độ chấp nhận định mệnh phũ phàng, chấp nhận sự ra đi của Lor-ca như một quy luật không thể khác.

+ Lor-ca đau đớn khi những khát vọng cách tân của ông không được người đời sau tiếp tục. Nhưng Lor-ca còn đau đớn hơn nếu văn chương của ông, tên tuổi của ông là “lực cản” kìm hãm những nỗ lực sáng tạo của các thế hệ kế tiếp. Chính vì thế mà hình tượng Lor-ca “*boi sang ngang - trên chiếc ghi ta màu bạc*” thật nhẹ nhàng, thanh thản

+ Quyết định từ biệt thế giới mở đường cho những cách tân nghệ thuật của những người đến sau, Lor-ca đã hành động dứt khoát : “*chàng ném lá bùa cô gái Di-gan – vào xoáy nước – chàng ném trái tim mình – vào lặng yên bất chợt*”

=> Lor-ca ra đi thật đẹp, thật “sang”, thật đúng với tâm vóc và tư tưởng của người nghệ sĩ nổi tiếng. Những tiếng *li-la li-la li-la...* một lần nữa lại cất lên như bài ca về sự bất tử của một con người, như bản độc tấu ghi ta ngợi ca người nghệ sĩ chân chính, ngợi ca con người sáng tạo.

4. Nghệ thuật

- Sử dụng thành công những thủ pháp tiêu biểu của thơ siêu thực, đặc biệt là chuỗi hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng
- Thơ giàu chất nhạc, viết trên nền ca khúc, mô phỏng âm thanh ghi ta, những điệp khúc...
- Ngôn ngữ thơ hàm súc, giàu sức gợi.

5. Chủ đề

Qua hình tượng Lor-ca và tiếng đàn ghi ta, tác giả đã diễn tả cái chết bi tráng đột ngột của người nghệ sĩ đấu tranh cho tự do và cách tân nghệ thuật, đồng thời bày tỏ nỗi đau xót sâu sắc và niềm tin mãnh liệt vào sự bất tử của tên tuổi và sự nghiệp Lor-ca.

HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP

Câu 1. (2 điểm): Nêu hoàn cảnh sáng tác, ý nghĩa nhan đề, lời đề từ của bài thơ “Đàn ghi ta của Lor-ca” Xem mục 2.1

Câu 2. (5 điểm): Cảm nhận của anh (chị) về đoạn thơ sau:

*Tây Ban Nha
hát nghêu ngao
....
máu chảy*



xem mục 3.2

Câu 2. (5 điểm): Cảm nhận của anh (chị) về hình tượng Lor-ca trong bài thơ. Xem mục 3

Đề tham khảo bình luận 2 ý kiến:

Về bài thơ *Đàn ghi ta của Lorca*, có ý kiến cho rằng: *bài thơ đã xây dựng thành công hình tượng người nghệ sĩ Lorca*, có ý kiến khác thì khẳng định: *bài thơ là tiếng lòng tri âm của Thanh Thảo với người thầy vĩ đại của mình*.

Từ cảm nhận của mình về hình tượng người nghệ sĩ Lorca trong bài thơ, hãy bình luận những ý kiến trên.

1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm:

Thanh Thảo là gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời kì chống Mỹ cứu nước, là nhà thơ tiêu biểu của thơ ca hiện đại Việt Nam nửa sau thế kỉ XX. Trước 1975, ông có nhiều trường ca nổi tiến; sau 1975 thơ Thanh Thảo có nhiều tìm tòi đổi mới về hình thức thể hiện, ông đặc biệt có cảm hứng với cuộc đời của những con người nổi tiếng nhưng có số phận éo le, trớ trêu, nghiệt ngã.

- *Đàn ghita của Lorca* là bài thơ tiêu biểu của Thanh Thảo sau 1975, với nhiều tìm tòi đổi mới và cách tân trong hình thức nghệ thuật. Bài thơ in trong tập *Khởi vuông rubic* (1985).

2. Giải thích các ý kiến:

- “*Bài thơ đã xây dựng thành công hình tượng người nghệ sĩ Lorca*”: Ý kiến khẳng định hình tượng trung tâm của bài thơ đã được Thanh Thảo khắc họa thành công, đó là người nghệ sĩ Tây Ban Nha – P.G. Lorca với tài năng vĩ đại và số phận oan khuất.

- “*Bài thơ là tiếng lòng tri âm của Thanh Thảo với người thầy vĩ đại của mình*”: Ý kiến khẳng định bài thơ là cách mà Thanh Thảo bộc lộ niềm ngưỡng mộ, sự thấu hiểu và tri âm sâu sắc với Lorca – người mà Thanh Thảo từng tôn vinh là “người thầy vĩ đại” của mình

3. Phân tích- chứng minh:

a. “*Bài thơ đã xây dựng thành công hình tượng người nghệ sĩ Lorca*”

- Lorca – người nghệ sĩ tự do và cô đơn: hình ảnh người nghệ sĩ Lorca được xây dựng trên phong nền văn hóa đặc trưng của đất nước Tây Ban Nha với âm thanh tiếng đàn ghita, loài hoa tử đinh hương thơm ngát, những trận đấu bò tót dữ dội và kiêu hùng, văn hóa gốc du mục của những con người yêu tự do ... nhưng vẫn hết sức cô đơn (vàng trắng chênh choáng, yên ngựa mỗi mòn, đi lang thang về miền đơn độc...).

- Lorca – người nghệ sĩ có số phận oan khuất: hình ảnh Lorca trong giây phút bị điệu về bãi bắn tựa như một du ca của thảo nguyên Gredana bát ngát, đồng thời cũng kinh hoàng khi cái chết ập đến quá bất ngờ và oan ức. Trong giây phút bi phẫn nhất cuộc đời, người nghệ sĩ vẫn gắn với cây đàn ghita – vật bất li thân với những âm thanh tiếng đàn kết đọng thành hình, thành sắc, thành khối, rồi vỡ òa ra trong rùng rùng máu chảy. Đó là nỗi oan khuất cũng như sự bi đát trong số phận người nghệ sĩ Lorca.

- Lorca – người nghệ sĩ bất tử cùng với nền nghệ thuật của mình: tiếng đàn được so sánh như *cỏ mọc hoang* và không ai có thể chôn cất nó cũng như nền nghệ thuật của Lorca. Lorca bơi qua dòng sông định mệnh trên chiếc ghita màu bạc trong tưởng tượng của Thanh Thảo, thực chất là đi vào cõi bất tử

b. Bài thơ là tiếng lòng tri âm của Thanh Thảo với người thầy vĩ đại của mình.



Học văn – văn học

- Tiếng nói thấu hiểu, cảm thông, xót thương cho người nghệ sĩ tài năng có số phận oan khuất.

- Tiếng nói cảm phục, ngợi ca trước tài năng, bản lĩnh phi thường, những sáng tạo nghệ thuật vĩ đại của Lorca.

- Tiếng nói khẳng định sức sống bất diệt của Lorca và nền nghệ thuật của ông

c. Nghệ thuật:

Thể thơ tự do, không dấu ngắt câu, không viết hoa đầu dòng đã tạo cho bài thơ có hình thức một bản đàn với khúc dạo đầu, khúc hòa tấu, khúc ca trào và khúc vĩ thanh.

- Dấu ấn thơ tượng trưng, siêu thực trong ngôn ngữ và hình ảnh thể hiện những tìm tòi, đổi mới trong thơ của Thanh Thảo sau 1975.

- Sử dụng thành công nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác với trường liên tưởng rộng, phóng túng

4. Bình luận:

- Hai ý kiến đề cập đến những phương diện nội dung khác nhau của bài thơ Đàn ghita của Lorca. Ý kiến thứ nhất đề cập đến hình tượng trung tâm của bài thơ là người nghệ sĩ Lorca. Ý kiến thứ hai đề cập đến hình tượng tác giả trong bài thơ và tiếng nói tri âm đối với Lorca của Th Thảo.

- Hai ý kiến trên tưởng chừng đối lập nhưng lại thống nhất, bổ sung cho nhau tạo nên giá trị nội dung, tư tưởng của bài thơ Đàn ghita của Lorca, thể hiện tài năng và tấm lòng của nhà thơ Thanh Thảo

Đề : Cảm nhận hình tượng tiếng đàn trong bài thơ “ Đàn ghi ta của Lorca” của Thanh Thảo

Hướng dẫn:

- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm và hình tượng tiếng đàn.

- Hình tượng tiếng đàn là hình tượng trung tâm, xuyên suốt bài thơ, được xây dựng độc đáo, công phu, sáng tạo, ít nhiều nhuốm màu sắc tượng trưng, siêu thực.

- Tác giả không trực tiếp miêu tả âm thanh tiếng đàn mà tập trung miêu tả thế giới của tưởng tượng và cảm xúc mà tiếng đàn ấy gợi lên. Dường như trong quan niệm của Thanh Thảo, tiếng đàn là âm thanh tiếng lòng của Lorca, phản chiếu cuộc sống và tâm hồn của Lorca.

- Hệ thống hình ảnh mà Thanh Thảo sử dụng để gợi ra tiếng đàn ghi ta của Lorca là những hình ảnh có khả năng gợi mở một bức tranh cuộc sống muôn màu muôn vẻ mà cũng có sức ám ảnh lạ lùng.

=> Nói về tiếng đàn mà dùng những từ không miêu tả trực tiếp âm thanh: "nâu", "tròn", "vỡ tan" và bằng những hình ảnh thoát nhìn không có mối liên hệ gì với nhau "bọt nước", "bầu trời cô gái ấy", "lá xanh biếc mấy", "bọt nước vỡ tan", "ròng ròng máu chảy", "cỏ mọc hoang" tạo nên sự giao thoa lạ lùng mà đầy gợi cảm giữa âm thanh và hình ảnh.

- Đây là cách hình tượng hóa tiếng đàn theo kiểu siêu thực. Nhà thơ cảm nhận tiếng đàn qua những giác quan khác nhau, điều này tạo nên một dòng cảm xúc kì lạ, sống động, bỏng cháy trong lòng người đọc. Những hình ảnh vừa gợi nỗi niềm tha thiết vừa



Học văn – văn học

gợi sự mát mát, đồ võ... Hình tượng thơ âm vang thể hiện niềm xót thương và nỗi đau của nhà thơ trước cái chết của một nghệ sĩ tài hoa và trước sự mong manh của nghệ thuật

- Ý nghĩa tượng trưng:

+ Tiếng đàn tượng trưng cho chính Lorca, một nhà thơ lớn, một nghệ sĩ lớn, một tài năng và một nhân cách lớn.

+ Tiếng đàn là bất tử, nghệ thuật là bất tử và hình ảnh người nghệ sĩ Lorca sẽ sống mãi với thời gian.

Nghệ thuật:

+ Hình ảnh tượng trưng, nhuộm màu sắc siêu thực.

+ Giàu nhạc điệu, mang dáng dấp của một ca khúc: hiện tượng cườm nhạc vào thơ.

+ Ngôn từ mới mẻ, giàu sức gợi.

